

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phú Yên, tháng 5 - 2024

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phú Yên, tháng 5 - 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	04
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	12
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	13
1.1. Đặt vấn đề.....	13
1.2. Tổng quan chung.....	16
1.2.1. Tổng quan về Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.....	16
1.2.2. Tổng quan về Khoa Kinh tế & Quản lý Xây dựng.....	21
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	26
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	26
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.....	26
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu riêng biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.....	29
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....	31
1. Mô tả hiện trạng.....	31
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	33
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....	34
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....	35
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....	37
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	39
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....	39
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.....	41
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	43
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	45
Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....	46

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	49
Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học	51
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	55
Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học (NH) được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	56
Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH	58
Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	60
Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập	64
Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	66
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	68
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	69
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV/NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	72
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	76
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá	79
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	81
Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	84
Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	87

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	91
Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	91
Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	99
Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.	102
Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	105
Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	108
Tiêu chuẩn 8. Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học	113
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật	113
- Tiếp tục công bố công khai các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được thêm nhiều hình thức đa dạng, phong phú khác....;	116
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá	117
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	119
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.	122
Tiêu chí: 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH	126
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	130
Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	130
Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	133

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	135
Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	137
Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	140
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	143
Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học	143
Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến	145
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.	148
Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học	150
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	153
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến	155
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	157
Tiêu chí: 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	158
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	160
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	162
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	165
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	167
PHẦN III. KẾT LUẬN	171
3.1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Kế toán	171
3.1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	171

3.1.2. Về bản mô tả CTĐT	171
3.1.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	172
3.1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	172
3.1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học	173
3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	173
3.1.7. Về đội ngũ nhân viên	174
3.1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học	176
3.1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	177
3.1.10. Về nâng cao chất lượng.....	178
3.1.11. Về kết quả đầu ra.....	179
3.2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT	180
3.2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	180
3.2.2. Về bản mô tả CTĐT	180
3.2.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	180
3.2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	181
3.2.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học	181
3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	182
3.2.7. Về đội ngũ nhân viên	183
3.2.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học	183
3.2.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	184
3.2.10. Về nâng cao chất lượng.....	184
3.2.11. Về kết quả đầu ra.....	185
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	186
3.3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	186
3.3.2. Về bản mô tả CTĐT	187
3.3.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	187
3.3.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	187
3.3.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học	188
3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	189
3.3.7. Về đội ngũ nhân viên	190
3.3.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học	190
3.3.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	191
3.3.10. Về nâng cao chất lượng.....	191
3.3.11. Về kết quả đầu ra.....	193

3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016	193
PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	197
I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục.....	197
II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo	197
12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)	197
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:	197
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Kinh tế	197
15. Tên CTĐT	197
16. Mã CTĐT: 7040301	197
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):	198
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 5 nhà Hiệu bộ, số 195 Hà Huy Tập, Bình Kiến, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	198
19. Số điện thoại liên hệ:	198
20. E-mail:khoakinhtevaquanlyxaydung@muce.edu.vn	198
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): Năm 2001: Bộ môn Kinh tế; Năm 2003: Khoa Kinh tế; Năm 2018: Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng.	198
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): Năm 2018	198
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): Năm 2022	198
III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo	198
24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).	198
25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.	200
26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT. (Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).	201
27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT	202
28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)	202
29. Tổng số các ngành đào tạo: 07	203
IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo	203

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT	203
31. Thống kê, phân loại giảng viên	203
32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).	204
33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):	205
34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu	206
V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo).....	206
35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.	206
36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.	206
37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:	207
38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:	207
39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học	208
40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:	208
41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:	209
VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	211
42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:	211
43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:	212
44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:	212
45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:	213
46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:	213

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:	213
48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:	214
49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:	214
50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:	215
51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp	215
52. Nghiên cứu khoa học của người học	215
VII. Cơ sở vật chất, thư viện	216
53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: 180.060 m ²	216
54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 363 m ²	216
55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m ²):	216
56. Diện tích phòng học (tính bằng m ²)	216
57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 445 đầu sách; 13.366 bản.	216
58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:	216
VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng	216
2. Người học:	216
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:	217
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:	217
6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:	217
7. Cơ sở vật chất: Phòng Hành chính – Quản trị viết.	217

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CĐR	: Chuẩn đầu ra
CSGD	: Cơ sở giáo dục
CSVC	: Cơ sở vật chất
CTDH	: Chương trình dạy học
CTĐT	: Chương trình đào tạo
ĐATN	: Đồ án tốt nghiệp
ĐH	: Đại học
ĐHXDMT	: Đại học Xây dựng Miền Trung
GDDH	: Giáo dục đại học
GS	: Giáo sư
GV	: Giảng viên
GVCV	: Giảng viên cố vấn
KHCN	: Khoa học công nghệ
KH&HTQT	: Khoa học và Hợp tác quốc tế
KLTL	: Khối lượng kiến thức tích lũy
KT	: Kế Toán
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
NCS	: Nghiên cứu sinh
NH	: Người học
PGS	: Phó Giáo sư
SV	: Sinh viên
TBCHK	: Trung bình chung học kỳ
TBCTL	: Trung bình chung tích lũy
TC	: Tín chỉ
THPT	: Trung học phổ thông
TS	: Tiến sĩ

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được thành lập theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng số 3 (tiền thân là Trường Trung học Xây dựng số 6 được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-BXD-TCCB ngày 14 tháng 2 năm 1976 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Xây dựng, được giao nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học, cao đẳng trong lĩnh vực xây dựng và các lĩnh vực kinh tế khác; nghiên cứu khoa học phục vụ cho yêu cầu phát triển đào tạo nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước.

Ngành Kế toán là ngành truyền thống của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, có quá trình phát triển cùng với sự lớn mạnh của Nhà Trường, vì vậy chất lượng CTĐT đóng vai trò quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của ngành Kế toán nói riêng và của Nhà trường nói chung. Với mục tiêu là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực xây dựng phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước, nên Nhà trường đã tự nguyện đăng ký kiểm định và đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Kế toán theo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông qua việc đăng ký kiểm định, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã tiến hành tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Kế toán, từ đó giúp Nhà trường, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng tự rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng CTĐT và đề ra các giải pháp, xây dựng triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT.

Để thực hiện tốt công tác tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán, Ban lãnh đạo Nhà trường đã chỉ đạo sâu sát, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên quan, như: Khoa Xây dựng, các phòng, trung tâm chức năng trong Nhà trường, giảng viên, nhân viên, người học và cựu người học, nhà tuyển dụng trong việc cung cấp số liệu, thông tin, ý kiến phản hồi vừa đảm bảo độ tin cậy vừa mang tính khoa học phục vụ cho hoạt động đánh giá của ngành.

Về cấu trúc và nội dung: Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán được hoàn thiện căn cứ theo những hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đánh giá chất lượng đào tạo trình độ đại học, cụ thể: Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày

14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH; Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD. Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT gồm 04 phần, với các nội dung chính như sau:

- Phần I. Khái quát: Giới thiệu chung về bản tự đánh giá của ngành Kế toán.

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Nội dung tự đánh giá gồm 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí.

+ Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT;

+ Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT;

+ Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học;

+ Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học;

+ Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học;

+ Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên;

+ Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên;

+ Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học;

+ Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị;

+ Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng;

+ Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.

- Phần III. Kết luận: Đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu và phương hướng hành động để khắc phục các điểm tồn tại trong quá trình đào tạo.

- Phần IV. Phụ lục

Cách mã hóa minh chứng: Các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá được mã hóa theo hướng dẫn của Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH. Việc mã hóa thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi 11 ký tự, bao gồm 01 chữ cái, ba dấu chấm và 07 chữ số; cứ 02 chữ số có 01 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

H - viết tắt của “Hộp minh chứng”;

n - số thứ tự của hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến 11);

ab - số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10);

cd - số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10);

ef - số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (minh chứng thứ 1 viết 01, thứ 10 viết 10).

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ 1 của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H8.10.03.12: là MC thứ 12 của tiêu chí 3 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8.

Mục đích của quá trình tự đánh giá: Đây là quá trình giúp Nhà trường nói chung, Khoa Kinh tế & Quản Lý Xây dựng nói riêng tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn

lực và quá trình thực hiện nhằm:

- Đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật xây dựng tại Khoa Kinh tế & Quản lý xây dựng, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành Kế Toán;

- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Quy trình tự đánh giá: được thực hiện theo các bước chính sau

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;

- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;

- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;

- Bước 6: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá;

- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Về phương pháp và công cụ đánh giá: Dựa vào từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT). Đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, Nhà trường đã tiến hành xem xét theo các nội dung sau:

- Mô tả để làm rõ thực trạng của CTĐT ngành Kế toán;

- Phân tích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại;

- Xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại, phát huy điểm mạnh, hoạch định rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng CTĐT;
- Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí và tiêu chuẩn.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Tổng quan về Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng số 3 (tiền thân là Trường Trung học Xây dựng số 6 được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-BXD-TCCB ngày 14 tháng 2 năm 1976 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Sứ mạng của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là trường đại học kỹ thuật đa ngành theo định hướng ứng dụng, có uy tín trong trong lĩnh vực xây dựng, từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN.

Các giá trị cốt lõi: Kế thừa - Phát triển; Năng động – Sáng tạo; Tận tụy - Trách nhiệm; Chia sẻ - Hợp tác.

- Kế thừa – Phát triển: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn tôn trọng và kế thừa các giá trị truyền thống trong quá trình phát triển Nhà trường, đồng thời luôn ưu tiên đầu tư để phát triển mở rộng ngành nghề đào tạo, loại hình đào tạo và trình độ đào tạo. Kế thừa các giá trị truyền thống là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

- Năng động – Sáng tạo: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn khuyến khích sự năng động, sáng tạo, tôn trọng sự khác biệt, đa dạng trong quản trị, giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

- Tận tụy – Trách nhiệm: Sự tận tụy và trách nhiệm là chìa khóa cho mọi thành công, là tiêu chuẩn mà Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn luôn đặt ra và yêu cầu mỗi thành viên của Trường phải hướng đến, đây là yếu tố quyết định để Nhà trường đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

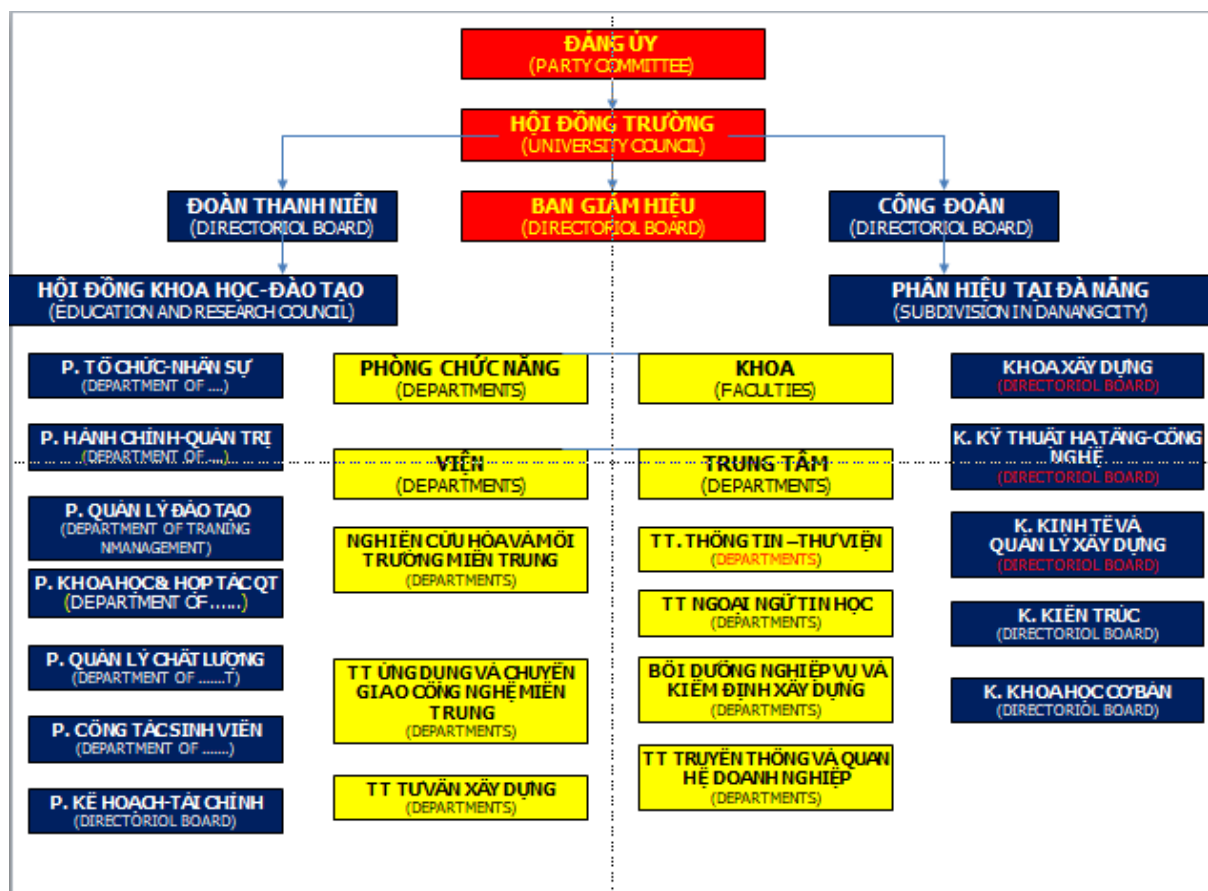
- Chia sẻ - Hợp tác: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn luôn chia sẻ tri thức, kinh nghiệm cho người học, đồng thời luôn coi trọng sự hợp tác với tất cả các

đối tác trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, kết nối cộng đồng.

Để đạt được mục tiêu, tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chính sách chất lượng và các hoạt động đảm bảo chất lượng, cụ thể như sau:

Về cơ cấu tổ chức: Hiện nay, Nhà trường có 07 phòng, 05 khoa, 01 viện, 06 trung tâm trực thuộc và 01 phân hiệu tại thành phố Đà Nẵng.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ORGANIZATIONAL CHART



Về chính sách chất lượng:

- Việc tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục là công tác thường xuyên, quan trọng và đi vào thực chất;

- Chất lượng giáo dục là vấn đề then chốt, là trách nhiệm của cả hệ thống, của các cấp lãnh đạo, tất cả các bộ phận, của mỗi cán bộ viên chức, giảng viên và sinh viên toàn Trường;

- Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện và kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng giáo dục, có những điều chỉnh kịp thời và cần thiết để đảm bảo triển khai thành công các kế hoạch đã đề ra trong chiến lược;

- Xác định ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng là nguồn thông tin quan trọng trong việc cải tiến chất lượng CTĐT, hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động hỗ trợ đào tạo của Nhà trường.

Về nhân lực: tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên của Trường 245 người; trong đó giảng viên cơ hữu 169 người, giảng viên cơ hữu kiêm cán bộ quản lý 34 người và nhân viên 76 người. Phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, Nhà trường hiện có 03 Phó Giáo sư, 36 Tiến sĩ, 124 Thạc sĩ và 6 đại học.

Về đào tạo: Nhà trường hiện có 16 CTĐT trình độ đại học, 01 CTĐT trình độ thạc sĩ.

Về cơ sở vật chất: Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục 180.060 m², diện tích nơi làm việc 10.515 m², diện tích nơi học 20.230 m², diện tích nơi vui chơi giải trí 36.878 m², diện tích phòng học 9.611 m², tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy 7,25 m²/SV, tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện 865 đầu sách với 25.522 bản.

Về nghiên cứu khoa học: Cùng với hoạt động dạy và học, hoạt động NCKH đã góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu Trường. Từ năm 2018 đến nay, Trường đã thực hiện 03 đề tài cấp Nhà nước, 12 đề tài cấp Bộ và tương đương, 130 đề tài cấp trường (bao gồm đề tài trọng điểm, nhiệm vụ biên soạn bài giảng, tài liệu học tập, sáng kiến cải tiến, ngân hàng đề thi), 53 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế (có 17 bài trong hệ thống ISI/Scopus) và hơn 71 bài được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước được tính điểm GS/PGS. Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo cấp quốc gia/quốc tế, như: Hội thảo Khoa học “Những tiến bộ trong Xây dựng và kiến trúc” ACEA 2018, Hội nghị khoa học toàn quốc “Địa chất công trình - Địa kỹ thuật và xây dựng phục vụ phát triển bền vững khu vực miền Trung và Tây Nguyên”, ACEA-VIETGEO 2021, Hội thảo “Di sản & Kiến trúc trong phát triển bền vững đô thị du lịch biển” ngày 21/4/2022 trong chuỗi chương trình Liên hoan Sinh viên Kiến trúc toàn quốc lần thứ XIII từ 20-24/4/2022; Hội nghị khoa học Cơ học Thủy khí toàn quốc lần thứ 26. Thông báo KHCN của Nhà trường đã được đăng ký chỉ số ISSN 2615-9546, dự kiến năm 2024 sẽ xúc tiến nâng cấp thành Tạp chí khoa học của Trường. Số lượng đề tài khoa học do sinh viên thực hiện là 91 đề tài. Nhiều sinh viên đạt giải thưởng quốc tế, quốc gia và trong khu vực, như: giải thiết kế nhà do UNDP tổ chức, giải kiến trúc của Đại học Kitakyushu Nhật Bản, giải Loa Thành, giải Kiến trúc xanh, giải Eureka, giải triển lãm khu vực.

Về hợp tác trong nước và quốc tế:

Trong 5 năm qua, Nhà trường đã thiết lập, xây dựng 37 mối quan hệ hợp tác với nhiều đối tác như Trường Đại học Khoa học ứng dụng Leipzig, Trường Đại học Savannakhet, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ quốc gia Hàn Quốc - Seoul

Tech, Viện Công nghệ quốc gia (thuộc Gifu College), Tổ chức tình nguyện quốc tế Solidarités Jeunesses tại Việt Nam (SJ Việt Nam), Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải (THACO), Công Ty TNHH phần mềm FPT Miền Trung...

Nhà trường đã ký kết 37 biên bản thỏa thuận hợp tác với các đối tác, các trường, doanh nghiệp, tổ chức tại Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, Việt Nam... về hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên sinh viên, phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, chuyên đề, trao đổi thông tin, tài liệu. Hiện nay, Nhà trường duy trì mối quan hệ với 28 đối tác trong và ngoài nước.

+ Về đào tạo quốc tế: Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường tiếp nhận và đào tạo 18 Lưu học sinh Lào. Trong đó, 12 sinh viên nhập học chính thức hệ đại học, cao đẳng vào đợt tháng 9/2016 (có 2 sinh viên hệ đại học, dạng học bổng Hiệp định) với các chuyên ngành Kinh tế Xây dựng, Quản lý Xây dựng, Kế toán, Kỹ thuật Xây dựng, Kiến trúc. Tháng 9-10/2020, Nhà trường tiếp tục tiếp nhận 6 học sinh Lào đến học tập khóa dự bị tiếng Việt. Đến tháng 9/2021, 6 LHS này nhập học chuyên môn. Tính đến tháng 12/2023, Nhà trường đang đào tạo 5 Sinh viên Lào khóa 2021-2026 với các chuyên ngành Xây dựng, Kế toán, Kiến trúc.

+ Về Trao đổi sinh viên/giảng viên: Trong 5 năm qua, Nhà trường và Viện Công nghệ Quốc gia (thuộc Gifu College) đã tổ chức thành công 2 chương trình trao đổi thực tập ngắn hạn dành cho sinh viên của 2 trường. Ngày 8/7/2019 đến 29/7/2019, 02 Sinh viên MUCE có chuyến trao đổi thực tập ngắn hạn tại Viện Công nghệ Quốc gia. Trong thời gian thực tập, các em đã được tham gia nghiên cứu tại Phòng thí nghiệm, học hỏi nhiều kiến thức chuyên môn bổ ích, trải nghiệm và tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, khám phá ẩm thực... Ngày 17/8/2023 đến 7/9/2023, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung tiếp nhận 02 em sinh viên năm 2, chuyên ngành kỹ thuật xây dựng từ Viện Công nghệ Quốc gia, Nhật Bản đến thực tập tại trường.

Bên cạnh đó, Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã tiếp đón 33 đoàn khách nước ngoài đến và làm việc với Nhà trường. Các đoàn đến từ nhiều quốc gia khác nhau như Lào, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Pháp, Đức... Trong 5 năm qua, Nhà trường cũng đã triển khai 8 đoàn ra. Nhà trường tạo điều kiện cho các giảng viên, cán bộ đi học tập, trao đổi kinh nghiệm, làm việc và ký kết các chương trình hợp tác quốc tế; đi tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế như Hội thảo quốc tế “Environmental Sustainability and Disaster prevention, ESDP 2018” tại Nhật Bản; hội thảo quốc tế “Environmental Sustainability, Disaster Prevention and Reduction, and Engineering Education (ESDPR&EE 2019)” tại Nhật Bản ; hội thảo ICBMC 2019 tại Singapore; hội thảo Geo-Congress 2022 tại Mỹ.

Về phục vụ cộng đồng:

Từ năm học 2018-2019 đến nay có khoảng 2000 lượt viên chức và sinh viên tham gia hiến máu nhân đạo. Đội hiến máu dự bị của Đoàn trường đã hiến gần 100 đơn vị máu và luôn sẵn sàng hiến máu cho Bệnh viện Đa khoa và Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Yên để kịp thời cấp cứu bệnh nhân.

Hằng năm, Nhà trường cử viên chức cùng sinh viên tham gia chiến dịch Mùa hè xanh tình nguyện nhằm giúp đỡ những địa phương còn khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, như:

- Năm 2019, thực hiện công trình Nhà Nhân ái với diện tích gần 35m², tổng giá trị công trình là 60 triệu đồng; hỗ trợ thị trấn Phú Hòa thi công công trình bồn hoa thanh niên trên đường dẫn vào UBND thị trấn Phú Hòa với diện tích 250m²; Thực hiện công trình thanh niên vẽ tranh tường tại Trường mầm non thị trấn Phú Hòa với diện tích vẽ hơn 200m², tổng giá trị công trình là 12 triệu đồng; thực hiện công trình thanh niên Thắp sáng đường quê tại thị trấn Phú Hòa với chiều dài thực hiện 500m, giá trị thực hiện công trình là 10 triệu đồng; tổ chức Đội hình trực tiếp sức người bệnh vào các ngày thứ 2 và thứ 6 hàng tuần từ ngày 6/7/2019 đến 1/8/2019, kết quả đã hỗ trợ được hơn 2500 lượt người nhà và bệnh nhân;

- Năm 2020, tổ chức vẽ hơn 60m² tranh tường tại kè chắn sóng khu vực phường Phú Thạnh, kinh phí thực hiện hơn 50 triệu đồng; tổ chức thực hiện công trình thanh niên “Sắc cờ quê hương” đoạn đường 27/7 vào nghĩa trang liệt sĩ tỉnh với kinh phí thực hiện hơn 20 triệu đồng; thực hiện công trình sửa chữa nhà cho Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Ảnh tại xã Hòa Quang Nam, huyện Phú Hòa với tổng giá trị công trình là 40 triệu đồng; thực hiện công trình thanh niên vẽ tranh tường tại Trường mầm non xã Hòa Quang Nam với diện tích vẽ gần 100m² và tổng giá trị công trình là 10 triệu đồng;

- Năm 2021, thành lập 5 đội hình tình nguyện hỗ trợ phòng chống dịch bệnh Covid với các nội dung hỗ trợ: công tác nhập giữ liệu cho sở Y tế tại CDC đường Lý Thái Tổ; hỗ trợ công tác nhập giữ liệu cho CDC đường Trần Hưng Đạo; tham gia hỗ trợ công tác nhập giữ liệu cho CDC tại nhà; phối hợp Thành Đoàn Tuy Hòa thực hiện các nội dung công việc như: làm hơn 5000 mũ chắn giọt bắn để tặng cho lực lượng tuyến đầu chống dịch, tham gia hỗ trợ vận chuyển nhu yếu phẩm đến cho người dân trong vùng cách ly, tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch cho người dân và đoàn viên sinh viên nhà trường;

- Năm 2022, thực hiện công trình sửa chữa nhà nhân ái cho bà Nguyễn Thị Sỹ tại thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa với tổng giá trị công trình hơn 110 triệu đồng;

- Năm 2023 thực hiện công trình khu vui chơi thiếu nhi với 6 dụng cụ trò chơi, tổng trị giá 24,4 triệu đồng, Công trình thắp sáng đường quê tại Thôn Định Trung 3 với chiều dài 500m, tổng kinh phí hơn 22,5 triệu đồng, Công trình vẽ tranh tường tại Trường mầm non xã An Định với hơn 100m² tranh tường có tổng kinh phí là 15 triệu đồng; phối hợp với Huyện Đoàn Tuy An, Đoàn thanh niên và bà con xã An Định thực

hiện công trình Sắc cờ quê hương tại 2 thôn Phong Hanh và Phong Hậu với chiều dài 3,5km, tổng kinh phí cho công trình này là hơn 16 triệu đồng.

Trường cũng tổ chức các chiến dịch Xuân tình nguyện mang niềm vui đến cho các em thiếu nhi vùng sâu, vùng xa bằng những phần quà và các hoạt động văn hóa văn nghệ:

- Năm 2019, tổ chức chiến dịch Xuân tình nguyện năm 2019 tại các xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, xã Hòa Hiệp Nam huyện Đông Hòa và xã Cà Lúi huyện Sơn Hòa với các nội dung thực hiện như: mua tôn sửa lại mái nhà cho cụ Dương Thị Xờ xã Hòa Quang Bắc với tổng diện tích mái gần 35m² trị giá 3.2 triệu đồng; tặng 82 suất quà và học bổng cho các gia đình chính sách, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã Hòa Quang Bắc, xã Hòa Hiệp Nam và xã Cà Lúi với tổng giá trị là 35,9 triệu đồng;

- Năm 2020, tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại các huyện Tuy An, Đồng Xuân, Phú Hòa, với các hoạt động: sửa chữa nhà cho hộ neo đơn, giao lưu văn nghệ, tặng quà và các suất học bổng với tổng giá trị các phần quà là 38 triệu đồng;

- Năm 2021, tổ chức chiến dịch Xuân tình nguyện tại 3 huyện Phú Hòa, Sơn Hòa và Sông Hinh, kết quả đã vận động được 61 triệu đồng để tổ chức chiến dịch và tặng các suất quà, học bổng cho gia đình khó khăn, trẻ em nghèo vượt khó;

- Năm 2023, tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại thị xã Đông Hòa, tặng 70 suất quà và 10 suất học bổng với tổng giá trị 27,5 triệu đồng; Tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Phú Yên, tặng 115 suất quà và 10 suất học bổng với tổng giá trị 10 triệu đồng; Tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại xã Ea Trol huyện Sông Hinh, trao tặng 40 suất quà tết và 10 suất học bổng cho học sinh vượt khó học tốt, tổng kinh phí 15 triệu đồng; Tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại xã Xuân Quang huyện Đồng Xuân, trao tặng 40 suất quà tết, tổng kinh phí 13.5 triệu đồng;

- Năm 2024 tổ chức chương trình Xuân tình nguyện 4 địa điểm: Xã Suối Trai, huyện Sơn Hòa; Xã Ea Bá, huyện Sông Hinh; Xã An Định, huyện Tuy An và Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, kết quả vận động kinh phí tặng quà tết và các suất học bổng cho các em thiếu nhi với tổng kinh phí 109 triệu đồng.

Đảng bộ cùng với viên chức Nhà trường hàng năm thường xuyên đóng góp cho quỹ chất độc da cam, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ xoá đói giảm nghèo, quỹ phòng chống thiên tai,....

1.2.2. Tổng quan về Khoa Kinh tế & Quản lý Xây dựng

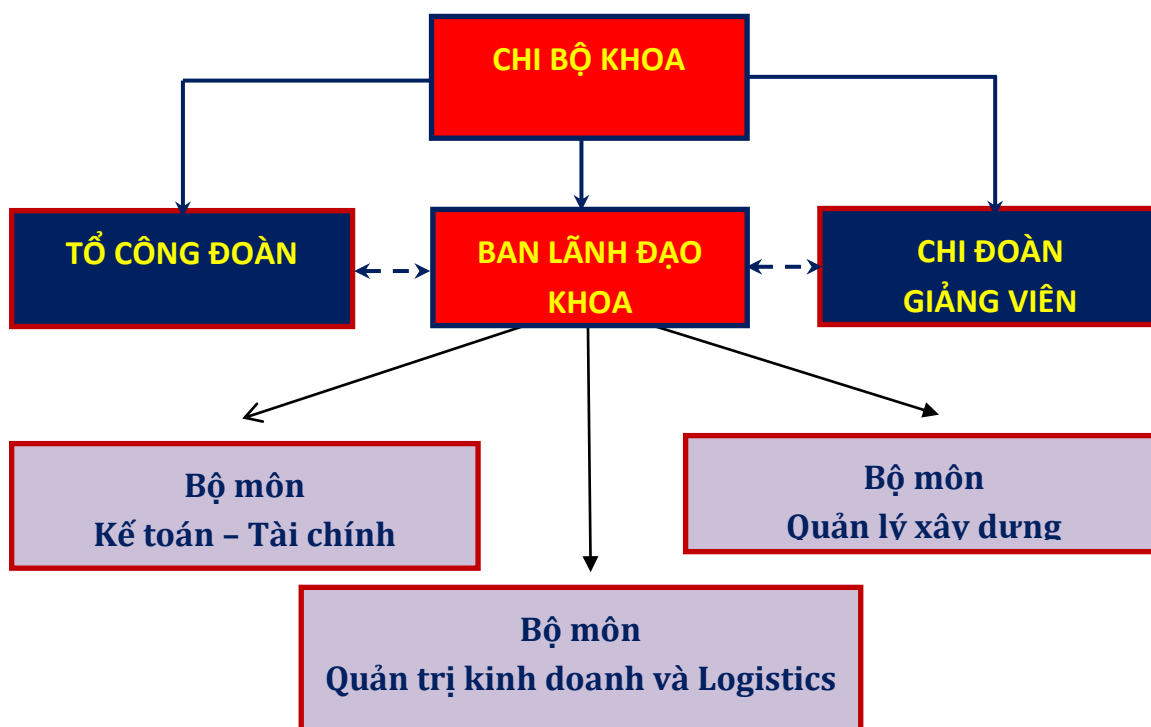
Quá trình hình thành và phát triển: Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng được hình thành và phát triển trên cơ sở Tổ môn Kinh tế thuộc Trường Trung học Xây dựng số 6 với số lượng giáo viên ban đầu là 3 người. Năm 2001 Trường Cao đẳng Xây dựng số 3 được thành lập theo quyết định số 3069/QĐ – BGD&ĐT – TCCĐ ngày 23/5/2001

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổ môn Kinh tế được đổi tên thành Bộ môn Kinh tế. Năm 2003 Khoa Kinh tế được thành lập trên cơ sở Bộ môn Kinh tế. Năm 2018, Khoa Kinh tế được đổi tên thành Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng theo Quyết định số: 294/QĐ-ĐHXDĐT, Ngày 15/6/2018, của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

Quá trình đào tạo: Năm 2003, đào tạo trình độ cao đẳng các ngành nghề: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản lý xây dựng; Từ năm 2014, đào tạo trình độ đại học các ngành Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng; Từ năm 2018, đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán; Từ năm 2021, đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh; Từ năm 2023, đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, ngành Tài chính – Ngân hàng; Năm 2024, đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử. Tính đến tháng 3 năm 2024 Khoa quản lý chuyên môn 7 ngành trình độ đại học. Trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển, số lượng học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp như sau: Trung cấp chuyên nghiệp có 3.346 người; Cử nhân cao đẳng có 2.296 người, kỹ sư và cử nhân trình độ đại học 371 người. Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao (trên 85%).

Về mục tiêu đào tạo: Để triển khai sứ mạng của Nhà trường, Khoa đã xác định mục tiêu là đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng về các lĩnh vực: kinh tế, kế toán, tài chính, quản lý..., phát triển năng lực học tập, nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Trong quá trình hoạt động, Khoa luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Nhà trường. Bên cạnh đó, tập thể giảng viên trong khoa đều yêu nghề, nhiệt tình công tác, luôn đoàn kết gắn bó, cùng giúp đỡ nhau tiến bộ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, có tinh thần tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Phần lớn giảng viên trong Khoa có trình độ chuyên môn sâu, khả năng nghiên cứu khoa học tương đối tốt.

Về cơ cấu tổ chức: Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng gồm có Ban lãnh đạo khoa và 03 Bộ môn trực thuộc. Để tham mưu giúp công việc cho Ban lãnh đạo khoa và các công tác liên quan đến giáo vụ, Khoa được nhà trường bố trí thêm 02 trợ lý giáo vụ khoa, 01 thư ký khoa. Bên cạnh cơ cấu tổ chức về mặt chính quyền, Khoa hiện nay có 01 Chi bộ Đảng, 01 Tổ Công đoàn bộ phận, 01 Chi đoàn giảng viên.



Về nhân lực: Tổng số viên chức của Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng là 22 người, trong đó có 01 Phó Giáo sư, 06 tiến sĩ, 02 nghiên cứu sinh tiến sĩ, 12 thạc sĩ và 01 cử nhân.

Về nghiên cứu khoa học: Hàng năm giảng viên Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Kết quả nghiên cứu đã mang lại hiệu quả tốt trong công tác giảng dạy và học tập, có công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế có giá trị. Đặc biệt, Khoa đã giao nhiệm vụ cho các bộ môn triển khai biên soạn hầu hết các tài liệu giảng dạy các học phần do Khoa quản lý. Bên cạnh đó, cũng đã từng bước xây dựng các ngân hàng đề thi nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo.

Trong giai đoạn 3/2019 – 3/2024, giảng viên Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng đã thực hiện được 98 đề tài và bài báo khoa học (Cụ thể: có 01 đề tài cấp Bộ; 33 đề tài cấp Trường; 06 quyển sách và giáo trình xuất bản; 04 bài Tạp chí khoa học quốc tế; 01 bài hội nghị quốc tế; 01 bài hội nghị trong nước; 16 bài Tạp chí trong nước; 36 bài báo đăng trên Thông báo Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Xây dựng Miền Trung); xây dựng 04 đề án mở mã ngành mới và hướng dẫn sinh viên thực hiện 08 đề tài cấp Trường. Hàng năm tất cả giảng viên đều hoàn thành đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Về chiến lược phát triển:

Từ năm 2024 đến năm 2030, khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, tập trung vào các định hướng và mục tiêu sau:

- Phát triển ngành nghề đào tạo: xây dựng thêm 01 mã ngành mới (ngành Thương mại điện tử), mở rộng các chuyên ngành đào tạo đối với các ngành Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng...

- Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy cho các học phần của chương trình đào tạo, nhất là các ngành mới.

- Các bộ môn chuyên môn tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần của chương trình đào tạo thuộc bộ môn quản lý theo kế hoạch hàng năm.

- Tăng cường các nghiên cứu khoa học ngoài trường: Tăng số lượng bài báo đăng tạp chí trong nước và quốc tế, hướng đến đăng ký đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước.

- Thường xuyên tổ chức seminar học thuật, chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học. Phối hợp với các chuyên gia, các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo khác tổ chức hội nghị, hội thảo trao đổi chuyên môn nghiệp vụ.

- Cử giảng viên đi học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn thuộc các ngành mới mở để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Khuyến khích và động viên giảng viên học tập, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh trong việc giảng dạy một số học phần và hợp tác nghiên cứu.

- Xây dựng các nhóm nghiên cứu giảng dạy, hợp tác nghiên cứu với các nhóm nghiên cứu trong và ngoài nước; hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp trong việc đào tạo, chuyển giao công nghệ, tổ chức các Hội thảo chuyên ngành, đặc biệt là với các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các vùng lân cận.

- Phát triển đội ngũ Tiến sĩ: hiện Khoa đang có 02 nghiên cứu sinh, định hướng cử giảng viên đi nghiên cứu sinh tiến sĩ từ 01 đến 02 người trong 05 năm tới.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Kế toán tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung (ĐHXDMT) được triển khai đào tạo từ năm học 2018 - 2019, đến tháng 3/2024 đã có 2 khóa tốt nghiệp ra trường (tháng 8/2022, tháng 8/2023). Chương trình đào tạo (CTĐT) có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT được xác định cụ thể, chi tiết và bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt để người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Nội dung CĐR, chương trình tổng quát và chương trình đề cương chi tiết được xây dựng một cách thống nhất. Các nội dung của CĐR, CTĐT là sự tổng hợp ý kiến từ các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được cung cấp đến người học thông qua các kênh thông tin như trang Web của Nhà trường, của Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng (KT&QLXD), sổ tay sinh viên (SV) và qua việc giảng dạy các học phần của giảng viên GV. Với sứ mạng “đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước” và tầm nhìn “đến năm 2030, Trường ĐHXDMT là Trường đại học kỹ thuật đa ngành theo định hướng ứng dụng; có uy tín trong lĩnh vực xây dựng; từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN” có thể khẳng định rằng nội dung CTĐT và CĐR hoàn toàn có thể đáp ứng và phù hợp với chức năng cũng như các nguồn lực hiện có của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa KT&QLXD xác định rõ mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán không chỉ cụ thể, rõ ràng mà còn cần phù hợp với mục tiêu của GDĐH được quy định tại Luật GDĐH [H1.01.01.15], Thông tư ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH [H1.01.01.16], phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường ĐHXDMT [H1.01.01.08].

Khoa KT&QLXD xác định mục tiêu của CTĐT căn cứ vào kết quả khảo sát hoặc tổ chức Hội nghị, Hội thảo lấy ý kiến của chuyên gia, nhà tuyển dụng, SV, cựu SV, GV [H1.01.01.06], [H1.01.01.07]. Mục tiêu của CTĐT được công bố rõ ràng bằng văn bản chính thức của Nhà trường [H1.01.01.01], công bố công khai trên website [H1.01.01.03] và sổ tay SV của Trường [H1.01.01.04]. Ngoài ra, mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa qua CDR thông qua Quyết định ban hành [H1.01.01.02], trong CTDH [H1.01.01.05] và công khai trên trang thông tin của Nhà trường [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định gồm mục tiêu chung là: Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, tài chính; nắm vững quy trình công nghệ kế toán, kiểm toán; có khả năng hoạch định chính sách kế toán. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn để trở thành các nhà quản lý, các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán. Chương trình trang bị cho người học kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức chuyên môn vững chắc, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, có khả năng thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành đào tạo. Từ mục tiêu chung đó, mục tiêu cụ thể được xác định gồm các nhóm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

Với các mục tiêu chung và cụ thể đã xác định, có thể thấy mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán là phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHXDMT, đó là “Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước; đến năm 2030, Trường ĐHXDMT là trường đại học kỹ thuật đa ngành theo định hướng ứng dụng, có uy tín trong lĩnh vực xây dựng, từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN”.

Đồng thời, CTĐT ngành Kế toán cũng phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định tại điều 5 của Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018: "Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; Nghiên cứu khoa học, công nghệ, tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc và có ý thức phục vụ nhân dân".

Các nội dung trên đã được xác định rõ trong mục tiêu đào tạo, thể hiện ở bản mô tả CTĐT và bản mô tả các học phần [H1.01.01.11], nội dung đề cương chi tiết các học phần [H1.01.01.13]. Sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường còn được thể hiện trong các đề án phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.09], đề án phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2017- 2021 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.10], các văn bản về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT và CDR [H1.01.01.12], ma trận kỹ năng [H1.01.01.14]. Ngoài ra, mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được quán triệt trong Nghị quyết Đảng bộ Nhà trường [H1.01.01.17] và báo cáo tổng kết hàng năm [H1.01.01.18].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHXDMT, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. Bên cạnh mục tiêu chung là đào tạo cử nhân Kế toán có đạo đức, chuyên môn, có năng lực thực hành nghề nghiệp kế toán, mục tiêu của CTĐT đáp ứng được các yêu cầu năng lực về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT có thay đổi, cập nhật nhưng chưa thực sự theo kịp với các thay đổi, quy định mới về kế toán, cũng như các yêu cầu mới về nghề nghiệp kế toán, trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán sẽ được rà soát và chỉnh sửa (nếu cần thiết) để đảm bảo luôn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHXDMT và Luật GDĐH. Khoa KT&QLXD sẽ tiếp tục chủ động lấy ý kiến đa chiều từ người học, nhà tuyển dụng, các chuyên gia,... để rà soát và điều chỉnh mục tiêu đào tạo sao cho đáp ứng yêu cầu nhân lực của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Khắc phục tồn tại	Rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT	- Đơn vị thực hiện: Khoa KT&QLXD - Đơn vị phối hợp: Phòng QLĐT	3/2025 đến 6/2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu riêng biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành Kế toán được xây dựng bài bản, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường là: đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước; đến năm 2030 Trường ĐHXDMT là Trường đại học kỹ thuật đa ngành theo định hướng ứng dụng, có uy tín trong lĩnh vực xây dựng, từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN [H1.01.01.08].

CĐR là văn bản cụ thể hóa của mục tiêu đào tạo nên được cung cấp rõ ràng và đầy đủ trong văn bản ban hành CTĐT [H1.01.01.01]. gồm CĐR về kiến thức, CĐR về kỹ năng, CĐR về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm. ***CĐR về kiến thức:*** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức cơ sở ngành để nghiên cứu, tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và phục vụ cho việc học tập suốt đời; Vận dụng kiến thức về kế toán vào tổ chức và thực hiện các hoạt động kế toán trong đơn vị; vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán, kiểm soát và tài chính để phân tích đánh giá các hoạt động của đơn vị. ***CĐR về kỹ năng:*** Tổ chức và thực hiện được công tác kế toán tài chính, kế toán quản trị, công tác kiểm soát nội bộ, kiểm tra kế toán; Lập và phân tích được báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam; Phân tích, so sánh và xử lý một cách độc lập các vấn đề về tài chính, kế toán; Sử dụng thành thạo kế toán Excel và phần mềm kế toán doanh nghiệp phục vụ công tác chuyên môn; Giải quyết các bài toán kinh doanh và các tình huống kế toán phát sinh trong thực tế, đồng thời có thể ra quyết định khi cần thiết; Phân tích, so sánh và xử lý một cách độc lập các vấn đề về kế toán, tài chính; Có kỹ năng nhận diện, giải quyết các vấn đề chuyên môn và tư duy phản biện trong hoạt động nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kế toán doanh nghiệp; Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, viết báo cáo, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác; Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương, sử dụng được ngoại ngữ trong công tác chuyên môn; Đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được các phần mềm, công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn. ***CĐR về Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*** Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, xây dựng được kế hoạch, hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động

chuyên môn; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và không ngừng học tập nâng cao trình độ.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán đã được Hiệu trưởng ký ban hành trước khi công khai rộng rãi trên các kênh thông tin [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Các kênh thông tin công khai CĐR hiện nay của CTĐT ngành Kế toán đó là trang thông tin điện tử [H1.01.02.01], sổ tay SV [H1.01.01.04] và tài liệu quảng bá tuyển sinh hàng năm của Nhà trường [H1.01.02.02]. Trước khi tiến hành xây dựng CĐR, CTĐT ngành Kế toán, Khoa KT&QLXD dựa trên Thông tư của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo GDDH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH [H1.01.01.16], kết quả khảo sát và lấy ý kiến về CTĐT của các bên liên quan [H1.01.02.03], [H1.01.01.07]. CĐR đảm bảo cụ thể hóa được kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học sau khi tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai, được thể hiện rõ ràng trong bản mô tả CTĐT [H1.01.01.11], ma trận các kỹ năng [H1.01.01.14], CTDH, CTĐT [H1.01.01.05] và nội dung đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT [H1.01.01.13]. Với mục tiêu hướng đến khách hàng, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, nhà trường thường xuyên thu thập thông tin để kịp thời điều chỉnh, rà soát CĐR của CTĐT. Công tác này được cụ thể hóa thông qua thông báo về việc xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.02.04], các biên bản liên quan đến việc rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.02.05], các quyết định ban hành CĐR và CTĐT của CTĐT ngành Kế toán sau khi điều chỉnh [H1.01.02.06], và các nội dung tương ứng của CTĐT [H1.01.02.07].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành Kế toán Trường ĐHXDMT đảm bảo bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt. Đặc biệt, Khoa KT&QLXD chú trọng xây dựng CĐR bám sát các kiến thức và kỹ năng về hoạt động nghề nghiệp để người học sau tốt nghiệp có thể hành nghề với những vị trí cụ thể và rõ ràng như vị trí kế toán viên, kế toán tổng hợp, kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán... mà nhu cầu xã hội đang cần.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT ngành Kế toán mặc dù được xác định rõ ràng nhưng còn nhiều học phần có CĐR chưa phù hợp với CĐR của ngành học.

4. Kế hoạch hành động

Qua nhận định những điểm mạnh và tồn tại, Khoa KT&QLXD cần tiếp tục xác định rõ CĐR của CTĐT ngành Kế toán cũng như xác định các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trong CĐR của CTĐT

ngành Kế toán tại Trường. Bên cạnh đó, Khoa KT&QLXD cần điều chỉnh CĐR các học phần cho phù hợp với CĐR của ngành Kế toán.

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Khắc phục tồn tại	Cập nhật CĐR ngành Kế toán và điều chỉnh CĐR các học phần cho phù hợp với CĐR ngành	- Đơn vị thực hiện: Khoa KT&QLXD - Đơn vị phối hợp: Phòng QLĐT	3/2025 đến 6/2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành Kế toán được tiến hành rà soát, điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, sự phát triển kinh tế xã hội vùng miền cũng như quy định của Bộ GD&ĐT. Trước khi tiến hành xây dựng CTĐT, Khoa KT&QLXD căn cứ vào các nội dung trong Thông tư của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo GDDH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH [H1.01.01.16]. Từ những quy định này, Khoa KT&QLXD đã tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành Kế toán [H1.01.01.06]. Nội dung của CĐR đã được gửi đến các bên liên quan để lấy ý kiến, bao gồm các chuyên gia, nhà tuyển dụng, các cựu SV, SV năm cuối và các GV Khoa KT&QLXD [H1.01.01.06]. Hội đồng Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và thông qua CĐR của CTĐT ngành Kế toán [H1.01.03.02]. CĐR của CTĐT được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT ngành Kế toán và đề cương học phần nhằm cụ thể hóa các hoạt động có thể đạt được các CĐR đã đề ra [H1.01.01.11].

CĐR của CTĐT ngành Kế toán được rà soát, điều chỉnh vào năm 2019 và 2022. Việc rà soát, điều chỉnh được thực hiện theo thông báo và kế hoạch cụ thể của nhà trường [H1.01.01.12], [H1.01.02.06]. Công tác này được tiến hành trước khi Khoa tổ chức khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT [H1.01.01.06]. Quá trình điều chỉnh, rà soát CĐR của CTĐT cũng được xây dựng từ cấp Khoa, lấy ý kiến đóng góp từ các đơn vị trong trường, ý kiến đơn vị sử dụng lao động [H1.01.01.07] và cuối cùng được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua. Nội dung

CĐR, CTĐT, bản đặc tả cũng như đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành [H1.01.02.06], [H1.01.02.07], [H1.01.01.13].

CĐR của ngành Kế toán được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa KT&QLXD [H1.01.02.01], sổ tay SV [H1.01.01.04], tài liệu quảng bá tuyển sinh [H1.01.02.02].

CĐR, CTĐT, bản đặc tả cũng như đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành [H1.01.02.06], [H1.01.02.07], [H1.01.01.13]. CĐR của ngành Kế toán được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa KT&QLXD [H1.01.02.01], sổ tay SV [H1.01.01.04], tài liệu quảng bá tuyển sinh [H1.01.02.02].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành Kế toán được kịp thời bổ sung, điều chỉnh theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đồng thời, CTĐT ngành Kế toán phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, giảng viên và các cơ sở giáo dục trong nước trong quá trình xây dựng. Vấn đề này được công bố công khai rộng rãi qua website của Trường, Khoa và trong các buổi sinh hoạt lớp đầu năm học cho SV Khoa KT&QLXD.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&QLXD chưa triển khai được việc lấy ý kiến về CĐR của CTĐT ngành Kế toán dành cho SV sau mỗi năm học hoặc khoá học. Đồng thời, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Kế toán còn chưa rộng rãi, đến các đơn vị sử dụng lao động trong cả nước, chưa đa dạng về hình thức.

4. Kế hoạch hành động

Khoa KT&QLXD tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu SV, GV và đơn vị sử dụng lao động về CĐR của CTĐT ngành Kế toán trên hệ thống website, trang facebook của Khoa một cách đều đặn, thường xuyên và rộng rãi hơn. Đồng thời, tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung để CĐR của CTĐT ngành Kế toán được cập nhật và hoàn thiện hơn.

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Khắc phục tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến về CĐR của CTĐT ngành Kế toán	- Đơn vị thực hiện: Khoa KT&QLXD	Thực hiện từ khóa SV Kế toán tốt nghiệp năm	(Khóa D20 – Lớp D20KDC1, 5)

	dành cho SV sau mỗi năm học hoặc khoá học.		2023-2024	
	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Kế toán	- Đơn vị thực hiện: Khoa KT&QLXD	Tổ chức định kỳ 2 năm 1 lần, thực hiện từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu và CĐR của CTĐT là một trong những yếu tố quan trọng, thể hiện bởi một hệ thống các thông số định lượng được. Thông qua mục tiêu và CĐR của CTĐT người học có thể yên tâm lựa chọn ngành nghề, giám sát nội dung CTĐT, chủ động trong học tập, nghiên cứu. Về phía Nhà trường, Khoa KT&QLXD sẽ luôn bám sát nội dung mục tiêu và CTĐT để chủ động trong công tác chuẩn bị nguồn lực, tổ chức, giảng dạy và học tập nhằm đạt được các nội dung đã cam kết. Ngoài ra, mục tiêu và CĐR còn thể hiện sự gắn kết, là cầu nối giữa Nhà trường với nhu cầu đào tạo của xã hội; là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong quá trình vận hành CTĐT, Nhà trường và Khoa KT&QLXD luôn chú trọng đến chất lượng nội dung, đồng thời có tham khảo nội dung CTĐT các trường có uy tín trong nước, ý kiến của các chuyên gia đầu ngành, các đơn vị tuyển dụng, SV và cựu SV. Với mục tiêu “Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng nhằm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên: phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp về lĩnh vực xây dựng; có tư duy và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.” cơ bản đáp ứng và phù hợp với điều kiện hiện nay, đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, một số hạn chế trong việc xây dựng hệ thống đánh giá lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan như ý kiến của các nhà tuyển dụng và các chuyên gia đầu ngành chưa được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán, trình độ đại học của Trường ĐHXDNT được xây dựng trên cơ sở tham khảo từ các trường đại học có uy tín trong nước và được ban

hành lần đầu vào năm 2018, cập nhật theo định hướng ứng dụng năm 2019, chỉnh sửa theo CĐR năm 2022. Trong quá trình vận hành, bản mô tả CTĐT được định kỳ điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp với mục tiêu, CĐR, nhu cầu của xã hội và điều kiện thực tế của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết được công bố công khai, người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán Trường ĐHXDMT được xây dựng theo CĐR, đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định hiện hành [H2.02.01.01], [H1.01.01.16] và được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H1.01.02.01]. Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán [H1.01.01.11], bao gồm các nội dung: Giới thiệu về chương trình đào tạo; Thông tin chung về chương trình đào tạo; Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn; Mục tiêu đào tạo; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Vị trí việc làm sau tốt nghiệp; Đối tượng tuyển sinh; Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; Hệ thống chiến lược dạy học; Hệ thống phương pháp đánh giá; Hệ thống tính điểm.

Tương tự nội dung CĐR của CTĐT, bản mô tả CTĐT cũng được rà soát, điều chỉnh định kỳ nhằm cập nhật những vấn đề mới có liên quan hoặc cập nhật theo nhu cầu của thị trường lao động. Việc rà soát, điều chỉnh được thực hiện theo thông báo và kế hoạch cụ thể của Nhà trường [H2.02.01.02]. Công tác này được tiến hành trước khi Khoa tổ chức khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT [H1.01.02.03]. Ngoài việc tham khảo CTĐT của một số trường đại học uy tín trong nước, Khoa KT&QLXD còn tổ chức họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, và lấy ý kiến người học để nâng cao chất lượng CTĐT [H1.01.01.07]. Điều này giúp CTĐT ngành Kế toán tại Khoa phù hợp hơn nữa với những yêu cầu trong thực tiễn. Cùng với đó, Khoa KT&QLXD thường xuyên tiến hành họp Hội Đồng Khoa nhằm rà soát CTĐT cho phù hợp với thực tiễn ngành Kế toán tại Việt Nam và sự vận động lý thuyết trên thế giới [H1.01.02.05].

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán Trường ĐHXDMT mặc dù đã có điều chỉnh theo định hướng ứng dụng vào năm 2019, điều chỉnh theo CĐR năm 2022, tuy nhiên cần cập nhật định kỳ 2 năm một lần và cập nhật những nội dung mới theo quy định khi các văn bản pháp lý liên quan về Luật kế toán, Chế độ kế toán... được bổ sung hoặc có thay đổi.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được xây dựng bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, thể hiện được sự liên hệ giữa các thông tin quan trọng về ngành Kế toán và được tích hợp những nội dung mới. Qua bản mô tả này, người học và xã hội

hiệu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh việc cập nhật những nội dung mới cần phải có kế hoạch rà soát điều chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể và cập nhật những nội dung mới theo quy định khi các văn bản pháp lý liên quan về Luật kế toán, Chế độ kế toán... được bổ sung hoặc có thay đổi.

4. Kế hoạch hành động

Từ những điểm mạnh và tồn tại, Khoa KT&QLXD Rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn ngành kế toán tại Việt Nam:

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Khắc phục tồn tại	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn ngành kế toán tại Việt Nam	- Đơn vị thực hiện: Khoa KT&QLXD - Đơn vị phối hợp: Phòng QLĐT	3/2025 đến 6/2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương chi tiết học phần là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CDR của học phần, đồng thời cũng là cơ sở để giảng viên và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR chi tiết của từng học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần, Khoa KT&QLXD đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và kế hoạch sửa đổi, cập nhật CTĐT của Trường ĐHXDMT [H1.01.01.13]. Đề cương các học phần thể hiện đầy đủ các thông tin theo mẫu BM.09-QĐ304- 24/8/21-REV:0, gồm: Thông tin chung về học phần; Mô tả tóm tắt học phần; Mục tiêu học phần; CDR học phần; Mối liên hệ giữa CDR học phần với CDR của CTĐT; Nội dung đánh giá học phần; Điều kiện dự thi kết thúc học phần; Kế hoạch giảng dạy và nội dung học phần; Học liệu; và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.

Đề cương phải bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của học phần, phương pháp giảng dạy/học tập để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Từng học phần có số tín chỉ và thời lượng giảng dạy xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do Nhà trường quy định [H2.02.02.01] [H1.01.01.11].. Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần do các bộ môn quản lý học phần đảm nhiệm. Quá trình biên soạn nội dung đề cương các học phần dựa vào CDR của CTĐT [H2.02.02.02], tranh thủ ý kiến của các giảng viên nhiều kinh nghiệm, ý kiến phản hồi của sinh viên trong các buổi tổ chức seminar thông qua đề cương [H2.02.02.03]. Sau đó, toàn bộ nội dung đề cương học phần sẽ được hoàn thiện và có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan thể hiện trách nhiệm trong việc xây dựng [H2.02.01.01]. Toàn bộ nội dung đề cương các học phần sau khi hoàn chỉnh sẽ được tập hợp thành một bộ tương ứng với CTĐT đã được phê duyệt [H2.02.01.01], [H2.02.02.04].

Trong quá trình triển khai đào tạo, Nhà trường có ban hành các thông báo và kế hoạch rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với từng thời điểm [H2.02.01.02]. Thông thường có hai hình thức điều chỉnh đề cương: hình thức điều chỉnh, thay đổi lớn (thay đổi số tín chỉ, số tiết,...) sẽ gắn với đợt điều chỉnh, bổ sung mục tiêu đào tạo, CDR trong CTĐT; hình thức thay đổi nhỏ (không thay đổi về số tín chỉ có thể thay đổi số tiết, một số nội dung giảng dạy, hình thức đánh giá,...). Tất cả các hình thức thay đổi đề cương chi tiết các học phần đều có văn bản, biên bản họp chỉnh sửa từ Bộ môn, Khoa trình Ban giám hiệu xét duyệt [H1.01.01.07] [H2.02.02.06],.

Để sinh viên, các nhà tuyển dụng lao động tiếp cận được nội dung đào tạo ngành Kế toán, đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng các văn bản, trên website của Trường và Khoa KT&QLXD và bắt buộc giảng viên cung cấp cho sinh viên trước khi bắt đầu giảng dạy học phần [H2.02.02.05].

2. Điểm mạnh

100% đề cương các học phần trong CTĐT được trình bày đúng mẫu theo quy định. Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Nhà Trường và đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHXĐMT.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát, điều chỉnh đề cương học phần được thực hiện định kỳ theo thời gian điều chỉnh chương trình đào tạo. Tuy nhiên, trong cách thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ cựu SV và các đơn vị sử dụng lao động về đề cương chi tiết các học phần chưa được thực hiện định kỳ, trên phạm vi rộng và thường xuyên khi có thay đổi.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Khoa KT&KT cần tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá đề cương các học phần một cách bài bản để đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội. Bên cạnh đó, Khoa nên tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ SV, cựu SV và đơn vị sử dụng lao động theo định kỳ và trên phạm vi rộng hơn để có được nhiều thông tin cho việc hoàn chỉnh đề cương chi tiết học phần.

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến phản hồi từ SV, cựu SV và đơn vị sử dụng lao động về nội dung đề cương học phần	- Đơn vị thực hiện: Khoa KT&QLXD - Đơn vị phối hợp: Phòng QLĐT	3/2025 đến 6/2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán của Trường ĐHXDMT được xây dựng đảm bảo chứa đựng các nội dung liên quan đến mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc nội dung chương trình, kế hoạch dạy học, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, các mối liên hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT, mối liên hệ giữa CDR chương trình đào tạo và CDR các học phần, ... Sau khi thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường, Hiệu trưởng ký ban hành bản mô tả CTĐT [H2.02.01.01]. Để người học, đơn vị sử dụng lao động,... tiếp cận được nội dung CTĐT của nhà trường, bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa [H1.01.02.01]. Ngoài ra, các nội dung này còn được cung cấp trong sổ tay sinh viên [H1.01.01.04] để họ có thể tra cứu và chủ động trong việc đăng ký kế hoạch học tập.

Các nội dung của bản mô tả CTĐT sẽ được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết các học phần của CTĐT. Cũng giống như bản mô tả, đề cương chi tiết các học phần [H1.01.01.13] phải được phê duyệt trước khi đưa chương trình vào áp dụng chính thức. Để người học tiếp cận được nội dung các học phần, đề cương chi tiết các học phần được giảng viên cung cấp cho sinh viên trong buổi đầu lên lớp. Bên cạnh đó, nội dung đề cương chi tiết của CTĐT còn được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa [H1.01.02.01] để các đơn vị sử dụng lao động, người học,... dễ dàng tiếp cận.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần luôn được công khai kịp thời cho người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau như thông qua sổ tay SV, công khai trên website của Trường, của Khoa hoặc do GV cung cấp trực tiếp đến SV.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các bên liên quan tiếp cận được bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng nhưng ngoài các phản hồi từ các đợt khảo sát và từ các cuộc họp hội nghị với các bên liên quan, Khoa KT&QLXD chưa nhận được phản hồi thường xuyên về chất lượng CTĐT cũng như đề cương chi tiết học phần ngành Kế toán. Điều này làm ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng của công tác rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành Kế toán.

4. Kế hoạch hành động

100% đề cương học phần được công bố thông qua các cuộc họp và chương trình dạy học được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Trong năm học 2025-2026, Khoa sẽ tiếp tục công bố đề cương chi tiết các học phần trên trang website.

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Khắc phục tồn tại	Công bố đề cương chi tiết các học phần trên trang website	- Đơn vị thực hiện: Khoa KT&QLXD - Đơn vị phối hợp: Phòng QLĐT; Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp	Từ tháng 8/2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Các thông tin trong bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kế toán, trình độ đại học được công bố công khai, rõ ràng trên các kênh thông tin liên quan, đảm bảo người học, phụ huynh, nhà tuyển dụng hoàn toàn có thể tiếp cận và tham chiếu. Các nội dung của bản mô tả CTĐT thể hiện rõ mục tiêu, CĐR, các ma trận liên quan giữa CĐR của CTĐT với CĐR học phần, ma trận liên quan giữa CĐR với các phương pháp giảng dạy, đánh giá,... và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của chương trình. Đề cương chi tiết các học phần được chuẩn hóa theo quy định của của Nhà trường. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần; cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá,... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, công khai trên các kênh thông tin để SV, phụ huynh, nhà tuyển dụng có thể chủ động trong học tập, lựa chọn và tham khảo. Bản mô tả CTĐT tạo thường xuyên được điều

chỉnh, cập nhật đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu xã hội và điều kiện thực tế của Nhà trường về lĩnh vực kinh tế. Quá trình điều chỉnh, cập nhật các nội dung của bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần luôn được Khoa quan tâm và tiếp nhận các thông tin, ý kiến đóng góp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường, Hội đồng khoa học của Khoa KT&QLXD, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà khoa học. Mặc dù có nhiều nỗ lực nhằm đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu của xã hội nhưng vẫn còn một số tồn tại như: thông tin về bản mô tả CTĐT và nội dung các đề cương chi tiết học phần vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp; các bên liên quan như nhà tuyển dụng, phụ huynh chưa tiếp cận các thông tin của bản đặc tả và đề cương chi tiết một cách thường xuyên, đầy đủ. Một số đề cương chi tiết học phần trong CTĐT chưa có hệ thống giáo trình chuẩn để sinh viên có thể tham khảo, học tập. Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương chi tiết học phần còn khiêm tốn và chưa thật sự khách quan.

Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học ngành Kế toán, trình độ đại học của Trường ĐHXDMT được xây dựng chứa đựng các thông tin liên quan đến mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, CĐR, thời gian đào tạo của chương trình; CĐR các học phần, nội dung và thời lượng các học phần; các phương pháp dạy học; các phương pháp kiểm tra, đánh giá. Nội dung chương trình dạy học được thiết kế nhằm đạt được CĐR của CTĐT. Trong đó, hệ thống các học phần có những đóng góp nhất định trong việc định lượng các CĐR và được cung cấp trong các ma trận liên hệ giữa CĐR của CTĐT và CĐR của học phần (thể hiện trong từng đề cương chi tiết các học phần) hoặc liên hệ giữa CĐR với các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá. Có thể thấy nội dung CTDH được thiết kế logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTDH ngành Kế toán liên tục được rà soát một cách định kỳ nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu xã hội và cập nhật trong từng học phần cụ thể và ở CTĐT tổng quát.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của một ngành đào tạo. CTDH ngành Kế toán, Trường ĐHXDMT được xây dựng dựa trên các quy chế của Bộ GD&ĐT, quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường

ĐHXDMT phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.08]. CTDH ngành Kế toán được thiết kế nhằm đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cho CTĐT. Bản mô tả CTDH chứa đựng các nội dung về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá [H1.01.01.05]. Nội dung cụ thể từng phương pháp dạy học và công cụ đánh giá được thể hiện cụ thể trong bản mô tả các học phần [H2.02.01.01]. Các khối kiến thức và các học phần trong CTDH được thiết kế một cách tối ưu để đạt được CĐR của CTĐT.

Thông qua nội dung các phương pháp giảng dạy và các công cụ đánh giá, các Thông qua nội dung các phương pháp giảng dạy và các công cụ đánh giá, các CĐR của từng học phần trong CTĐT được định lượng một cách cụ thể. Giữa CĐR của CTĐT và CĐR học phần có sự liên hệ với nhau một cách chặt chẽ. Tương tự, sự liên hệ giữa phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá cũng có mối liên hệ với CĐR của CTĐT. Các mối liên hệ này được thể hiện ở các bảng ma trận kỹ năng tương ứng [H1.01.01.14]. Nguồn lực của Nhà trường để đảm bảo thực hiện đồng bộ các phương pháp giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá được thể hiện trên kế hoạch học tập hằng năm [H3.03.01.01]. Phương pháp dạy học tích cực “lấy người học làm trung tâm” như seminar, thảo luận nhóm,...được thường xuyên thực hiện trong các học phần. Nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan để đạt được CĐR.

Trong khi xây dựng bản mô tả các học phần, GV đã nghiên cứu kỹ bản mô tả CĐR của CTĐT [H2.02.02.02], tham khảo ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động, ý kiến của cựu SV, SV đang học trước khi trình ký ban hành [H1.01.01.07]. Quá trình chuẩn bị, cách thức thực hiện cũng như kết quả đạt được của các nội dung được mô tả trong đề cương chi tiết học phần được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ giảng dạy của giảng viên GV [H3.03.01.02]. Ngoài ra, các báo cáo về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh cũng là minh chứng thuyết phục cho thấy CTDH được xây dựng bám sát CĐR của CTĐT [H3.03.01.03].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CĐR trong CTĐT ngành Kế toán. Mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ nét trong từng học phần của CTDH. Tất cả các học phần đều được thiết kế giúp đạt được CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần lý thuyết trong CTĐT ngành Kế toán chưa có ngân hàng đề thi hoặc giảng viên ra đề thi kết thúc học phần chưa bao phủ hết nội dung học phần, điều này làm hạn chế trong việc đánh giá kết quả học tập của NH.

4. Kế hoạch hành động

- Khoa KT&QLXD cần xây dựng kế hoạch, lộ trình biên soạn ngân hàng đề thi cho các học phần lý thuyết trong CTDH.

- Đối với các học phần chưa có ngân hàng đề thi, các bộ môn chuyên môn cần rà soát, kiểm tra đề thi kỹ lưỡng, đảm bảo nội dung đề thi bao phủ hết nội dung học phần.

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Khắc phục tồn tại	Xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần trong CTDH	- Đơn vị thực hiện: Khoa KT&QLXD, Khoa Khoa học Cơ bản. - Đơn vị phối hợp: Phòng QLĐT; Phòng KH&HTQT, Phòng Đảm bảo chất lượng	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành Kế toán đều có đề cương chi tiết học phần được biên soạn bởi các GV trực tiếp giảng dạy ở các Bộ môn của Khoa và các khoa khác trong Nhà trường theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ và CĐR của CTĐT. Chương trình tổng quát ngành Kế toán [H1.01.01.01] được xây dựng chứa đựng các khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp nhằm đảm bảo đạt được CĐR đã công bố. Các khối kiến thức của CTĐT được chia thành các học phần, nội dung các học phần chứa đựng một lượng kiến thức nhất định và đảm bảo có sự tương thích một cách chặt chẽ giữa các học phần trong CTĐT. Sự liên hệ này của các học phần trong CTĐT được thể hiện rõ ràng thông qua bản mô tả học phần trong CTĐT [H2.02.01.01] và kế hoạch, tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H3.03.01.01]. Nội dung cụ thể từng học phần được thiết kế đảm bảo đạt được một số CĐR của CTĐT, thể hiện rõ trên ma trận liên hệ giữa CĐR và chương trình tổng quát (ma trận kỹ năng) [H1.01.01.14] và bản mô tả CTDH [H1.01.01.05].

Tất cả các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau một cách tốt nhất để đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT. Về phương pháp dạy, mỗi học phần đều được thiết kế thành các tổ hợp phương pháp cho từng nội dung theo hướng phát triển năng lực cho SV. Phương pháp thuyết giảng nhằm cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học; phương pháp dạy học theo nhóm để đưa ra các tình huống cho nhóm SV tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề; nêu câu hỏi gợi mở giúp SV phát triển tư duy để nắm được nội dung cốt lõi của môn học; phần bài tập giúp SV vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định.

Trong quá trình học, các phương pháp đánh giá năng lực của người học được tiến hành thường xuyên trong các buổi dạy và được thể hiện thông qua các phương pháp đánh giá được quy định cụ thể trong CTDH [H1.01.01.11], văn bản hướng dẫn biên soạn đề cương chi tiết học phần của Nhà trường [H2.02.02.01], và được cụ thể hóa trong từng đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.13].

Quá trình xây dựng CTDH và đề cương chi tiết từng học phần được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, có tổ chức hội thảo cấp bộ môn hoặc cấp khoa để tranh thủ các ý kiến đóng góp của các chuyên gia đầu ngành trước khi trình Hội đồng Khoa học cấp khoa thông qua [H1.01.01.07], [H3.03.02.01]. Sự phân bổ kế hoạch giảng dạy trong từng học kỳ và nguồn lực tương ứng đảm bảo để thực hiện chương trình đào tạo được trình bày trong kế hoạch và tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H3.03.01.01]. Ngoài ra, sự liên hệ giữa các phương pháp và công cụ đánh giá với CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trên ma trận các kỹ năng [H1.01.01.14].

Để đảm bảo tính khách quan và khoa học, bản mô tả CTDH [H1.01.01.05] và bản mô tả học phần trong CTĐT [H2.02.01.01] được công khai trong các tài liệu quảng bá chương trình, bản tin về khóa học [H1.01.02.02] nhằm tranh thủ các ý kiến góp ý, phản hồi của các bên liên quan [H1.01.01.07]. Thông qua các kênh liên quan, Khoa KT&QLXD tiến hành đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của CTĐT. Từ đó, định kỳ Khoa sẽ tiến hành chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, CTDH, nội dung bản mô tả các học phần,... để nâng mức độ đáp ứng CĐR của CTĐT. Ngoài ra, các báo cáo về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh [H3.03.01.03] cũng là minh chứng thuyết phục cho thấy đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rất rõ ràng.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH ngành kế toán có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR, đồng thời cũng xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù

hợp nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT. Ngoài ra, nội dung của các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, người học đối với các học phần nhằm đảm bảo đạt được CĐR của ngành là chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc nội dung đề cương chi tiết các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, Khoa KT&QLXD sẽ định kỳ tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần trong CTĐT, giúp cho việc đóng góp của các học phần đối với việc đạt được CĐR của CTĐT tốt hơn.

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Khắc phục tồn tại	Đề cương chi tiết các học phần trong CTDH	- Đơn vị thực hiện: Khoa KT&QLXD, Khoa Khoa học Cơ bản. - Đơn vị phối hợp: Phòng QLĐT.	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học [H1.01.01.05] được xây dựng theo quy định [H3.03.03.02] để đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT ngành Kế toán một cách tối ưu và khoa học nhất. Nội dung tổng quát của chương trình thuộc CTDH được cấu trúc thành hai khối kiến thức chính, đó là khối kiến thức đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức đại cương chứa đựng nền tảng kiến thức về khoa học tự nhiên, kiến thức về ngoại ngữ, kiến thức về tin học, kiến thức về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, kiến thức về lý luận chính trị và kiến thức về pháp luật. Tùy thuộc vào sự tương đồng nhất định về kiến thức, nhà trường giao cho khoa quản lý ngành đặt hàng các đơn vị liên quan xây dựng chương trình giảng dạy các học phần trong khối kiến thức này. Đối với khối kiến thức chuyên nghiệp, nội dung bao gồm kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Để học kiến thức cơ sở ngành, sinh viên cần trang bị nền tảng kiến thức đại cương. Tương tự, để lĩnh hội kiến thức chuyên ngành, SV cần học xong kiến thức cơ sở ngành và nền tảng kiến thức đại cương. Điều này thể hiện rõ trong bản mô tả môn học/học phần trong CTĐT [H2.02.01.01]. Trước

khi thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo, nội dung chương trình tổng quát cũng như nội dung các khối kiến thức và sự liên hệ giữa các khối kiến thức với nhau, sự ràng buộc của từng học phần trong CTĐT được khoa quản lý và thông qua các cuộc họp, hội thảo [H3.03.03.01] [H1.01.01.07].

Việc bố trí các học phần trong CTDH đảm bảo tính khả thi, phát huy được các nguồn lực hiện có của nhà trường, đạt được CĐR trong CTĐT. Sự hợp lý trong việc bố trí các học phần thể hiện qua kế hoạch và tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H3.03.01.01]; ma trận thể hiện sự liên hệ giữa CĐR của CTĐT và CĐR các học phần, ma trận liên hệ giữa các phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá với CĐR của CTĐT [H1.01.01.14]; bản mô tả học phần trong CTĐT [H2.02.01.01].

CTDH sau khi được Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua [H3.03.02.01], Hiệu trưởng ký ban hành sẽ được công bố công khai đến người học, và xã hội theo các kênh như tài liệu quảng bá chương trình [H1.01.02.02], trang thông tin điện tử của Trường và Khoa KT&QLXD [H2.02.02.05]. Thông qua các kênh thông tin phản hồi từ người học và các bên liên quan [H1.01.01.07], Trường sẽ giao nhiệm vụ cho Khoa quản lý ngành tiến hành đánh giá, rà soát CTDH theo thông báo và kế hoạch của Trường [H1.01.01.07]. CTDH ngành Kế toán của Trường được điều chỉnh theo thời gian cùng với thời gian điều chỉnh CTĐT ngành Kế toán, vào các năm 2019, năm 2022 [H1.01.01.01].

CTĐT ngành Bên cạnh tham khảo các ý kiến từ người học, các đơn vị sử dụng lao động, Khoa KT&QLXD tham khảo CTDH của một số trường trong nước nhằm đối sánh để điều chỉnh CTDH ngành Kế toán một cách khoa học và tối ưu nhất [H3.03.01.03]. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp đó là CTDH của Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân và một số Trường Đại học có đào tạo ngành Kế toán [H1.01.01.11], [H3.03.03.03].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. 100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Quá trình xây dựng, bổ sung có tham khảo chương trình từ một số trường có uy tín cùng lĩnh vực trong nước.

3. Điểm tồn tại

CTDH ngành Kế toán của Trường ĐHXDMT đã được rà soát, điều chỉnh ở các năm 2019, năm 2022. Tuy nhiên vẫn chưa đảm mức chuẩn định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Khắc phục tồn tại	CTDH định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần.	- Đơn vị thực hiện: Khoa KT&QLXD - Đơn vị phối hợp: Phòng QLĐT.	- Điều chỉnh định kỳ các năm 2025, 2027, 2029... - Điều chỉnh bổ sung khi có thay đổi văn bản pháp lý hoặc theo xu hướng chung của ngành, lĩnh vực.	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học ngành Kế toán, trình độ đại học do Khoa KT&QLXD quản lý được thiết kế với các học phần có nội dung bám sát các CDR của CTĐT. Khoa KT&QLXD chú trọng đến tính logic, khoa học và tính tích hợp trong các học phần của CTDH, nhằm đảm bảo cho SV tiếp cận được các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức chung cho các nhóm ngành được thiết kế linh hoạt, không gây khó khăn cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học phần. Nội dung của các học phần cơ sở ngành và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. CTDH đảm bảo đánh giá được năng lực của SV sau khi tốt nghiệp. Đội ngũ GV của Khoa luôn ý thức trong việc cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo trong mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra. Các học phần được thiết kế đảm bảo tính đặc thù ngành nghề: sâu sát từng vị trí công việc thực tế, ứng dụng cho vùng miền,...

Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Khoa Kinh tế & QLXD xác định phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng vai trò rất quan trọng trong đào tạo đại học. Nó giúp cho việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo, giúp cho người học nâng cao khả năng tự khám phá tri thức, phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập. Khoa Kinh tế & QLXD chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức và triển khai các hoạt động dạy và học, các hoạt động ngoại khóa, các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã tuyên bố trong CTĐT.

Đề đạt được kết quả tốt trong các phương pháp tiếp cận trong dạy và học, CTĐT được thiết kế rõ ràng trong các mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Người học vừa được trang bị kiến thức chuyên ngành, vừa có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, đàm phán, viết, tra cứu, tư duy độc lập, tự học, hợp tác, lãnh đạo, quản lý, có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá các vấn đề chuyên môn và bối cảnh xã hội. Giảng viên của Khoa Kinh tế & QLXD đều được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy phù hợp với đào tạo theo tín chỉ, các yêu cầu của chuẩn đầu ra, cách thức đánh giá kết quả học tập của người học để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trong Đề án phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030, Nhà trường đã xác định việc xây dựng chương trình và hoạt động giảng dạy cần dựa trên kiến thức, chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học. Đây được xem là triết lý giáo dục ban đầu của Nhà trường (Trang 20, Đề án phát triển trường, Quyết định số 442, ngày 15/9/2015) [H4.04.01.01]. Đề phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Nhà trường cũng như xu thế phát triển chung của giáo dục đại học, năm 2017, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã chính thức ban hành văn bản Triết lý giáo dục theo Quyết định số 264a/QĐ-ĐHXDMT ngày 07/6/2017, đó là: “*Kiến thức, Kỹ năng, Trách nhiệm*” với nội dung như sau:

1. Kiến thức

- *Kiến thức chuyên ngành luôn được MUCE cập nhật, bổ sung, đổi mới cho phù hợp với xu hướng phát triển chung; nâng cao trình độ, kỹ năng của giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học; hợp tác với các Trường Đại học trong nước và quốc tế trong việc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.*

- *Sinh viên không những được trang bị đầy đủ các kiến thức mang tính ứng dụng cho nghề nghiệp mà còn được trang bị những kiến thức nền rộng, những kiến thức phụ trợ cần thiết cho việc làm như: Ngoại ngữ, tin học ...*

2. Kỹ năng

Sinh viên được đào tạo kỹ năng làm việc trong chương trình đào tạo chính khoá và ngoại khoá song song với kiến thức chuyên môn như: làm việc nhóm, giao tiếp, đàm phán, viết, tra cứu, tư duy độc lập, tự học, hợp tác, lãnh đạo, quản lý...

3. Trách nhiệm

- *Trách nhiệm chính yếu của mỗi sinh viên là học tập. Trong học tập, sinh viên cần phải chú tâm và biết tìm tòi, khám phá.*

- Sinh viên phải được đào tạo là người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đây là mẫu của những người chủ, những người lãnh đạo trong tập thể.

- Giáo dục cho sinh viên tinh thần trách nhiệm với bản thân, với gia đình và với cộng đồng. Gắn kết giáo dục ở trường với giáo dục ở cộng đồng. Theo tinh thần này, sinh viên không chỉ hướng tới xây dựng sự nghiệp cho bản thân mà còn đóng góp cho cộng đồng và xã hội.” [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục cùng với Sứ mạng, Tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường (Quyết định số 195 ngày 18/04/2018 [H4.04.01.03]) được tất cả cán bộ, GV và NH hiểu rõ và cùng nhau thực hiện. Cụ thể, bám sát Triết lý giáo dục của Nhà trường, Khoa Kinh tế & QLXD đã xây dựng bản đặc tả CTĐT ngành Kế toán vào năm 2019, trong đó quy định rõ mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của CTĐT, đề cương chi tiết của các học phần đều nêu rõ những kiến thức, kỹ năng, thái độ, phương pháp giảng dạy và học tập để đạt được chuẩn đầu ra [H4.04.01.04]. Trong quá trình đào tạo ngành Kế toán, hằng năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, kết hợp với việc bám sát nhu cầu thực tiễn của xã hội cũng như xu thế hội nhập quốc tế, CTĐT ngành Kế toán đã được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung trong năm 2022 [H4.04.01.05]. Các hoạt động dạy và học của Khoa đều được đánh giá để phục vụ cải tiến chất lượng hàng năm trên cơ sở lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan theo quy định của Nhà trường. Cụ thể một số kết quả khảo sát người học như: khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H4.04.01.06]; khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ [H4.04.01.07]; khảo sát ý kiến từ người học về khoá học [H4.04.01.08]; kết quả khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp [H4.04.01.09]; kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan (chuyên gia, nhà tuyển dụng, người học, cựu người học) về CTĐT ngành Kế toán [H4.04.01.10].

Triết lý giáo dục của Nhà trường không những được tất cả cán bộ, GV và NH hiểu rõ và thực hiện tốt mà còn được công khai trên trang điện tử <http://muce.edu.vn> để các bên liên quan và xã hội cùng biết đến [H4.04.01.11]. Đồng thời, việc phổ biến Triết lý giáo dục của Trường và mục tiêu đào tạo của ngành Kế toán đến NH, doanh nghiệp, các bên liên quan, cộng đồng và xã hội là nhiệm vụ hàng đầu của Khoa Kinh tế & QLXD. Do đó, Khoa đã xây dựng trang web riêng, thường xuyên đăng tải các thông tin chung, mục tiêu đào tạo của ngành, các hoạt động dạy - học của giảng viên và sinh viên, các khóa học chuyên ngành ngắn hạn, các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và các hoạt động khác, cơ hội việc làm trong và ngoài nước sau khi tốt nghiệp,... đã giúp cho người học có cái nhìn tổng quan và cụ thể về ngành đào tạo Kế toán của Khoa [H4.04.01.12]. Ngoài ra, thông qua hoạt động tuyển sinh hằng năm,

Triết lý giáo dục của Nhà trường và mục tiêu đào tạo của ngành Kế toán được phổ biến rộng rãi đến học sinh các Trường Trung học phổ thông, phụ huynh, cộng đồng và xã hội qua Sổ tay Tuyển sinh online [H4.04.01.13], ngày hội “Open day” [H4.04.01.14].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của Nhà trường là: “Kiến thức – Kỹ năng – Trách nhiệm” được quán triệt đến tất cả CB, GV, SV để hiểu rõ và thực hiện.

Nhà trường đã công khai Triết lý giáo dục trên công thông tin điện tử, trên các vị trí trang trọng trong khuôn viên Nhà trường; Triết lý giáo dục của Trường và Mục tiêu đào tạo của ngành Kế toán được tuyên bố rõ ràng, phổ biến rộng rãi đến người học, giảng viên và cộng đồng, xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên về mục tiêu giáo dục của ngành Kế toán chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng cho mục tiêu giáo dục của Nhà trường cũng như của Khoa.	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu: đầu năm học 2024 Kết thúc: cuối năm học 2024	
		Đẩy mạnh việc quảng bá thông tin.			
2	Phát huy điểm mạnh	Nâng cấp trang web Khoa.	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu: đầu năm học 2024 Kết thúc: cuối năm học 2024	
		Cải tiến nội dung, nâng cao lượng chương trình “Open day”			

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 4/7

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR

1. Mô tả hiện trạng

Những năm qua, các hoạt động dạy và học của GV và SV ngành Kế toán được thiết kế và xây dựng trong CTĐT nhằm đạt được chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H4.04.01.04], [H4.04.01.05]. Hoạt động dạy và học được xây dựng giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic, có kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, năng động, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Các hoạt động dạy/học tập tại Khoa Kinh tế & QLXD bao gồm: (1) Hình thức dạy/học lý thuyết - các học phần lý thuyết trong CTĐT được bố trí với nhiều hình thức tổ chức dạy/học đa dạng và phong phú như: giảng lý thuyết, thảo luận, báo cáo chuyên đề. Chú trọng đến các hoạt động dạy/học theo hướng tích cực hóa người học, lấy người học làm trung tâm [H4.04.02.01]; (2) Bài tập lớn/Thực hành học phần - đây là những học phần quan trọng trong CTĐT, bên cạnh việc giảng dạy kiến thức, Nhà trường còn chú trọng đến việc đào tạo kỹ năng làm việc, giúp sinh viên hình thành kỹ năng làm việc ngay trong quá trình đào tạo [H4.04.02.02]; (3) Thực tập tay nghề - mỗi ngành nghề đào tạo tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đều được bố trí học phần thực tập tay nghề để sinh viên làm quen với những công việc thực tế mà mình sẽ gặp trong thực tế công tác sau khi ra trường. Qua học phần này sẽ giúp sinh viên có tay nghề cơ bản, có nhận thức đúng đắn và hiểu biết rõ ràng hơn về nghề nghiệp, về môi trường làm việc từ đó sẽ hình thành thái độ chuẩn mực đáp ứng yêu cầu công việc sau khi ra trường [H4.04.02.03]; (4) Thực tập tốt nghiệp – là giai đoạn học tập rất hữu ích không chỉ cho quá trình tự rèn luyện kiến thức và kỹ năng đã tích lũy được tại Trường mà còn thúc đẩy và giúp SV hình thành khả năng tự học hỏi, học tập và định hướng tương lai, tạo lập quan hệ tạo mạng lưới về chuyên môn, giúp ích việc phát triển chuyên môn và việc làm sau này [H4.04.02.04]. Đầu mỗi học kỳ, các Bộ môn Kế toán – Tài chính thông báo cho GV về việc cập nhật đề cương học phần, thay đổi và đổi mới phương pháp giảng dạy, cập nhật và điều chỉnh cho phù hợp thị trường lao động và sự phát triển của khoa học công nghệ, theo định hướng trường đại học ứng dụng [H4.04.02.05], [H4.04.02.06], [H4.04.02.07]. Các hoạt động giảng dạy và học tập được lựa chọn và áp dụng cho từng học phần, qua từng nội dung bài học, thông qua các phương pháp giảng dạy và học tập khác nhau, thích ứng với từng thời điểm để mang lại hiệu quả cao nhất cho người học, đồng thời lồng ghép được mục tiêu của mỗi bài học, mỗi học phần và toàn bộ CTĐT [H4.04.02.08]. Trong suốt năm học, Bộ môn tổ chức triển khai hoạt động đảm bảo chất lượng các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được

sử dụng trong CTĐT thông qua các buổi dự giờ GV, kiểm tra giáo án bài giảng [H4.04.02.09], [H4.04.02.10].

Để SV chủ động tự nghiên cứu, tự mở rộng kiến thức trên nền tảng kiến thức phong phú, đa dạng của nhân loại trên thế giới, trong CTĐT ngành Kế còn có học phần ngoại ngữ cơ bản và chuyên ngành [H4.04.02.11]. Bên cạnh đó, nhằm tạo môi trường thuận lợi và tăng tính chủ động để sinh viên dễ dàng đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học có chức năng đào tạo, sát hạch chuẩn đầu ra và cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật; Nhà trường cũng chấp nhận những văn bằng, chứng chỉ do những cơ sở đào tạo khác cấp theo quy định và phù hợp với quy định về chuẩn đầu ra CTĐT, không yêu cầu sinh viên phải sát hạch lại [H4.04.02.12], [H4.04.02.13]. Ngoài ra, để nâng cao ý thức tự học, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức trong CTĐT, Nhà trường xây dựng Trung tâm Thông tin Thư viện có không gian rộng, thoáng mát với đầy đủ các loại sách, tạp chí, có máy tính nối mạng để sinh viên tra cứu tài liệu, thông tin trong thư viện điện tử [H4.04.02.14]. Toàn bộ không gian của Trường được phủ sóng wifi. Trường có các trung tâm đào tạo, tư vấn và các câu lạc bộ học thuật để cung cấp cho SV một môi trường đa dạng trong học tập ngoài kiến thức tiếp thu do GV cung cấp, cụ thể: Câu lạc bộ Kỹ năng; Câu lạc bộ Tiếng Anh; Câu lạc bộ Khởi nghiệp,... Trong thời đại toàn cầu hóa như hiện nay thì việc giao lưu trao đổi văn hóa, chuyên môn học thuật là điều tất yếu. Do đó, Khoa cùng Nhà trường cũng đã tiếp nhận du học sinh nước ngoài đến học tập, sinh viên nước ngoài đến giao lưu với trường cũng như tiếp nhận tình nguyện viên người nước ngoài đến giao lưu với sinh viên [H4.04.02.15]. Sinh viên yêu thích sáng tạo, nghiên cứu được khuyến khích tham gia NCKH, tham dự các hội thảo chuyên môn dưới sự hướng dẫn của các GV có kinh nghiệm; hội nghị NCKH SV cấp Khoa và Trường được tổ chức hàng năm là nơi để SV trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học [H4.04.02.16]; tuy nhiên, trong các hoạt động NCKH thì hầu như không có SV năm đầu. Bên cạnh đó, SV còn được khuyến khích tham gia các kỳ thi Olympic cấp Trường và cấp quốc gia [H4.04.02.17].

Cuối mỗi học kỳ, Phòng Quản lý chất lượng tiến khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H4.04.01.06]; khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ [H4.04.01.07]; khảo sát ý kiến từ người học về khoá học [H4.04.01.08] để đánh giá mức độ hài lòng của SV về các hoạt động giảng dạy và học tập/các phương pháp dạy và học của Khoa và Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT đã xây dựng hệ thống chiến lược dạy học đa dạng các nhóm phương pháp. Mỗi học phần sẽ linh hoạt áp dụng các phương pháp cho từng chương/mục, từng bài học.

GV giới thiệu nội dung, chương trình học phần, các phương pháp học tập, tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, nhiệm vụ của SV khi bắt đầu môn học; sử dụng các công cụ hỗ trợ khác nhau để truyền tải kiến thức, hướng dẫn kỹ năng, hướng dẫn tự học.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những sinh viên năm đầu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho sinh viên đặc biệt là sinh viên năm đầu để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường Đại học.	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ đầu năm học 2024 - 2025	
	Phát huy điểm mạnh	Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các lớp nghiệp vụ sư phạm, tham dự các hội nghị, hội thảo về các tiếp cận trong dạy và học theo tiêu chuẩn mới, thực hành nghề nghiệp với xã hội nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ đầu năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 4/7

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Kinh tế & QLXD đã xác định quan điểm giáo dục lấy SV làm trung tâm, hướng đến chuẩn đầu ra, người học được đào tạo toàn diện, học xong có thể làm việc được ngay ở nhiều vị trí việc làm của ngành Kế toán trong các doanh nghiệp ở khu vực

Miền Trung - Tây Nguyên cũng như trong cả nước. Vì thế, nội dung của từng khối kiến thức và kỹ năng được điều chỉnh phù hợp cho từng chuyên ngành thông qua các học phần cụ thể hoặc các môn học bổ trợ, hoạt động định hướng nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Toàn bộ đề cương chi tiết các học phần của ngành Kế toán đều xác định mục tiêu của học phần gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ; mô tả cụ thể các chuẩn đầu ra của học phần; đánh giá mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; đồng thời xây dựng kế hoạch học tập, phương pháp dạy học và đặc biệt mô tả chi tiết nhiệm vụ của SV tương thích với từng nội dung và chuẩn đầu ra của học phần. Bên cạnh đó, đề cương chi tiết của học phần lý thuyết được thiết kế với số giờ giảng dạy lý thuyết kết hợp với số giờ thảo luận/bài tập, bài tập lớn để người học tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình trong những tiết thảo luận, bài tập; từ đó rèn luyện được những kỹ năng thiết yếu như phân tích, đánh giá và những kỹ năng mềm như giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm. Các học phần thực hành/thực tập tốt nghiệp/Khoá luận tốt nghiệp cũng được mô tả rõ kế hoạch, nội dung, số giờ, phương pháp dạy học và nhiệm vụ cụ thể để SV rèn luyện được các kỹ năng tư duy độc lập, viết, tra cứu tài liệu, trình bày trước đám đông [H4.04.01.04], [H4.04.01.05].

Song song với việc bám sát nội dung đề cương chi tiết trong CTĐT để giảng dạy, việc nâng cao chất lượng giảng dạy, cải tiến phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV cũng được thực hiện định kỳ và thường xuyên thông qua các hoạt động kiểm tra, khảo sát, đối thoại của Nhà trường. Đầu mỗi năm học, Khoa thông báo đến các Bộ môn triển khai việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật nội dung đề cương chi tiết, hình thức thi, cách đánh giá của các học phần trong CTĐT; thông báo cho giảng viên rà soát, biên soạn lại giáo án bài giảng, điều chỉnh phương pháp dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá để nâng cao chất lượng đào tạo [H4.04.03.01]. Trong năm học, Khoa, Bộ môn phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Quản lý chất lượng tiến hành kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV thông qua các buổi dự giờ [H4.04.02.09]. Khi kết thúc môn học, Phòng Quản lý chất lượng lấy phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên [H4.04.01.06]. Cuối mỗi học kỳ, tổ chức các buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Nhà trường [H4.04.03.02]. Kết quả của các hoạt động trên giúp GV kịp thời rút kinh nghiệm để đổi mới phương pháp giảng dạy, giúp Khoa điều chỉnh đề cương chi tiết, CTĐT và giúp SV rèn luyện kỹ năng đàm phán, kỹ năng nhận diện vấn đề tồn tại và kỹ năng phản biện.

Khoa Kinh tế & QLXD luôn coi trọng việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT ngành Kế toán qua từng năm đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra, rèn luyện khả năng tự học,

hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. Vì thế, Khoa hàng năm đều lên kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện cập nhật CTĐT để chỉnh sửa, cải tiến cho phù hợp với thực tiễn, thay thế hoặc xóa bỏ một số học phần không còn phù hợp nhằm đạt chuẩn đầu ra [H4.04.03.03]. Kết hợp với công tác giáo viên cố vấn ngày càng được tổ chức tốt hơn với mục đích chính là hỗ trợ sinh viên học tập, rèn luyện trong suốt thời gian học tập tại Trường [H4.04.03.04]. Giáo viên cố vấn sẽ tư vấn cho sinh viên tham gia các hoạt động học thuật, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp sinh viên chủ động trong quá trình học tập [H4.04.03.05]. Một trong những quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ là SV có thể đăng ký học vượt, học lại các học phần chưa đạt [H4.04.03.06]. Vì thế giáo viên cố vấn sẽ tư vấn, hỗ trợ SV đăng ký các học phần sao cho phù hợp với khả năng của từng SV. Các lớp học cải thiện luôn được các Khoa tổ chức thường xuyên nhằm tạo điều kiện cho SV đăng ký học [H4.04.03.07]. Trong môi trường học tập của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, CTĐT được cải tiến sao cho SV có khả năng học tập chuyển đổi linh hoạt trong các lĩnh vực đào tạo có liên quan đến chuyên ngành, có khả năng tự học tập và nghiên cứu tài liệu để nâng cao trình độ và cập nhật các kiến thức mới. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể học tiếp các khóa đào tạo để lấy các văn bằng khác trong nước hoặc ngoài nước theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, góp phần thúc đẩy việc học tập suốt đời của SV [H4.04.03.05], [H4.04.03.08].

Trong quá trình học tập, SV Khoa Kinh tế & QLXD được trang bị đầy đủ các nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học. Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường có không gian rộng, thoáng mát với đầy đủ các loại sách, tạp chí, có máy tính nối mạng để sinh viên tra cứu tài liệu, thông tin trong thư viện điện tử [H4.04.03.09]. Đầu năm học, thư viện thông báo cho GV, người học số lượng danh mục sách, báo, tài liệu và các sách mới dự kiến sẽ bổ sung [H4.04.03.10], [H4.04.03.11], [H4.04.03.12]. Toàn bộ không gian của Trường được phủ sóng wifi. Bên cạnh đó, Khoa Kinh tế & QLXD còn được trang bị các phòng máy tính thực hành được cài các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy và học tập [H4.04.03.13].

Một trong những kênh quan trọng trong việc hỗ trợ SV học tập là cổng thông tin trực tuyến của Nhà trường. Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân, SV được cung cấp một tài khoản riêng và hướng dẫn cách quản lý trong suốt thời gian học tại trường. Với tài khoản này, SV sẽ dễ dàng tra cứu toàn bộ các thông tin của cá nhân và Trường như: CTĐT, các biểu mẫu, thư viện số, điểm học tập, điểm rèn luyện, tài liệu học tập,... [H4.04.03.14].

Đề thúc đẩy nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, trong phương hướng nhiệm vụ hằng năm của Nhà trường và Khoa luôn chú trọng đến việc tổ chức cho giảng viên tham gia học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H4.04.03.15], [H4.04.03.16], [H4.04.03.17], tham quan thực tế tại các doanh nghiệp [H4.04.03.18] cũng như đi dự hội thảo liên quan đến chuyên ngành [H4.04.03.19], tuy nhiên, các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa tổ chức vẫn còn hạn chế. Với người học, Đoàn thành niên Khoa phối hợp với Đoàn thanh niên Trường thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho sinh viên với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng về cơ hội việc làm, kinh nghiệm làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp cho sinh viên [H4.04.03.20].

2. Điểm mạnh

CTĐT của Ngành được thiết kế với cấu trúc các học phần và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần được đánh giá phù hợp, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, xử lý và truyền đạt thông tin.

Phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích sinh viên ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học vẫn còn hạn chế.

Khoa chưa khảo sát GV trong Khoa về sự hài lòng đối với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành Kế toán.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hội nghị thảo luận về cải tiến phương pháp dạy và học từ cấp bộ môn cũng như cấp khoa khi kết thúc mỗi học kỳ - Tổ chức khảo sát sự hài lòng của GV đối với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành 	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		kế toán			
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường quảng bá hình ảnh Khoa, ngành Kế toán - Tăng cao tính thực hành, theo xu hướng trường đại học ứng dụng. - Nâng cao hơn nữa việc hợp tác với các doanh nghiệp. 	Bộ môn Kế toán – Tài chính	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức:4/7**

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, Khoa Kinh tế & QLXD và ngành Kế toán đã đưa ra được phương pháp dạy và học đúng đắn, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra, thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Tuy nhiên, công tác lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục được thực hiện chưa hiệu quả. Cần xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau khi tốt nghiệp một cách có hệ thống, đây chính là cơ sở quan trọng cho việc triển khai các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của cựu người học và nhà tuyển dụng trong những năm tiếp theo.

Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục nói chung và đại học nói riêng. Nó có ảnh hưởng lớn đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học. Đồng thời nó cũng xác định được mức độ kiến thức và năng lực của người học đạt được so với mục tiêu học phần và khóa học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành Kế toán trên cơ sở quy định chung của Nhà trường nhằm đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của ngành, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung, đặc biệt là chuyên ngành. Người học được thông báo công khai các quy định về đánh giá kết quả học tập thông qua sổ tay sinh viên lúc mới nhập học. Bên cạnh đó, trước khi bắt đầu mỗi học phần, người học được thông báo về nội dung học phần, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá trong học phần đó. Điều này giúp cho người học tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiêu nại để

chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của Khoa Kinh tế & QLXD luôn đảm bảo tính đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, cải tiến, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học (NH) được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, trong đó có quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.01.01]. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần tương thích với chuẩn đầu ra được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần trong CTĐT ngành Kế toán, làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả học tập SV được thông báo công khai trên trang web của Nhà trường và trong sổ tay sinh viên [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04]. Quy trình đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện theo Quy chế đào tạo 245/QĐ-ĐH XD MT ngày 14/7/2021 được tóm tắt như sau [H5.05.01.01]: (1) Đánh giá và tính điểm học phần, (2) Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, (3) Học lại, thi và học cả thiện điểm, (4) Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học, (5) Xử lý kết quả học tập, (6) Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, (7) Thực tập cuối khoá, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp, (8) Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp, (9) Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp.

Trong đề cương chi tiết các học phần, đối với mỗi học phần lý thuyết có 04 cột điểm đánh giá: Điểm thái độ chiếm 10%, điểm chuyên cần chiếm 10%, điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tập lớn) chiếm 20% và điểm thi kết thúc học phần chiếm 60%. Đối với các học phần khoá luận, thực hành, điểm của từng học phần bao gồm hai thành phần: phần hướng dẫn chiếm tỉ lệ 30%; phần bảo vệ chiếm 70%. Không chỉ đánh giá về mặt chuyên môn, việc thiết kế CTĐT và cách đánh giá cũng giúp người học đáp ứng được đầy đủ các mục tiêu của chuẩn đầu ra như kỹ năng mềm, ngoại ngữ, ý thức kỷ luật [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Với những môn học cơ sở, việc đánh giá SV có thể thực hiện qua các câu hỏi tương ứng trong bài kiểm tra giữa kỳ hoặc trong kỳ thi cuối kỳ. Hình thức đánh giá chủ yếu là thi viết, với đề thi được xây dựng dựa trên thang nhận thức Bloom, giúp người học biết, hiểu và bắt đầu vận dụng được kiến thức. Trong một số môn học như tin học, ngoại ngữ thường áp dụng hình thức trắc nghiệm khách quan để kiểm tra chuẩn đầu ra [H5.05.01.05]. Với những môn học cơ sở ngành, yêu cầu sinh viên có thể vận dụng kiến thức cơ bản để giải quyết một vấn đề đơn giản,

việc đánh giá sinh viên có thể qua các câu hỏi kiểm tra/thi dạng viết hoặc vấn đáp. Sinh viên phải giải quyết vấn đề trong thời gian kiểm tra/thi với yêu cầu nhất định [H5.05.01.05]. Với các môn chuyên ngành quan trọng, yêu cầu SV biết tổng hợp kiến thức để giải quyết một vấn đề phức tạp đòi hỏi nhiều thời gian, việc đánh giá SV qua quá trình thực hiện các bài tập lớn trong môn học, thực hành nghề nghiệp,... hình thức đánh giá chủ yếu là vấn đáp, thuyết trình [H5.05.01.05]. Đối với các chuẩn đầu ra thuộc về các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, việc đánh giá có thể qua quá trình sinh viên thực hiện các bài thực hành và kết quả đạt được, người học phải bảo vệ báo cáo thực hành [H5.05.01.05]. Đối với SV ngành Kế toán, khoá luận tốt nghiệp là bước đánh giá cuối cùng và quan trọng nhất, yêu cầu SV vận dụng toàn bộ kỹ năng đã được học tại trường, không chỉ hiểu mà còn phải biết vận dụng, phân tích và sáng tạo, ứng dụng thực tế nghề nghiệp sau này. Do vậy hình thức đánh giá là khoá luận tốt nghiệp, trong đó quy định rõ về: tổ chức và quản lý quá trình làm khoá luận; nội dung, hình thức đánh giá khoá luận; nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng tốt nghiệp và các tiểu ban; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ hướng dẫn; nhiệm vụ, quyền hạn của SV,... [H5.05.01.06]. Danh mục và hình thức thi kết thúc học phần được ban hành theo từng năm học trên cơ sở rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết, tuy nhiên việc này là hoạt động chủ quan xuất phát từ GV, Khoa chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của từng chuyên ngành, chưa áp dụng mạnh mẽ những hình thức kiểm tra, thi thể hiện tư duy độc lập, phát triển tính sáng tạo tích cực của người học.

Việc tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả người học được các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm thực hiện thống nhất theo hướng dẫn trong Quy chế thi và kiểm tra [H5.05.01.07]. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính khách quan, công tâm, tạo thuận lợi cho GV chấm thi, Nhà trường đã ban hành quy định chấm thi theo hình thức tập trung [H5.05.01.08]. Trong công tác đánh giá kết quả học tập của NH, nhằm mục đích đánh giá học phần một cách khách quan, chính xác, công bằng, giảm thiểu sai sót trong công tác thi, thống nhất chuẩn mực trong đánh giá các học phần theo chuẩn đầu ra, đảm bảo hoạt động dạy và học theo đúng đề cương chương trình, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành quy định biên soạn, nghiệm thu, quản lý và sử dụng đề thi kết thúc học phần [H5.05.01.09].

Để có thể đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT cũng như công tác kiểm tra, đánh giá, đảm bảo chất lượng, Nhà trường đã thành lập phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng (nay là Phòng Quản lý chất lượng), là đơn vị chuyên trách về công tác kiểm tra, đánh giá độc lập với công tác đào tạo [H5.05.01.10]. Phòng Quản lý chất lượng là đơn vị chuyên trách về thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá để đảm bảo

việc đánh giá kết quả học tập của người học là khách quan, chính xác và công bằng. Một trong các chức năng của phòng Quản lý chất lượng là giám sát và kiểm tra trong đánh giá kết quả học tập của người học, kết quả được phòng tổng kết và báo cáo từng kỳ, năm [H5.05.01.11]

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với người học của khoa Kinh tế & QLXD được thực hiện theo đúng quy trình, quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác. Các hình thức đánh giá đa dạng, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và chuẩn đầu ra từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Khoa Kinh tế & QLXD chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của từng chuyên ngành. Chưa áp dụng mạnh mẽ những hình thức kiểm tra, thi thể hiện tư duy độc lập, phát triển tính sáng tạo tích cực của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khảo sát kết quả học tập của các học phần trong từng học kỳ và so sánh các học phần với nhau để điều chỉnh đưa ra những hình thức đánh giá phù hợp nhất cho từng học phần. - Tổ chức nhiều hội thảo về các hình thức đánh giá phát triển tính sáng tạo của người học.	Khoa Kinh tế & QLXD, BM Kế toán – Tài chính	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Các đề cương chi tiết phải đưa vào nhiều hình thức đánh giá thể hiện tư duy độc lập, sáng tạo của người học.	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 4/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ

ràng và được thông báo công khai tới NH

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của SV được quy định, hướng dẫn rõ ràng trong các tài liệu sau: Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường ĐH Xây dựng Miền Trung [H5.05.01.01] quy định bao quát toàn bộ quá trình đào tạo; Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần quy định các hình thức thi, thời gian thi, phương pháp, tiêu chí, trọng số đánh giá [H5.05.01.02], [H5.05.01.01]; Danh mục và hình thức thi kết thúc học phần tổng hợp, thống kê hình thức thi, thời gian thi theo từng ngành học, từng năm học [H5.05.01.05]; Quy chế thi và kiểm tra hướng dẫn chi tiết trách nhiệm, thời gian của GV và các bộ phận liên quan trong việc tổ chức trước, trong và sau khi thi kết thúc học phần [H5.05.01.07]; Quy định chấm thi kết thúc học phần các hệ đào tạo theo hình thức tập trung [H5.05.01.08]; Quy định biên soạn, nghiệm thu, quản lý và sử dụng đề thi kết thúc học phần hướng dẫn về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng câu hỏi thi [H5.05.01.09]; Quy định tổ chức học lại, học cải thiện [H5.05.02.01]; Quy định tổ chức và quản lý công tác tốt nghiệp [H5.05.01.06]; Quy định công nhận kết quả học tập, miễn học/chuyên điểm [H5.05.02.02]; Bảng điểm các học phần thể hiện rõ trọng số các cột điểm và danh sách SV đủ điều kiện thi/cấm thi [H5.05.02.03]

Tất cả các tài liệu trên được công khai trên trang web của Nhà trường [H5.05.02.04], Phòng Quản lý chất lượng [H5.05.02.05], Khoa Kinh tế & Quản lý Xây dựng [H5.05.02.06] và trong sổ tay SV [H5.05.01.04]. Danh mục hình thức thi và thời gian thi do bộ môn, khoa Kinh tế & QLXD đề xuất, Hiệu trưởng quyết định và công bố từ đầu năm học cho người học [H5.05.01.05]. Vào đầu học kỳ, giảng viên nhận “Bảng điểm quá trình – danh sách dự thi kết thúc học phần” từ các khoa quản lý sinh viên để quản lý lớp học phần. GV giảng dạy học phần phải công bố công khai danh sách sinh viên không được dự thi kết thúc học phần cho lớp chậm nhất 3 ngày trước ngày thi [H5.05.02.03]. Điểm thi được khoa Kinh tế & QLXD công bố chậm nhất 17 ngày sau khi thi [H5.05.02.06]. Những trường hợp người học không đồng ý với kết quả thi được công bố có thể làm Đơn phúc khảo với mẫu đơn được cung cấp trên website Phòng Quản lý chất lượng [H5.05.02.05]. Thời hạn nộp đơn không muộn quá 07 ngày từ ngày công bố kết quả thi [H5.05.01.07].

Ngoài việc công bố công khai trên trang web của Trường và các phòng/khoa, đầu mỗi khoá học, các tài liệu trên đều được phổ biến đầy đủ cho người học trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khoá; đầu mỗi học kỳ, Phòng Quản lý đào tạo đều có thông báo đăng ký học lại, học cải thiện; mỗi khi bắt đầu giảng dạy học phần, GV đều

phổ biến chi tiết cho SV về hình thức và thời gian thi, phương pháp đánh giá, trọng số điểm của học phần.

Mặc dù được quy định rõ trong Quy chế đào tạo và đề cương chi tiết, nhưng việc tổ chức kiểm tra giữa học phần hiện nay được tổ chức theo mỗi lớp học phần. Do đó, nếu có nhiều lớp cùng học một học phần thì thời gian thi giữa học phần khác nhau, đề thi cũng khác nhau, điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả của SV nếu đề thi không tương đồng về mức độ dễ, khó.

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo chương trình đào tạo ngành Kế toán là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ chưa thể thống nhất tập trung về thời gian, nội dung giữa các lớp.

Thực hiện, tổ chức kiểm tra, đánh giá giữa kỳ chưa đồng đều giữa các học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tổ chức kỳ thi đánh giá giữa học phần trong cùng một học phần giữa các lớp. - Xây dựng ngân hàng các đề thi giữa kỳ	Bộ môn Kế toán – Tài chính	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Phân công cán bộ hỗ trợ coi thi cùng cán bộ giảng dạy trong kiểm tra, đánh giá giữa kỳ	Bộ môn Kế toán – Tài chính	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 4/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần, ngành Kế toán đã lựa chọn hệ thống các phương pháp đánh giá phù hợp, đa dạng áp dụng trong CTĐT gồm: (1) Đánh giá nhận thức và thái độ, (2)

Đánh giá chuyên cần, (3) Đánh giá đồ án/Bài tập lớn, (4) Đánh giá thuyết trình, (5) Kiểm tra viết, (6) Kiểm tra thực hành, (7) Kiểm tra trắc nghiệm, (8) Bảo vệ và thi vấn đáp, (9) Đánh giá báo cáo, (10) Đánh giá làm việc nhóm [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]

(1) Đánh giá nhận thức và thái độ: Đây là một tiêu chí quan trọng trong quá trình học tập để đảm bảo sinh viên đạt được chuẩn đầu ra. Việc đánh giá nhận thức và thái độ được thực hiện dựa trên các tiêu chí về mức độ thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, mức độ tham gia vào quá trình dạy/học tại lớp và thái độ nghiêm túc trong lớp học.

(2) Đánh giá chuyên cần: Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong các buổi học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học

(3) Đánh giá đồ án/Bài tập lớn: Việc sinh viên tham gia các buổi hướng dẫn thực hiện và duyệt bài theo tiến độ của giảng viên sẽ góp phần đảm bảo sinh viên thực hiện tốt các nội dung và đạt được chuẩn đầu ra của học phần.

(4) Đánh giá thuyết trình: Một số học phần trong chương trình đào tạo, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

(5) Kiểm tra viết: Sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu của chuẩn đầu ra và được đánh giá dựa trên đáp án và thang điểm được thiết kế sẵn. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào nội dung và chuẩn đầu ra của học phần.

(6) Kiểm tra thực hành: Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số thao tác thực hành theo yêu cầu của đề thi. Khối lượng thực hiện trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào nội dung và chuẩn đầu ra của học phần. Tiêu chí đánh giá dựa trên đáp án và thang điểm của đề thi.

(7) Kiểm tra trắc nghiệm: Tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

(8) Bảo vệ và thi vấn đáp: Sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

(9) Đánh giá báo cáo: Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh,

bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

(10)Đánh giá làm việc nhóm: Được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

Để đảm bảo đo lường được các yêu cầu, chuẩn đầu ra của học phần, đầu mỗi năm học, Bộ môn, khoa Kinh tế & QLXD đề xuất hình thức và thời gian cho mỗi học phần và được cập nhật, thống kê trong Danh mục và hình thức thi cho từng ngành học, từng năm học [H5.05.01.05]. Đề thi của các học phần ngành Kế toán được Bộ môn phân công cán bộ giảng dạy có kinh nghiệm ít nhất 2 lượt giảng và phải được lãnh đạo bộ môn duyệt, được thiết kế đảm bảo thống nhất các nội dung về kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá; đảm bảo bao phủ nội dung chính đề cương học phần, các câu hỏi thi có nội dung không trùng nhau và có tác dụng đánh giá được chuẩn đầu ra; đảm bảo thang đo về mức độ nhớ, mức độ hiểu, mức độ áp dụng, mức độ phân tích, mức độ đánh giá, mức độ sáng tạo; đảm bảo tính vừa sức, đảm bảo thời gian làm bài của SV [H5.05.03.01]. Mặt khác, để đảm bảo tính công bằng, đảm bảo độ tin cậy trong các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV, ngành Kế toán sử dụng bộ tiêu chí đánh giá bao gồm 7 Rubric với các trọng số, thang điểm đánh giá tương ứng với từng tiêu chí trong từng Rubric. Các tiêu chí trong Rubric 1 đánh giá nhận thức, thái độ; rubric 2 đánh giá chuyên cần; rubric 3 đánh giá đồ án/ bài tập lớn; rubric 4 đánh giá thuyết trình; rubric 5 đánh giá phương pháp bảo vệ và thi vấn đáp; rubric 6 đánh giá Báo cáo và rubric 7 đánh giá làm việc nhóm được đo lường rõ ràng, cụ thể trong bảng Phụ lục các Rubric đánh giá trong CTĐT [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Các phương pháp còn lại là kiểm tra viết, thực hành và trắc nghiệm được thực hiện theo Quy chi thi và kiểm tra [H5.05.01.07]. Ngoài ra, để đảm bảo tính chính xác, cập nhật của đề thi và hạn chế việc sinh viên tự thu thập đề thi và chuẩn bị trước, khoa Kinh tế & QLXD đã chỉ đạo các bộ môn và cán bộ giảng dạy thay đổi bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần trên cơ sở có tham khảo ý kiến của giảng viên trực tiếp giảng dạy các học phần đó. Các đề thi khi đưa ra đều được đánh giá độ tin cậy để đánh giá được năng lực của sinh viên. Mỗi bài thi kết thúc học phần đều có hai giảng viên chấm gồm một giảng viên chấm thi và Trưởng bộ môn hoặc phó bộ môn hoặc lãnh đạo đơn vị xem xét toàn bộ bài đã chấm và xác nhận vào bài thi. Đối với hình thức thi vấn đáp bố trí 02 giảng viên để đồng thời hỏi thi và đánh giá cho một thí sinh, số lượng câu hỏi chính phải nhiều, đảm bảo không trùng đối với một lượt bốc thăm đề, nội dung câu hỏi phải rõ ràng, không mang tính đánh đố, phù hợp với thời gian chuẩn bị và trả lời của sinh viên, bình quân là 20 câu/tín chỉ; thời gian cho mỗi sinh viên gồm thời gian chuẩn bị trả lời 5-10 phút và thời gian trả lời 5-7 phút. Đối với hình thức thi tự luận và trắc nghiệm: số lượng câu hỏi thi khác nhau tối thiểu phải đảm bảo 10 đề thi gốc, nội dung

câu hỏi của mỗi đề thi phải bao gồm khoảng 60% câu hỏi có mức độ đánh giá trung bình, 25% câu hỏi ở mức đánh giá khá, 15% câu hỏi ở mức đánh giá giỏi; thang điểm của đáp án phải chi tiết đến 0,25 điểm đối với phần bài tập; 0,5 điểm đối với phần lý thuyết và hình vẽ; tổng số điểm của một đề thi là 10 điểm. Đối với Khoa luận tốt nghiệp, Phòng Quản lý Đào tạo xem xét và lập danh sách sinh viên đủ điều kiện làm khoa luận tốt nghiệp, đề nghị Hiệu trưởng xét duyệt; sau khi có Quyết định của Hiệu trưởng, Trưởng khoa thông báo cho sinh viên thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên do khoa phân công; giảng viên hướng dẫn và Khoa có trách nhiệm theo dõi tiến độ và đánh giá đối với sinh viên trong thời gian làm khoa luận tốt nghiệp [H5.05.03.02].

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập người học của Khoa Kinh tế & QLXD được đánh giá là công bằng, khách quan thể hiện ở trong các biên bản lãnh đạo Nhà trường đối thoại với sinh viên [H5.05.03.03]. Mọi ý kiến phản ánh từ phía sinh viên về tình hình giảng dạy, học tập, công tác phục vụ, hỗ trợ,... đều được giải đáp và phản hồi nhanh chóng thông qua liên lạc trực tiếp giữa SV với giảng viên cố vấn hoặc tại các buổi sinh hoạt lớp định kỳ [H5.05.03.04], tại các buổi giao ban giữa lãnh đạo Nhà trường với đại diện lớp mỗi tháng/lần [H5.05.03.05] hay tại các Hội nghị công tác giáo viên cố vấn [H5.05.03.06]. Kết thúc mỗi học kỳ, khoa Kinh tế & QLXD thực hiện tổng kết đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của từng sinh viên và thông báo kết quả đó đến cho sinh viên, GVCV và gia đình được biết [H5.05.03.07].

Hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần cũng được khoa Kinh tế & QLXD thể hiện trong báo cáo và phương hướng hàng năm, làm tiền đề cho công tác cải tiến đánh giá kết quả học tập của NH [H5.05.03.08]. Bên cạnh đó, để tăng cường thêm độ tin cậy và hiệu quả của các phương pháp đánh giá, công tác thanh chuyên trách về thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của người học là khách quan, chính xác và công bằng được Phòng Quản lý chất tổng kết và báo cáo từng kỳ, năm [H5.05.03.09], [H5.05.03.10].

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả người học của ngành Kế toán được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các môn học, giữa các chuyên ngành trong chương trình đào tạo của khoa Kinh tế & QLXD.

3. Điểm tồn tại

Công tác rà soát, nội dung thực hành/bài tập lớn các môn học, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn.

Một số học thực hành tay nghề chưa phân loại mức độ dễ khó của các câu hỏi vấn đáp, chưa xây dựng được thang điểm cho từng câu hỏi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tổ chức hội nghị chuyên đề cấp Khoa định kỳ 1 lần/học kỳ về đổi mới cách ra đề thi, đổi mới bộ đề thi cho phù hợp với thực tiễn - Đánh giá chất lượng và độ khó của đề thi thông qua việc thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi của người học để kịp thời chỉnh sửa và bổ sung.	Khoa Kinh tế & QLXD/Bộ môn Kế toán – Tài chính	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng hệ thống câu hỏi và câu trả lời cho tất cả học phần thực hành	Bộ môn Kế toán – Tài chính	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 4/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Bảng điểm đánh giá quá trình của người học được giảng viên công bố cho người học trước khi nộp cho Khoa quản lý và Phòng Quản lý chất lượng; cũng như kết quả thi, kết quả học tập được công bố theo hướng dẫn trong các quy chế đào tạo [H5.05.04.01] và quy chế thi và kiểm tra [H5.05.04.02] của Nhà trường đã ban hành.

Các quy chế đã được Nhà trường tổ chức góp ý và công bố cho giảng viên thông qua hệ thống email cũng như được lưu trữ công khai trên website của Nhà trường. Các giảng viên cố vấn có nhiệm vụ thông tin cho người học các quy định liên quan đến người học trong các cuộc họp lớp hàng cũng như được các Phòng Công tác

sinh viên thông tin trong các cuộc họp giao ban sinh viên tháng, tuy nhiên có một số giảng viên cố vấn chưa thường xuyên tổ chức họp lớp hoặc nội dung họp chưa phong phú [H5.05.04.01], [H5.05.03.04] [H5.05.03.05].

Kết quả học tập của người học được tổng hợp thành hồ sơ lưu trữ tại văn phòng Khoa và báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của khoa Kinh tế & QLXD [H5.05.03.08]. Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng kỳ, giúp sinh viên có kết quả học tập kém nắm được và có phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo chương trình, và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H5.05.03.07].

Kết quả học tập của người học được các Bộ môn, Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai: gửi kết quả về gia đình, thông qua các buổi họp lớp [H5.05.03.04] và trang web của Nhà trường thông qua tài khoản điện tử để người học có phản hồi và kịp thời cải thiện việc học tập. Sinh viên có thể tra cứu điểm trên tài khoản cá nhân hoặc công thông tin của Nhà trường [H5.05.04.02]. Sinh viên cũng có quyền được yêu cầu chấm phúc khảo theo quy định của Nhà trường [H5.05.01.07].

Kết quả học tập của người học được Nhà trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ ở văn phòng khoa đào tạo, phòng Quản lý chất lượng và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Cuối mỗi học kỳ, phòng Quản lý chất lượng đều tiến hành tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập [H5.05.04.03], [H5.05.04.04]. Các thông tin phản hồi về kết quả đánh giá đã được khoa Kinh tế & QLXD sử dụng để cải thiện việc học tập trong các học kỳ tiếp theo, kết quả cải tiến đã mang lại sự hài lòng cũng như chất lượng của người học. Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo của Nhà trường được thiết kế bài bản và khoa học giúp Nhà trường, khoa Kinh tế & QLXD, phòng Quản lý Đào tạo, phòng Quản lý chất lượng quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác với độ tin cậy cao; hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.04.05]. Hiện nay, Trường chưa có phần mềm quản lý học phần, đăng ký học phần nên việc giải quyết các vấn đề học vụ như rút học phần, đăng ký học phần cho sinh viên học cải thiện còn chậm.

Trong quá trình học sinh viên có quyền đề nghị Khoa cấp bằng điểm chính thức của một hoặc nhiều kỳ đã học. Bảng điểm này ghi kết quả học tập cho tất cả các học phần sinh viên đã học trong các học kỳ mà sinh viên xin cấp bằng điểm.

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn, tạo điều kiện tốt nhất cho việc học tập của người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phần mềm quản lý học phần, đăng ký học phần nên việc giải quyết các vấn đề học vụ như rút học phần, đăng ký học phần cho sinh viên học cải thiện còn chậm.

Nhiều Cố vấn học tập chưa thật sự nắm rõ các quy định về đánh giá, phản hồi kết quả học tập cho người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Cần có phần mềm quản lý đăng ký, rút học phần, quản lý học vụ cho sinh viên - Xây dựng đội ngũ cố vấn học tập đủ năng lực, đủ số lượng để tư vấn, định hướng, hỗ trợ cho sinh viên trong khoa.	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật, lưu trữ và thông báo kịp thời kết quả học tập của SV, tạo điều kiện tốt nhất cho việc học tập của người học		Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 4/7

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Kinh tế & QLXD tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên dễ dàng theo dõi kết quả học tập của mình, đơn giản và thuận lợi trong việc tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học khi cần thiết. Kết quả học tập của sinh viên được khoa Kinh tế & QLXD thông báo công khai rõ ràng trên trang web khoa Kinh tế & QLXD [H5.05.02.06]. Người học khi có nhu cầu khiếu nại về kết quả học tập có thể nhận mẫu đơn đề nghị phúc khảo tại phòng Quản lý chất lượng hoặc có thể download

tại trang web của phòng Quản lý chất lượng [H5.05.02.05]. Quy trình và thời gian xử lý khiếu nại về kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy định trong Quy chế thi và kiểm tra của Nhà trường [H5.05.01.07] và được công bố rõ ràng trong sổ tay sinh viên [H5.05.01.04]. Trong quá trình học tập, người học được quyền phúc khảo khiếu nại kết quả học tập, cụ thể:

- Đối với điểm quá trình học tập (điểm chuyên cần, điểm nhận thức và thái độ, điểm kiểm tra giữa kỳ), cán bộ giảng dạy phải công bố ở buổi dạy cuối cùng trong đợt học. Sinh viên có quyền khiếu nại trực tiếp với giảng viên giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp.

- Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm do Khoa công bố không chính xác thì sinh viên làm đơn phúc khảo đề nghị xem xét lại gửi phòng Quản lý chất lượng trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày công bố kết quả điểm thi. Phòng Quản lý chất lượng có trách nhiệm tra cứu bài thi và bàn giao hồ sơ bài thi phúc khảo cho khoa (hoặc bộ môn) quản lý học phần để chấm phúc khảo. Kết quả phúc khảo được công bố cho thí sinh chậm nhất sau 12 ngày kể từ ngày hết hạn đăng ký phúc khảo.

Việc sửa điểm, điều chỉnh điểm học phần (điểm chuyên cần, điểm nhận thức và thái độ, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần...) do sai sót trong các khâu nhập điểm, chấm điểm hay bất kỳ ở một khâu nào khác phải được lập biên bản đề nghị sửa điểm và minh chứng kèm theo có chữ ký xác nhận của cán bộ vào điểm, cán bộ chấm, Trưởng bộ môn, Trưởng khoa để xem xét sửa, cập nhật lại điểm. Phòng Quản lý chất lượng theo dõi việc khiếu nại và kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học [H5.05.05.01] để có biện pháp khắc phục nhằm đảm bảo kết quả học tập của người học là khách quan, chính xác và công bằng.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát mức độ hài lòng về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học cũng như khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về khóa học [H5.05.04.03], [H5.05.04.04]. Từ kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học cũng như kết quả các buổi đối thoại của sinh viên với lãnh đạo nhà trường về khóa học, hoạt động phục vụ của các phòng, khoa, giảng viên và cán bộ phục vụ, cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học đơn giản, thuận tiện. 100% người học đã được tiếp cận với các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập thông qua các thông báo, đội ngũ cán bộ cố vấn học tập, phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên vào mọi thời điểm trong năm học. Tất cả các khiếu nại về kết quả học tập đều được giải quyết và xử lý mang lại sự hài lòng cho người học [H5.05.03.03], [H5.05.03.04], [H5.05.03.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của người học về chất lượng phục vụ, hỗ trợ trong quá trình học tập. Các Phòng, Khoa, Bộ môn giải quyết nhanh chóng các khiếu nại đúng theo quy định của Nhà trường để đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Một số người học còn cho rằng kết quả phúc khảo chưa thực sự thỏa đáng, chưa được xem điểm chấm của bài thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Kiểm tra, giám sát chặt chẽ đề thi, chấm thi để hạn chế sai sót	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công bố rõ ràng về Quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên trang cá nhân của SV	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 4/7

Việc đánh giá kết quả người học theo chương trình đào tạo ngành Kế toán được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung và phù hợp với chuẩn đầu ra được ban hành, được thông báo rõ ràng, công khai đến tất cả các người học với phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên việc SV chưa hiểu rõ trong việc tiếp cận với các quy trình đánh giá là một điều chưa được thuận lợi và cần phải cải thiện.

Tiêu chuẩn 5 có 05 tiêu chí, trong đó có 05 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên của Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng nói chung, ngành Kế toán nói riêng là lực lượng then chốt trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho nhà trường, cho nền kinh tế, đặc biệt khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Chất lượng của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên quyết định đến chất lượng nguồn nhân

lực được đào tạo ra của Ngành.

Hiện nay, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung có 165 giảng viên, trong đó Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng có 21 GV (có 3 GV kiêm nhiệm), giảng dạy trực tiếp. Nhà trường hiện không có chức danh nghiên cứu viên.

Đội ngũ GV của Nhà trường nói chung và đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành Kế toán được quy hoạch, có phẩm chất nghề nghiệp tốt, chuyên môn sâu, PPGD tốt, đảm bảo năng lực theo quy định. Nhà trường, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng thường xuyên rà soát, bồi dưỡng, đào tạo phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV. Việc sử dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp và được thực hiện công khai, đúng quy định. Nhiệm vụ của GV được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng. Việc quản trị theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV được công khai, minh bạch đã tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Công tác quy hoạch đội ngũ GV, NCV đóng vai trò trọng tâm bởi đây chính là nguồn nhân lực trực tiếp tham gia vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học để tạo ra những thế hệ lao động trẻ năng động và sáng tạo trong thời đại mới.

Hiện nay, tham gia giảng dạy sinh viên ngành Kế toán gồm có giảng viên thuộc nhiều bộ môn khác nhau: Bộ môn Quản trị kinh doanh và Logistics, Bộ môn khoa học cơ bản, Bộ môn Ngoại ngữ, Bộ môn Công nghệ thông tin, Bộ môn Chính trị ... Tuy nhiên trách nhiệm chính trong đào tạo chuyên môn cho ngành Kế toán thuộc Bộ môn Kế toán – Tài chính, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng. Số lượng giảng viên hiện tại của Khoa là 21 GV cơ hữu trong đó có 3 GV kiêm nhiệm. Trình độ tổng số GV của khoa cụ thể 01 PGS, 06 TS, 02 NCS, 12 thạc sĩ, riêng Bộ môn Kế toán - Tài chính giảng dạy ngành Kế toán với cơ cấu như sau: 02 TS, 06 thạc sĩ, trong đó nam chiếm 25%, Nữ chiếm 75%; độ tuổi từ 33-53 tuổi, chuyên môn đào tạo bậc đại học chủ yếu là kế toán, tài chính, được thể hiện ở bảng 6.1 như sau [H6.06.01.01]:

Bảng 6.1: Cơ cấu trình độ GV Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng

TT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Phó giáo sư	01	5%

2	Tiến sĩ	06	29%
3	Nghiên cứu sinh	02	11%
4	Thạc sĩ	12	57%
	Tổng	21	

(Nguồn: Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng, 2023)

Ngoài ra, các giảng viên khác tham gia đào tạo Ngành đều có trình độ đạt chuẩn từ thạc sĩ trở lên đáp ứng vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh theo quy định [H6.06.01.02], [H6.06.01.03].

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2015- 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ GV, NCV có trình độ tiến sĩ đạt 25%, đến năm 2020 đạt 50% [H6.06.01.04]. Qua kết quả thực hiện chiến lược, cho đến nay có thể thấy GV, NCV ngành Kế toán đã hoàn toàn đạt được mục tiêu chiến lược Khoa đã đề ra trong chiến lược phát triển của mình [H6.06.01.05]. Trong giai đoạn 2020 đến 2025, định hướng phát triển của Khoa là nơi đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao KHCN, HTQT trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý có uy tín, năng động, giàu tiềm năng và phát triển nhanh chóng. Quy mô GV của khoa 15-20 GV với 90% có trình độ sau đại học, trong đó có 25% là tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư, 65% là thạc sĩ; Đào tạo đại học 04 ngành; Quy mô đào tạo: 200 - 300 SV đại học/năm.

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên của nhà trường trong từng giai đoạn được căn cứ dựa trên các quy định về quy hoạch, tuyển dụng của Trường: Đề án phát triển của trường, Quy định về công tác tuyển dụng đối với giảng viên Trường Đại học Xây dựng Miền Trung [H6.06.01.06]. Để làm tốt công tác xây dựng kế hoạch và phát triển nguồn nhân lực trong đó có đội ngũ GV, NCV của Nhà trường nói chung, năm 2015 và năm 2018 Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm trong đó có xác định số lượng cán bộ, GV, xác định yêu cầu công việc của từng vị trí [H6.06.01.07]. Đây là căn cứ quan trọng nhất để các Khoa, Viện, các đơn vị trong toàn trường định hướng xây dựng các chiến lược phát triển nguồn nhân lực chi tiết. Việc xây dựng các quy định về quy hoạch đội ngũ giảng viên đều được xây dựng dựa trên những văn bản pháp luật của Chính Phủ, quy định của Quốc Hội ban hành [H6.06.01.08].

Do đó, công tác tuyển dụng, bố trí sử dụng GV, NCV ngành Kế toán do Phòng Tổ chức - Nhân sự thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về tuyển dụng, sử dụng viên chức, lao động hợp đồng như Luật Lao động Việt Nam 2019 [H6.06.01.9], Luật viên chức 2010, sửa đổi bổ sung 2019 [H6.06.01.10], Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Việt Nam [H6.06.01.11], Điều lệ trường đại học [H6.06.01.12].

Việc phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình chuyên môn, nghiệp vụ với GV của Bộ môn thường xuyên được đánh giá, thực hiện trên cơ sở môn học mà mỗi giảng viên được phân công giảng dạy và định hướng phát triển của bộ môn. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên còn được thực hiện dựa trên yêu cầu của các học phần môn học trong chương trình đào tạo của ngành Kinh tế xây dựng. Mỗi môn học có từ 2 - 3 giảng viên cùng đảm nhận, nhằm tạo điều kiện cho việc trau dồi, hoàn thiện kiến thức chuyên môn và phương pháp giảng dạy. Hàng năm, mỗi cá nhân cũng có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của bản thân và thông qua sự rà soát, góp ý của Bộ môn. Cuối năm học, bộ môn tiến hành tổng kết tình hình thực hiện công tác bộ môn so với kế hoạch đã đề ra vào đầu năm và định ra các phương hướng, nội dung cho việc phát triển bộ môn cho năm học tiếp theo [H6.06.01.13] [H6.06.01.14].

Không chỉ nâng cao, bồi dưỡng chất lượng đào tạo, các giảng viên bộ môn Quản lý xây dựng hàng năm đều lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ và tin học hàng năm, tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn để bồi dưỡng chuyên môn [H6.06.01.15]. Mỗi cá nhân GV đều phải lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, học tập của bản thân hàng năm và được Bộ môn thông qua, sau đó được tập hợp lại thành kế hoạch chung của cả Bộ môn, gửi lên Khoa và Nhà trường tổng hợp thành các kế hoạch cấp cao hơn. Bộ môn lập kế hoạch dài hạn về việc cử giảng viên đi học NCS ngành Kinh tế và Quản lý xây dựng và các chuyên ngành gần để nâng cao chất lượng đào tạo. Với lộ trình rõ ràng, từ năm 2018 đến 2023 có 01 GV hoàn thành NCS, 01 GV đang NCS. Năm học 2023-2024 tổng số GV Bộ môn có trình độ tiến sĩ lên 25% [H6.06.01.16]. Những năm qua, dựa trên nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV, NCV, Nhà trường hỗ trợ cho nhiều GV ngành Kế toán đi học dài hạn, tham gia các lớp ngắn hạn. Để tăng cường thu hút GV, NCV trình độ cao, Nhà trường cũng ban hành chính sách thu hút hấp dẫn như chế độ tiền lương, thưởng, chế độ học tập, bồi dưỡng [H6.06.01.17].

Căn cứ từ việc quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo đội ngũ GV, NCV của Nhà trường, Khoa và ngành cho thấy các công tác này đã được thực hiện đúng quy trình, trình tự và đảm bảo tính khoa học. Là căn cứ để phát triển đội ngũ GV, NCV ngành Kế toán ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Ngành Kế toán thuộc Bộ môn Kế toán – Tài chính quản lý luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV để đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Kế toán cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Quy trình thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu đều rõ ràng, công khai, minh bạch, dân chủ, thống nhất với quy định của Nhà nước.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ mặc dù đã được Khoa và Nhà trường chú trọng thực hiện, tuy công tác quy hoạch chưa được thực hiện một cách hệ thống từ quy hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Nhà trường cũng chưa có những đánh giá kết quả thực hiện công tác quy hoạch cán bộ trong các giai đoạn trước để rút kinh nghiệm trong các lần xây dựng quy hoạch.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên của ngành Kế toán	- Tổ chức thực hiện quy hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên - Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch đội ngũ giảng viên.	- Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng - Phòng Tổ chức – Nhân sự	Bắt đầu từ Năm 2024

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 4/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV/NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trong chiến lược phát triển, nhà trường đã đưa ra giải pháp để phát triển nguồn nhân lực trong đó chú trọng phát triển nhân lực ngành Kế toán đảm bảo về số lượng và chất lượng để đáp ứng được mục tiêu đào tạo và phát triển ngành [H6.06.02.01]. Đến thời điểm hiện tại giảng viên cơ hữu thuộc chương trình đào tạo được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 6.2. Số lượng giảng viên

TT	Trình độ/học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Tiến sĩ	6	14	2	4		1	5		
2	NCS	3	7	2	1		3			
3	Thạc sĩ	33	79	13	20		10	23		
	Tổng	42								

Tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành (phương pháp tính FTE dựa trên khối lượng

công việc của giảng viên). Bình quân mỗi kỳ giảng viên được phân công giảng dạy 2 lớp. Số FTE tương ứng 1 giảng viên là $0,25 \times 2 = 0,5$. Số lượng giảng viên giảng dạy ngành Kế toán được thống kê trong bảng 6.2 theo số liệu thống kê đến năm 2022 là 42 GV. Trong đó, có 06 TS và 36 GV.

Bảng 6.3. Số lượng giảng viên (phương pháp tính FTE dựa trên khối lượng công việc của giảng viên)

Hạng mục	Tổng số	
	Số lượng	FTEs
Phó Giáo sư		
Giảng viên toàn thời gian	42	21
Giảng viên không toàn thời gian		
Giáo sư/Giảng viên thỉnh giảng		
Tổng số		

(Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo, năm 2023)

Với cách xác định số FTE của giảng viên như trên, số lượng giảng viên quy đổi từ năm 2018-2023, cụ thể như sau:

Bảng 6.4. Số lượng giảng viên quy đổi

Năm học	Số lượng	Tổng số FTEs của giảng viên
2018-2019	38	19
2019-2020	40	20
2020-2021	42	21
2021-2022	42	21
2022-2023	42	21

(Nguồn: Số liệu tính toán, 2023)

Tổng số sinh viên ngành Kế toán tại thời điểm năm học 2022 - 2023 là 122 sinh viên, tổng số tín chỉ bình quân là 125 TC, tích lũy 8 kỳ. Do đó, bình quân tải trọng học tập của sinh viên là: $125 / 8 = 16$ tín chỉ/kỳ. Trong khi 1 FTE của sinh viên tương đương 24 tín chỉ/kỳ. Như vậy FTE của sinh viên dựa trên tải trọng học tập bình quân là $16/24 = 0,667$. Từ đó, xác định được số sinh viên quy đổi: $122 \times 0,667 = 81,37$ SV. Tỷ lệ SV/GV chính quy quy đổi của ngành Kế toán xác định: $81,37/12,5 = 6,5$ SV/GV.

Số sinh viên được quy đổi theo bảng 6.5 như sau:

Bảng 6.5. Số lượng sinh viên được quy đổi (Phương pháp tính toán FTE của người học dựa trên tải trọng học tập bình quân)

Năm học	Số lượng sinh viên hiện có	Tổng số FTEs của người học
---------	----------------------------	----------------------------

2018-2019	116	77,72
2019-2020	154	103,18
2020-2021	193	129,31
2021-2022	248	166,16
2022-2023	318	213,06

(Nguồn: Số liệu tính toán, 2023)

Căn cứ vào số liệu tính toán bảng 6.4 và 6.5, xác định tỷ lệ SV/GV quy đổi của ngành Kế toán như sau:

Bảng 6.6: Tỷ lệ người học/giảng viên được quy đổi

Năm học	Tổng số FTEs của người học	Tổng số FTEs của giảng viên	Tỷ lệ người học/giảng viên được quy đổi
2018-2019	77,72	19	4,09
2019-2020	103,18	20	5,16
2020-2021	129,31	21	6,16
2021-2022	166,16	21	7,91
2022-2023	213,06	21	10,15

(Nguồn: Số liệu tính toán, 2023)

Từ bảng 6.6 cho thấy giai đoạn 2018 - 2023, tỷ lệ người học/giảng viên được quy đổi dao động từ 4,09 – 10,15. Tỷ lệ này nằm trong ngưỡng cho phép so với tỷ lệ quy định của Bộ GDĐT là 20-25 SV/GV, đã đáp ứng được tiêu chuẩn giảng dạy đại học [H6.06.02.02] [H6.06.02.03]. Bên cạnh đó cũng cho thấy được phần nào số lượng sinh viên cũng như số lượng giảng viên của bộ môn trong những năm qua ít có sự biến động, có sự giảm sút số lượng sinh viên.

Khối lượng công việc, định mức giờ chuẩn của GV nhà trường được thực hiện theo Thông tư 47/2014/TT- BGDĐT của Bộ GD-ĐT về ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV [H6.06.02.04] và được cập nhật mới nhất theo Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT về quy định chế độ làm việc đối với giảng viên [H6.06.02.05].

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực, trường ĐHXDMT đã ban hành khá đầy đủ các quy định về Công tác tuyển dụng đối với chức danh trợ giảng và giảng viên Trường Đại học; Quy định tiêu chuẩn xét hết thời gian tập sự đối với viên chức và lao động hợp đồng thuộc trường ĐHXDMT và đặc biệt là quy định về định biên nhân sự trường ĐHXDMT và quy chế đào tạo, bồi dưỡng của

công chức, viên chức và lao động hợp đồng của Trường [H6.06.02.07].

Hiện nay các định mức các công việc GV, quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên theo chuẩn của trường ĐHXDMT được nêu rõ trong quy chế chế độ giảng viên của trường [H6.06.02.08], Quy chế quản lý các hoạt động Khoa học công nghệ [H6.06.02.09]. Định mức tối thiểu đối với giảng viên là: giảng dạy là 275 giờ/năm và NCKH là 200 giờ/năm (năm học 2022 - 2023).

Bảng 6.7. Định mức làm việc theo giờ của giảng viên

Đơn vị tính: giờ/năm học

Nhiệm vụ	Giảng viên	Giảng viên chính	Giảng viên cao cấp
Giảng dạy	275	275	275
Nghiên cứu khoa học	200	210	230
Hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác	335	305	245

Hai nhiệm vụ chính của giảng viên đó là giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Định kỳ, kết quả giảng dạy và NCKH được Phòng Quản lý Đào tạo và Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tổng kết và thông báo đến toàn bộ cán bộ giảng dạy. Sau khi có kết quả thống kê thông báo lần đầu, giảng viên và bộ môn thực hiện rà soát, phản hồi về kết quả đánh giá, nộp các minh chứng cần thiết để đảm bảo tính đủ và chính xác số lượng giờ dạy, NCKH trong thực tế đã thực hiện theo đúng quy trình [H6.06.02.10]. Hàng năm, GV sẽ lập kế hoạch thi đua thông qua việc đăng kí danh hiệu thi đua năm học từ Bộ môn, Khoa và Nhà trường thông qua thông báo thi đua của trường [H6.06.02.11]. Sau đó, Nhà trường sẽ ra quyết định thông báo kết quả đăng ký thi đua cho từng năm học, đây là một trong những căn cứ để nhà trường đánh giá kết quả thực hiện công việc và để chi trả tiền vượt giờ của GV hàng năm [H6.06.02.12].

Dữ liệu về các nghiên cứu, công trình khoa học đã công bố của giảng viên được lưu trữ tại Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, được ghi rõ trong Hồ sơ giảng dạy của giảng viên có xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng Khoa [H6.06.02.13].

Để khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên tham gia các hoạt động NCKH, hàng năm, Nhà trường đều phát động các phong trào thi đua gắn với các sáng kiến với những quy định cụ thể: Quy định và hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng Trường ĐHXDMT [H6.06.02.14]; Quy định về nội dung, tiêu chuẩn, điều kiện công nhận sáng kiến Trường ĐHXDMT hàng năm [H6.06.02.15]; Quy định về đánh giá giảng viên và môn học sau mỗi kỳ học [H6.06.02.16]; Quy định về quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên [H6.06.02.17].

Nhờ việc quản lý sát sao việc phân công giảng dạy, khuyến khích giảng viên,

nhà nghiên cứu viên tham gia NCKH mà Nhà trường luôn đảm bảo khối lượng giảng dạy theo quy định của giảng viên, NCV. Đồng thời khuyến khích các hoạt động NCKH, nâng cao năng lực NCKH của giảng viên. Bên cạnh đó, nhờ việc quản lý sát sao này đem lại những ý kiến đóng góp thiết thực, không ngừng cải tiến chất lượng, nâng cao các hoạt động giúp ích cho cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/người học và định mức các công việc của từng GV ngành Kế toán được đo lường, xác định rõ ràng và được giám sát bởi Bộ môn, Khoa, các đơn vị chức năng trong nhà trường làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Có các quy định về số lượng, khối lượng công việc tiêu chuẩn đối với giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV có học hàm học vị TS có tăng trong 2 năm gần đây nhưng vẫn chưa đạt được mục tiêu chiến lược mà nhà trường đặt ra khi mở rộng ngành đào tạo mới.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, NCV của Khoa và Bộ môn phục vụ ngành Kế toán	- Xây dựng tốt kết hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho bộ môn Quản lý xây dựng	- Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng - Bộ môn Kế toán-Tài chính - Phòng TC-NS	Bắt đầu từ năm 2024

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 4/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Xây dựng đội ngũ GV có năng lực, trình độ cao là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy đại học. Chính vì vậy để đảm bảo tuyển được GV có đủ phẩm chất đạo đức, đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ thì Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình về công tác tuyển dụng thông qua quy định về quy chế tuyển dụng với viên chức nhà trường [H6.06.03.01], phù hợp với những quy định về tuyển dụng lao động, viên chức của Nhà nước như Luật lao động Việt Nam 2019

[H6.06.03.02], Luật viên chức năm 2019 [H6.06.03.03]; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [H6.06.03.04]; quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh giảng viên trường đại học [H6.06.03.05].

Trong mỗi lần tuyển dụng, Nhà trường đều có thông báo nhu cầu tuyển dụng công khai, minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website chính thức của Nhà trường, trong đó quy định rõ về số lượng tuyển dụng, tiêu chuẩn tuyển dụng, vị trí tuyển dụng, cách thức thi tuyển... [H6.06.03.06], [H6.06.03.07]. Công tác tuyển dụng GV, NCV của bộ môn Kế toán – Tài chính, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng những năm qua luôn đảm bảo thực hiện đúng quy trình, phù hợp với quy hoạch của Khoa và Nhà trường [H6.06.03.08].

Các quy định này được xác định dựa trên những đề xuất của Bộ môn có nhu cầu tuyển dụng như tốt nghiệp từ loại khá, giỏi trở lên thuộc lĩnh vực đào tạo ngành Kinh tế xây dựng và ưu tiên những trường hợp có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ. Các ứng cử viên phải đảm bảo có kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đáp ứng được những yêu cầu về đạo đức và quan trọng là nắm được những kiến thức cơ bản về ngành Kế toán. Kết quả tuyển dụng GV, NCV ngành Kế toán trong 5 năm qua cho thấy, các đối tượng được tuyển dụng đáp ứng được các yêu cầu đặt ra, quy trình tuyển dụng, công bố kết quả là rõ ràng, công khai [H6.06.03.09]. [H6.06.03.10].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, bao gồm: Phẩm chất đạo đức và lý lịch rõ ràng, giảng viên phải có bằng Tiến sỹ trở lên (hoặc đang NCS), đáp ứng được trình độ tin học và ngoại ngữ phù hợp, có giấy khám sức khỏe theo quy định theo đúng bản mô tả vị trí việc làm của giảng viên [H6.06.03.11].

Trong công tác nâng hạng, bổ nhiệm viên chức, Trường ĐHXDMT đã thực hiện đúng các quy định của điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập [H6.06.03.12]. Theo thông báo, Nhà trường sẽ có văn bản thông báo đăng ký giảng viên thi thăng hạng về Khoa và bộ môn để đăng ký. Trong 5 năm qua, số lượng GV của ngành Kế toán được thi thăng hạng là 02 người theo kết quả từ cấp quản lý trực tiếp [H6.06.03.13].

Ngoài ra, Nhà trường cũng đã ban hành quy định rõ ràng về tiêu chuẩn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Trường [H6.06.03.14]. Đây là những cơ sở quan trọng để Nhà trường thực hiện việc điều động, sử dụng cán bộ, GV thể hiện qua danh sách điều động, bổ nhiệm [H6.06.03.15].

Trong công tác tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh giảng viên, các ứng viên sau khi trúng tuyển phải trải qua thời gian tập sự là 01 năm dưới sự hướng dẫn chuyên môn của giảng viên có kinh nghiệm do bộ môn chuyên môn phân công [H6.06.03.16]. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự và đạt được các yêu cầu của trường, người tập sự sẽ được chính thức bổ nhiệm vào ngạch viên chức dựa trên quy trình bổ nhiệm viên chức [H6.06.03.17]. Sau khi được tuyển dụng giảng viên phải đáp ứng yêu cầu chức danh nghề nghiệp giảng viên theo quy định. Các chế độ của giảng viên sau khi được tuyển dụng, được ký hợp đồng với các điều khoản chế độ người được tuyển dụng rõ ràng [H6.06.03.18].

2. Điểm mạnh

Thực hiện thi tuyển viên chức được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của luật viên chức và quy định của nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức cũng như quy định của nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và cụ thể, được phổ biến công khai, minh bạch và rộng rãi đến các đối tượng có liên quan.

Việc bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của nhà trường và quy định chung của việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Nhà nước, đảm bảo công khai và minh bạch, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực của Trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường đã có những kế hoạch, chiến lược phát triển đội ngũ, tuy nhiên Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng chưa thực sự có các chiến lược phát triển đội ngũ cho Khoa nói chung và ngành Kế toán nói riêng.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1. Rà soát, bổ sung kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV ngành Kế toán	- Xây dựng tốt kết hoạch phát triển nguồn nhân lực cho ngành	- Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng - Phòng TC-NS	Bắt đầu từ Năm 2024
2. Nâng cao hiệu quả công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan	- Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chuẩn, tiêu chí lựa chọn GV, NCV ngành Kế toán	- Phòng TC-NS	Bắt đầu từ Năm 2024

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Đội ngũ GV, NCV của ngành Kế toán đảm bảo được năng lực giảng dạy và NCKH. Với vai trò là giảng viên đồng thời là viên chức của đơn vị sự nghiệp, việc đánh giá năng lực giảng viên được thực hiện theo Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [H6.06.04.01], Quy định về Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên trường đại học [H6.06.04.02], Điều lệ trường Đại học [H6.06.04.03], Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập [H6.06.04.04], Quy định về đánh giá và phân loại cán bộ công chức, viên chức của Chính phủ [H6.06.04.05].

Đối với các vị trí giảng viên đồng thời là lãnh đạo, quản lý thì các tiêu chuẩn đánh giá năng lực còn tuân theo Quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo của Bộ Xây dựng và quy định của Trường ĐHXDMT [H6.06.04.06].

Ngay từ khi tuyển dụng, quy định về người hướng dẫn tập sự, thời gian tập sự của GV trong quá trình tập sự, thử việc, nhà trường cũng có các quy định cụ thể để đánh giá năng lực giảng viên [H6.06.04.07].

Căn cứ vào các quy định được ban hành, GV sau khi được tập sự 01 năm theo đúng quy định, sẽ có biên bản xét hết tập sự của Bộ môn, Khoa và nhà trường. Sau thời gian tập sự, GV phải thông qua sát hạch của hội đồng chuyên môn bộ môn và khoa chuyên môn. Nếu được thông qua, GV mới có thể được ký hợp đồng chính thức với nhà trường [H6.06.04.08].

Các tiêu chí đánh giá được cụ thể thành các chỉ tiêu định mức cụ thể đối với các công việc mà giảng viên được giao nêu trong Quy định đánh giá viên chức, người lao động trường ĐHXDMT, Quy định về đánh giá giảng viên và môn học định kỳ [H6.06.04.09] [H6.06.04.10]. Thông qua đó, hàng kỳ sẽ có mẫu phiếu và bảng tổng hợp kết quả đánh giá giảng viên và môn học định kỳ từ sinh viên được phòng Khảo thí và ĐBCL được tập hợp và gửi về các bộ môn và Khoa. [H6.06.04.11]. Từ kết quả này, Bộ môn sẽ họp xét, đánh giá môn học và giảng viên phụ trách môn học thông qua biên bản được ghi nhận hàng kỳ [H6.06.04.12]. Đây là căn cứ về việc đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức của Nhà trường và tạo động lực phấn đấu tốt cho cán bộ, nhân viên của Nhà trường.

Mỗi văn bản đều có Quyết định ban hành thống nhất sử dụng trong toàn trường ĐHXDMT. Việc đánh giá GV của bộ môn cũng được thực hiện theo đúng quy định của quy chế hoạt động của bộ môn về việc dự giờ, quy định về sinh hoạt câu lạc bộ

học thuật [H6.06.04.13] [H6.06.04.14]. Thực hiện những quy định này, mỗi kỳ học, Bộ môn đều tiến hành dự giờ thường xuyên và đột xuất của mỗi GV [H6.06.04.15]. Để làm cơ sở cho việc đánh giá cán bộ, giảng viên để bình xét lương tăng thêm, hàng tháng các bộ môn chuyên môn làm bảng chấm công, xếp loại viên chức [H6.06.04.16].

Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Phòng Tổ chức – Nhân sự, các bộ môn chuyên môn, Khoa tiến hành đánh giá, phân loại viên chức, GV [H6.06.04.17]. Việc đánh giá, bình xét thi đua được thực hiện dựa trên các kết quả giảng dạy, NCKH, sáng kiến công tác, hoạt động chuyên môn khác [H6.06.04.18]. Kết quả cho thấy, 100% GV và NCV đã hoàn thành kế hoạch công tác hàng năm, vượt thừa giờ trong giảng dạy và trong NCKH đạt nhiều sáng kiến được ghi nhận qua các quyết định công nhận danh hiệu thi đua, quyết định khen thưởng [H6.06.04.19].

Thông qua công tác đánh giá giảng viên hàng năm, nhiều GV trong Khoa tham gia giảng dạy được SV đánh giá có năng lực tốt. Bên cạnh đó cũng có một số GV được đánh giá có năng lực chưa thực sự cao và các GV này đã được Nhà trường, đơn vị chức năng, Khoa, Bộ môn trao đổi giúp đỡ để từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực đảm bảo công tác giảng dạy và NCKH.

2. Điểm mạnh

Năng lực của GV, NCV ngành được xây dựng rõ ràng, đầy đủ. Việc đánh giá năng lực của GV, NCV được tiến hành đa dạng, thông qua nhiều hình thức và đối tượng đánh giá từ chính bản thân GV, NCV đến Khoa, bộ môn và người học. Qua các kết quả đánh giá cho thấy, GV ngành Kế toán về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu, phục vụ tốt các hoạt động giảng dạy và NCKH của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá năng lực của GV được thực hiện theo nhiều quy định khác nhau và tại các thời điểm khác nhau trong năm: giữa năm học, cuối năm học, cuối năm tài chính. Trong khi đó nhiệm vụ chính của giảng viên là giảng dạy và nghiên cứu khoa học, việc thống kê kết quả các công tác này liên quan trực tiếp đến các phòng: Quản lý Đào tạo, Quản lý chất lượng, Tổ chức – Nhân sự, Khoa học và HTQT. Tuy nhiên không có cơ sở dữ liệu chung có tính liên kết giữa các phòng ban này dẫn đến việc giảng viên mất nhiều thời gian để kê khai các thông tin cần thiết cho việc đánh giá năng lực như: số giờ giảng dạy, số giờ nghiên cứu khoa học, minh chứng các công trình nghiên cứu khoa học...

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
----------	----------	------------------	---------------------

1. Nâng cao chất lượng công tác đánh giá GV, NCV ngành Kế toán	-Xây dựng tốt các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác của GV, NCV -Xây dựng các kế hoạch, phương thức đánh giá năng lực GV, NCV phù hợp	- Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng - Bộ môn Kế toán – Tài chính - Phòng TC-NS	Bắt đầu từ Năm 2024
2. Tổ chức lấy ý kiến GV, NCV và các bên liên quan về công tác đánh giá.	- Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chuẩn, tiêu chí lựa chọn GV, NCV ngành Kế toán.	- Phòng TC-NS - Phòng Quản lý chất lượng - Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng	Bắt đầu từ Năm 2024

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 4/7.**

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Căn cứ nội dung của Chiến lược phát triển trường ĐHXDMT, Chiến lược đảm bảo chất lượng của trường ĐHXDMT, Chiến lược hợp tác quốc tế của trường ĐHXDMT giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 [H6.06.05.01], điều khẳng định vai trò quan trọng của đào tạo, bồi dưỡng trong phát triển nguồn nhân lực. Để thực hiện các chiến lược đó, Nhà trường đã ban hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng GV [H6.06.05.02]. Căn cứ vào quy chế này, hàng năm phòng TCHC đều có thông báo xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đến các khoa và bộ môn [H6.06.05.03]. Trên cơ sở thông báo này, các bộ môn, khoa tiến hành họp xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của khoa và triển khai cho GV, NCV đăng ký nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng trình độ hàng năm [H6.06.05.04]. Dựa trên các kế hoạch gửi lên từ các Khoa, phòng Tổ chức – Nhân sự xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm của Nhà trường [H6.06.05.05].

Những năm qua, trường ĐHXDMT đã rất chú trọng mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho GV, NCV như các lớp bồi dưỡng chuyên môn, ngạch bậc, hướng dẫn thực hành, ban hành kèm các quyết định cử đội ngũ GC, NCV đi học bồi dưỡng ngắn hạn [H6.06.05.06]. Bên cạnh đó, để hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên, Trường đã tổ chức mở các lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng I, II kèm theo quyết định [H6.06.05.07]. Căn cứ vào kế hoạch công tác hàng năm, để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ các GV, NCV, nhà trường

đã cử cán bộ đi đào tạo trong và ngoài nước: bao gồm các khóa tập huấn, hội thảo khoa học và quyết định đi học thạc sỹ, nghiên cứu sinh [H6.06.05.08].

Bảng 6.8. Kết quả đào tạo bồi dưỡng từ năm 2018 đến năm 2023

TT	Trình độ chuyên môn	Năm						Tổng
		2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Nghiên cứu sinh	2	2	2	2	3	2	13
2	Cao học	3	2	1	2			8
3	Nghiên cứu sau tiến sĩ			1		2	3	6
4	Cao cấp LL chính trị	3		2		3	4	12
5	Trung cấp LL chính trị	1		7	2	1	1	12

TT	Nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ	Năm						Tổng
		2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Anh văn			24		2		26
2	Tin học (cơ bản+nâng cao)			26				26
3	Bồi dưỡng NVSP dành cho giảng viên				1	15		16
4	Bồi dưỡng TCCDNN giảng viên chính				13			13
5	Bồi dưỡng NV QLNN ngạch chuyên viên	1			4			5
6	Bồi dưỡng NV QLNN ngạch chuyên viên chính				1			1
7	Chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ khác	47	40	87	13	41	17	245

(Nguồn: Phòng Tổ chức-Nhân sự)

Các văn bằng, chứng chỉ mà các cá nhân đã được cấp sau các khóa đào tạo bằng tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước [H6.06.05.09]. Tuy nhiên, những kế hoạch xây dựng này chỉ dựa trên nhu cầu ngắn hạn từ cá nhân và bộ môn đề xuất hàng năm. Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của Nhà trường cũng đều quy định rõ việc hỗ trợ kinh phí cho GV đi học các lớp ngắn và

dài hạn [H6.06.05.10].

Kết quả thực hiện trong những năm gần đây cho thấy giảng viên của Bộ môn, Khoa luôn tích cực trong việc thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ thông qua các khóa học hoặc các hoạt động khác nhau nhằm nâng cao trình độ, năng lực giảng dạy và chuyên môn, về cơ bản GV, NCV của CTĐT được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của Nhà trường [H6.06.05.11]. Giảng viên Bộ môn, Khoa được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn theo kế hoạch của Bộ môn đã rà soát, phê duyệt [H6.06.05.12].

Chế độ chính sách cho giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước theo Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm [H6.06.05.13]. Cụ thể là, các GV trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được hưởng 40% mức lương hiện hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội; trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước được giảm khối lượng công việc theo thời gian đi học thực tế đối với đào tạo tiến sĩ và được hỗ trợ học phí, tài liệu học tập.

2. Điểm mạnh

Bộ môn Kế toán - Tài chính luôn quan tâm nhiều đến vấn đề đào tạo và bồi dưỡng giảng viên. Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên được xác định dựa trên cơ sở đánh giá năng lực giảng viên với các tiêu chí rõ ràng, công khai, thống nhất trong toàn trường. Số lượng giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đạt tỷ lệ cao. Việc đào tạo, bồi dưỡng cũng đảm bảo đúng theo định hướng phát triển chung của Khoa, Trường, các quy định liên quan đến tiêu chuẩn chức danh giảng viên đồng thời phục vụ trực tiếp cho hoạt động đào tạo ngành Kế toán.

3. Tồn tại

Việc xác định nhu cầu đào tạo còn mang tính thụ động nhiều, chưa có các kế hoạch phát triển đội ngũ dài hạn. Nguyên nhân chính của vấn đề này là Khoa, ngành chưa xây dựng chiến lược phát triển chi tiết, từ đó chưa xác định được nhu cầu nhân sự cho tương lai trong dài hạn. Đồng thời, do những hạn chế về ngân sách mà những hỗ trợ của Nhà trường cho các hoạt động phát triển chuyên môn chưa nhiều, Nhà trường chưa đa dạng được các hoạt động phát triển chuyên môn cho nguồn nhân lực, tỷ lệ GV, NCV của CTĐT được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của Nhà trường chưa được cao.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
----------	----------	------------------	---------------------

1. Chú trọng xây dựng KH đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn dài hạn cho GV, NCV	- Xây dựng và hoàn thiện chiến lược/kế hoạch đào tạo dài hạn cho GV, NCV ngành Kế toán	- Khoa KT& QLXD - Phòng TC-NS	Bắt đầu từ Năm học 2023-2024
2. Tổ chức nhiều lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng cho GV	Đa dạng hoá các lớp đào tạo, bồi dưỡng	- Khoa KT& QLXD - Phòng TC-NS	Bắt đầu từ Năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 4/7.**

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Dựa trên các quy định đã được Nhà nước và Trường ĐHXDMT ban hành, việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trường ĐHXDMT hiện triển khai thực hiện việc quản trị theo kết quả thực hiện công việc trên hầu hết các khía cạnh đánh giá cá nhân và tập thể. Hằng năm nhà trường có kế hoạch công tác cụ thể đối với GV thông qua việc các Phiếu đăng ký kế hoạch năm học, được tập hợp hằng năm theo Bộ môn, theo Khoa để làm căn cứ cho việc đánh giá cuối năm [H6.06.06.01]. Với cá nhân, để xếp hạng nhân viên làm căn cứ trả lương cơ bản và tăng thêm, hàng tháng bộ môn chuyên môn phải tiến hành chấm công, xếp loại hoàn thành công việc của giảng viên trong tháng làm cơ sở bình xét [H6.06.06.02].

Việc quản lý theo dõi, đánh giá GV, NCV được quy định là một nhiệm vụ của bộ môn chuyên môn. Do vậy, năng lực giảng dạy, NCKH của GV, NCV được bộ môn chuyên môn đánh giá thường xuyên mỗi kỳ học thông qua việc dự giờ, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn và các hoạt động khác [H6.06.06.03].

Hàng năm, căn cứ vào công tác đào tạo sẽ có những quy định cụ thể để GV, NCV thực hiện. Định mức khối lượng công việc của giảng viên sẽ được quy định cụ thể đối với chức danh công việc: định mức giảng dạy chuẩn của giảng viên là 275 tiết/ năm, định mức giờ chuẩn này còn được quy đổi từ nhiệm vụ giảng dạy đại học và sau đại học, hướng dẫn bài tập thực hành, thí nghiệm, khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ [H6.06.06.04].

Cuối năm học, các kết quả này được tổng hợp để đánh giá, trong đó bao gồm điểm GV tự đánh giá, đánh giá của bộ môn qua hoạt động chuyên môn và đánh giá của Ban chủ nhiệm khoa qua các hoạt động chung [H6.06.06.05].

Để đánh giá khách quan năng lực của GV, cuối mỗi đợt học, Phòng Quản lý chất lượng đều lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên [H6.06.06.06]. Các kết quả đánh giá sau đó được gửi về các bộ môn chuyên môn để họp nhận xét, đánh giá GV [H6.06.06.07].

Cuối mỗi năm học, việc đánh giá xếp loại GV, NCV được tiến hành dựa trên các kết quả hoạt động các GV dựa trên kết quả về tổng số giờ giảng dạy, tổng số công trình nghiên cứu được nghiệm thu, tổng số giờ hoạt động chuyên môn khác... để xác định các danh hiệu thi đua [H6.06.06.08].

Trước khi có kết quả cuối cùng, các phòng ban chức năng liên quan luôn có văn bản thông báo về kết quả đánh giá tạm tính và yêu cầu có sự phản hồi của từng cán bộ giảng viên trong Trường.

Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, hàng năm Nhà trường đều có thông báo đăng ký các hoạt động NCKH đến các bộ môn [H6.06.06.09].

Đồng thời, Nhà trường cũng dành một phần kinh phí lớn hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học này [H6.06.06.10]. Chế độ làm việc của giảng viên, NCV được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo các GV, NCV được tham gia vào việc xây dựng dự thảo xây dựng quy chế, các tiêu chí, quy trình đánh giá [H6.06.06.11]. Tổng hợp kết quả NCKH của GV ngành Kinh tế xây dựng những năm qua cho thấy, 100% GV hoàn thành định mức NCKH, đồng thời các GV có đề tài các cấp cũng ngày một tăng [H6.06.06.12]. Các kết quả nghiên cứu trước khi được công bố đều được tổ chức nghiệm thu nghiêm túc, đảm bảo tính tin cậy và khoa học [H6.06.06.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường rất chú trọng trong việc kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên và từ năm 2018 các tác giả phải có bài báo công bố kết quả của công trình NCKH cấp cơ sở làm điều kiện tính giờ NCKH [H6.06.06.14]. Đối với hoạt động biên soạn giáo trình, bài giảng, tác giả phải nộp bản thảo của giáo trình, bài giảng và thực hiện nghiệm thu theo đúng quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường [H6.06.06.15]. Các ấn phẩm này chỉ được phát hành sau khi đã được hội đồng nghiệm thu.

Giai đoạn 2018-2023, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng đã có 02 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, 16 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 04 GV được Bộ Xây dựng tặng bằng khen, Tập thể Khoa 02 lần được Bộ Xây dựng tặng bằng khen. Kết quả đánh giá, xếp loại GV, thi đua, khen thưởng đã được khoa/bộ môn và Nhà trường thực hiện đúng các quy định, công khai tới toàn thể GV. 100% GV hài lòng về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc bình xét các danh hiệu thi đua các cấp. Trong

suốt chu kỳ đánh giá không có khiếu nại về đánh giá, xếp loại chất lượng GV và thi đua, khen thưởng. Trong giai đoạn 2018-2022, đội ngũ GV của Khoa có đủ năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.06.16].

Như vậy, Nhà trường đã rất quan tâm xây dựng các tiêu chí đánh giá GV, NCV một cách toàn diện, hiệu quả. Quy trình các công tác này được triển khai nghiêm túc ở các đơn vị trong toàn Trường. Từ đó, tạo động lực để GV, NCV toàn Trường nói chung, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng, bộ môn Kế toán – Tài chính nói riêng sẽ không ngừng nỗ lực phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, một số nội dung đánh giá khó đo lường và dựa chủ yếu vào kết quả mà chưa có những đánh giá sâu về chất lượng, hiệu quả và những tác động của các kết quả này đến việc cải thiện năng lực của giảng viên và NCV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã áp dụng phương pháp quản trị theo kết quả công tác đến từng GV, NCV, qua đó có thể đánh giá và quản lý tốt đội ngũ, tạo ra động lực phấn đấu cho mỗi cán bộ, GV. Nhà trường đã áp dụng các phương pháp đánh giá linh hoạt, thành phần đánh giá đa dạng giúp cho việc đánh giá được khách quan, công bằng, tạo được động lực phấn đấu tốt cho GV và NCV trong Khoa và Nhà trường.

3. Tồn tại

Mặc dù Khoa và Nhà trường đã chú trọng và áp dụng việc quản lý dựa vào kết quả công việc thực hiện của GV và NCV. Tuy nhiên, một số nội dung đánh giá khó đo lường và dựa chủ yếu vào kết quả mà chưa có những đánh giá sâu về chất lượng, hiệu quả và những tác động của các kết quả này đến việc cải thiện năng lực của giảng viên và NCV. Số lượng tham gia đề tài cấp cao còn hạn chế về quy mô và chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị dựa vào kết quả công tác của GV, NCV	- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tổng thể các kết quả công tác của GV, NCV trong trường	- Khoa KT & QLXD - Phòng TC-NS	Bắt đầu từ Năm 2024

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí đạt yêu cầu với mức điểm tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhiệm vụ NCKH công nghệ luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao uy tín, vị thế của Nhà trường, được xác định rõ trong sứ mạng, mục tiêu phát triển Trường ĐHXDMT. Trong “*Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT đến năm 2025, tầm nhìn 2030*” đã chỉ rõ chiến lược phát triển KH&CN, cụ thể hóa các chỉ tiêu cần đạt và lộ trình thực hiện theo từng năm về KH&CN của Nhà trường nhằm đảm bảo việc thực hiện chiến lược phát triển về KH&CN cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng giai đoạn.

Các hoạt động NCKH của GV, NCV ngành Kinh tế xây dựng được thực hiện theo quy định của Nhà nước [H6.06.07.01]. Trường ĐHXDMT đã có quy định cụ thể loại hình và số lượng các hoạt động NCKH mà giảng viên ở các hạng chức danh khác nhau phải thực hiện [H6.06.07.02] và quy định cách hướng dẫn xây dựng chỉ số năng lực nghiên cứu khoa học của cá nhân và tập thể trường [H6.06.07.03]. Bên cạnh đó, Trường quy định cụ thể về định mức giờ NCKH tối thiểu và định mức quy đổi của từng hoạt động như sinh hoạt học thuật, thực hiện nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước, bài báo đăng tạp chí khoa học... ra giờ chuẩn NCKH được nêu trong Quy định chế độ giảng viên, Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường [H6.06.07.04]. Theo Quy định chế độ giảng viên năm 2022, định mức giờ NCKH tối thiểu đối với giảng viên là 200 giờ/năm. Riêng với hoạt động hướng dẫn NCKH của sinh viên, Nhà trường cũng có quy định, định mức cụ thể [H6.06.07.05]. Đồng thời có những hướng dẫn cụ thể về các loại hình và định mức giờ quy đổi để tính giờ NCKH cho GV, NCV và các cá nhân khác trong toàn trường. Ngoài ra, Nhà trường cũng có những quy định cụ thể về công nhận “sáng kiến” cá nhân để bình xét các danh hiệu thi đua cuối năm [H6.06.07.06].

Kết quả NCKH cũng là một trong những tiêu chí quan trọng để xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng và xếp loại viên chức hàng năm [H6.06.07.07]. Trong các quy định về Tiêu chuẩn, tiêu chí xét danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với giảng viên có tiêu chuẩn cụ thể về loại hình và số lượng hoạt động NCKH cụ thể. Điển hình đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở giảng viên phải có đề tài NCKH cấp cơ sở trở lên hoặc bài báo tương đương, hoàn thành định mức giảng dạy và một số những tiêu chí khác [H6.06.07.08].

Đầu mỗi năm học, các bộ môn, khoa được thông báo đề xuất các đề tài nghiên cứu các cấp [H6.06.07.09]. Sau khi có danh sách đăng ký, các khoa chuyên môn phải họp xét duyệt tên đề tài và có thông báo chính thức [H6.06.07.10]. Trong quá trình

thực hiện, cá nhân tham gia đề tài phải có báo cáo giữa kỳ và báo cáo sơ bộ trước khi nộp báo cáo kết quả chính thức [H6.06.06.11]. Khi đề tài hoàn thành, Phòng KH&HTQT chịu trách nhiệm đề xuất Hội đồng nghiệm thu đề tài trình Hiệu trưởng phê duyệt [H6.06.07.12].

Ngoài ra, hàng năm giảng viên giảng dạy ngành Kinh tế xây dựng thường đăng ký 01-02 đề tài sinh hoạt học thuật trở lên, nhằm cung cấp, trao đổi những thông tin khoa học, chuyên môn gắn với giảng dạy và nghiên cứu. Việc đăng ký đề tài sinh hoạt học thuật do giảng viên chủ động đăng ký tại Bộ môn vào đầu mỗi kỳ học [H6.06.07.13].

Kết quả hoạt động nghiên cứu của GV hàng năm là một trong những cơ sở để bộ môn, Khoa đánh giá GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến hoặc chiến sĩ thi đua nhằm khuyến khích GV, sinh viên tích cực tham gia vào hoạt động NCKH. Trong 05 năm gần đây, ngành Khoa và bộ môn và được nghiệm thu 37 đề tài trong đó 02 đề tài cấp bộ, 35 đề tài cấp trường, về tạp chí có 03 bài báo đăng trên tạp chí và 01 kỷ yếu hội thảo quốc tế, đồng thời có 16 bài báo đăng trên tạp chí và 01 kỷ yếu hội thảo trong nước, ngoài ra còn có hướng dẫn các nhóm sinh viên thực hiện NCKH [H6.06.07.14], [H6.06.07.15]. Nhìn chung trong 5 năm trở lại đây, NCKH của giảng viên bộ môn, Khoa không ngừng được đẩy mạnh và tăng cường phong trào tham gia viết bài báo khoa học trong và ngoài nước thể hiện qua thông tin về khoa học công nghệ từ Phòng Khoa học&HTQT [H6.06.07.16].

Bảng 6.9. Số lượng công bố học thuật từ năm 2018-2023

TT	Tạp chí	Năm học					Tổng số
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Tạp chí quốc tế toàn trường	2	13	21	16	5	57
	Khoa KT&QLXD		1	1	1		3
2	Tạp chí trong nước	22	13	17	19	5	76
	Khoa KT&QLXD	4	2	1	6	3	16
3	Kỷ yếu hội thảo quốc tế	2	3	5	3	1	14
	Khoa KT&QLXD	0	0	0	1	0	1
4	Kỷ yếu hội thảo trong nước	0	5	0	0	9	14
	Khoa KT&QLXD	0	0	0	0	1	1

TT	Đề tài, dự án	Năm					Tổng số
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Đề tài, dự án sự nghiệp cấp Nhà nước hoặc tương đương	2	0	1	0	0	3
	Khoa KT&QLXD						
2	Đề tài, dự án sự nghiệp cấp Bộ, Tỉnh hoặc tương đương	3	4	2	2	1	12
	Khoa KT&QLXD			1		1	2
3	Đề tài cấp cơ sở toàn trường	45	24	37	36	27	169
	Khoa KT&QLXD	7	7	9	6	6	35

(Nguồn: Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế)

Hoạt động KHCN hằng năm đã được Nhà trường/Khoa đánh giá, tổng kết và đối sánh để cải tiến hoạt động KHCN như sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý hoạt động KHCN nhằm khuyến khích cán bộ, GV, NH tham gia NCKH; đa dạng hóa các loại hình NCKH để tăng số lượng các công trình KHCN được công bố [H6.06.07.17].

2. Điểm mạnh

Việc triển khai kế hoạch KH&CN hàng năm cũng đều có hướng dẫn rõ ràng và thực hiện có nề nếp, đúng kế hoạch, đồng thời thường xuyên được kiểm tra, giám sát của bộ môn, Khoa và nhà trường. GV ngành Kinh tế xây dựng đã rất nỗ lực tham gia các hoạt động NCKH từ việc tham gia các đề tài các cấp, viết bài đăng tạp chí, biên soạn bài giảng, tài liệu tham khảo đến hướng dẫn NCKH sinh viên. Các kết quả nghiên cứu đều được đánh giá tốt.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù số lượng các hoạt động NCKH của Ngành là khá lớn, song các hoạt động NCKH của GV chưa thực sự đa dạng, chưa có nhiều đề tài nghiên cứu ở các cấp cao. Việc giám sát chất lượng để đối sánh, cải tiến chất lượng các công trình khoa học hầu như chưa được thực hiện để có đối sánh, cải tiến.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người	Thời gian
----------	----------	---------------	-----------

		thực hiện	thực hiện
- Nâng cao chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV	- Xây dựng các kế hoạch, định hướng NCKH cho GV, NCV; - Thực hiện các đối sánh để đánh giá mức độ cải tiến chất lượng các hoạt động NCKH	- Khoa KT & QLXD - Bộ môn Kế toán – Tài chính - Phòng KH & HTQT	Bắt đầu từ Năm 2024

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 5/7**

Kết luận tiêu chuẩn 6

GV của Nhà trường nói chung và Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng nói riêng đều có năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH; tỷ lệ GV/NH của Khoa đảm bảo, GV được phân công công việc phù hợp, đảm bảo khối lượng giờ dạy và thời gian NCKH. Công tác bổ nhiệm CBQL được Nhà trường, Khoa thực hiện công khai, dân chủ, đúng tiêu chuẩn, tiêu chí quy định; đội ngũ GV được định kỳ sát hạch kỹ năng thực hành/thực nghiệm. Khoa/Trường có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ về tài chính, thời gian cho GV đi NCS trong, ngoài nước và có chế độ ưu tiên cho các GV bảo vệ thành công luận án tiến sĩ đúng hạn. Hằng tháng, khoa tổ chức đánh giá xếp loại thi đua, khen thưởng thông qua bộ tiêu chí đánh giá khối lượng, chất lượng công việc của GV. GV đã công bố các công trình NCKH trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus và trên các tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm. Bên cạnh đó còn một số hạn chế như: số giảng viên có trình độ tiến sĩ còn thấp so với chỉ tiêu chiến lược của khoa; chưa có những quy định quy đổi cho một số hoạt động phục vụ cộng đồng làm căn cứ đánh giá, phân loại GV; chưa có tiêu chí riêng về tuyển dụng GV ưu tiên các ứng viên có khả năng học tập, giảng dạy, nghiên cứu (có công trình nghiên cứu công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus); việc khảo sát mức độ hài lòng của SV chưa thông qua nhiều kênh để lấy thông tin phản hồi khách quan; bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn thực tế tại doanh nghiệp cho GV còn hạn chế; tiêu chí đánh giá ở một số nhiệm vụ của GV còn định tính, chưa trọng tâm; số lượng bài báo đăng trên các tạp chí ngành được tính điểm trong nước, tạp chí quốc tế còn ít.

Từ năm 2022, Nhà trường xây dựng nhiều cơ chế khuyến khích đội ngũ GV hiện có đi học tiến sĩ và có chính sách tuyển dụng mới đối với GV có trình độ tiến sĩ về trường công tác; xây dựng các quy định trong hoạt động phục vụ cộng đồng làm căn

cứ đánh giá, phân loại GV. Khoa/bộ môn đề xuất cho GV đi cập nhật kiến thức chuyên môn thực tế tại doanh nghiệp; giao nhiệm vụ cho GV thực hiện viết và công bố các công trình khoa học trên các tạp chí ngành được tính điểm trong nước, tạp chí quốc tế.

Tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt mức 4 và 03 tiêu chí đạt mức 5.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng đào tạo của một trường đại học ngoài việc phụ thuộc chặt chẽ vào chất lượng đội ngũ giảng viên, chất lượng chương trình giảng dạy, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, học liệu, bộ máy quản trị tiên tiến, và đóng góp quan trọng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo trong suốt quá trình dạy và học.

Đào tạo đại học không thể đạt chất lượng tốt nếu đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chuyên môn, nghiệp vụ và một tinh thần trách nhiệm không cao. Trong đó, đáng lưu ý là những người làm việc tại Trung tâm Thông tin Thư viện, đội ngũ kỹ thuật viên làm quản trị mạng internet, Trung tâm Ngoại ngữ Tin học, phòng Quản lý đào tạo, phòng Quản lý chất lượng, phòng Công tác sinh viên hay nhân viên phục vụ làm việc tại giảng đường tại cơ sở chính và Phân hiệu Trường ĐHXDMT tại thành phố Đà Nẵng.

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ đóng một vai trò quan trọng và khẳng định được chỗ vị trí của mình trong nhiều hoạt động của Trường. Trường có 79 chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ, trong đó tại khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng có 01 chuyên viên thư ký khoa làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý sinh viên, 02 trợ lý giáo vụ khoa đào tạo, ngoài ra có các nhân viên hỗ trợ, kỹ thuật viên của khoa được phân công thực hiện các nhiệm vụ phục vụ, hỗ trợ giảng dạy, học tập thuộc phòng Quản lý đào tạo và phòng Hành chính – Quản trị. Các hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng được thực hiện hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH và học tập của giảng viên, sinh viên. Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường và khoa có chiến lược trong quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo để phát triển đội ngũ nhân viên.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo của Nhà trường.

Quy hoạch đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng của mỗi cơ quan, đơn vị, mà cơ sở đào tạo chẳng hạn như một trường đại học là một ví dụ. Theo đó, để làm tốt việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, Nhà trường cần phải có sự phân tích, dự báo chi tiết, cụ thể về nhu cầu về đội ngũ làm việc tại các Thư viện, phòng thực hành - thí nghiệm, phòng, ban, trung tâm có liên quan và phục vụ trực tiếp và gián tiếp nhằm đáp ứng và nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ.

Kế hoạch phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên Nhà trường đã có và thực hiện theo Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2016- 2020; và được Điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H7.07.01.01].

Thực hiện triển khai việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành đề án vị trí việc làm về quy hoạch đội ngũ trong đó có đội ngũ nhân viên làm việc tại Thư viện, phòng TH-TN, trung tâm thông tin thư viện, phòng QLĐT, phòng Quản lý chất lượng, phòng Công tác SV [H7.07.01.02].

Để làm tốt việc dự báo về nhu cầu đội ngũ, Nhà trường đã ra Nghị quyết Đảng ủy về Chiến lược phát triển Trường ĐHXDMT giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các ý kiến đóng góp cho Chiến lược phát triển trường trong đó có phát triển đội ngũ được thể hiện rõ trong tổng hợp nội dung hội nghị [H7.07.01.03]. Tuy nhiên, thực tế do tình hình sụt giảm về số lượng sinh viên trong vài năm gần đây, nên Nhà trường cần xem xét hiệu quả của bộ máy, cần phải rà soát, tinh gọn và nâng cao chất lượng đội ngũ.

Sau khi phân tích, dự báo nhu cầu đội ngũ nhân viên hỗ trợ về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, truyền thông và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua Thông báo, Quyết định tuyển dụng và Đề án vị trí việc làm tại Nhà trường [H7.07.01.04], [H7.07.01.05].

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch rà soát và đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Nhà trường, nhiệm vụ của các Khoa và Trung tâm thực hiện chức năng đào tạo. Thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, Đảng ủy Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 19/KH-ĐU ngày 13/9/2017 về rà soát quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026 và xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026, trong đó quy định rõ quy trình

xây dựng quy hoạch với 4 bước, đó là: (i) Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của CBVC ở đơn vị; (ii) Lấy ý kiến của cấp ủy và lãnh đạo đơn vị; (iii) Đơn vị báo cáo kết quả quy hoạch về Trường; và (iv) Quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng [H7.07.01.06].

Cập nhật tình hình, dựa trên cơ sở rà soát, đánh giá hiệu quả hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, Nhà trường có kế hoạch định biên nhân lực đào tạo của các Khoa, Viện và đưa ra phân tích và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Theo đó, hồ sơ, lý lịch đội ngũ CBVC toàn trường được bố trí, sắp xếp cụ thể, chi tiết tại các đơn vị trong trường [H7.07.01.07].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ toàn trường gồm 79 VC, NLD trong đó nhân viên có trình độ Ths, ĐH và trình độ khác là 28; 27; 24; và ... tương ứng, chiếm tỷ lệ lần lượt là 35; 34; 31% tương ứng. Trong đó, tại Cơ sở chính (PY) gồm 58 VC, NLD, nhân viên có trình độ Ths, ĐH và trình độ khác là 23; 19; 16 tương ứng, chiếm tỷ lệ lần lượt là 40; 33; 27% tương ứng. Tại Phân hiệu (ĐN) gồm 21 VC, NLD trong đó nhân viên có trình độ Ths, ĐH và trình độ khác là 5; 8; 8; và ... tương ứng, chiếm tỷ lệ lần lượt là 24; 38; 38 % tương ứng. Như vậy, so với tổng số CBVC toàn trường (tính đến tháng 12 năm 2022) là 246 người, thì đội ngũ nhân viên nói chung chiếm tỷ lệ là 32 % có thể được xem là không thể thiếu về số lượng.

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Theo đó, Nhà trường đã bố trí, sắp xếp đội ngũ nhân viên thư viện đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng phục vụ cho giảng viên, sinh viên, bạn đọc tra cứu, sưu tầm tài liệu, giáo trình, bài giảng, học liệu thuận tiện (Bảng 7.1). Thư viện bố trí nhân viên làm việc theo ca, cả ngày thứ bảy và chủ nhật và ban đêm nhất là thời điểm sinh viên ôn thi hay kết thúc các kỳ học hàng năm.

Bảng 7.1. Danh sách nhân viên làm việc tại trung tâm Thông tin-Thư viện

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Công việc	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thành	1965	Ths	Giám đốc	GVKN
2	Hoàng Thị Kim Vân	1971	ĐH	Chuyên viên	
3	Nguyễn Thị Khánh Hồng	1979	Ths	Chuyên viên	
4	Nguyễn Thị Diệu Hiền	1970	ĐH	Chuyên viên	
5	Võ Đại Hồng	1979	Ths	Chuyên viên	

Số liệu bảng 7.1 cho thấy, số lượng nhân viên trung tâm Thông tin-Thư viện làm việc tại Trường là 05 người, chiếm tỷ lệ 6% trong tổng số toàn nhân viên hỗ trợ đào tạo tại cơ sở chính. Rõ ràng với số lượng người trên, việc hỗ trợ đào tạo tại Trường có thể được đáp ứng. Đánh chú ý, trình độ của nhân viên thư viện có trình độ đại học rất cao cho thấy Nhà trường rất quan tâm tới số lượng và chất lượng đội ngũ nhân viên thư viện.

Đây là cơ hội tốt cho đội ngũ khai thác thông tin, sưu tầm và sử dụng tốt các phần mềm liên quan tới thu thập tài liệu học tập, NCKH và chuyển giao công nghệ (CGCN) Nhà trường thể hiện qua việc sử dụng thư viện điện tử [H7.07.01.08]. Đối với Phân hiệu, số lượng nhân viên thư viện là 01 người, chiếm tỷ lệ là 5% so với nhân viên hỗ trợ đào tạo tại Phân hiệu. Theo đó, khi phân hiệu mở rộng quy mô cũng như nâng cao chất lượng thì cần có kế hoạch bổ sung thêm số lượng nhân viên làm việc tại thư viện trong thời gian tới [H7.07.01.09].

Đối với Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo và NCKH chủ yếu là 03 người (02 trợ lý khoa và 01 thư ký khoa), ngoài ra còn có các CVHT kiêm nhiệm hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH của khoa. Như vậy, số lượng đội ngũ nhân viên là đảm bảo đáp ứng được yêu cầu, chất lượng cơ bản được đáp ứng được yêu cầu. [H7.07.01.10].

Bên cạnh nhân viên hỗ trợ về đào tạo phải kể đến đội ngũ nhân viên hỗ trợ về NCKH và CGCN, trong đó có vai trò của nhân viên làm việc tại phòng KH&HTQT, phòng QLĐT, phòng Quản lý xây dựng, phòng Công tác sinh viên, Trung tâm Truyền thông và QHDN với số lượng, trình độ chuyên môn của nhân viên này được tổng hợp trong bảng 7.2 như sau.

Bảng 7.2. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ về NCKH và chuyển giao công nghệ

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Công việc	Ghi chú
Phòng Khoa học &HTQT					
1	Nguyễn Công Bằng	1977	Ths	Chuyên viên	
2	Lê Thị Tường Lam	1989	Ths	Chuyên viên	
Phòng Quản lý đào tạo					
1	Trịnh Văn Tiến	1981	Ths	Chuyên viên	
2	Nguyễn Thị Hoài Phương	1984	ĐH	Chuyên viên	
3	Trần Thị Kim Chi	1991	ĐH	Chuyên viên	

4	Trần Thị Quỳnh Như	1982	ĐH	Chuyên viên	
5	Võ Thanh Toàn	1978	ThS	Chuyên viên	
6	Trần Quốc Phú	1991	Ths	Chuyên viên	
	Phòng Quản lý chất lượng				
1	Lê Thị Kim Loan	1978	ĐH	Chuyên viên	
2	Trịnh Liên Hương	1982	Ths	Chuyên viên	
3	Phạm Huy Khánh	1989	Ths	Chuyên viên	
	Phòng Công tác SV				
1	Đào Duy Bôn	1975	ĐH	Chuyên viên	
2	Nguyễn Thanh Bình	1978	ĐH	Chuyên viên	
3	Lê Trọng Hoài	1985	Ths	Chuyên viên	
4	Đinh Thị Lĩnh	1990	ĐH	Chuyên viên	
5	Nguyễn Thị Thanh Nhã	1977	ĐH	Chuyên viên	
6	Lê Quang Tăng	1991	Ths	Nhân viên	
7	Trần Đăng Hiền	1970	Khác	Nhân viên	
	Trung tâm truyền thông và QHDN				
1	Lê Hòa Đức	1988	ĐH	Chuyên viên	
2	Tôn Nữ Hồng Thư	1979	Ths	Chuyên viên	
3	Đinh Gia Tuấn	1980	Ths	Chuyên viên	

Như vậy, số lượng nhân viên hỗ trợ về NCKH và CGCN làm việc tại phòng ban, trong đó chuyên viên có trình độ thạc sĩ và đại học đạt gần 100,0% tương ứng. Mặc dù, số lượng nhân viên tại phòng Khoa học và HTQT không lớn (04 người, kể cả lãnh đạo phòng), song khối lượng công việc liên quan tới NCKH là khá lớn, từ thông báo, đăng ký đề tài NCKH của GV, SV, tổ chức triển khai nghiệm thu, đánh giá kết quả NCKH, trao giải thưởng, nhằm khuyến khích SV làm NCKH ngay khi đang học tại trường, cũng như thúc đẩy GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH hàng năm [H7.07.01.11].

Nếu nhân viên làm việc tại Thư viện, các phòng QLĐT; Quản lý chất lượng; KH&HTQT, Công tác HSSV và các Trung tâm hỗ trợ về đào tạo, NCKH và CGCN thì

đội ngũ nhân viên làm việc tại bộ phận Quản trị thiết bị lại nỗ lực vì mục tiêu phục vụ cộng đồng. Đó là các hoạt động vệ sinh giảng đường, phòng học, cảnh quan khuôn viên để luôn đảm bảo giảng đường xanh, phòng học sạch, không gian thông thoáng.

Phục vụ cộng đồng không chỉ với khoảng 2-3 nghìn gồm: CBVC, HSSV hàng ngày và tạo ra khuôn viên Nhà trường với các hoạt động thể dục, thể thao, thư giãn, giải trí trong môi trường luôn xanh lá, thắm hoa, sạch đường nội bộ tạo cảm giác dễ chịu, hứng thú góp phần tăng sức khỏe cộng đồng. Đặc biệt trong thời gian dài đại dịch Covid-19, hoạt động phục vụ cộng đồng càng đậm nét và thiết thực hơn, đó là những đóng góp không nhỏ công sức của đội ngũ nhân viên. Tuy nhiên, đội ngũ chuyên viên nhân viên tại bộ phận Quản trị, thiết bị với 18 nhân viên, và có trình độ thạc sĩ, đại học và trình độ khác là 27; 6 và 67% tương ứng [H7.07.01.12].

Bảng 7.3. Đội ngũ nhân viên bộ phận quản trị thiết bị

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Công việc	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Trạm	1971	Ths	Phụ trách Phòng	
2	Nguyễn Thanh Hải	1977	Ths	Phó Phòng	
3	Nguyễn Văn Tường	1976	Ths	Chuyên viên	
4	Nguyễn Chí Quốc	1965	ĐH	Chuyên viên	
5	Lê Hữu Hà	1988	Ths	Chuyên viên	
6	Nguyễn Thị Ngọc Lê	1988	Ths	Chuyên viên	
7	Phạm Tấn Quốc	1984	CĐ	Nhân viên	
8	Nguyễn Thị Bích Lan	1993	CĐ	Nhân viên	
9	Đỗ Thị Phương Nam	1969	Khác	Nhân viên	
10	Trương Thị Luyến	1980	Khác	Nhân viên	
11	Nguyễn Văn Đông	1987	Khác	Nhân viên	
12	Đoàn Thị Sang	1993	CĐ	Nhân viên	
13	Nguyễn Thị Hồng Lịch	1978	Khác	Nhân viên	
14	Nguyễn Thị Yến Nhi	1989	Khác	Nhân viên	
15	Đặng Thị Thu Hằng	1962	Khác	Nhân viên	
16	Phạm Thị Tịnh	1977	Khác	Nhân viên	

17	Phan Kế An	1978	Khác	Nhân viên	
18	Lê Thanh Diện	1966	Khác	Nhân viên	
19	Đinh Thị Quỳnh Anh	1990	ĐH	Nhân viên	
20	Nguyễn Văn Hoàn	1986	Ths	Nhân viên	
21	Phạm Tấn Quốc	1984	CD	Nhân viên	
22	Lê Phương Hùng	1978	Khác	Nhân viên	

Tuy nhiên, do đội ngũ còn hạn chế, công việc vừa chăm sóc, cắt tỉa chu đáo nhiều cây xanh, cây cảnh, thăm tưới cần được chăm sóc, chu đáo, cắt tỉa gọn gàng trên diện tích rộng hơn gần 19 ha (cả 2 cơ sở), vừa bảo trì thiết bị giảng dạy tại giảng đường nên khó tránh khỏi hạn chế, nhất là để hoạt động của thiết bị giảng dạy, lau dọn phòng học chưa làm hài lòng của các bên liên quan trong quá trình khảo sát lấy ý kiến [H7.07.01.13].

Đánh giá phản hồi của các bên liên quan đối với đội ngũ nhân viên về quá trình làm việc, tinh thần trách nhiệm, sự cần mẫn, siêng năng cũng như hiệu quả công việc là quan trọng. Thông tin phản hồi sẽ giúp cho trường đơn vị, bộ phận và bản thân nhân viên nắm bắt để kịp thời điều chỉnh, bổ sung và nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ ngày một tốt hơn. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan do phòng Quản lý chất lượng thực hiện năm 2022 (Bảng 7.4) cho thấy, số ý kiến phản hồi có mức độ hài lòng với tỷ lệ trung bình đạt trị số trên 65% [H7.07.01.14].

Bảng 7.4. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng đối với đội ngũ nhân viên

Đơn vị	Ý kiến phản hồi		Tỷ lệ (%) trung bình về mức độ		Ghi chú
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Hài lòng	Chưa hài lòng và các ý kiến khác	
Thư viện	1200	99	90,75	9,25	
Các phòng ban liên quan	1205	99	89,27	10,73	

Như vậy, về cơ bản đội ngũ nhân viên làm việc tại Thư viện, các phòng ban liên quan đã thể hiện tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ khá tốt với tỷ lệ trung bình đạt gần 90%. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ không thấp về ý kiến khác, trong đó có ý

kiến về mức độ chưa thực sự hài lòng khá cao (9,25-10,73%) rất cần lưu ý và nỗ lực làm tốt hơn trong thời gian tới.

Mặt khác, theo báo cáo của Nhà trường về tình hình của SV ngành Kinh tế xây dựng tốt nghiệp có việc làm năm 2019; 2020; 2021 và 2022 được đào tạo tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung với tỷ lệ tương ứng qua các năm là 25,58%; 27,78%; 100%; 76,67% qua các năm, bị thấp ở 2 năm đầu do số lượng sinh viên phản hồi về bị thấp hơn nhiều so với số sinh viên tốt nghiệp. Tỷ lệ ra trường có việc làm của sinh viên ngành Kinh tế xây dựng tăng dần qua các năm cho thấy công tác Đào tạo cũng như đóng góp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ về Đào tạo, NCKH và PVCĐ là rất đáng khích lệ và phát huy, nhất là trong tình hình hiện nay các đơn vị sử dụng lao động qua ĐT rất khắc khe, luôn đòi hỏi chất lượng lao động ngày một cao hơn [H7.07.01.15].

Ngoài ra, điều đáng quan tâm về kết quả đánh giá phản hồi các bên liên quan thông qua báo cáo đánh giá ngoài CTĐT Đại học chính quy ngành Kỹ thuật xây dựng do Trung tâm KĐCLGD thuộc Hiệp hội các trường đại học – cao đẳng Việt Nam (CEA – AVU&C) thực hiện trong năm 2021 có góp ý về đội ngũ nhân viên hỗ trợ về ĐT, NCKH, và PVCĐ. Trong đó, các góp ý về điểm tồn tại với tiêu chí 7.1 đã được báo cáo này đặc biệt quan tâm [H7.07.01.16]. Điều ấn tượng đối với Nhà trường là sau khi đánh giá ngoài trường đại học và chương trình đào tạo đã giúp cho Trường ĐHXDMT rà soát, chấn chỉnh và làm tốt hơn, chẳng hạn việc cập nhật thông tin, văn bản, quyết định một cách có hệ thống, rõ ràng hơn, có tác dụng phản ánh ngược lại liên quan tới thiết kế chương trình, giáo trình, đội ngũ ngày một tốt hơn.

2. Điểm mạnh

Trường đã có Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030; Văn bản Quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ về đào tạo, NCKH, và phục vụ cộng đồng. Trường đã tổ chức hội nghị CBVC lấy ý kiến về Chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2021, tầm nhìn đến năm 2030, và có Đề án vị trí việc làm cụ thể cho đội ngũ nhân viên với hồ sơ, lý lịch, và danh sách kèm vị trí công việc phù hợp với trình độ của nhân viên rất cụ thể rõ ràng.

Nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, cũng như đội ngũ chuyên viên làm việc tại phòng QLĐT, phòng Quản lý chất lượng, phòng KH&HTQT là nhân lực chung, đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để đáp ứng tốt các nhu cầu về Đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, về cơ bản NVHT của Nhà trường có trình độ năng lực phù hợp với vị trí việc làm. Tuy nhiên, vẫn còn nhân viên chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là các hoạt động phục vụ cộng đồng, kết quả thu thập được phản hồi của SV cũng xuất hiện những ý kiến đánh giá về chất lượng phục vụ chưa thực sự tốt, như thái độ phục vụ của một số bộ phận, CSVC phục vụ giảng dạy, học tập còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Nâng cao chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ	Nghiên cứu việc cải tiến, đánh giá chất lượng NVHT theo hình thức trực tuyến/ hòm thư góp ý Cuối mỗi học kỳ/ năm học, thông báo công khai kết quả đánh giá, xếp loại CBVC (trong đó có NVHT) cho GV, SV biết trên website của Nhà trường	Các bộ phận quản lý NVHT Phòng Quản lý chất lượng	Năm 2024

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu với mức điểm tự đánh giá: **5/7** điểm

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Quá trình tuyển dụng viên chức thực hiện theo đúng qui trình đã đề ra. Nhờ đó, Trường có đội ngũ cán bộ viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Để đội ngũ nhân viên hỗ trợ về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng vừa đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, Trường đã ban hành Quy định về tuyển dụng lao động hợp đồng và viên chức khối phục vụ. Trong đó có quy định rõ đối tượng, trình tự, thủ tục tuyển dụng, trình tự ký kết hợp đồng, chế độ chính sách đối với người thử việc và người hướng dẫn thử việc; và chấm dứt hợp đồng lao động [H7.07.02.01].

Đi kèm với quy định rõ về tuyển dụng lao động, viên chức, Nhà trường đã ban hành các văn bản nhằm xác định rõ tiêu chuẩn tuyển dụng viên chức với từng vị trí, chức năng, nhiệm vụ làm việc tại các khoa, viện, trung tâm hay phòng ban chuyên môn tại cơ sở chính và Phân hiệu.

Đối tượng tuyển dụng là chuyên viên làm việc tại các phòng ban chức năng phải tốt nghiệp đại học hoặc tương đương, có chuyên môn phù hợp với vị trí cần tuyển dụng. Tương tự các ứng viên vào vị trí là nghiên cứu viên, kỹ sư, cử nhân, nhân viên, nhân viên kỹ thuật viên đều yêu cầu có chuyên môn đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí làm cần tuyển dụng [H7.07.02.02]. Trong đó, yêu cầu tốt nghiệp ĐH chính quy loại khá trở lên, điểm các môn chuyên môn đạt loại khá trở lên, và có ít nhất 1 năm kinh nghiệm công tác ở vị trí việc làm cần tuyển dụng. Ngoài ra, một yêu cầu tiêu chuẩn là các ứng viên phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, ưu tiên ứng viên có chứng chỉ ngoại ngữ IELTS, TOEFL iBT và cần có chứng chỉ tin học trình độ và kỹ năng CNTT cơ bản.

Hàng năm Nhà trường có kế hoạch rà soát nguồn nhân lực, đội ngũ nhân viên làm việc tại đơn vị trực thuộc trường và phân hiệu về nhu cầu cần tuyển dụng. Các hội nghị được triển khai và thông qua về số lượng, vị trí, tiêu chuẩn ứng viên cho từng vị trí việc làm cần tuyển dụng. Thông báo kết quả rà soát, số lượng nhân viên, lao động hợp đồng cần tuyển dụng được phổ biến công khai bằng văn bản lưu hành nội bộ và công khai trên trang website của Nhà trường [H7.07.02.03], [H7.07.02.04].

Sau khi xem xét hồ sơ của các ứng viên đảm bảo đúng thủ tục, quy định, đảm bảo đúng thời gian và hạn định như thông báo. Nhà trường ra quyết định thành lập các ban chấm thi tuyển dụng viên chức, và quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức. Trong đó quy định chức trách của từng thành viên trong hội đồng, chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, thư ký, các trưởng tiểu ban, thời gian và địa điểm triển khai thi tuyển dụng. Kết quả tuyển dụng các đợt trong năm và hàng năm được công bố bằng văn bản và công khai trên trang website Nhà trường [H7.07.02.05], [H7.07.02.06], [H7.07.02.07].

Các ứng viên trúng tuyển qua các đợt thi tuyển hàng năm được ra quyết định phân công phân nhiệm vụ cụ thể rõ ràng, trong đó giao số vị trí việc làm và số người làm việc của từng đơn vị có nhu cầu tuyển dụng và có người trúng tuyển đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn cho các đơn vị khối hành chính, phục vụ hỗ trợ về Đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.07.02.08], [H7.07.02.09].

Công tác quản lý nhân viên lao động tại các đơn vị được Nhà trường luôn quan tâm, trong đó Hồ sơ cá nhân bao gồm sơ yếu lý lịch, lý lịch khoa học, chứng chỉ, bằng cấp các loại, văn bằng và các giấy tờ khác liên quan được lưu trữ cả bản cứng có công

chúng và bản mềm [H7.07.02.10]. Như vậy, đội ngũ nhân viên được thực hiện theo đúng quy trình, đúng quy định, trình tự và thủ tục, đáp ứng được tiêu chuẩn và dễ theo dõi trong suốt quá trình công tác của người lao động tại Trường.

Hàng năm tùy theo mục đích, yêu cầu của công việc cũng như nâng cao hiệu quả công việc tại các đơn vị, trường đơn vị có đề nghị, Nhà trường xem xét và có điều phối, bố trí nhân lực, lao động cho phù hợp giữa các phòng ban thông qua các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức, quyết định tiếp nhận viên chức chuyển lao động và quyết định chấm dứt lao động hợp đồng nếu viên chức, người lao động vi phạm kỷ luật hoặc có nguyện vọng chuyển hay thay đổi công việc [H7.07.02.11].

Đội ngũ cán bộ quản lý các phòng ban chức năng của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng giảng viên, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lý, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ kỹ thuật viên, cán bộ nhân viên chủ yếu có trình độ đại học các ngành phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Trường có một môi trường dân chủ: cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Trường; mọi yêu cầu chính đáng và các khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời, đúng qui định.

Như vậy có thể thấy quá trình tuyển dụng nhân viên, lao động hợp đồng của Nhà trường là công khai, minh bạch với các tiêu chuẩn tuyển chọn được công bố rõ ràng để đảm bảo tính công bằng cho người dự tuyển.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển dụng của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định trong các văn bản của Nhà nước có liên quan. Các tiêu chuẩn, số lượng, vị trí tuyển dụng được quy định và công bố rõ ràng trong từng lần tổ chức tuyển dụng. Đồng thời, sau khi thi tuyển, các kết quả cũng được công bố công khai cho các ứng cử viên. Việc điều chuyển nhân viên giữa các phòng ban diễn ra nhẹ nhàng không gây xáo trộn

Trường đang có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ số lượng với cơ cấu hợp lý, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: hành chính và phục vụ đào tạo. Phần lớn nhân viên hỗ trợ đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay Nhà trường vẫn còn một số bộ phận nhân sự được bổ nhiệm chưa đáp ứng được yêu cầu (chưa đạt trình độ yêu cầu) do nguồn nhân lực tại chỗ đang được bồi dưỡng, đồng thời trong một số trường hợp không có nguồn tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
-----------	-----------------	-----------------	--------------------------------	----------------------------

1	Nâng cao chất lượng NVHT	Rà soát, cập nhật quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng theo yêu cầu vị trí được bổ nhiệm.	BGH, P.TC-NS, Khoa KT &QLXD	Hàng năm
2	Rà soát, bổ sung, điều chỉnh NVHT	Làm rõ vị trí còn thiếu, chưa phù hợp với năng lực của nhân viên trước khi điều chuyển	BGH, P.TC-NS, Khoa KT & QLXD	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Tiêu chí đạt yêu cầu với mức điểm tự đánh giá: **5/7**

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành Quy định đánh giá viên chức, LĐHĐ khối quản lý, phục vụ của Trường ĐHXDMT và phổ biến các văn bản mới về thực hiện công tác thi đua khen thưởng hàng năm. Trong đó có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của nhân viên khối hành chính, Thư viện, khối trung tâm, các Khoa, Viện và đơn vị chuyên môn. Các quy định này dùng để làm căn cứ theo dõi, giám sát, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên và LĐHĐ khối quản lý và phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ [H7.07.03.01].

Trường cũng đã ban hành Quy định về nội dung, tiêu chí, quy trình đánh giá xếp loại cán bộ khối giảng dạy, khối quản lý và khối phục vụ và LĐHĐ. Hàng năm Nhà trường đều có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ cho công tác đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng và thực hiện các chế độ, chính sách cho viên chức và người lao động. Trong đó quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá viên chức, lao động hợp đồng khối quản lý, phục vụ của trường được thực hiện từ bên dưới gồm bộ môn, tổ bộ phận, tiếp đến là đơn vị (Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm...) tiếp nhận kết quả đánh giá xếp loại từ bộ môn, tổ công tác, và cuối cùng hồ sơ được Nhà trường xem xét đánh giá xếp loại [H7.07.03.02].

Các tiêu chí đánh giá xếp loại hàng năm được Nhà trường triển khai sớm thông qua văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức, người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Văn bản quy định về đánh giá nhân viên được Nhà trường thực hiện theo quy chế dân chủ, được thông báo rộng rãi đến toàn thể cán bộ giảng viên, nhân viên để lấy ý kiến đóng góp trước khi ban hành văn bản chính thức. Việc đánh giá nhân viên, người lao động còn dựa trên kế hoạch đăng ký theo năm học hằng

năm của từng cá nhân, được tập hợp theo đơn vị [H7.07.03.03]. Quy định bao gồm các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức, người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm; các quy trình, biểu mẫu dành cho người học và GV đánh giá về đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Các tiêu chí đánh giá bao gồm năng lực và trình độ chuyên môn; kỹ năng nghề nghiệp; đạo đức, trách nhiệm; kết quả thực hiện nhiệm vụ; công tác học tập, bồi dưỡng chuyên môn; sự hài lòng của các bên liên quan [H7.07.03.04].

Công tác đánh giá nhân viên hỗ trợ được thực hiện vào cuối mỗi năm học theo quy trình 3 bước, cụ thể như sau:

Bước 1- Mỗi cá nhân tự đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện, ưu nhược điểm, tự xếp loại thông qua phiếu đánh giá và phân loại viên chức;

Bước 2- Trình bày bản kiểm điểm cá nhân, phiếu đánh giá và phân loại viên chức trước tập thể đơn vị để đồng nghiệp góp ý;

Bước 3- Lãnh đạo trực tiếp quản lý viên chức nhận xét và đánh giá, phân loại viên chức.

Tiêu chí và thang phân loại đánh giá, phân loại viên chức và người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm bao gồm: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; và Không hoàn thành nhiệm vụ được lượng hóa bằng số điểm tương ứng với các mức độ hành thành đã quy định.

Các hướng dẫn về lập báo cáo thành tích sáng kiến và xét công nhận sáng kiến được cụ thể hóa theo từng nhóm đối tượng chuyên môn [H7.07.03.05]. Trong đó, nhóm viên chức giảng dạy có thể sáng kiến là công trình khoa học, đề tài, dự án khoa học đã hoàn thành tốt, hoặc là các ấn phẩm khoa học đã công bố trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước. Đây là căn cứ quan trọng giúp lãnh đạo Nhà trường họp xét nâng lương, tăng lương trước thời hạn, và tạo động lực thúc đẩy, khuyến khích CBVC Nhà trường hăng say, nâng cao năng lực và tìm kiếm sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc được giao. Ngoài ra, các quy định, nội dung, tiêu chí đánh giá xếp loại viên chức là cơ sở quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao vị thế và thương hiệu Nhà trường nhất là trong bối cảnh hiện nay có nhiều biến động [H7.07.03.06].

Sau khi các văn bản hướng dẫn, triển khai đánh giá, phân loại viên chức và người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua, các cá nhân tự nhận xét, đánh giá chính bản thân mình theo các mẫu biểu được Nhà trường quy định. Đơn vị sẽ tiếp nhận kết quả họp đánh giá, nhận xét, phân loại viên chức và người lao động, các danh hiệu thi đua, khen thưởng của cá nhân và tập thể từ các bộ môn, tổ công tác. Kết quả đánh giá, nhận

xét, phân loại các danh hiệu thi đua được đơn vị (Viện, Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm) gửi về Nhà trường theo quy định và hướng dẫn [H7.07.03.07].

Trường tiếp tục đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng sau khi có kết quả đánh giá, bình xét tại các Khoa, Viện, và đơn vị theo quy trình, nội dung, tiêu chí và phương pháp đã được hướng dẫn và công bố công khai bằng văn bản và bản tin nội bộ Trường. Kết quả đánh giá, xếp loại và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm được Nhà trường gửi Thông báo và ban hành các Quyết định kèm theo cho các cá nhân và tập thể, đơn vị đạt các mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm tới các khoa, viện, phòng, ban và đơn vị hàng năm [H7.07.03.08].

Ngoài ra, kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động đạt các mức độ hoàn thành và công nhận các sáng kiến năm học cũng được Nhà trường ban hành kèm theo các Quyết định cho cá nhân và tập thể đã có thành tích và đạt được các danh hiệu và chưa đạt mức độ hoàn thành công việc. Kết quả đánh giá năng lực, phân loại mức độ hoàn thành công việc được công bố công khai trong toàn Trường, với các minh chứng cụ thể như biên bản họp, phiếu đánh giá của người học, kết quả công nhận và làm cơ sở để Nhà trường chi trả lương, nâng lương trước thời hạn, hay chấm dứt hợp đồng lao động [H7.07.03.09].

Mặt khác, kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động cũng như các thành tích đạt được của các cá nhân được cập nhật và lưu trong hồ sơ, lý lịch của đội ngũ viên chức và người lao động, tạo thuận lợi cho công tác quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, hay cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho các vị trí việc làm nhằm nâng cao chất lượng ĐT và văn hóa Nhà trường [H7.07.03.10].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ nhân viên của Trường ĐHXDMT được xác định và được đánh giá hàng năm dựa trên Quy định chức năng, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của từng nhóm đối tượng cụ thể theo các khối hành chính, Thư viện, khoa, viện, phòng, ban và trung tâm.

Hệ thống các văn bản về quy trình, nội dung, phương pháp, công cụ với các tiêu chí rõ ràng được lượng hóa bằng điểm số, trọng số và các phát minh, sáng kiến tích cực được ban hành theo Quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Hàng năm Nhà trường có các quyết định đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ (xuất sắc, tốt, hành thành và không hoàn thành) đối với viên chức và người lao động trong toàn trường

3. Điểm tồn tại

Với nhiều vị trí công việc, việc áp dụng các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá còn chưa thực sự cụ thể, khó đo lường. Do vậy mà kết quả đánh giá ở một số bộ phận có thể còn

chưa thực sự công bằng, chưa tạo được động lực phấn đấu cho người lao động và làm căn cứ cho công tác sắp xếp, điều động, luân chuyển, tuyển dụng nhân viên vào các vị trí việc làm phù hợp và hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Nâng cao chất lượng công tác đánh giá NVHT	Hoàn thiện các tiêu chí và hướng dẫn đánh giá chi tiết cho từng bộ phận	- Các bộ phận quản lý NVHT -Phòng TC - NS	Năm 2024

5. Tự đánh giá:

Tiêu chí đạt yêu cầu với mức điểm tự đánh giá: **5/7**

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Trong công tác xây dựng đội ngũ, Nhà trường đã chú trọng toàn diện cả ba khâu tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng và sử dụng lao động. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên, là điều kiện quyết định để Nhà trường có thể đứng vững và thắng lợi trong môi trường cạnh tranh.

Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức và người lao động được xác định là quan trọng và thường xuyên, và đã được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển đội ngũ, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và lao động hợp đồng của Trường ĐHXDMT [H7.07.04.01].

Hàng năm Trường tiến hành khảo sát nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên tại các khoa, viện, phòng, ban, thư viện và trung tâm. Kết quả khảo sát nhu cầu về ĐT, bồi dưỡng là căn cứ để xây dựng kế hoạch ĐT, bồi dưỡng đội ngũ viên chức và người lao động đúng chuyên môn, nghiệp vụ và đúng người. Trong đó có kế hoạch ĐT, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn và ngắn hạn được thể hiện rõ trong kế hoạch hàng năm và được thông báo tới các đơn vị trực thuộc trường [H7.07.04.02], [H7.07.04.03]. Theo đó, việc khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được tuân thủ theo các bước:

(i) Khảo sát nhu cầu về ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc và lấy ý kiến về nhu cầu ĐT bồi dưỡng của công nhân viên hàng năm;

(ii) Triển khai thực hiện việc ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên: Nhân viên khi được cử đi ĐT, bồi dưỡng được Nhà trường ra quyết định cho phép đi ĐT, bồi dưỡng với chế độ hỗ trợ về kinh phí, thời gian được ghi rõ trong quyết định. Hàng năm, Nhà trường và đơn vị có báo cáo kết quả thống kê về số lượng nhân viên được cử ĐT, bồi dưỡng; và

(iii) Lập kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên dài hạn, trung hạn, hàng năm của Nhà trường và đơn vị (thể hiện rõ trong bản kế hoạch công tác hàng năm) dựa trên các chính sách của Nhà trường về phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ.

Kết quả khảo sát nhu cầu về ĐT và bồi dưỡng là căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch ngân sách, phân bổ ngân sách về ĐT, bồi dưỡng hàng năm cho đội ngũ nhằm tạo cơ hội cho các cá nhân nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, giúp nâng cao hiệu quả công việc [H7.07.04.04]. Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022, Nhà trường đã chi kinh phí hỗ trợ về ĐT, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên tại cơ sở chính (PY) và Phân hiệu (ĐN) tổng số trên 2,7 tỷ đồng tương ứng (Bảng 7.5).

Bảng 7.5. Tổng hợp kinh phí chi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của trường

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Số tiền	344	1.026	204	298	854

Hàng năm, Nhà trường đều tổng kết đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kết thúc các khóa ĐT nhân viên được cử đi bồi dưỡng được cấp các văn bằng, chứng chỉ làm căn cứ đã hoàn thành tốt việc đào tạo, bồi dưỡng, và yêu cầu hoàn trả kinh phí nếu nhân viên được cử đi ĐT, bồi dưỡng không thu được kết quả. Ngoài ra, hàng năm kinh phí hỗ trợ nhu cầu về ĐT, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên của Trường ĐHXDMT tại Cơ sở chính và Phân hiệu được tổng hợp và báo cáo cấp trên như là minh chứng thực tiễn cho hoạt động nên trên [H7.07.04.05], [H7.07.04.06].

Dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu, và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và kế hoạch kinh phí đã được xác định, Nhà trường ra Thông báo tuyển chọn các ứng viên đã đăng ký nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ một cách công khai, dân chủ [H7.07.04.07].

Hàng năm, các ứng viên sau khi được tuyển chọn được Nhà trường ra quyết định cử đi ĐT, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Các nhân viên được cử đi ĐT, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được hỗ trợ về kinh phí và thời gian được quy định cụ thể trong quy chế ĐT, bồi dưỡng công chức, viên chức và lao động hợp đồng của Trường, và Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành hàng năm [H7.07.04.08].

Cụ thể, trong các năm 2018-2022, Nhà trường đã cử đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên và nhân viên hỗ trợ đi học các khóa học TS, Ths, bồi dưỡng chuyên môn, NV Thư viện, CNTT, nghiệp vụ quản trị Kế hoạch-Tài chính với số lượng và nội dung học tập bồi dưỡng của nhân viên được thống kê trong Bảng 7.6 dưới đây:

*Bảng 7.6. Kết quả thống kê số lượng nhân viên cử đi đào tạo, bồi dưỡng
Kết quả đào tạo bồi dưỡng từ năm 2020 đến năm 2022*

TT	Trình độ chuyên môn	Năm					Tổng
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Nghiên cứu sinh	2	2	2	2	3	25
2	Cao học	3	2	1	2		12
3	Nghiên cứu sau tiến sĩ			1		2	5
4	Cao cấp LL chính trị	3		2		3	6
5	Trung cấp LL chính trị	1		7	2	1	17

TT	Nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ	Năm					Tổng
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Anh văn			24		2	26
2	Tin học (cơ bản+nâng cao)			26			26
3	Bồi dưỡng NVSP dành cho giảng viên				1	15	16
4	Bồi dưỡng TCCDNN giảng viên chính				13		13
5	Bồi dưỡng NV QLNN ngạch chuyên viên	1			4		5
6	Bồi dưỡng NV QLNN ngạch chuyên viên chính				1		1
7	Chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ khác	47	40	87	13	41	228

(Nguồn: Phòng Tổ chức nhân sự)

Ngoài ra, công tác tập huấn ngắn hạn cho đội ngũ cũng được Nhà trường quan tâm và tổ chức thường xuyên, nhất là đội ngũ nhân viên làm việc tại Phòng ban, Thư viện, Trung tâm, TN cả trong nước và nước ngoài. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng đã nâng cao

trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các cán bộ khối phòng ban, Thư viện, nhân viên CNTT, nhân viên Ban Tạp chí và Website Nhà trường [H7.07.04.09].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này. Nâng cao chất lượng đội ngũ luôn được Nhà trường quan tâm thông qua việc xác định và tổ chức các chương trình đào tạo ngắn và dài hạn. Đồng thời, Nhà trường cũng dành một khoản kinh phí đáng kể cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBVC.

Các kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong 5 năm qua cho thấy các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường là thực sự phong phú và có chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đôi khi còn dàn trải, kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng còn khá khiêm tốn; Nhà trường chưa có tiêu chí ưu tiên, lựa chọn đào tạo để xây dựng đội ngũ nhân viên mạnh, có năng lực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trung và dài hạn	Phòng TC-NS, Khoa KT&QLXD	Năm 2024
2	Lập kế hoạch kinh phí khả thi cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng	Phòng Kế hoạch-Tài chính	Năm 2024

5. Tự đánh giá:

Tiêu chí đạt yêu cầu với mức điểm tự đánh giá: **4/7** điểm

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Quản trị là công tác quan trọng đối với một cơ sở đào tạo như Trường ĐHXDĐT, để việc quản trị đạt hiệu quả thường là dựa trên kết quả công việc lao động thực tế của đội ngũ nhân viên, trong đó công tác thi đua, khen thưởng và công nhận các danh hiệu thi đua là động lực lớn khuyến khích và thúc đẩy cá nhân và tập thể lao động hăng say, chất lượng. Vấn đề nêu trên Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản gồm các Quy định đánh giá viên chức, lao động hợp đồng khối quản lý, phục vụ; các Quy định về nội dung, tiêu chuẩn, điều kiện, công nhận sáng kiến, cải tiến và đã ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng [H7.07.05.01]. Đây là căn cứ, thước đo quan trọng cho phép đánh giá, phân loại và bình xét các danh hiệu thi đua được dân chủ, công

bằng và khách quan, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ về ĐT, NCKH và PVCĐ đạt hiệu quả cao hơn.

Hàng năm, Nhà trường đã ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ, đó là công cụ và căn cứ để đánh giá, phân loại, bình xét thi đua với các nội dung, hạng mục chi tiết và rõ ràng, theo từng đối tượng khối quản lý, khối phục vụ, giảng viên và nhân viên, LDHĐ. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng dựa trên tình hình thực tế, kế thừa căn cứ, cơ sở các năm trước nên thường xuyên được cập nhật, đổi mới sát với thực tiễn và nguyện vọng của nhân viên và lao động hợp đồng [H7.07.05.02].

Việc triển khai công tác đánh giá và phân loại nhân viên theo công việc được chi tiết hóa thông qua các văn bản hướng dẫn chi tiết quy trình, nội dung, các bước thực hiện trong việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động và bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm. Theo đó, quy trình đánh giá, phân loại được thực hiện từ cấp bộ môn, tổ công tác, đến đơn vị (khoa, viện, phòng, ban, trung tâm) theo các mức độ hoàn thành (xuất sắc, tốt, hoàn thành và không hoàn thành), hội đồng bình xét thi đua khen thưởng Nhà trường sẽ thực hiện bước cuối và công nhận các danh hiệu mà cá nhân và tập thể đạt được hàng năm theo kết quả biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu [H7.07.05.03].

Các hoạt động đánh giá được thực hiện dựa trên bảng phân công nhiệm vụ, kế hoạch công tác của đội ngũ nhân viên. Kế hoạch triển khai thực hiện công tác hàng tháng, hàng năm của đội ngũ nhân viên và các cá nhân làm công tác hỗ trợ về ĐT, NCKH và PVCĐ. Trong bảng phân công nhiệm vụ và phiếu đăng ký nhiệm vụ đầu năm học của nhân viên ghi rõ khối lượng công việc, tiến độ và thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, đó là căn cứ, công cụ quan trọng để đánh giá. Ngoài ra, các hướng dẫn cũng khuyến khích các cá nhân có các sáng kiến, cải tiến để công việc được hoàn thành đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao [H7.07.05.04].

Việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động có các mức độ hành thành dựa vào vị trí, công việc cụ thể được cơ quan, đơn vị phân công giao phó. Từng cá nhân được cụ thể thông qua quyết định giao số vị trí việc làm và số người làm việc của từng vị trí, thời gian và chất lượng công việc cho các đơn vị khối hành chính, phục vụ trong toàn trường và được lưu hồ sơ theo dõi hàng năm. Thông qua vị trí việc làm cụ thể các cá nhân và tập thể có thể lựa chọn mức độ hoàn thành và các danh hiệu thi đua, khen thưởng mà tiến hành đăng ký ngay từ đầu năm học [H7.07.05.05], [H7.07.05.06].

Theo quy định cứ vào đầu năm học hàng năm, các cá nhân và tập thể tự đăng ký các danh hiệu thi đua, khen thưởng, các sáng kiến, cải tiến hay các giải pháp hữu ích khác cũng được đặt ra và tự cá nhân lựa chọn danh hiệu thi đua mà phấn đấu và quyết tâm hoàn thành. Tất cả các bản đăng ký thi đua được Nhà trường tổng hợp và ra

quyết định đã tham gia đăng ký thi đua, đó là cơ sở quan trọng cho việc đánh giá, bình xét thi đua cuối năm. Chính việc đăng ký ngay từ đầu năm sẽ là căn cứ thể theo dõi, giám sát quá trình phấn đấu, hy sinh của cá nhân và đồng thời cũng tạo động lực tích cực ngay từ đầu, cũng để tránh một số cá nhân không đăng ký đầu năm, sẽ không đủ điều kiện bình xét danh hiệu thi đua trong dịp cuối năm [H7.07.05.07].

Bước tiếp theo trong quy trình về đánh giá, phân loại và bình xét thi đua đối với viên chức và người lao động là tất cả các cá nhân (100%) đều thực hiện việc tự nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành của bản thân trước khi đưa báo cáo công tác, kiểm điểm, sáng kiến, cải tiến của mình tại cuộc họp ở bộ môn, tổ công tác. Bản tự nhận xét đánh giá của các cá nhân theo khối lượng công việc được giao từ đầu năm, có theo dõi, giám sát thường xuyên là căn cứ, thước đo mà mỗi người tự chọn thể hiện tính khách quan, dân chủ và cả lòng tự trọng, tự hào mà chính bản thân họ nỗ lực phấn đấu sau 12 tháng với nhiều nỗ lực và cố gắng [H7.07.05.08].

Thông qua báo cáo và bản tự nhận xét của từng cá nhân, bộ môn, tổ công tác và phòng ban, trung tâm tiến hành họp đánh giá, bình xét phân loại và thi đua. Theo đó, những cá nhân đạt danh hiệu thi đua theo đăng ký được xem xét với số phiếu đồng ý nhất trí là trên 50% số thành viên tham dự cuộc họp. Cuộc họp cấp bộ môn được thực hiện dân chủ, công bằng trên tinh thần xây dựng, đóng góp ý kiến cho sự trưởng thành của mỗi thành viên cũng như của tập thể. Biên bản cuộc họp đánh giá, phân loại, bình xét thi đua, khen thưởng cấp bộ môn được thông qua cho các thành viên tham gia họp ngay khi kết thúc và được gửi lên cấp trên để làm căn cứ cho bước đánh giá, phân loại, bình xét thi đua tiếp theo ở cấp Khoa, Viện, Phòng, Trung tâm [H7.07.05.09].

Tiếp tục quy trình đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường tiến hành họp, đánh giá, phân loại và bình xét lần cuối, trước khi ra quyết định công nhận các mức thành tích hoàn thành nhiệm vụ, công nhận các sáng kiến, cải tiến hay giải pháp hữu ích và các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho các cá nhân và tập thể [H7.07.05.10].

Các báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hàng năm của Nhà trường thể hiện mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên đã tạo nguồn lực về vật chất và tinh thần, kịp thời động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công việc hỗ trợ của đội ngũ nhân viên được cải thiện chất lượng hàng năm thông qua việc đưa ra những sáng kiến, giải pháp công tác được hội đồng công nhận sáng kiến Nhà trường ghi nhận.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ về ĐT, NCKH và PVCĐ làm việc tại trường luôn quan tâm và nỗ lực phấn đấu trong công tác, hàng năm đều có các cá nhân, tập thể đạt được danh hiệu thi đua khen thưởng và xét nâng lương trước thời hạn. Đó thực sự tạo động

lực, khuyến khích và góp phần giúp đội ngũ nhân viên cải thiện và nâng cao hiệu quả công việc hiện tại và trong tương lai.

Thông báo về kết quả đánh giá xếp loại cá nhân, tập thể và bình xét thi đua, khen thưởng là bước cuối trong quy trình đánh giá, phân loại và bình xét thi đua hàng năm. Đây cũng là căn cứ để chi trả lương tăng thêm, là căn cứ để xét nâng lương trước thời hạn hoặc cử viên chức đi ĐT, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Mặt khác, dựa vào kết quả đánh giá, phân loại viên chức là căn cứ để bồi dưỡng phát triển hay chấm dứt hợp đồng lao động với cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ nhiều năm liền [H7.07.05.11].

Bảng 7.7. Kết quả đánh giá phân loại và danh hiệu của VC, NLD

Năm	Tổng số	Danh hiệu CSTĐ	Danh hiệu LĐTT	Đánh giá phân loại			
				HTXSNV	HTT	HT	Không đánh giá
2018	272	30	202	64	193	12	3
2019	262	30	180	63	156	39	3
2020	257	32	182	60	180	17	
2021	256	34	210	46	203	7	
2022	244	32	199	42	192	10	2
2023	244	30	196	50	177	12	5

(Nguồn: Phòng Tổ chức – Nhân sự)

Thông thường Nhà trường trước khi đưa ra quy định, quyết định các cá nhân, tập thể được khen thưởng hay kỷ luật, công nhận danh hiệu thi đua, kết quả đánh giá phân loại lương tăng thêm, luôn ra công văn và dành thời gian để nhận ý kiến phản hồi từ các đơn vị, của đội ngũ nhân viên gửi về Nhà trường qua phòng TCHC [H7.07.05.12]. Nhìn chung tất cả các ý kiến (100%) phản hồi về cơ bản đều đồng thuận, tuy nhiên tiếp thu và điều chỉnh và hoàn thiện hơn trong các năm tiếp theo luôn được Nhà trường cập nhật thông qua các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng đều đặn hàng năm.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, trong đó bao gồm cả khen thưởng và công nhận các sáng kiến, cải tiến và giải pháp hữu ích đã được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ thông qua hệ thống văn bản, chiến lược, quy định, quy trình cụ thể theo từng cấp từ dưới lên trên.

Các văn bản hướng dẫn triển khai cụ thể, chi tiết là công cụ, phương pháp tích cực để các phòng, ban chức năng hay trung tâm theo dõi, giám sát và đánh giá sát với thực

tiền, tạo động lực thúc đẩy đội ngũ nhân viên làm việc hiệu quả hơn trên cương vị và vị trí công tác của mình.

Đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng được thực hiện cho tất cả các cá nhân, tức là 100% nhân viên đều được đánh giá, phân loại hàng năm, có khen thưởng và nhắc nhở những trường hợp chưa đạt yêu cầu qua các văn bản, thông báo công khai và thường xuyên, đó là động lực quan trọng nâng cao chất lượng đội ngũ

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đội ngũ nhân viên đã hoàn thành tốt công tác việc hỗ trợ về ĐT, NCKH, và PVCĐ, song nhìn chung đội ngũ nhân viên tại các phòng ban về cơ bản vẫn chưa có kế hoạch chi tiết, công việc chưa lượng hóa rõ ràng như khối giảng viên (số giờ giảng dạy, số giờ NCKH), tiến độ và thời gian thực hiện còn chưa rõ và thiếu dứt khoát, chẳng hạn chậm thống kê giờ giảng cho giảng viên, hoặc lên lịch thời khoa biểu lên lớp như là một vấn đề cần quan tâm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường có kế hoạch bổ sung và điều chỉnh quyết định về thi đua khen thưởng phù hợp hơn, nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để các cán bộ hỗ trợ phát huy khả năng tự phấn đấu và hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Phòng TC-NS Khoa KT&QLXD	Năm 2024

5. Tự đánh giá:

Tiêu chí đạt yêu cầu với mức điểm tự đánh giá: **5/7**

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ NV của Nhà trường có trình độ cao, thực hiện tốt việc duy tu, bảo dưỡng thiết bị đảm bảo hệ số sẵn sàng Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và luân chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng NV được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng NV rõ ràng, công khai và được rà soát, bổ sung thường xuyên. Nhà trường đã quan tâm, có kế hoạch bồi dưỡng nhằm đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV. Công tác đánh giá hiệu quả công việc của NV được gắn với thu nhập tăng thêm hằng tháng góp phần tạo động lực cho đội ngũ NV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó còn một số hạn chế như: số lượng NV hỗ trợ hiện nay chưa đảm bảo đúng số lượng theo Đề án vị trí việc làm được Bộ Xây dựng phê duyệt. Thông báo

tuyển dụng chỉ sử dụng các kênh truyền thống, chưa sử dụng các kênh thông tin hiện đại khác như website tuyển dụng trực tuyến có uy tín để thu hút rộng rãi các ứng viên. Còn một số nội dung trong các tiêu chí đánh giá NV hỗ trợ tính định lượng để đo lường được chưa cao. Việc cập nhật, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ NV tại trung tâm thực hành - thực nghiệm còn hạn chế. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng phục vụ NV hỗ trợ chưa phong phú.

Từ năm 2024, Nhà trường sẽ có kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục những hạn chế như: xây dựng lại Đề án vị trí việc làm đối với đội ngũ NV hỗ trợ theo đúng quy định; xây dựng kế hoạch phổ biến thông tin tuyển dụng bằng nhiều kênh khác nhau như: gửi công văn tuyển dụng, thông báo trên truyền hình, trên báo, website trường,...; xây dựng tiêu chí đánh hiệu quả công việc để đánh giá năng lực của đội ngũ NV hỗ trợ; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ NV thực hiện nhiệm vụ tại trung tâm thực hành, thực nghiệm; khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đến chất lượng phục vụ của các NV hỗ trợ theo TCVN 9001:2015.

Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt mức 5 và 01 tiêu chí đạt mức 4.

Tiêu chuẩn 8. Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Công tác tuyển sinh được Nhà trường tổ chức cho tất cả các ngành đào tạo, do Phòng Quản lý Đào tạo tham mưu. Hằng năm, Trường xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, với các tiêu chí cụ thể và được công khai theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Hệ thống giám sát của Nhà trường về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học minh bạch, phù hợp. Các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên, tạo môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan môi trường sạch đẹp, tiện ích. Tất cả các chính sách đối với người học được rà soát, bổ sung hằng năm nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả

Hằng năm, căn cứ vào Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01] và tình hình thực tiễn của Trường, Nhà trường xây dựng Đề án tuyển sinh [H8.08.01.02], trong đó có đầy đủ các thông tin về hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành học, quy trình xét tuyển, đối tượng ưu tiên... Nhà trường áp dụng hình thức xét tuyển với nhiều phương thức khác nhau. Hình thức xét tuyển được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, bao gồm xét tuyển từ kết quả thi THPT Quốc gia và

xét tuyển theo học bạ dựa trên kết quả học tập THPT. [H8.08.01.03]. Để chính sách tuyển sinh phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường, dựa vào Quy chế tuyển sinh năm 2023 của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh riêng của Trường [H8.08.01.03]. Căn cứ vào Đề án tuyển sinh hằng năm, Nhà trường ban hành Thông báo tuyển sinh nhằm cung cấp cho thí sinh các thông tin quan trọng nhất về chính sách tuyển sinh của Trường [H8.08.01.04].

Đề án tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh của Nhà trường hằng năm đều được công bố công khai trên Website [H8.08.01.05]. Thông tin tuyển sinh được in đầy đủ trong tờ rơi phát cho học sinh, được giới thiệu qua các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT ở Phú Yên, các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên do Nhà trường tổ chức [H8.08.01.06], [H8.08.01.07] và tại các buổi Tư vấn tuyển sinh do các báo, đài và địa phương tổ chức [H8.08.01.08]. Ngoài ra hoạt động thông tin về tuyển sinh các ngành học trong đó có ngành kế toán được thực hiện thường xuyên trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo, Youtube, Fanpage.... [H8.08.01.09]. Từ năm 2018, Trường ĐHXDMT còn tổ chức các chương trình Openday, các chương trình hội nghị, mời học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến trực tiếp tại trường để tham quan, tìm hiểu thông tin về cơ sở vật chất, về ngành nghề, về các hoạt động của Nhà trường để từ đó giúp các em học sinh có định hướng và lựa chọn nghề nghiệp rõ ràng, chính xác hơn [H8.08.01.10].

Chính sách và các quy định về tuyển sinh của Nhà trường nói chung và của Khoa KT&QLXD nói riêng hằng năm đều được đánh giá, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của xã hội cũng như điều kiện thực tế của Nhà trường. Hằng năm, Nhà trường đều ban hành các Kế hoạch tuyển sinh, trong đó có quy định rõ nội dung công việc tuyển sinh, thời gian triển khai các công việc, phân công đơn vị, cá nhân phụ trách từng công việc một cách cụ thể [H8.08.01.11]. Tại các buổi họp triển khai kế hoạch và tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm, các thông tin về chỉ tiêu tuyển sinh các ngành đào tạo, các hoạt động tuyển sinh được triển khai, đối tượng, phạm vi triển khai, ... đều được lấy ý kiến các bên liên quan, đảm bảo công tác tuyển sinh được thực hiện một cách hiệu quả, đúng quy định [H8.08.01.12], [H8.08.01.13], [H8.08.01.14]. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa KT&QLXD còn tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến Doanh nghiệp và Cựu sinh viên để xác định nhu cầu của thị trường về nguồn nhân lực, chất lượng người học, tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường, từ đó xây dựng chính sách về tuyển sinh phù hợp với yêu cầu của xã hội [H8.08.01.15], [H8.08.01.16], [H8.08.01.17].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển và số lượng thí sinh trúng tuyển và nhập học của ngành Kế toán như sau:

Bảng 8.1. Tình hình tuyển sinh của ngành Kế toán trong 5 năm gần nhất

Năm học	Số thí	Số	Tỷ lệ	Số	Điểm	Điểm trung	Số lượng
---------	--------	----	-------	----	------	------------	----------

	sinh đăng ký vào CTĐT (người)	trúng tuyển (người)	cạnh tranh	nhập học thực tế (người)	tuyển đầu vào/ thang điểm	bình của sinh viên được tuyển	sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	139	100	1.4	45	13/18	15.1/22.23	0
2019-2020	189	144	1.3	64	13/18	16.22/22.54	0
2020-2021	200	165	1.2	81	15/18	18.9/22.68	0
2021-2022	228	179	1.27	53	15/18	19.05/23.52	1
2022-2023	231	136	1.70	64	15/18	20.03/23.31	0
2024-2025	138	77	1.8	48	15/18	18.5/23.75	0

2. Điểm mạnh

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, cụ thể, chi tiết phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng chi tiết, có phân công cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan;
- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú....;
- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được tổng kết đánh giá và cập nhật thông qua ý kiến phản hồi đầy đủ của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Thông tin quảng bá tuyển sinh của Trường chưa đa dạng và phong phú;

Chưa có bộ phận tuyển sinh chuyên nghiệp, cán bộ phụ trách tư vấn tuyển sinh còn kiêm nhiệm nhiều công việc khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thông tin quảng bá tuyển sinh của Trường chưa đa dạng và phong phú;	P.QLĐT Trung tâm TT&QHDN	Từ năm học 2024-2025
		Chưa có bộ phận tuyển sinh chuyên nghiệp, cán bộ phụ trách tư vấn tuyển sinh còn kiêm nhiệm nhiều công việc	P. QLĐT TC-NS	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		khác.			
2	Phát huy điểm mạnh	-Tiếp tục rà soát, cập nhật các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, và cụ thể, chi tiết phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Rà soát xây dựng Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường để thực hiện đạt hiệu quả cao hơn;	P.QLĐT Khoa KT&QLXD	Từ năm học 2024-2025
		- Tiếp tục công bố công khai các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được thêm nhiều hình thức đa dạng, phong phú khác....; Tổ chức kết nối trong công tác tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp cho học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên	P QLĐT Khoa KT&QLXD	Thường xuyên	
		- Tổ chức kết nối trong công tác tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp cho học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên	P. QLĐT, Khoa KT&QLXD	Thường xuyên	
		- Lấy ý kiến phản hồi của đối tượng người	P QLĐT, Khoa	Thường	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		học về các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường	KT&QLXD	xuyên	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 5/7.**

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Chất lượng đầu ra của mỗi chương trình đào tạo có sự phụ thuộc vào chất lượng đầu vào của người học. Vì vậy việc xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào ngành Kế toán được Khoa KT&QLXD và Nhà trường xác định rõ ràng theo hình thức đào tạo bao gồm hệ chính quy, hệ liên thông và được quy định rõ trong Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh hệ liên thông của Nhà trường [H8.08.02.01], [H8.08.02.02].

Các phương thức tuyển chọn người học được áp dụng đối với ngành Kế toán bao gồm: xét tuyển từ kết quả thi THPT Quốc gia; xét tuyển từ kết quả học tập THPT đối với hệ chính quy; xét tuyển từ Kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG TP Hồ Chí Minh; và xét tuyển thẳng.

- Tiêu chí tuyển chọn người học theo phương thức xét tuyển từ kết quả thi THPT Quốc gia là tổng số điểm 3 môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên phải không nhỏ hơn số điểm quy định của ngưỡng đảm bảo chất lượng của Trường và số điểm từng môn không được thấp hơn quy định của BGD&ĐT; Xét tuyển từ thí sinh có tổng số điểm cao nhất xuống đến thí sinh có tổng số điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu; Trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên xét thí sinh có điểm môn Toán cao nhất, sau đó lần lượt ưu tiên đến các môn tiếp theo theo thứ tự sắp xếp trong từng tổ hợp xét tuyển [H8.08.02.03], [H8.08.02.04].

- Tiêu chí tuyển chọn người học theo phương thức xét tuyển từ kết quả học tập THPT là người học đã tốt nghiệp THPT; hạnh kiểm 3 năm học THPT từ loại Khá trở lên; tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (điểm trung bình của 3 năm THPT, hoặc điểm trung bình của lớp 12, hoặc điểm trung bình của 5 học kỳ tính đến học kỳ I năm lớp 12), cộng với điểm ưu tiên không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của Nhà trường Các tổ hợp xét tuyển được áp dụng cho ngành KTXDCTGT gồm A00 (Toán, Vật lý, Hoá học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ Văn, Vật lý), D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh); xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất xuống các thí sinh có tổng điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định; trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên xét thí sinh có điểm môn Toán cao

nhất, sau đó lần lượt ưu tiên đến các môn tiếp theo theo thứ tự sắp xếp trong từng tổ hợp [H8.08.02.03], [H8.08.02.04].

- Tiêu chí tuyển chọn người học theo phương thức xét tuyển thẳng được áp dụng theo các quy định của BGD&ĐT và được quy định rõ trong Đề án tuyển sinh riêng của Nhà trường, được áp dụng với các thí sinh tham dự các kỳ thi Olympic Quốc tế và thí sinh đạt giải trong các kỳ thi Olympic cấp Quốc gia các môn Toán (hoặc Lý, Hoá, tiếng Anh, Ngữ văn); thí sinh đạt giải trong các cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia; thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng; thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Trường, có kết quả THPT và năng lực tiếng Việt đáp ứng quy định của Nhà trường [H8.08.02.02].

Bảng 8.3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng tuyển sinh ngành kế toán

STT	Tiêu chí tuyển chọn	Quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	2023
1	Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia	13,0	13,0	15,0	15,0	15,0	15,0
2	Xét tuyển theo kết quả học tập THPT	18,0	18,0	18,0	18,0	18,0	18,0
3	Xét tuyển Kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG TP HCM				600	600	600

Tiêu chí, phương thức tuyển chọn người học của Nhà trường và Khoa KT&QLXD hằng năm đều được rà soát, đánh giá và cập nhật trên cơ sở các quy định của BGD&ĐT tại các buổi hội nghị triển khai và tổng kết công tác tuyển sinh của Hội đồng tuyển sinh và Ban Chỉ đạo công tác tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.02.05], [H8.08.02.06], [H8.08.02.07], [H8.08.02.08]. Hội đồng tuyển sinh và các ban chuyên môn giúp việc cho Hội đồng do Hiệu trưởng Nhà trường quyết định thành lập, thành phần Hội đồng tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hằng năm của BGD&ĐT [H8.08.02.09]. Ban Chỉ đạo công tác tuyển sinh do Hiệu trưởng thành lập với thành phần bao gồm BGH, Trưởng các đơn vị trong Nhà trường. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ triển khai thực hiện các hoạt động tuyển sinh và tổng kết kết quả công tác tuyển sinh hằng năm, từ đó tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường ban hành các chính sách về tuyển sinh phù hợp với thực tế [H8.08.02.10], [H8.08.02.11]. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa KT&QLXD còn tổ chức các đợt điều tra khảo sát các bên liên quan như Doanh nghiệp, cựu sinh viên về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, cũng như nhu cầu xã hội về lĩnh vực xây dựng, để từ đó làm căn cứ xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh cho phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan [H8.08.02.12], [H8.08.02.13], [H8.08.02.14].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học tại Trường ĐHXDĐT nói chung và của Khoa KT&QLXD nói riêng được xác định rõ ràng và được thực hiện đúng với các quy định của Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT và của Trường ĐHXDĐT ban hành. Hệ thống phương pháp tuyển chọn người học khá đa dạng và linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng tuyển sinh khác nhau, giúp người học có nhiều cơ hội trúng tuyển vào các ngành đào tạo của Nhà trường nói chung và ngành kế toán nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật trên cơ sở các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài trường và kết quả tuyển sinh hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Phạm vi khảo sát và đối tượng khảo sát còn hạn chế, nội dung khảo sát còn chưa làm rõ nhu cầu của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh, tuyển chọn người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần có kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau có nhu cầu học ngành kế toán.	Khoa KT&QLXD, Phòng Quản lý đào tạo	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng hóa các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp với quy định.	Khoa KT&QLXD	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Trường ĐHXDĐT và Khoa KT&QLXD luôn xác định đồng hành cùng với sinh viên trong suốt quá trình học tập tại trường. Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên luôn được quan tâm và thực hiện một cách có hệ thống, thường xuyên, liên tục để hỗ trợ sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp trong thời gian đào tạo. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học

tập, khối lượng học tập đối với sinh viên ngành kế toán tại Trường ĐHXDMT bao gồm nhiều đơn vị, cá nhân, hệ thống các phần mềm và được quy định cụ thể trong Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Nhà trường [H8.08.03.01]. Sau khi trúng tuyển và nhập học, quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên ngành kế toán được quản lý, giám sát bởi các đơn vị trong Nhà trường bao gồm: Khoa KT&QLXD, phòng Quản lý Đào tạo, phòng CTSV, phòng QLCL và các giảng viên được phân công làm công tác cố vấn học tập. Trong đó: Khoa KT&QLXD là đơn vị chuyên môn xây dựng nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo và quản lý toàn diện về học tập và rèn luyện của sinh viên ngành kế toán từ khi sinh viên nhập học đến khi tốt nghiệp ra trường [H8.08.03.02]. Phòng Quản lý Đào tạo là đơn vị đầu mối quản lý quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, quản lý kết quả học tập của sinh viên, lập kế hoạch thi, kế hoạch thực tập, tốt nghiệp, ... [H8.08.03.03]. Phòng CTSV là đơn vị đầu mối quản lý sinh viên về các mặt rèn luyện, đời sống, sinh hoạt và chính trị tư tưởng, ... Hằng tháng, phòng CTSV chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong Nhà trường tổ chức họp giao ban công tác sinh viên với Ban cán sự, Ban chấp hành chi Đoàn thanh niên, Ban chấp hành chi Hội sinh viên để kịp thời nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện, sinh hoạt, chính trị tư tưởng, ... của sinh viên [H8.08.03.04]. Phòng QLCL là đơn vị đầu mối quản lý công tác tổ chức thi kết thúc học phần, đảm bảo chất lượng đào tạo và thanh tra đào tạo...[H8.08.03.05]. Cố vấn học tập là các giảng viên có kinh nghiệm của Khoa KT&QLXD được phân công để theo dõi, giám sát và hỗ trợ sinh viên một cách thường xuyên, liên tục nhằm đạt kết quả học tập và rèn luyện một cách tốt nhất [H8.08.03.06].

Trường ĐHXDMT tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ kể từ năm học 2012-2013. Thực hiện các quy định của BGD&ĐT về đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ, về quản lý sinh viên, Nhà trường đã ban hành hệ thống các quy định về học tập và rèn luyện bao gồm: Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ [H8.08.03.07]; Quy định tổ chức quản lý công tác tốt nghiệp trình độ đại học [H8.08.03.08]; Quy chế thi kiểm tra kết thúc học phần [H8.08.03.09]; Quy định về công tác sinh viên [H8.08.03.10]; Quy chế đánh giá điểm rèn luyện sinh viên [H8.08.03.11]; Quy định về công tác cố vấn [H8.08.03.12]. Đây là những quy định rất quan trọng đã được Nhà trường ban hành và công khai đầy đủ đến các bên liên quan để sinh viên, giảng viên biết và thực hiện. Các đơn vị chức năng trong Nhà trường căn cứ vào những quy định này để thực hiện việc quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên trong đó có sinh viên ngành kế toán.

Khối lượng học tập của sinh viên ngành kế toán được quy định theo Quyết định của Hiệu trưởng Nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán [H8.08.03.13], [H8.08.03.14], [H8.08.03.15]. Để quản lý toàn bộ quá trình đào tạo, khối lượng học tập, kết quả học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên, Nhà

trường đã mua bản quyền phần mềm quản lý đào tạo (BSC). Hệ thống dữ liệu trên phần mềm BSC bao gồm chương trình đào tạo; kế hoạch đào tạo; kết quả học tập của sinh viên theo từng học phần, học kỳ, năm học và kết quả tích lũy; kết quả điểm rèn luyện; ... [H8.08.03.16]. Hệ thống dữ liệu này được tích hợp với website của nhà trường và cấp công khai đến từng sinh viên theo tài khoản cá nhân để sinh viên có thể tự theo dõi quá trình học tập, rèn luyện, từ đó chủ động trong việc học tập, rèn luyện để đạt được hiệu quả cao nhất [H8.08.03.17]. Song song với việc công bố dữ liệu về khối lượng học tập, kết quả học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên thông qua phần mềm BSC, Nhà trường và Khoa KT&QLXD còn triển khai việc xét kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên theo từng học kỳ theo các quy định về đào tạo và công tác sinh viên. Cơ sở dữ liệu phục vụ việc xét kết quả học tập được trích xuất từ phần mềm BSC và gửi đến các lớp để lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên trước khi thông qua Hội đồng và trình Hiệu trưởng ký các Quyết định công nhận kết quả học tập, kết quả rèn luyện, cảnh báo học vụ đối với sinh viên [H8.08.03.18], [H8.08.03.19]. Sau khi có kết quả học tập và rèn luyện, Nhà trường sẽ thông báo cho giảng viên cố vấn tổ chức sinh hoạt lớp công bố kết quả học tập và rèn luyện, từ đó tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên kế hoạch học tập trong các học kỳ tiếp theo đạt hiệu quả và có sự tiến bộ [H8.08.03.20]. Các trường hợp sinh viên bị cảnh báo học vụ, giảng viên cố vấn sẽ liên lạc với gia đình để báo cáo tình hình và phối hợp với gia đình trong việc hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên cải thiện kết quả học tập [H8.08.03.21].

Bảng 8.4. Thống kê sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Hệ chính quy				26	44

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên, cảnh báo học vụ. Có phân công giảng viên cố vấn để thực hiện việc theo dõi, tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện tốt khối lượng học tập và cải thiện thành tích học tập.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quản lý sinh viên, quản lý công tác cố vấn, ... tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh phục vụ việc đào tạo, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên.

Nhà trường có đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, ... Các dữ liệu

này được quản lý bởi phần mềm quản lý đào tạo BSC, được chia sẻ đến các bên liên quan thông qua tài khoản cá nhân và được tích hợp lên website của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện nhiệm vụ cố vấn học tập của một số giảng viên chưa tốt, chưa hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định công tác cố vấn;

Việc khai thác phần mềm BSC còn chưa đồng bộ, một số tính năng quản lý trong phần mềm chưa được sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các đợt bồi dưỡng nghiệp vụ cố vấn học tập để nâng cao hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn nữa cho sinh viên	Phòng Công tác Sinh viên	Từ năm học 2024-2025	
		Tập huấn sử dụng phần mềm BSC cho cán bộ quản lý và giảng viên để nâng cao hiệu quả khai thác đặc biệt là theo dõi sự tiến bộ của người học	Các đơn vị quản lý trong Nhà trường	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cải tiến các quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Nhà trường	Phòng TCNS	Từ năm học 2024-2025	
		Tiếp tục khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo BSC	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả

Công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa trong Trường ĐHXDMT và Khoa KT&QLXD được xác định là nhiệm vụ quan trọng để giúp người học chiếm lĩnh được kiến thức, chủ động sắp xếp việc học của mình và hoàn thiện tốt các kỹ năng mềm. Đánh giá tầm quan trọng của các hoạt động này, Nhà trường, Khoa KT&QLXD và các

đơn vị luôn quan tâm và dành nguồn lực thích đáng cho các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa đối với sinh viên nói chung và sinh viên ngành kế toán nói riêng. Trong nhiều năm liền, Trường ĐHXDMT là một trong những trường đứng trong top đầu về hoạt động phong trào trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Đầu mỗi thực hiện công tác tư vấn được tập hợp từ nhiều bộ phận khác nhau, liên quan tới giảng viên, Khoa KT&QLXD, Phòng CTSV, Phòng Quản lý Đào tạo, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên [H8.08.04.01], [H8.08.04.02]. Khoa KT&QLXD là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý và tư vấn học tập đối với sinh viên ngành kế toán [H8.08.04.03]. Các giảng viên của Khoa tham gia công tác cố vấn học tập đối với sinh viên ngành kế toán để hỗ trợ sinh viên trong việc kiểm soát kết quả học tập, quá trình học tập và tư vấn cho sinh viên lựa chọn đăng ký học phần phù hợp với năng lực của sinh viên. Việc phân công giảng viên chuyên môn làm công tác cố vấn học tập giúp phát huy hiệu quả công tác cố vấn học tập trong Nhà trường [H8.08.04.04]. Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng CTSV và các đơn vị quản lý khác có nhiệm vụ phối hợp với Khoa KT&QLXD để thực hiện công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên [H8.08.04.05], [H8.08.04.06]. Đoàn thanh niên, Hội sinh viên của Trường là các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động phong trào, hoạt động thi đua cho sinh viên toàn trường trong đó có sinh viên ngành kế toán [H8.08.04.07]. Để thực hiện việc tư vấn về học tập, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động phong trào, thi đua cho sinh viên, Nhà trường, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã thành lập các Câu lạc bộ như: Câu lạc bộ kỹ năng mềm, Câu lạc bộ sở thích như: văn nghệ, ghita, ... hoạt động của các Câu lạc bộ này ngày càng phát triển, đáp ứng được nhu cầu ngày một phong phú, đa dạng của từng nhóm sinh viên khác nhau trong Nhà trường [H8.08.04.08]. Để hoạt động hỗ trợ người học, tư vấn học tập, việc làm cho sinh viên được ổn định và phát huy hiệu quả, nâng cao trách nhiệm của các bên liên quan, Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác cố vấn học tập, Quy chế hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp [H8.08.04.09] [H8.08.04.10]

Công tác định hướng nghề nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên luôn được Nhà trường quan tâm ngay từ những ngày đầu sinh viên nhập học và cho đến sau khi sinh viên tốt nghiệp ra trường, chức năng này được giao cho phòng CTSV và Khoa quản lý sinh viên phụ trách. Để công tác tư vấn hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên được chuyên nghiệp hóa, Nhà trường đã thành lập Trung tâm tư vấn Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp trực thuộc phòng CTSV trước đây và hiện nay thuộc Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp. Trung tâm này có chức năng Hỗ trợ sinh viên về các kỹ năng tìm kiếm việc làm, khởi nghiệp, kết nối doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên trong quá trình học cũng như sau khi ra trường. Đồng thời, Trung tâm còn có chức năng về điều tra khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, nhu cầu của xã hội nghề nghiệp để tham mưu cho Nhà trường ban hành

các chính sách tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo phù hợp nhu cầu thực tế của xã hội [H8.08.04.11].

Bên cạnh hoạt động trọng tâm chính của Nhà trường là đào tạo kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, các đơn vị chức năng, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, các dịch vụ để hỗ trợ sinh viên nâng cao kiến thức, kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường. Các hoạt động có tính định kỳ, gắn với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị bao gồm: Sinh hoạt lớp dưới sự chủ trì của Giảng viên cố vấn học tập; sinh hoạt các câu lạc bộ học thuật mỗi năm 1 đến 2 kỳ; các hoạt động thi đua nhân dịp cao điểm kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hằng năm do Nhà trường phát động trong toàn Trường; các hoạt động Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên do phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế phối hợp với Khoa quản lý sinh viên phụ trách [H8.08.04.12], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14], [H8.08.04.15]. Ngoài ra Khoa KT&QLXD, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các Câu lạc bộ kỹ năng trong Nhà trường cũng thường xuyên phát động các đợt thi đua, các hoạt động phong trào cho sinh viên trong toàn trường để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng mềm bên cạnh các kỹ năng nghề nghiệp [H8.08.04.16], [H8.08.04.17], [H8.08.04.18], [H8.08.04.19]. Có thể nói, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hoạt động hỗ trợ người học của Nhà trường đã nề nếp và mang lại hiệu quả thiết thực trong việc đào tạo sinh viên toàn diện về năng lực nghề nghiệp và kỹ năng mềm trong cuộc sống.

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho sinh viên thường xuyên được tổ chức. Trong suốt thời gian học tập tại Trường, sinh viên của Trường nói chung, sinh viên ngành kế toán nói riêng được Khoa KT&QLXD, Phòng CTSV thường xuyên phối hợp với các Cơ quan, Doanh nghiệp trên địa bàn, các hội nghề nghiệp, các đoàn thể tổ chức các hoạt động đào tạo kỹ năng tìm việc, kỹ năng phỏng vấn xin việc, khởi nghiệp trong sinh viên, giới thiệu việc làm, tham quan doanh nghiệp, Nhà trường đã ký kết hợp tác với nhiều đối tác là các Doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo trong đó có các đối tác lớn, các Tập đoàn về xây dựng có uy tín trong cả nước để từ đó giới thiệu cho sinh viên tham quan, thực tập, và nhận được các cơ hội việc làm tốt sau khi ra trường [H8.08.04.20].

Việc khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động giảng dạy, tư vấn học tập, tình hình có việc làm của sinh viên, giới thiệu việc làm và các hoạt động dịch vụ khác trong Nhà trường thường xuyên được các phòng QLCL, phòng CTSV tổ chức. Trong đó phòng QLCL thực hiện khảo sát sự hài lòng của sinh viên về khóa học, phòng CTSV khảo sát sinh viên về tình hình tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm, khảo sát doanh nghiệp, Kết quả các đợt khảo sát cho thấy trên 75% sinh viên và các bên liên quan cho ý kiến hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc

làm [H8.08.04.21], [H8.08.04.22], [H8.08.04.23], [H8.08.04.24], [H8.08.04.25], [H8.08.04.26].

2. Điểm mạnh:

Có quy định, phân công rõ ràng trách nhiệm các đơn vị trong nhà trường chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tư vấn việc làm, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của sinh viên;

Các hoạt động tư vấn học tập, tư vấn việc làm, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác được tổ chức thường xuyên, liên tục để giúp cải thiện kết quả học tập và nâng cao khả năng có việc làm của sinh viên;

Có tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm, ... để kịp thời nắm bắt thông tin từ đó ban hành các chính sách phù hợp để nâng cao hiệu quả đào tạo và hỗ trợ người học.

3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm, hoạt động phong trào, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác chỉ thực hiện chung mà chưa có chuyên đề riêng;

Chưa ban hành riêng quy định về hoạt động tư vấn hỗ trợ người học để quy định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động để tránh trùng lặp gây lãng phí và làm giảm hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động tư vấn việc làm riêng theo từng chuyên đề.	BGH, Phòng QLCL, phòng CTSV	Từ năm học 2024-2025	
		Ban hành quy định riêng về công tác tư vấn hỗ trợ người học	BGH, phòng CTSV	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động	Các đơn vị trong Nhà	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc thành	Ghi chú
		tư vấn hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm, các hoạt động thi đua, các hoạt động phong trào để hỗ trợ sinh viên nâng cao kết quả học tập cũng như hoàn thiện các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động	trường		
		Tăng cường công tác khảo sát, sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát, ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để thực hiện việc cải tiến các hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm,... đáp ứng yêu cầu của người học và xã hội nghề nghiệp	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 5/7.**

Tiêu chí: 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. Mô tả

Trường ĐHXDMT cơ sở chính tại Phú Yên hiện có diện tích khuôn viên với đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học đa phương tiện; phòng học máy tính, phòng học thí nghiệm, phòng học thực hành, các xưởng thực hành nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu đào tạo theo định hướng ứng dụng; Ký túc xá có 368 chỗ với trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của sinh viên; Thư viện Nhà trường tại cơ sở chính với khoảng 2000 đầu sách các loại với gần 46000 quyển sách, trên 14 đầu tạp chí và các nguồn tài nguyên số khác; khu giáo dục thể chất là quần thể hiện đại đa chức năng với sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, sân tennis, nhà thi đấu đa năng;

Nhà trường cũng luôn chăm lo đến đời sống tâm lý, bảo vệ sức khỏe và các tiện ích khi học tập tại trường nên đã tạo được môi trường cảnh quan trong sạch, cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, môi trường xã hội – tâm lý ổn định, lành mạnh đảm bảo giúp sinh viên và cán bộ giảng viên yên tâm học tập, công tác và phát huy được hết các tiềm năng của bản thân [H8.08.05.01], [H8.08.05.02], [H8.08.05.03].

Môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan được hiểu là những điều kiện khác bên ngoài môi trường học tập. Trường ĐHXDMT và Khoa KT&QLXD đều tạo môi trường tâm lý hài hòa, đảm bảo mô phạm, an ninh trong Trường luôn ổn định. Trong khuôn viên của Nhà trường có nhiều bảng thông tin về quy tắc ứng xử, nội quy làm việc và học tập cùng với những pano, áp phích tuyên truyền về văn hóa học đường [H8.08.05.04], [H8.08.05.05], [H8.08.05.06].

Sinh viên được sử dụng tất cả các cơ sở vật chất của nhà trường như phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, Trung tâm Tin học ... Các lớp học trong khu giảng đường được cung cấp đầy đủ trang thiết bị: bàn, ghế, bảng, wifi, máy chiếu, màn chiếu, điều hòa không khí, camera. Trong khu KTX có bố trí các phòng tự học, phòng ở được trang bị đồng bộ (giường, bàn ghế học tập, điện nước, quạt, hệ thống mạng internet ...). Ngoài hệ thống đầu sách phục vụ đào tạo, NCKH thì trong thư viện còn có các khu vực tự học, phòng máy đa phương tiện. Các tiện ích khác như sân bóng, bể bơi, hội trường tập văn nghệ, phòng đọc ... sinh viên đều có thể sử dụng để rèn luyện thể chất và tinh thần. Khuôn viên của Trường đủ bóng mát và không gian để sinh viên thư giãn giữa những giờ học. Hệ thống cây xanh và chiếu sáng trong Trường được quan tâm để đảm bảo môi trường tốt nhất cho đào tạo, rèn luyện. Việc giữ gìn vệ sinh chung của trường được quan tâm và chuyên nghiệp hóa. Quanh khuôn viên và ký túc xá của Trường là các khu dân cư có môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh [H8.08.05.02], [H8.08.05.03].

Các hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ SV cũng luôn được tổ chức để tăng cường giao lưu giữa các Khoa, Ngành và quan trọng hơn cả là làm giàu có đời sống tinh thần của sinh viên. Đây là bước củng cố đời sống tinh thần, tâm lý cho các em sinh viên, làm nền tảng vững chắc trong thời gian học đại học để tự tin bước vào cuộc sống [H8.08.05.07], [H8.08.05.08].

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học và cán bộ viên chức trong Nhà trường luôn được quan tâm và được thực hiện một cách nghiêm túc theo các quy định về y tế học đường nhất là chính sách về Bảo hiểm y tế bắt buộc đối với cán bộ, viên chức và sinh viên [H8.08.05.09]. Hằng năm, cán bộ viên chức và sinh viên năm nhất được khám sức khỏe theo quy định do các trung tâm y tế có uy tín phối hợp với tổ chức Công đoàn, phòng CTSV của Nhà trường thực hiện [H8.08.05.10]. Ngoài ra, Nhà trường còn có phòng y tế trực thuộc phòng CTSV với các trang bị, thuốc men đầy đủ để thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, sơ cấp cứu tại chỗ từ đó giúp cán bộ viên chức

và sinh viên an tâm trong công tác và học tập, [H8.08.05.11], [H8.08.05.12], [H8.08.05.13]. Định kỳ hằng năm và trong các đợt cao điểm dịch bệnh truyền nhiễm, Nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng ở địa phương tổ chức phun thuốc diệt côn trùng trong khuôn viên và ký túc xá để phòng chống hiệu quả các bệnh truyền nhiễm do muỗi và côn trùng gây ra [H8.08.05.14].

Công tác đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy trong khu vực trường học luôn được BGH, các đơn vị chức năng trong Trường tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại các khu vực căn tin của Trường cũng được thực hiện đầy đủ theo quy định. Công tác phòng chống cháy nổ và vệ sinh an toàn thực phẩm là một trong những nội dung trong các cuộc giao ban hàng tháng của Nhà trường. Nhờ vậy trong những năm qua, Trường ĐHXDMT chưa xảy ra những sự cố về cháy nổ và vệ sinh an toàn thực phẩm tạo được môi trường sống an toàn, lành mạnh cho sinh viên cũng như cán bộ giảng viên của Trường [H8.08.05.15], [H8.08.05.16], [H8.08.05.17].

Công tác khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với các dịch vụ nói chung của Trường do phòng QLCL thực hiện. Việc lấy ý kiến người học được thực hiện theo kỳ, theo năm học à đều có báo cáo đến các bên liên quan trong Nhà trường để kịp thời điều chỉnh, cải tiến trong hoạt động đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan trong đó đặc biệt quan tâm đến việc tạo được môi trường tâm lý, cảnh quan môi trường, thái độ phục vụ, an ninh an toàn, ... để đảm bảo sinh viên thoải mái và phát huy hết khả năng trong quá trình học tập, rèn luyện ở Nhà trường [H8.08.05.18], [H8.08.05.19], [H8.08.05.20].

2. Điểm mạnh:

Cơ sở vật chất, cảnh quan khuôn viên và môi trường tâm lý xã hội của Trường ĐHXDMT khá đồng bộ, an toàn, thoải mái, đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo, rèn luyện kỹ năng cho sinh viên;

Công tác y tế học đường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện rất nghiêm túc;

3. Điểm tồn tại

Kinh phí hoạt động của các câu lạc bộ, đội nhóm về kỹ năng mềm còn hạn chế nên hoạt động cũng chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc thành	Ghi chú

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Khắc phục tồn tại	Đầu tư nguồn lực tài chính để hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ, đội nhóm kỹ năng.	BGH, phòng Kế hoạch – Tài chính, ĐTN HSV	Từ năm học 2024-2025	
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khai thác một cách có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có trong Nhà trường để phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và rèn luyện kỹ năng.	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2024-2025
		Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác y tế học đường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm.	BGH Phòng CTSV, phòng Hành chínhQT	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 5/7.**

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Nhà trường và Khoa KT&QLXD đã có hệ thống các chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng. Có hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên để từ đó ban hành các chính sách về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhà trường và Khoa KT&QLXD đã xây dựng một môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan xung quanh sạch đẹp, thân thiện để hỗ trợ thêm cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho sinh viên từ đó giúp sinh viên phát huy hết tiềm năng, năng lực bản thân trong quá trình học tập tại Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 8: 5.5/7

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung (MUCE) là đại học công lập thuộc Bộ Xây dựng; thành lập ngày 14/02/1976; đến nay MUCE đã trở thành đại học hàng đầu của khu vực Miền Trung Tây Nguyên có 48 năm xây dựng và phát triển. Hệ thống trang thiết bị thí nghiệm, cơ sở vật chất (CSVC) đã được Trường từng bước đầu tư, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, NCKH và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Hệ thống các phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, phòng nghiên cứu khoa học được xây dựng, trang bị hiện đại, kết nối internet đáp ứng theo yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Thư viện của Trường được đầu tư hiện đại, đầy đủ các loại tài liệu đáp ứng được nhu cầu học tập nghiên cứu của sinh viên, giảng viên và cán bộ viên chức. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của hơn 100 trường đại học trong hệ thống liên kết thư viện số.

Công tác quản tài sản, Nhà trường ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản và ứng dụng phần mềm quản lý tài sản kết nối toàn trường, giúp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tối đa hiệu quả máy móc, trang thiết bị.

Trong công tác đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, Nhà trường luôn chú trọng thiết kế hệ thống cây xanh, xây dựng cảnh quan tạo môi trường xanh, sạch, đẹp.

Trường luôn chủ động xây dựng dự án trình Bộ Xây dựng cấp kinh phí đầu tư, tăng cường năng lực NCKH; dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giảng đường và Nhà hiệu bộ; đầu tư sửa chữa nâng cấp các công trình đã có. Đồng thời chủ động liên kết với các doanh nghiệp và nguồn lực xã hội hóa để bổ sung, hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ...

Trong thời gian tới, trường tiếp tục công tác đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất: xây dựng nhà thí nghiệm, mô hình BIM mô phỏng, nhà giáo dục thể chất, xây dựng ký túc xá,...

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Khoa Kinh tế & Quản lý xây dựng được bố trí 2 phòng làm việc với tổng diện tích 78m², 01 phòng họp với diện tích 72,8 m², tập trung ở tầng 5 nhà Hiệu bộ. Trong đó 01 văn phòng trưởng Khoa; 01 văn phòng phòng khoa, tất cả được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, mạng wifi toàn trường,... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của Nhà trường để đáp ứng cơ sở vật chất tốt nhất cho giảng viên, viên chức có nhiều điều kiện phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao **[H9.09.01.01]**.

Nhà trường có 92 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 8.055m² đảm bảo dung lượng mỗi ca học 5000 sinh viên. Các phòng học chuyên dùng như: 02 phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng với diện tích 221m², 01 xưởng thực hành đa năng với diện tích 1.377 m², 03 sân thực hành tay nghề kỹ thuật xây dựng với diện tích 1318m², 03 phòng học đồ án kiến trúc với diện tích 126 m², 03 phòng học mỹ thuật diện tích 84 m², 05 phòng học máy tính diện tích 526 m², 02 phòng LAB học ngoại ngữ diện tích 151m², 04 phòng học đa phương tiện diện tích 50m² **[H9.09.01.08]**. Hệ thống xưởng thực hành/phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ đồ dùng học tập có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập của sinh viên. Các phòng học này đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, lắp đặt thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo **[H9.09.01.08]**.

Nhà trường bố trí 05 phòng hội thảo khoa học với tổng diện tích 396,6 m² ở tầng 9 nhà Hiệu bộ, 02 phòng nghiên cứu khoa học với diện tích 172,8 m², 03 phòng thư viện, với tổng diện tích sàn 932 m², số chỗ ngồi đọc là 200, các máy tính có thể truy cập internet, hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu tổ chức hội thảo khoa học, khu vực tự nghiên cứu, tìm tài liệu của giảng viên và sinh viên của Khoa.

Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo vượt tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ chương trình đào tạo theo quy định hiện hành **[H9.09.01.07]**.

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều được phân phối hợp lý và có sơ đồ rõ ràng cho từng bộ môn chuyên môn, từng chuyên ngành đào tạo của Ngành **[H9.09.01.01]**. Các bộ phận chức năng của Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các trang thiết bị **[H9.09.01.09]**, **[H9.09.01.12]**.

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị và giao nhiệm vụ cho bộ phận QTTB phối hợp với Phòng Kế Hoạch – Tài Chính đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo và NCKH **[H9.09.01.09]**. Trong giai đoạn từ 2018-2022, qua từng năm,

cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng [H9.09.01.11]. Hầu hết ý kiến của giảng viên, viên chức và người lao động trong Hội nghị VC-NLĐ của Nhà trường và của đơn vị, ý kiến sinh viên thông qua buổi đối thoại gặp gỡ trao đổi với sinh viên nhà trường cuối mỗi học kỳ đều đánh giá cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường đáp ứng yêu cầu hoạt động giảng dạy, nghiên cứu. [H9.09.01.12]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng diện tích sử dụng 229.033 m², diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học 15.565 m². Với số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, bàn ghế, thiết bị chiếu sáng, hệ thống quạt và điều hòa đáp ứng tốt cho công tác đào tạo, NCKH,... của Trường nói chung và của khoa Kinh tế & Quản lý xây dựng nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù cơ sở vật chất đã được nhà trường đầu tư, trang bị đầy đủ cho việc phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Tuy nhiên, việc quy hoạch khai thác, sử dụng giảng đường, phòng học còn chưa hiệu quả. Một số phòng học còn nóng vào mùa nắng và WiFi chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khai thác, sử dụng hiệu quả phòng học	Xây dựng kế hoạch sử dụng và bố trí phòng học Khu A	Bộ phận quản trị thiết bị và Phòng quản lý đào tạo	Thời gian hoàn thành trước tháng 09/2024
2	Chống nóng phòng học vào mùa nắng	Sắp xếp phòng học hợp lý để giảm nóng	Bộ phận quản trị thiết bị và Phòng quản lý đào tạo	Thời gian hoàn thành trước tháng 09/2024	
3	Nâng cấp hệ thống internet và	Liên hệ Công ty dịch vụ	Bộ phận quản trị thiết bị và Phòng quản lý	Thời gian hoàn thành trước tháng	

	wifi	Viễn thông VNPT và lắp đặt hệ thống wifi	đào tạo	09/2024	
--	------	--	---------	---------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, Nhà trường rất chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển thư viện nhằm cung cấp nguồn học liệu phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Qua đó phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học của người học.

Trung tâm Thông tin - Thư viện là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ tổ chức, quản lý và bổ sung nguồn học liệu, tổ chức lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về các nguồn học liệu, chất lượng phục vụ của thư viện [H9.09.02.01].

Nhà trường đầu tư hệ thống thư viện gồm 3 phòng, với tổng diện tích sàn 820 m², số chỗ ngồi đọc là gần 200, số máy vi tính là 06 máy. Trung tâm Thông tin - Thư viện có nguồn tài liệu đầy đủ, phong phú, gồm: 1.818 đầu sách, 45.635 bản sách; 14 loại tạp chí với 562 quyển; luận án, đồ án, khóa luận tốt nghiệp hơn 100 quyển. Từ năm 2018 đến năm 2022, Nhà trường hợp đồng với thư viện số Tailieu.vn cung cấp cho bạn đọc hơn 1.700.000 tài liệu (giáo trình, ebook, luận văn, báo cáo thực tập...) và tham khảo nguồn tài nguyên số của hơn 100 trường đại học, cao đẳng trong hệ thống liên kết thư viện số [H9.09.02.02]. Trang web của Thư viện do viên chức của Trường viết đã hỗ trợ rất nhiều cho công tác quản lý thư viện [H9.09.02.03]. Năm 2023, Nhà trường hợp đồng với Thư viện số của Nhà xuất bản Xây dựng cung cấp cho bạn đọc gần 3000 tài liệu bao gồm sách, giáo trình thuộc các lĩnh vực đào tạo của Trường [H9.09.02.04]. Ngoài ra Trường còn có hơn 100 giáo trình, bài giảng, tài liệu hướng dẫn bài tập, đồ án môn học... do giảng viên của Trường biên soạn trong những năm qua [H9.09.02.05]. Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu cung cấp cho các học phần của chương trình đào tạo [H9.09.02.06]. Nhận thức được tầm quan trọng của thư viện đối với trường đại học, năm 2021, Nhà trường được Bộ Xây dựng đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thư viện, thời gian thực hiện 2022 - 2023 với quy mô 3 tầng, diện tích xây dựng 939 m², tổng diện tích sàn gần 3000 m² với đầy đủ các trang thiết bị điện tử hiện đại, phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác thư viện, đặc biệt là thiết bị để số hóa tài liệu [H9.09.02.07]. Hiện nay Dự án này đã hoàn thành, chuẩn bị nghiệm thu đưa vào

sử dụng. Đây là bước ngoặt quan trọng để Thư viện nhà trường thay đổi về diện mạo cũng như nâng cao chất lượng phục vụ, nâng tầm Thư viện đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong giai đoạn mới [H9.09.02.08].

Thư viện đã tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành Nội quy thư viện Trường Đại học Xây dựng Miền Trung và các hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số để bạn đọc sử dụng thư viện, tiếp cận nguồn học liệu dễ dàng và hiệu quả nhất [H9.09.02.09]. Đặc biệt đối với sinh viên mới nhập học, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Trung tâm Thông tin - Thư viện tổ chức giới thiệu nguồn học liệu và hướng dẫn cách sử dụng thư viện, thư viện số [H9.09.02.10].

Để kịp thời cập nhật nguồn học liệu mới, hàng năm, Trường đã chi từ 500 đến 600 triệu đồng đầu tư mua sắm bổ sung sách, báo, bao gồm cả sách tham khảo cho sinh viên và giảng viên [H9.09.02.11]. Việc mua sắm, bổ sung giáo trình tài liệu tuân theo quy trình chặt chẽ: Nhà trường cho chủ trương, thông báo cho các khoa, trung tâm đề xuất. Trung tâm Thông tin - Thư viện thống kê nguồn học liệu do các khoa, trung tâm đề xuất, phối hợp với Phòng Kế Hoạch – Tài Chính trình Ban Giám hiệu phê duyệt để mua sắm [H9.09.02.12]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, nguồn học liệu của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng [H9.09.02.13]. Ngoài ra, hằng năm thư viện cũng nhận được nhiều đầu sách do các nhà xuất bản và bạn đọc trao tặng [H9.09.02.14]. Do đó, nguồn học liệu bổ sung kịp thời, đáp ứng được yêu cầu cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Nhờ có chủ trương đúng đắn của Ban Giám hiệu, tinh thần làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, nhiệt tình và thái độ phục vụ tôn trọng bạn đọc của nhân viên thư viện nên nguồn học liệu của thư viện ngày càng đáp ứng được yêu cầu của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, mang lại sự hài lòng cho bạn đọc. Ý kiến phản hồi của bạn đọc qua các cuộc đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với sinh viên cuối mỗi học kỳ, Hội nghị VC - NLD của Nhà trường và của đơn vị, qua phiếu đánh giá hằng năm đều đánh giá cao chất lượng nguồn học liệu của Nhà trường và thái độ phục vụ tận tình trách nhiệm của nhân viên thư viện [H9.09.02.15].

2. Điểm mạnh

- Thư viện có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, có thư viện điện tử giúp giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến mọi lúc, mọi nơi. Đặc biệt là dự án thư viện mới được xây dựng và trang thiết bị phục vụ hiện đại.

- Nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn hàng năm, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Trường.

- Thái độ phục vụ của nhân viên thư viện rất nhiệt tình, trách nhiệm tạo cho bạn đọc nhất là người học cảm giác thoải mái khi đến với thư viện.

3. Điểm tồn tại

- Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức, các NXB chưa được phát triển mạnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Hợp tác, phát triển nguồn lực thông tin.	Liên kết, hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức và các NXB	Trung tâm Thông tin - Thư viện	Thời gian hoàn thành 2024 -2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Mục tiêu đào tạo ngành Kế toán theo định hướng ứng dụng nên nhà trường luôn quan tâm đến công tác đầu tư trang thiết bị thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên trong công tác giảng dạy, NCKH và kỹ năng thực hành, kỹ năng nghề cho sinh viên khi ra trường, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng và làm việc của các đơn vị tuyển dụng.

Hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu chuyên ngành Kế toán gồm: 05 phòng học máy tính diện tích 526 m², 02 phòng LAB học ngoại ngữ diện tích 151m², 04 phòng học đa phương tiện diện tích 50m²[H9.09.03.04]. Các phòng thực hành tại Trường đáp ứng được các tiêu chuẩn thiết kế và tiêu chuẩn về phòng thực hành. Hệ thống xưởng thực hành, phòng học thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị, phần mềm ứng dụng, dụng cụ đồ dùng học tập có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập của sinh viên [H9.09.03.03].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê đối sánh các số lượng, chất lượng của đơn vị hiện có so với Nhà trường đang quản lý. Dựa trên kết quả kiểm kê, đơn vị sử dụng Khoa kinh tế & Quản lý xây dựng kết hợp Bộ phận QTTB đề xuất với Nhà trường cải tiến kế hoạch đầu tư, bảo trì cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương

tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH ngày càng hiệu quả hơn [H9.09.03.13].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị và giao nhiệm vụ cho bộ phận QTTB phối hợp với Phòng Kế Hoạch – Tài Chính đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH [H9.09.03.07]. Trong giai đoạn từ 2018-2022, qua từng năm, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng [H9.09.03.13].

Trường luôn quan tâm đến công tác quản lý, sử dụng các phòng thí nghiệm, phòng thực hành nhằm phục vụ công tác đào tạo, NCKH cho giảng viên, sinh viên, viên chức nhà trường tốt hơn, hiệu quả hơn. Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên, viên chức, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị đều đánh giá đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học [H9.09.03.06], [H9.09.03.15].

2. Điểm mạnh

Ngành Kế toán có thời gian đào tạo gần 20 năm, là một trong những ngành có bề dày của Trường. Mục tiêu đào tạo ngành theo định hướng ứng dụng nên nhà trường luôn quan tâm, ưu tiên đến công tác đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng, phòng thực hành. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó có phân công giao nhiệm vụ bộ phận QTTB phối hợp với Phòng Kế Hoạch – Tài Chính thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị).

3. Điểm tồn tại

Một số phòng thí nghiệm vẫn còn thiết bị cũ, chưa được thay thế kịp thời phục vụ công tác đào tạo. Một số thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa	Mua sắm, bổ sung thêm các trang thiết bị thí nghiệm	Khoa kinh tế & Quản lý xây dựng, Bộ phận QTTB, Phòng Kế Hoạch – Tài Chính	- Kế hoạch năm 2023 - 2024; - Kế hoạch năm 2023 - 2026

	học	cho các phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH			
2					

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Mô tả:

Hệ thống công nghệ thông tin là một tập hợp có cấu trúc các trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng để sản xuất, truyền nhận, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số phục vụ cho một hoặc nhiều hoạt động kỹ thuật, nghiệp vụ của đơn vị. Nhận thức được vai trò vô cùng quan trọng đó, trong Đề án định hướng phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định: “*Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý, ứng dụng công nghệ số và truyền thông hiện đại trong hệ thống quản lý... Tiến đến tin học hóa công tác quản lý của Trường vào năm 2020*” và được cụ thể hóa trong Kế hoạch chiến lược trung hạn từng giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 – 2020 với những quy định về việc áp dụng CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH [H9.09.04.01].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Bộ phận CNTT thuộc Phòng Quản lý đào tạo trực tiếp quản lý hạ tầng công nghệ thông tin của Trường [H9.09.04.02], giao cho Trung tâm Đào tạo nghề - Ứng dụng quản lý thiết bị phần cứng, hệ thống wifi của Trường [H9.09.04.03].

- Trường sử dụng mạng internet cáp quang, 3 đường truyền độc lập 500Mb/s và 1 đường truyền tốc độ 60 Mb/s... Hạ tầng mạng wifi hiện nay bao phủ khắp Trường. Hệ thống mạng Nhà trường do VNPT cung cấp [H9.09.04.04]. Website của trường hoạt động online 24/7/365, luôn cập nhật thông tin về các hoạt động trong Trường [H9.09.04.05].

- Về quản lý đào tạo, Nhà trường sử dụng phần mềm BSC Emis và BSC Exam quản lý các lĩnh vực đề cương chương trình, kế hoạch học tập, thi online, tuyển sinh, nhập học, đăng ký học phần, báo điểm, thu học phí, xét kết quả học tập, các dữ liệu

liên quan đến sinh viên, được xây dựng bởi Công ty CP CNTT và Viễn thông BSC [H9.09.04.06], [H9.09.04.07].

- Phòng TCKT sử dụng phần mềm kế toán MISA để quản lý tài chính và quản lý tài sản do Công ty Cổ phần MISA cung cấp [H9.09.04.08].

- Phần mềm quản lý NCKH, giờ NCKH và quản lý thư viện do viên chức của Trường viết cũng góp phần nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ ở các lĩnh vực đó [H9.09.04.09], [H9.09.04.10].

Hiện nay, Nhà trường có 320 bộ máy vi tính, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho giảng dạy, học tập là 175 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lý và điều hành là 145 bộ (130 máy tính để bàn và 15 laptop), tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Thư viện trường có 06 máy vi tính được nối mạng Internet phục vụ cho bạn đọc tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu số. Nhà trường có 04 phòng thực hành với gần 175 máy tính, có 01 phòng họp trực tuyến và 01 phòng học trực tuyến đều có đầy đủ các trang thiết bị [H9.09.04.11]. Tất cả các máy tính và phòng học trực tuyến được kết nối mạng Internet, cài đặt phần mềm tùy theo yêu cầu của các môn học, diện tích rộng rãi thoáng mát, được trang bị đầy đủ tiện nghi như máy chiếu, máy in, tivi... tạo thuận lợi cho việc giảng dạy của giảng viên cũng như việc học tập của người học. Ngoài việc phục vụ học tập, Hệ thống mạng tại các phòng thực hành có tính bảo mật cao nên được sử dụng phục vụ công tác thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần, thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan, thi cấp chứng chỉ tin học ứng dụng và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ của người học... [H9.09.04.12].

Mỗi CB/GV/NV và người học đều được cấp một tài khoản email mang tên miền của Trường (@muce.edu.vn) để truyền đạt thông tin nội bộ đến giảng viên, viên chức và người học nhanh chóng, kịp thời và chính xác [H9.09.04.13]. Tất cả thông tin, dữ liệu đều được sao lưu.

Về việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống công nghệ thông tin, Trung tâm Đào tạo nghề - Ứng dụng phân công 01 cán bộ trực tiếp xử lý kịp thời các sự cố về phần cứng, phần mềm, các mạng truyền thông và phòng họp trực tuyến [H9.09.04.14]. Phòng Quản lý đào tạo phân công 01 cán bộ phụ trách trang web của Trường và phần mềm BSC và các phần mềm khác, luôn sẵn sàng xử lý sự cố đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin của Trường luôn được thông suốt [H9.09.04.15].

Để không ngừng cải tiến chất lượng hệ thống công nghệ thông tin, hằng năm căn cứ vào thông báo của Nhà trường [H9.09.04.16], các đơn vị chức năng đề xuất nhu cầu thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập gửi về bộ phận QTTB [H9.09.04.17] để bộ phận QTTB tổng hợp thành dự thảo kế hoạch [H9.09.04.18] và trình Lãnh đạo nhà trường xem xét

quyết định [H9.09.04.19]. Công tác bảo trì, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng được thực hiện theo quy trình mua sắm vật tư và trang thiết bị đã được Lãnh đạo nhà trường phê duyệt, ban hành [H9.09.04.20].

Riêng đối với thư viện, Nhà trường được Bộ Xây dựng đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thư viện, thời gian thực hiện 2022 - 2023 với quy mô 3 tầng, diện tích xây dựng 939 m², tổng diện tích sàn gần 3000 m² với đầy đủ các trang thiết bị điện tử hiện đại, phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác thư viện, đặc biệt là thiết bị để số hóa tài liệu [H9.09.04.21]. Hiện nay Dự án này đã hoàn thành, chuẩn bị nghiệm thu đưa vào sử dụng. Đây là bước ngoặt quan trọng để Thư viện nhà trường thay đổi về diện mạo cũng như nâng cao chất lượng phục vụ, nâng tầm Thư viện đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong giai đoạn mới [H9.09.04.22].

Nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý và truyền đạt thông tin chính thống, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng quản lý một số trang mạng như sau:

- Website của khoa tiếng Việt: <http://khoakinhte.muce.edu.vn/>
- Fanpage khoa: Facebook/kinhteqlxd.muce [H9.09.04.23].

Trong giai đoạn 2018 - 2022, hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được cải thiện về cả số lượng và chất lượng [H9.09.04.24].

Nhờ có nhận thức đúng đắn và sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo nhà trường, hệ thống công nghệ thông tin của Trường luôn thông suốt và không ngừng được cải tiến, đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng. Do đó, ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học trong Hội nghị VC - NLD của Nhà trường và của đơn vị, các buổi đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với người học cuối mỗi học kỳ đều đánh giá cao chất lượng hệ thống công nghệ thông tin của Trường [H9.09.04.25].

Điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đào tạo, NCKH của Trường.

- Nhà trường xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập ở cấp trường và cấp khoa.

- Nhà trường quan tâm, chú trọng đến nhu cầu của người học và người có nhu cầu đặc biệt.

Điểm tồn tại.

- Kinh phí dành cho việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin còn hạn chế.

- Chưa khai thác được nguồn tài liệu điện tử nội sinh phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.

Kế hoạch hành động.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	Lập dự toán kinh phí nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	Ban Giám hiệu; Phòng Kế Hoạch – Tài Chính; Phòng Hành Chính - Quản Trị; Phòng QLĐT	Năm 2024 - 2026
2	Khai thác nguồn tài liệu điện tử nội sinh phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.	Đưa nguồn tài liệu điện tử nội sinh vào trang web của thư viện phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.	Trung tâm Thông tin - Thư viện	Năm 2024-2025

5. *Tự đánh giá:* Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.5: *Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.*

Mô tả.

Nhà trường giao nhiệm vụ Phòng Công tác sinh viên (Trạm Y tế trường, Ban Quản lý KTX người học) là đơn vị chịu trách nhiệm về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật [H9.09.05.01] [H9.09.05.02]. Viên chức Phòng Công tác HSSV được tham gia khóa tập huấn về cách tiếp cận, quản lý người học, nhân viên y tế được tham gia khóa tập huấn về chăm sóc sức khỏe cho người học [H9.09.05.03].

Căn cứ mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã ban hành Đề án phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung giai đoạn 2017-2021 và tầm nhìn đến năm 2030, trong đó có các nội dung về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật **[H9.09.05.04]**. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược trung hạn từng giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2010 - 2025 trong đó có nội dung quy định cụ thể về việc lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và môi trường, sức khỏe, sự an toàn và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật **[H9.09.05.05]**.

Hàng năm, trong kế hoạch xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất, Nhà trường luôn quan tâm tạo môi trường làm việc và học tập thuận lợi cho VC-NLĐ và người học, Nhà trường đã đầu tư hệ thống máy lạnh tại tất cả các phòng làm việc, phòng họp và một số phòng học lý thuyết và thực hành trong trường **[H9.09.05.07]**. Đồng thời, Nhà trường triển khai trồng cây xanh và đầu tư xây dựng sân vườn trong khuôn viên Trường **[H9.09.05.07]**. VC-NLĐ và người học của Trường đều mua thẻ bảo hiểm y tế **[H9.09.05.08]**.

Tất cả các môn học thực hành, thí nghiệm đều có buổi học nội quy, hướng dẫn an toàn lao động, an toàn thực hành. **[H9.09.03.09]**. Đối với các môn học thực hành, thí nghiệm người học đều được yêu cầu trang bị các thiết bị bảo hộ cần thiết như khăn tay, mũ nón bảo hộ, khẩu trang. Quá trình học tập còn phải bảo vệ máy móc nên yêu cầu an toàn về sức khỏe và môi trường trong môn học này phải thực hiện nghiêm ngặt hơn **[H9.09.03.10]**.

Hiện nay, Nhà trường có hàng rào cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh và Trường có bảo vệ trực 24/24h **[H9.09.05.11]**. Ngoài ra, Nhà trường có lắp đặt hệ thống camera tại các khu vực cầu thang và tại những lối đi chung **[H9.09.05.12]**.

Tại những nơi công cộng và thư viện đều có bảng cấm hút thuốc trong khuôn viên trường để mọi người dễ thấy và thực hiện **[H9.09.05.13]**. Nhà trường có đội phòng cháy chữa cháy và được tập huấn mỗi năm **[H9.09.05.14]**.

Phòng Công tác người học, Phòng Tổ chức Hành chính, bộ phận QTTB là những đơn vị chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ, quân sự địa phương; Nội quy an ninh bảo vệ trật tự của Trường, KTX; Phương án PCCC theo quy định; Phương án cải tạo cảnh quan cũng như vệ sinh khu vực Trường và KTX người học; Phương án đầu tư trang thiết bị, dụng cụ y tế cũng đã được xây dựng **[H7.07.05.15]**.

Nhà Trường định kì tổ chức kiểm tra, khám sức khỏe cho cán bộ theo quy định để đảm bảo tốt quá trình công tác. Nhà Trường còn phối hợp với tổ chức y tế cho VC-NLĐ, SV trường tham gia hiến máu nhân đạo được tổ chức hàng năm.

Trong hội nghị tổng kết năm học hàng năm, Nhà trường có tổ chức đánh giá môi trường, sức khỏe và hiệu quả hoạt động bảo vệ môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học [H9.09.05.16]. Hầu hết ý kiến của VC-NLĐ trong Hội nghị VC-NLĐ của Nhà trường và của đơn vị, ý kiến sinh viên thông qua đối thoại gặp gỡ trao đổi với sinh viên cuối mỗi học kỳ đều đánh giá hoạt động bảo vệ môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được cải tiến [H9.09.05.17].

Điểm mạnh .

- Nhà trường xác định rõ ràng các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe. Toàn thể VC-NLĐ, người học, trạm y tế, Ban quản lý KTX, giảng đường,.. đều được tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ trong công tác, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe.

- Hàng năm, các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Nhà trường được truyền đạt đến người học thông qua các buổi đối thoại giữa lãnh đạo các phòng.

Điểm tồn tại .

- Khuôn viên của trường khá rộng, mới nên hệ thống cây xanh, đường nội bộ chưa được đầu tư đồng bộ.

- Chưa có quy định riêng về công tác phục vụ người khuyết tật.

Kế hoạch hành động.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Đầu tư xây dựng khuôn viên, hệ thống đường nội bộ tạo môi trường xanh - sạch - đẹp	Đầu tư xây dựng khuôn viên, hệ thống đường nội bộ tạo môi trường xanh - sạch - đẹp	Tổ quản lý dự án, Phòng Kế Hoạch – Tài Chính	Năm 2022 - 2023
2	Quan tâm, phục vụ nhu cầu đặc thù của người khuyết tật	Ban hành quy định chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật	Phòng Công tác HSSV	Năm 2024

5. *Tự đánh giá:* Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành Kế toán, NCKH và chuyên giao công nghệ. Phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, được đầu tư trang thiết bị hiện đại; thư viện trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư nâng cấp thường xuyên; cơ sở hạ tầng và hệ thống công nghệ thông tin hiện đại; có hội trường, khu giáo dục thể chất, sân bãi,...phục vụ hoạt động thể thao, văn nghệ cho viên chức, giảng viên và sinh viên.

Nhà trường cần tiếp tục đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin, đầu tư hệ thống cây xanh, đường nội bộ tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, trong đó 4 tiêu chí đạt mức 5/7, 1 tiêu chí đạt mức 6/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản để thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một trường Đại học. Để Trường Đại học Xây dựng Miền Trung nói chung và khoa Kinh tế & QLXD nói riêng có thể trở thành địa điểm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành Kế toán cho đất nước; là trung tâm nghiên cứu khoa học có uy tín trong lĩnh vực Xây dựng; từng bước hội nhập khu vực và quốc tế thì nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng CDR của CTDH ngành Kế toán. Công tác nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học, đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, phục vụ, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan nhằm xây dựng và phát triển CTDH ngành Kế toán.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Thông tin phản hồi và nhu cầu nguồn nhân lực của các bên liên quan bao gồm: nhà sử dụng lao động, SV đang học, cựu SV, giảng viên, chuyên gia cùng chuyên ngành và cán bộ quản lý được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTDH trình độ đại học ngành Kế toán. Khoa Kinh tế & QLXD, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung với mục tiêu xây dựng và cải tiến CTDH đảm bảo từng bước hội nhập khu

vực, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp, đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, CTĐT của ngành Kế toán được rà soát, điều chỉnh theo Thông báo của Nhà trường với quy định tối đa 2 năm/lần [H10.10.01.01].

Để có căn cứ rà soát, điều chỉnh ban hành CTĐT ngành Kế toán vào năm 2019 và 2022 [H10.10.01.02], Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin ngành Kế toán từ các bên liên quan và được thực hiện theo kế hoạch cụ thể hằng năm. Khi xây dựng đề án mở ngành Kế toán, Nhà trường đã khảo sát ý kiến về nhu cầu nguồn nhân lực từ các doanh nghiệp trong cả nước, khảo sát ý kiến của các chuyên gia về CTĐT. Trong quá trình đào tạo, cuối mỗi học kỳ, mỗi năm, mỗi khoá học, Phòng Quản lý chất lượng thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H10.10.01.03]; khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ [H10.10.01.04]; khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về khoá học [H10.10.01.05]. Sau khi tốt nghiệp, Phòng Quản lý đào tạo khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [H10.10.01.06]. Trên cơ sở CDR ngoại ngữ [H10.10.01.07], CDR tin học [H10.10.01.08], tham khảo các báo cáo kết quả khảo sát từ chuyên gia/doanh nghiệp khi mới mở ngành và căn cứ vào kết quả khảo sát định kỳ của Phòng Quản lý chất lượng từ người học, kết quả khảo sát việc làm của cựu người học, Khoa Kinh tế & QLXD rà soát, điều chỉnh CTĐT và tiến hành khảo sát lấy ý kiến về CTĐT từ các bên liên quan như chuyên gia, nhà tuyển dụng, người học, cựu người học để thiết kế và phát triển CTDH tiên tiến hơn, phù hợp hơn theo xu thế phát triển của xã hội [H10.10.01.09].

Ngoài ra, vào đầu mỗi năm học Nhà trường ra thông báo yêu cầu các khoa, bộ môn rà soát CTĐT, đề cương chi tiết, phương pháp kiểm tra đánh giá, hình thức thi và kiểm tra, chuẩn bị giáo án bài giảng, nội dung đề án tốt nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.01.10], [H10.10.01.11]. Bên cạnh đó, định kỳ Khoa cùng với Nhà Trường tổ chức buổi đối thoại với sinh viên các lớp để lắng nghe ý kiến phản hồi trực tiếp từ người học, kịp thời giải quyết những yêu cầu chính đáng cho sinh viên, qua đó góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng đào tạo của Khoa và Nhà trường, xem đây là một trong những kênh thông tin quan trọng để xem xét cập nhật, chỉnh sửa các vấn đề có liên quan đến quá trình đào tạo của Nhà trường [H10.10.01.12], [H10.10.01.13].

Việc thiết kế và phát triển CTDH được Khoa Kinh tế & Quản lý Xây dựng tổ chức thực hiện có lộ trình, tuân theo qui định chung của Nhà trường. Căn cứ các quyết định, thông báo, kế hoạch, kết luận của Hiệu trưởng [H10.10.01.14] và đặc biệt là các kết quả về ý kiến phản hồi và nhu cầu các bên có liên quan do các đơn vị chức năng

của Nhà trường khảo sát, thu thập, xử lý được, Khoa tiến hành thiết kế và xây dựng CTDH ngành Kế toán theo hướng ứng dụng, có nội dung đầy đủ, CDR hợp lý, các môn học có tính hỗ trợ, khối lượng kiến thức vừa phải, đáp ứng được nhu cầu công việc được giao.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa Kinh tế & QLXD đều lấy ý kiến phản hồi của người học, đặc biệt là sinh viên năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp về CTDH. Sự phản hồi tích cực từ các sinh viên đã góp phần giúp Khoa Kinh tế & QLXD thường xuyên rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTDH ngành Kế toán theo chu kỳ không quá 2 năm/lần. Đặc biệt, Khoa Kinh tế & QLXD thường xuyên đưa sinh viên đi tham quan thực tế, tiếp cận với Doanh nghiệp để trao đổi trực tiếp về nội dung cần đào tạo và yêu cầu thực tế hành nghề của ứng viên để thường xuyên cập nhật CTDH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng khảo sát còn ít, một số ý kiến phản hồi còn mang tính hình thức, ngoài ra nhiều nhà tuyển dụng, nhất là các công ty lớn chưa thực sự quan tâm, chưa cử các bộ phận tâm huyết khi phản hồi các ý kiến đóng góp, nhằm xây dựng chương trình của Khoa Kinh tế & QLXD thuộc Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng lại qui trình, biểu mẫu khảo sát doanh nghiệp, cựu sinh viên	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì mối liên hệ với các cựu sinh viên, nhà tuyển dụng	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 4/7.**

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành Kế toán trình độ đại học tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được xây dựng từ năm 2017 để áp dụng cho khoá đầu tiên năm 2018 và đến nay

đã thiết kế và cải tiến 2 lần vào năm 2019 và 2022 [H10.10.01.02] nhằm cập nhật các kiến thức cần thiết theo yêu cầu thực tế và đảm bảo tuân thủ theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H10.10.02.01]; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học [H10.10.02.02].

Để thiết kế và phát triển CTDH ngành Kế toán, Khoa Kinh tế & Quản lý Xây dựng đã tổ chức họp để xây dựng quy trình cập nhật, cải tiến CTĐT cụ thể là: thành lập tổ soạn thảo CTDH [H10.10.02.03]; tổ chức Hội thảo lấy ý kiến để xây dựng CTDH [H10.10.02.04], thông báo tổ chức triển khai áp dụng chương trình đào tạo trình độ đại học theo định hướng ứng dụng [H10.10.02.05], chỉ đạo của Hiệu trưởng về việc rà soát, biên soạn đề cương, chương trình đào tạo định hướng ứng dụng [H10.10.02.06], Hội thảo xây dựng đề cương chi tiết học phần của CTDH [H10.10.02.07], xây dựng kế hoạch nghiệm thu và thành lập Hội đồng nghiệm thu CTDH [H10.10.02.08], [H10.10.02.09].

Năm 2021, thực hiện việc rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH hiện hành, cho thấy quy trình đang áp dụng có nhiều hạn chế, bất cập nên Nhà trường gửi Công văn lấy ý kiến góp ý dự thảo "Quy định xây dựng, cập nhật và quản lý chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHXDMT" [H10.10.02.10]. Trên cơ sở góp ý Dự thảo, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 304/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng về việc Quy định xây dựng, cập nhật và quản lý chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung [H10.10.02.11]. Theo đó, việc xây dựng, cập nhật, phát triển CTDH được thực hiện theo quy trình gồm có 16 bước [H10.10.02.12] nhằm đảm bảo mục đích phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo mới phù hợp với sứ mạng của Nhà trường, đảm bảo việc xây dựng, đánh giá, cập nhật các chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn kiểm định Việt Nam và hướng đến tiếp cận các tiêu chuẩn kiểm định trong khu vực và quốc tế, đồng thời quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trong Nhà trường trong việc quản lý, sử dụng chương trình đào tạo.

Thực hiện theo Quyết định số 304/QĐ-ĐHXDMT, Khoa Kinh tế & Quản lý Xây dựng cũng đã tiến hành rà soát để thiết kế và phát triển CTDH ngành Kế toán cho phù

hợp hơn, đáp ứng theo yêu cầu CDR. Để thực hiện quy trình, căn cứ vào kế hoạch đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa tuyển sinh 2022 của Nhà trường [H10.10.02.13], [H10.10.02.14] và Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán [H10.10.02.15], Khoa đã họp triển khai thực hiện Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp [H10.10.01.09], trên cơ sở đó xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, đồng thời đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành, chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác để hoàn thiện CTĐT ngành Kế toán năm 2022 [H10.10.02.16], [H10.10.02.17].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được khoa Kinh tế & QLXD thiết lập, đánh giá và cải tiến định kỳ tối đa 2 năm/lần theo một quy trình đã được ban hành trước. Các ý kiến hoạt động đánh giá có sự tham gia của các chuyên gia uy tín ngành Kế toán doanh nghiệp, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng. Từ đó CTDH thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Một số ý kiến của sinh viên, cựu người học, doanh nghiệp không tập trung nên Báo cáo khảo sát làm cơ sở để thiết kế và phát triển CTDH có tính chủ quan; Việc triển khai khảo sát, thu thập thông tin, tổ chức các buổi Hội thảo do Khoa thực hiện còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hàng năm, xây dựng kế hoạch và triển khai việc gặp mặt với cựu sinh viên, doanh nghiệp và các chuyên gia đầu ngành để cải tiến qui trình thiết kế và nội dung CTDH ngày càng tiên tiến, đáp	Khoa Kinh tế & QLXD phối hợp Trung tâm Truyền thông và Quan hệ	Từ năm 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		ứng được yêu cầu của xã hội.	doanh nghiệp		
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH; duy trì việc cập nhật, chỉnh sửa CTDH 2 năm/lần	Khoa Kinh tế & QLXD phối hợp P.QLĐT và P.QLCL	2 năm/lần, Từ năm 2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 4/7.**

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2016, căn cứ Quyết định ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H10.10.03.01], Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ [H10.10.03.03]; Quy định tổ chức học học cải thiện [H10.10.03.04] và Quy định tổ chức và quản lý công tác tốt nghiệp [H10.10.03.05] để tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá, xét và công nhận tốt nghiệp tại Trường ĐHXDMT. Năm 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học [H10.10.03.02], theo đó Nhà trường tiếp tục rà soát, cập nhật và ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học [H10.10.03.06] và Quy định tổ chức học lại, học cải thiện của Trường ĐHXDMT [H10.10.03.07].

Vào đầu mỗi học kỳ, Nhà trường cùng với Khoa Kinh tế & Quản lý Xây dựng và các phòng chức năng triển khai thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo học kỳ trước, triển khai các công tác cần thiết của học kỳ sau, đề nghị các khoa, bộ môn rà soát, cập nhật nội dung đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, yêu cầu giảng viên cập nhật bài giảng; đổi mới phương pháp dạy, phương pháp đánh giá để nâng cao chất lượng dạy và học [H10.10.01.10]; đề xuất hình thức thi các học phần cho phù hợp [H10.10.01.11]. Giảng viên khi lên lớp phải có bài giảng, việc biên soạn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, bài giảng và tài liệu học tập của giảng viên phải tuân theo qui định của Nhà trường [H10.10.03.08], [H10.10.03.09].

Cuối mỗi học kỳ, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của Nhà trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động đánh giá người học, phương pháp thi, kiểm tra cho tất cả các học phần [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.01.05]. Từ kết quả khảo sát người học đã giúp Khoa, bộ môn đánh giá được hiệu quả quá trình dạy học của các giảng viên, sự phù hợp phương pháp thi, kiểm tra của từng học phần, từ đó có sự hiệu chỉnh kịp thời.

Trong từng học kỳ, Khoa/bộ môn thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, góp ý giảng viên, nhất là đối với các giảng viên trẻ [H10.10.03.10]. Qua sinh hoạt chuyên môn, đã nhấn mạnh những nội dung chính của học phần cần chú trọng, phương pháp giảng dạy, đánh giá người học trên lớp sao cho phù hợp [H10.10.03.11]. Thông qua việc dự giờ trên lớp, lãnh đạo khoa, bộ môn đã đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh người học sao cho hợp lý để đảm bảo sự tương thích với CDR của học phần, góp phần đảm bảo CDR của CTĐT.

Ngoài ra, để đánh giá sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập với CDR, ngoài việc dự giờ trên lớp, thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học về phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của từng giảng viên đối với mỗi học phần, Nhà trường còn tiến hành tổ chức các buổi hội thảo để phân tích, đánh giá sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập với CDR thông qua việc phân tích kết quả học tập của người học qua từng năm học [H10.10.01.14]. Đối với công tác kiểm tra, đánh giá người học, định kỳ Khoa Kinh tế & Quản lý Xây dựng cùng với các phòng chức năng thành lập tổ thanh tra để thực hiện công tác thanh tra đề thi, đáp án; công tác chấm thi; kiểm tra giờ giấc lên lớp của giảng viên để kịp thời chấn chỉnh, phát hiện những sai sót, tồn tại nếu có, từ đó đưa ra giải pháp khắc phục [H10.10.03.12], [H10.10.03.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR.

Đồng thời, định kỳ Khoa và Bộ môn đã tổ chức rà soát, đánh giá các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học một cách kịp thời nhằm đảm bảo tương thích và phù hợp với CDR, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo..

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức các hội thảo về phương pháp giảng dạy, học tập, chia sẻ kinh nghiệm đối với GV và NH còn hạn chế, chưa được tổ chức rộng rãi và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hàng năm, Bộ môn xây dựng kế hoạch và triển khai việc tổ chức hội thảo về phương pháp giảng dạy, học tập	Bộ môn Kế toán – Tài chính	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc khảo sát lấy ý kiến NH; duy trì thanh tra việc giảng dạy, ra đề, chấm thi; Thực hiện rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH	Khoa Kinh tế & QLXD/ Phòng QLCL	Từng học kỳ, Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 4/7.**

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

NCKH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phát huy tính sáng tạo và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của CBGD là mục tiêu của Nhà trường (Điều 2- Quy định về công tác NCKH trường ĐHXDMT) [H10.10.04.01]. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường gửi thông báo đăng ký nhiệm vụ NCKH đến toàn thể GV và SV trong toàn trường [H10.10.04.02], trên cơ sở đó, Khoa Kinh tế & QLXD đã triển khai đến toàn thể GV và SV của khoa, sau đó phối hợp với Nhà trường tổ chức họp xét chọn đề tài để triển khai thực hiện [H10.10.04.03], [H10.10.04.04].

Khoa Kinh tế & QLXD tích cực tham gia hoạt động NCKH trong và ngoài trường, số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước của giảng viên trong Khoa tăng dần trong từng năm [H10.10.04.05], [H10.10.04.06], [H10.10.04.07], [H10.10.04.08], [H10.10.04.09].

Bảng 10.1: Số lượng công bố khoa học trong và ngoài nước do GV giảng dạy CTĐT ngành Kế toán thực hiện từ năm 2018-2023

TT	Tạp chí	Năm học					Tổng số
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Tạp chí quốc tế toàn trường	2	13	21	16	5	57
	Khoa KT&QLXD		1	1	1		3
2	Tạp chí trong nước	22	13	17	19	5	76
	Khoa KT&QLXD	4	2	1	6	3	16
3	Kỹ yếu hội thảo quốc tế	2	3	5	3	1	14
	Khoa KT&QLXD	0	0	0	1	0	1
4	Kỹ yếu hội thảo trong nước	0	5	0	0	9	14
	Khoa KT&QLXD	0	0	0	0	1	1

(Nguồn: Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế)

Bảng 10.1: Số lượng các đề tài NCKH các cấp do GV giảng dạy CTĐT ngành Kế toán thực hiện từ năm 2018-2023

TT	Đề tài, dự án	Năm					Tổng số
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Đề tài, dự án sự nghiệp cấp Nhà nước hoặc tương đương	2	0	1	0	0	3
	Khoa KT&QLXD						
2	Đề tài, dự án sự nghiệp cấp Bộ, Tỉnh hoặc tương đương	3	4	2	2	1	12
	Khoa KT&QLXD			1		1	2
3	Đề tài cấp cơ sở toàn trường	45	24	37	36	27	169
	Khoa KT&QLXD	7	7	9	6	6	35

(Nguồn: Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế)

Một số đề tài cấp cơ sở của GV trong khoa đã được xuất bản thành sách/giáo trình, tiêu biểu như Giáo trình Nguyên lý kế toán làm tài liệu học tập cho học phần Nguyên lý kế toán; Giáo trình Kế toán tài chính làm tài liệu học tập cho học phần Kế toán tài chính; Giáo trình Thị trường chứng khoán, Giáo trình Nguyên lý thống kê

dùng làm tài liệu học tập cho các học phần Thị trường chứng khoán, Nguyên lý thống kê [H10.10.04.10].

Trong 5 năm qua, Khoa Kinh tế & QLXD đã có những đề tài NCKH cấp Bộ Xây dựng, vừa đáp ứng nhu cầu thực tiễn gắn với phát triển của địa phương, vừa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập thực hành của SV [H10.10.04.11]. Để kết quả hoạt động nghiên cứu của giảng viên và sinh viên Khoa Kinh tế & QLXD được phổ biến rộng rãi trong và ngoài trường thì hàng năm Nhà trường đều xuất bản các bản tin thông báo Khoa học với tần suất 2 số/năm [H10.10.04.12]. Đặc biệt từ năm 2017, mỗi năm Nhà trường đều tổ chức hội nghị khoa học cấp Quốc gia để các Nhà khoa học trong nước và Quốc tế công bố những nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực Kiến trúc, Xây dựng, Kinh tế [H10.10.04.13].

2. Điểm mạnh

Giảng viên và sinh viên của khoa Kinh tế & QLXD đã tích cực tham gia NCKH, có ý thức vận dụng để cải tiến việc dạy và học, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Giảng viên khoa chưa có điều kiện thực hiện những đề tài lớn (đề tài cấp Tỉnh, Bộ), mang tính xây dựng hoặc tư vấn chính sách cho Nhà nước về lĩnh vực kế toán, để có thể huy động sự tham gia của hầu hết GV và SV trong khoa. Các GV khoa Kinh tế & QLXD chưa có nhiều các bài tham luận ở các hội thảo quốc tế (do thiếu kinh phí).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Đăng ký 01 đề tài cấp tỉnh mang tính xây dựng hoặc tư vấn chính sách cho Nhà nước về lĩnh vực kế toán - Đăng ký báo cáo tham luận cho các hội thảo quốc tế	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và phát huy việc đăng ký và thực hiện các đề tài NCKH của GV và SV đều đặn hàng năm.	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 4/7.**

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống máy tính, Wifi và các dịch vụ hỗ trợ khác,...) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH. Vì vậy, nhằm phục vụ và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho người học trong quá trình dạy học, Nhà trường đã thành lập các đơn vị chức năng, kèm theo quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị [H10.10.05.01], [H10.10.05.02], [H10.10.05.03], [H10.10.05.04], [H10.10.05.05], [H10.10.05.06], [H10.10.05.07]. Để đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, Nhà trường đã ban hành quy định khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ của Trường ĐHXDMT [H10.10.01.04]

Để đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, làm cơ sở thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ, định kỳ hàng năm Nhà trường thành lập các tổ kiểm kê tài sản để thực hiện kiểm đếm, đánh giá số lượng, chất lượng các trang thiết bị, máy móc phục vụ quá trình dạy học và NCKH tại các đơn vị [H10.10.05.08]; định kỳ hàng năm tổ chức khảo sát lấy ý kiến từ người học về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ của Trường [H10.10.01.04], định kỳ tổ chức buổi đối thoại trực tiếp giữa người học với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa, Cố vấn học tập, thông qua đó Nhà trường nắm được những tồn tại cần khắc phục hay những mặt tích cực cần tiếp tục phát huy nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động dạy học, mang đến sự hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích khác cho người học ngày càng cao [H10.10.01.12], [H10.10.01.13].

Thư viện của Nhà trường cung cấp đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt, có cả tài liệu tiếng nước ngoài và liên tục được bổ sung cập nhật đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học [H10.10.05.09]. Từ năm 2017, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển, phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường với giải pháp thư viện số [H10.10.05.10]. Từ kết quả khảo sát và phản hồi, kế hoạch cải tiến sẽ được thực hiện định kỳ vào thời gian nghỉ hè trong năm hoặc công ty đến bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ trang thiết bị tin học, máy chiếu, micro... sửa chữa kịp thời ngay khi có đề nghị từ phía Khoa và Nhà trường (ví dụ: quạt điện trên giảng đường bị hỏng, máy chiếu của các giảng đường bị mờ, hệ thống wifi, trang bị thêm sách, v.v... [H10.10.05.11], [H10.10.05.12], [H10.10.05.13].

Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm kê hàng năm để Nhà trường đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới, nhằm phục vụ dạy học. Ý kiến phản hồi của người học, giảng viên trong các đợt khảo sát hàng năm sẽ làm căn cứ để Nhà trường có tiếp tục ký Hợp đồng với các công ty, bộ phận cung cấp dịch vụ hỗ trợ hay không hoặc cần bổ sung hoạt động hỗ trợ khác. Thông qua kết quả khảo sát, Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu học tập,... nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho SV. Phòng thí nghiệm, phòng máy tính phục vụ học tập các môn tin học, thực hành đầy đủ, luôn bổ sung máy để đáp ứng nhu cầu của SV.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên theo học kỳ thông qua phiếu khảo sát và hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị.

3. Điểm tồn tại

Đối với giảng đường, việc lắp đặt chưa đầy đủ máy chiếu cố định đã gây không ít khó khăn cho GV và SV. Máy chiếu mặc dù thường xuyên sửa chữa, bổ sung mới nhưng vẫn thường xuyên thiếu hụt. Tốc độ mạng Wifi còn chậm chạp, chưa đủ mạnh để SV có thể tra cứu tài liệu ngoài giờ học. Công tác cố vấn học tập trong hỗ trợ SV học tập, hướng nghiệp mặc dù đã có nhiều cuộc họp, tập huấn nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Việc đăng ký trực tuyến về số tín chỉ học tập còn thực hiện thủ công, chưa cho SV trực tiếp đăng ký trên máy tính.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu cho Nhà trường bổ sung cơ sở vật chất như máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo chuyên môn, nhất là tài liệu tham khảo nước ngoài của các trường nổi tiếng trong khu vực và thế giới - Thực hiện việc chọn đăng ký học phần trực tuyến để thuận lợi trong 	Khoa Kinh tế & QLXD Phòng Hành chính – Quản trị, P. QLĐT (phối hợp)	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		việc đăng ký học tập của sinh viên.			
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì công tác định kỳ khảo sát ý kiến người học trong công tác hỗ trợ sinh viên học tập	Khoa Kinh tế & QLXD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 4/7.**

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Quản lý chất lượng (nay đổi tên là Phòng Quản lý chất lượng) trực thuộc Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHXDMT, ngày 31/01/2012, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo cho Nhà trường; đồng thời là đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo được quy định rõ trong Quyết định số 1082/QĐ-ĐHXDMT ngày 18/12/2023 [H10.10.06.01]. Hiện nay, phòng Quản lý chất lượng là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTĐT và thực hiện các hoạt động thanh tra, đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống từ người học, cựu người học, doanh nghiệp [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.09]. Để hoạt động có chất lượng, trong quá trình đánh giá chất lượng CTDH các ngành trong trường, phòng Quản lý chất lượng đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng câu hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng giáo dục CTDH định kỳ [H10.10.01.03], [H10.10.01.04]. Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTDH ngành Kế toán trình độ đại học, kết quả phản hồi của các bên liên quan được phân tích và sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh chuẩn đầu ra [H10.10.01.09], [H10.10.06.02].

Từ hoạt động lấy ý kiến và kết quả phản hồi của các bên liên quan (gồm người học, cựu người học, nhà tuyển dụng) như: khảo sát về CTDH, khảo sát lấy ý kiến phản

hỏi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát cựu SV về việc triển khai và đánh giá chất lượng CTDH; phương pháp dạy và học, công tác ra đề thi; khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTDH, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, cơ sở vật chất của Nhà trường; chất lượng đội ngũ GV trong đào tạo và NCKH; môi trường cảnh quan học tập; vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp,... được Nhà trường thực hiện hàng năm, nhằm đảm bảo mục tiêu tự đánh giá chất lượng CTDH, nếu có sự bất hợp lý hoặc chưa phù hợp thì các bộ phận trong trường sẽ thay đổi từ quy chế, sự phục vụ của phòng ban, cảnh quan xung quanh hay phương pháp giảng dạy của các giảng viên. Các hoạt động cải tiến trong việc gửi Phiếu khảo sát như sử dụng phương pháp truyền thông hiện đại (chẳng hạn Google form) để gia tăng số lượng phiếu khảo sát, thu hút nhiều hơn nữa các đối tượng khảo sát có thực hiện nhưng chưa đem lại hiệu quả cao.

Ngoài việc thiết lập và triển khai thực hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan, thì việc đánh giá, cải tiến cơ chế phản hồi cũng luôn được Nhà trường chú trọng:

- Định kỳ Nhà trường giao cho Phòng Quản lý chất lượng chủ trì, phối hợp với các Khoa chuyên ngành và các đơn vị chức năng khác trong Nhà trường thực hiện tổng kết đánh giá và đề xuất những bước cải tiến nhằm đáp ứng tốt cho công tác đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTDH và thực hiện các hoạt động tự đánh giá chất lượng [H10.10.06.03];

- Ban hành Quy định bảo đảm chất lượng giảng dạy và quản lý hoạt động giảng dạy của Trường ĐHXD Miền Trung [H10.10.06.04];

- Nghiên cứu thành lập đơn vị chức năng chuyên trách (Phòng Quản lý chất lượng và Trung tâm truyền thông và quan hệ doanh nghiệp) và xây dựng các chức năng, nhiệm vụ để thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin; xây dựng – đánh giá – cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm phục vụ cho các hoạt động tự đánh giá chất lượng [H10.10.06.05].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác phục vụ, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng CĐR của CTDH.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động cải tiến như sử dụng phương pháp truyền thông hiện đại để gia tăng số lượng phiếu khảo sát, thu hút nhiều hơn nữa các đối tượng khảo sát có thực hiện nhưng chưa đem lại hiệu quả cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật nội dung Phiếu khảo sát của Khoa Kinh tế & Quản lý Xây dựng Thực hiện khảo sát cựu sinh viên, doanh nghiệp thông qua mạng internet, các trang mạng xã hội như facebook, zalo,...	Trung tâm truyền thông và QHDN phối hợp Khoa Kinh tế & Quản lý Xây dựng	Từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Cải tiến biểu mẫu, quy trình thực hiện, đánh giá và thực hiện khảo sát theo chu kỳ đối với cựu SV, doanh nghiệp.	Trung tâm truyền thông và QHDN phối hợp Khoa Kinh tế & Quản lý Xây dựng	Từ năm 2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 4/7.**

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Ngành Kế toán là một trong những ngành ra đời sớm nhất với lực lượng giảng viên dồi dào nhất của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, việc nâng cao chất lượng ngành đào tạo ngành Kế toán được Nhà trường và Khoa Kinh tế & QLXD quan tâm đặc biệt. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, GV của Nhà trường và đối tác nước ngoài được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên, để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các NCKH thông qua đề tài NCKH các cấp, NCKH SV được quan tâm và được sử dụng trong cải tiến việc dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin, khoa Kinh tế & QLXD, ...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó có 06 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở Đầu

Việt Nam nói chung và khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng đang

trong quá trình phát triển, nhu cầu nhân lực của ngành Kế toán vì vậy ngày càng lớn. Ngành kế toán là một trong số các ngành đào tạo có truyền thống của Trường ĐHXĐMT kể từ khi trường đào tạo trình độ Cao đẳng đến nay và đã khẳng định được thương hiệu đối với thị trường lao động trong cả nước mà đặc biệt là khu vực phía Nam. Sinh viên ngành kế toán của Nhà trường được đào tạo bài bản và được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường. Chính vì vậy, chất lượng đầu ra của CTĐT luôn được đảm bảo.

Tiêu chí: 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hàng năm, tỷ lệ SV ngành kế toán tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV thôi học của 4 khóa gần đây được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.1: Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và sau 1 năm so với số sinh viên nhập học ngành kế toán

Khóa tuyển sinh	Số sinh viên nhập học	Tỷ lệ tốt nghiệp so với số sinh viên nhập học			Tỷ lệ sinh viên bỏ học
		Đúng hạn	Sau 1 năm	Tỷ lệ tốt nghiệp	
Khóa tuyển sinh 2018	47	26	4	55%	36%
Khóa tuyển sinh 2019	65	44	3	68%	28%

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp, bỏ học của 2 khóa đầu tiên, có thể thấy đa số SV của ngành kế toán hoàn thành CTĐT đúng thời hạn các học phần trong CTĐT, tỷ lệ SV thôi học của ngành kế toán hàng năm chiếm tỷ lệ tương đối cao (so với tổng số SV của khóa học). Nhìn chung, SV thôi học vì lý do sinh viên chưa xác định được động cơ học tập, bỏ học nhiều, dẫn đến không theo kịp chương trình dẫn đến kết quả học tập không đạt [H11.11.01.01], [H11.11.01.02], [H11.11.01.03], [H11.11.01.04].

Nhà trường và Khoa KT&QLXD luôn giám sát chặt chẽ tình hình học tập và tiến độ học tập của sinh viên thông qua các buổi họp giao ban Cán sự lớp, các buổi Đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên, qua công tác cố vấn học tập, qua các buổi họp xét kết quả học tập và xét công nhận tốt nghiệp. Cố vấn học tập của Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Với những SV thôi học, Cố vấn học tập đều có sự trao đổi để nắm

tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho các em, cũng như có những đề xuất kịp thời với Nhà trường. Các số liệu về tỉ lệ thi học, tỉ lệ tốt nghiệp được thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tổng kết khóa học và được các đơn vị chức năng trong Nhà trường thảo luận kỹ càng để tìm ra nguyên nhân cũng như đề ra những giải pháp phù hợp để giúp nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm thiểu tỉ lệ thi học trong sinh viên các khóa [H11.11.01.05], [H11.11.01.06], [H11.11.01.07], [H11.11.01.08], [H11.11.01.09].

Kết quả về tỉ lệ thi học, tỉ lệ tốt nghiệp đã được Nhà trường và Khoa KT&QLXD tổ chức đối sánh giữa các năm học, đối sánh với các Trường ĐH có đào tạo ngành kế toán để từ đó đề ra những giải pháp, chính sách giúp cải thiện tình hình, nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỉ lệ thi học trong từng năm học [H11.11.01.10], [H11.11.01.11], [H11.11.01.12], [H11.11.01.13], [H11.11.01.14], [H11.11.01.15].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống dữ liệu đầy đủ để xác lập và giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

Nhà trường có sử dụng phần mềm để quản lý thông tin tốt nghiệp của người học (phần mềm BSC);

Nhà trường có tổ chức đối sánh, phân tích kết quả tốt nghiệp của người học để phục vụ việc cải tiến chất lượng;

3. Điểm tồn tại

Hiệu quả công tác cố vấn học tập còn thấp, chưa theo sát người học để kịp thời hỗ trợ cho từng cá nhân riêng biệt.

4. Kế hoạch hành động

c	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập. Khảo sát lý do bỏ học để có giải pháp hỗ trợ kịp thời và hiệu quả.	Phòng QLCL, Khoa KT&QLXD	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các cuộc họp đối thoại và giao ban hàng tháng	BGH Phòng CTSV,	Từ năm học 2024-2025	

c	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc thành	Ghi chú
			Khoa KT&QLXD		

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 5/7.**

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2018, ngành kế toán của Nhà trường bắt đầu tuyển sinh trình độ đại học khóa đầu tiên và được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ với thời gian đào tạo được thiết kế là 4 năm [H11.11.02.01].

Thời gian đào tạo ngành Kế toán tại trường trung bình 4,5 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 4 năm. Tính đến hết năm 2023, sinh viên ngành kế toán của Trường ĐHXDMT đã tốt nghiệp được 2 khóa. Việc xác định, theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình được quy định rõ trong quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Nhà trường mà trực tiếp là phòng Quản lý Đào tạo, phòng QLCL và Khoa KT&QLXD [H11.11.02.02], [H11.11.02.03], [H11.11.02.04], [H11.11.02.05], [H11.11.02.06].

Bảng 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành kế toán

Khóa/ ngành	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)	Tổng số thời gian thực tế so với thời gian thiết kế
Khóa tuyển sinh năm 2018	4.5	4
Khóa tuyển sinh năm 2019	4.5	4

Các sinh viên tốt nghiệp chậm do nhiều nguyên nhân khác nhau có thể kể ra như sau: nợ học phần trong CTĐT nên không đủ điều kiện tốt nghiệp; chưa hoàn thành yêu cầu chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, Tin học, Chứng chỉ Quốc phòng – An ninh và một số ít là do điều kiện cá nhân nên phải bảo lưu dẫn đến tốt nghiệp chậm tiến độ.

Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch, thông báo để SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ. Việc xét kết quả học tập, xét điều kiện tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp được Nhà trường, phòng Quản lý Đào tạo, phòng QLCL, Khoa KT&QLXD tổ chức từng học kỳ và kết quả được công

bổ rộng rãi đến người học thông qua website của Khoa, của Nhà trường, thông qua giảng viên cố vấn học tập [H11.11.02.07], [H11.11.02.08]. Tại các cuộc họp xét kết quả học tập, xét điều kiện tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp, các đơn vị liên quan trong Nhà trường đã thảo luận, phân tích, xác định các nguyên nhân làm cho sinh viên có kết quả học tập không tốt, không đáp ứng tiến độ, bị cảnh báo, buộc thôi học, ... để từ đó triển khai xuống giảng viên cố vấn học tập, ban cán sự lớp và đến sinh viên để cùng nhau tìm ra các giải pháp hỗ trợ sinh viên cải thiện kết quả học tập [H11.11.02.09], [H11.11.02.10], [H11.11.02.11].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các hội nghị tổng kết năm học, trong đó có tổng kết công tác đào tạo, tại các Hội nghị này, các số liệu về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và các vấn đề khác trong đào tạo đã được các bên liên quan trong Nhà trường thảo luận, phân tích tìm ra nguyên nhân và đề ra phương hướng hoạt động trong năm học tiếp theo, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, nâng cao hiệu quả các công tác hỗ trợ sinh viên trong việc cải thiện thành tích học tập cũng như đảm bảo tiến độ đào tạo theo CTĐT [H11.11.02.12], [H11.11.02.13]. Nhà trường còn tổ chức các hội nghị tổng kết công tác cố vấn học tập mỗi năm một lần, tại các hội nghị này, các giảng viên cố vấn sẽ trình bày những vấn đề gặp phải trong việc thực hiện nhiệm vụ cố vấn, hỗ trợ sinh viên. Các bên liên quan cùng nhau thảo luận, phân tích, để từ đó đề ra các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập, hỗ trợ sinh viên. Nhà trường cũng đã biên tập và thường xuyên cập nhật Sổ tay công tác cố vấn để giúp nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập [H11.11.02.14].

Tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành kế toán được Nhà trường và Khoa KT&QLXD tổ chức đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác có đào tạo ngành này để từ đó có những điều chỉnh về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo và các hoạt động đào tạo khác cho phù hợp với xu hướng phát triển đào tạo trong nước và quốc tế [H11.11.02.15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quy định và phân công rõ ràng các đơn vị theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của sinh viên. Ban Lãnh đạo Khoa KT&QLXD, các đơn vị quản lý, giảng viên cố vấn học tập đã thực hiện tốt việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện học tập đảm bảo đúng tiến độ CTĐT, kịp thời nhắc nhở, định hướng cho các sinh viên có kết quả học tập không tốt cải thiện và nâng cao kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc nghiên cứu, đối sánh thời gian đào tạo, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học chưa được thực hiện bài bản, chưa tạo được hệ thống thông tin để các bên liên quan được theo dõi và chủ động trong việc tiếp cận.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban hành quy định về đối sánh trong hoạt động đào tạo nói chung và đào tạo ngành KTXDCTGT nói riêng;	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2024-2025
		Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, nguyên nhân bỏ học, thời gian tốt nghiệp trung bình,... để từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy vai trò công tác cố vấn học tập	Khoa KT&QLXD Giảng viên	Từ năm học 2024-2025
		Xây dựng và ban hành sổ tay công tác cố vấn học tập cho từng ngành học trong Nhà trường	Phòng CTSV, Khoa KT&QLXD	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 5/7.**

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Công tác khảo sát, theo dõi tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường do phòng CTSV chịu trách nhiệm chính, các Khoa Quản lý chuyên môn trong Nhà trường phối hợp với phòng CTSV để theo dõi tình hình có việc làm, vị trí việc làm và mức thu nhập bình quân của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhà trường cũng đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp trực thuộc phòng CTSV, với nhiệm vụ chính được giao là nắm bắt tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường, tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên, quan hệ doanh nghiệp để

nắm bắt nhu cầu việc làm của doanh nghiệp trong các lĩnh vực đào tạo, hỗ trợ sinh viên trong việc tham quan, thực tập thực tế trong quá trình đào tạo [H11.11.03.01] [H11.11.03.02].

Phòng CTSV đã phối hợp với các Khoa, phòng Quản lý Đào tạo điều tra tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại mỗi đợt phát bằng tốt nghiệp. Bên cạnh việc điều tra việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp còn có các đợt điều tra tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường ở nhiều tỉnh thành trong khu vực Nam trung bộ và Tây nguyên. Kết quả điều tra cho thấy trên 80% sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm trong vòng 6 tháng và trên 95% sinh viên tốt nghiệp trong vòng 12 tháng [H11.11.03.03], [H11.11.03.04].

Nhà trường và Khoa KT&QLXD và các giảng viên luôn quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên ngành kế toán áp dụng các kiến thức, kỹ năng vào thực tế, vì vậy SV sau khi tốt nghiệp có lợi thế cạnh tranh rất lớn so với SV cùng chuyên ngành ở các cơ sở đào tạo khác và được các đơn vị sử dụng đánh giá cao. Sinh viên ngành kế toán sau khi tốt nghiệp được tiếp nhận vào làm việc ở nhiều môi trường công việc khác nhau, với các mức thu nhập bình quân cao hơn mặt bằng thu nhập chung của xã hội [H11.11.03.05]. Cụ thể thông qua các bảng số liệu sau:

Bảng 11.3. Môi trường làm việc của sinh viên ngành kế toán sau khi tốt nghiệp

STT	Môi trường làm việc	Tỷ lệ phần trăm	
		Khóa 2018	Khóa 2019
1	Khu vực nhà nước	0%	11,30%
2	Khu vực tư nhân	100%	88,70%
3	Khu vực liên doanh/quốc tế	0%	0%
4	Tự tạo việc làm	0%	0%

Bảng 11.4. Mức thu nhập bình quân hàng tháng

STT	Mức thu nhập	Tỷ lệ phần trăm
1	Dưới 5 triệu	10%
2	Từ 5 đến 7 triệu	65%
3	Từ 7 đến 10 triệu	25%
4	Trên 10 triệu	0%

Qua bảng số liệu cho thấy, thu nhập bình quân hàng tháng của SV tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao từ trên 5 triệu – 7 triệu (48.31%). Có thể nói đây là mức thu nhập không cao, nhưng hoàn toàn phù hợp với SV mới tốt nghiệp, và phù hợp với mức thu nhập chung của thị trường lao động hiện nay.

Trên cơ sở số liệu điều tra, khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, Nhà trường, phòng CTSV đã tổ chức đối sánh với các Trường đại học khác trong cả nước có đào tạo ngành kế toán, để từ đó có báo cáo đánh giá về xu hướng nghề nghiệp trong xã hội giúp cho việc định hướng công tác đào tạo đáp ứng với nhu cầu thế giới nghề nghiệp [H11.11.03.06], [H11.11.03.07].

Phòng Quản lý đào tạo đã thực hiện tốt chức năng kết nối doanh nghiệp, tư vấn việc làm để hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm việc làm sau khi ra trường. Trung tâm thường xuyên nhận được nhiều đề nghị tuyển dụng từ các doanh nghiệp và chuyển tiếp thông tin tuyển dụng này đến sinh viên toàn trường một cách rộng rãi. Trung tâm cũng thường xuyên mời các đơn vị tuyển dụng đến tuyển dụng trực tiếp trong các đợt bảo vệ đề án tốt nghiệp trước khi sinh viên tốt nghiệp ra trường [H11.11.03.08], [H11.11.03.09].

Bên cạnh hoạt động đào tạo, Nhà trường còn mở rộng sự hợp tác với các doanh nghiệp, đối tác tuyển dụng uy tín trong lĩnh vực đào tạo, để từ đó giúp sinh viên có môi trường tham quan thực tế và tăng thêm cơ hội việc làm sau khi ra trường. Qua khảo sát, đa số các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng đánh giá cao chất lượng đào tạo của Nhà trường trong đó có ngành kế toán [H11.11.03.10], [H11.11.03.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phân công rõ ràng chức năng theo dõi tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, có điều tra khảo sát việc làm với các số liệu đáng tin cậy, để làm căn cứ cho việc xây dựng các chính sách về đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

Công tác tư vấn việc làm và quan hệ doanh nghiệp được tổ chức thường xuyên, mang lại hiệu quả trong việc hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm chưa được thực hiện bài bản và có hệ thống, để hỗ trợ thêm cho việc xác định nhu cầu đào tạo các ngành nghề trong từng thời điểm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban quy định về việc đối sánh về tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm của sinh viên sau khi ra trường	Ban Giám hiệu, Phòng Công tác sinh viên	Năm học 2024-2025	
2	Phát	Tiếp tục nâng cao hiệu	Phòng Công tác	Năm học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	huy điểm mạnh	quả công tác theo dõi, khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường	sinh viên	2024-2025	
		Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tư vấn việc làm, quan hệ doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên trong tương lai	Phòng Công tác sinh viên	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức: 5/7.**

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học trong sinh viên nói riêng được Nhà trường xác định là một trong những hoạt động chính để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Nhà trường đã ban hành Đề án phát triển Nhà trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong đó có đề ra chiến lược và giải pháp cho sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế [H11.11.04.01]. Nhà trường đã thành lập phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế (KH&HTQT) để tham mưu xây dựng chính sách và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế [H11.11.04.02]. Phòng KH&HTQT đã tham mưu cho BGH Nhà trường xây dựng và ban hành các quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên của Nhà trường, phối hợp với các đơn vị xây dựng chính sách tài chính dành cho các hoạt động khoa học, kể cả cho giảng viên và sinh viên. Cụ thể Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động khoa học công nghệ của Trường ĐHXDMT; Quy định về tài chính trong NCKH của Trường ĐHXDMT; Quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp trường của Trường ĐHXDMT; Quy định về định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KHCN có sử dụng kinh phí của Trường ĐHXDMT; Quy định tài chính NCKH Sinh viên. Có thể nói, chính sách và các quy định về nghiên cứu khoa học trong Nhà trường nói chung và đối với nghiên cứu khoa học của sinh viên nói riêng là khá hoàn chỉnh và đồng bộ làm cơ sở cho sự phát triển bền vững [H11.11.04.03], [H11.11.04.04], [H11.11.04.05].

Với một lực lượng cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, không chỉ thực hiện xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, cán bộ giảng dạy của Khoa KT&QLXD còn tham gia

ngiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu những công trình khoa học đã được đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín trong lĩnh vực xây dựng và trên Thông báo Khoa học công nghệ Nhà trường, tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu về kiến thức chuyên sâu của nghề nghiệp, các đề tài khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở,... [H11.11.04.06], [H11.11.04.07], [H11.11.04.08].

Hàng năm, Nhà trường luôn dành nguồn lực tài chính để hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học để giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã ban hành quy định về thu chi đối với hoạt động khoa học và đã tích hợp vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Trong từng năm học, Nhà trường đã ban hành quy trình về việc tổ chức đăng ký, xét chọn, triển khai, nghiệm thu đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó có các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, để đảm bảo các hoạt động khoa học đúng mục đích, đúng định hướng và việc sử dụng kinh phí dành cho hoạt động khoa học đạt hiệu quả cao nhất. Nhà trường còn có quy định thưởng cho các sinh viên/nhóm sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học được đánh giá ở mức xuất sắc, để động viên và thu hút sự tham gia nghiên cứu của sinh viên [H11.11.04.09], [H11.11.04.10], [H11.11.04.11].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các hội nghị tổng kết năm học, trong đó có hoạt động nghiên cứu khoa học. Các số liệu về nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học trong sinh viên nói riêng đã được thống kê, báo cáo và đối sánh nội bộ cũng như đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác, để các bên liên quan nắm bắt tình hình, từ đó thảo luận và đề xuất phương hướng hoạt động khoa học của Nhà trường từng bước phát triển, đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học [H11.11.04.12], [H11.11.04.13], [H11.11.04.14], [H11.11.04.15].

Bảng 11.5. Thống kê số lượng người học tham gia NCKH

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			33	
Từ 4 đến 6 đề tài			2	
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			35	

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xác lập được các loại hình nghiên cứu khoa học, có chiến lược, chính sách về nghiên cứu khoa học khá hoàn chỉnh và đồng bộ, tạo cơ sở cho sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên.

Nhà trường có quy định, quy trình và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học, có phân công đơn vị phụ trách tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Công tác đối sánh kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế chưa được tổ chức bài bản và có hệ thống.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học một cách có hệ thống để làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách về hoạt động khoa học trong thời gian tới đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học	Phòng KH&HTQT	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện chính sách và các quy định về nghiên cứu khoa học theo hướng cập nhật xu hướng phát triển trong nước và quốc tế	Phòng KH&HTQT	Từ năm học 2024-2025
		Tiếp tục nâng cấp và cải tiến quy trình tổ chức thực hiện và quản lý chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học	Phòng KH&HTQT	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Công tác khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan được Nhà trường và Khoa KT&QLXD tổ chức thường xuyên, để có cơ sở xây dựng các chính sách đảm bảo chất lượng cho các mặt hoạt động của Nhà trường. Căn cứ vào Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, BGH Nhà trường đã thành lập và phân công các đơn vị phụ trách công tác lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường. Hiện tại công tác này được giao cho phòng QLCL, phòng CTSV phụ trách. Nhà trường đã

ban hành các Quy định về việc lấy ý kiến người học về công tác phục vụ, về công tác phục vụ, về thực hành, thí nghiệm, về khóa học và về khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp [H11.11.05.01].

Hàng năm, Khoa và Nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức để lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, viên chức, giảng viên, người lao động vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới, góp ý cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Việc lấy ý kiến được tổ chức dân chủ, thẳng thắn dưới sự chủ trì của Công đoàn và BGH Nhà trường [H11.11.05.02], [H11.11.05.03].

Nhà trường đã ban hành quy định về lấy ý kiến sinh viên đang theo học do phòng QLCL phụ trách. Việc lấy ý kiến của sinh viên được tổ chức định kỳ theo học kỳ và cả năm học và trước lúc sinh viên ra trường. Ngoài ra, Nhà trường còn duy trì các cuộc họp giao ban công tác sinh viên hàng tháng và đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với sinh viên được tổ chức hàng năm do phòng CTSV phụ trách tổ chức [H11.11.05.04], [H11.11.05.05].

Việc lấy ý kiến sinh viên sau khi ra trường được giao cho phòng Quản lý đào tạo phụ trách. Nhà trường đã tổ chức nhiều đợt lấy ý kiến của sinh viên sau khi ra trường trong vòng 6 tháng ngay tại buổi lễ trao bằng tốt nghiệp và một số đợt khảo sát mở rộng trên địa bàn các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên và Khu vực phía Nam kết hợp với việc khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp, người sử dụng lao động để phục vụ cho việc xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng các chính sách đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội [H11.11.05.06], [H11.11.05.07].

Qua các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan như đã trình bày ở trên, có thể nói công tác này đã được Nhà trường rất quan tâm và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống. Các kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đã được các đơn vị trong trường tổ chức thảo luận, phân tích, đánh giá và đối sánh với kết quả khảo sát nội bộ, đối sánh với mức độ hài lòng ở các trường khác có đào tạo chung nhóm ngành kế toán, để có cơ sở xây dựng các chính sách đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Nhìn chung, mức độ hài lòng các bên liên quan trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường đều đạt trên 80% [H11.11.05.08], [H11.11.05.09], [H11.11.05.10], [H11.11.05.11].

Từ kết quả khảo sát, ý kiến thảo luận các bên liên quan, kết quả đối sánh nội bộ và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác. Các đơn vị chức năng trong Nhà trường và Khoa KT&QLXD đã tham mưu cho BGH Nhà trường cập nhật, cải tiến các chính sách về hoạt động đào tạo, về hoạt động khoa học công nghệ, về phát triển các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, tư vấn hướng nghiệp, cải tiến các công cụ đảm bảo chất lượng đào tạo... Khoa KT&QLXD đã xây dựng Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng vào năm 2018 theo yêu cầu của công việc thực tế, của nhà tuyển dụng đối với

sinh viên ngành kế toán [H11.11.05.12], [H11.11.05.13], [H11.11.05.14], [H11.11.05.15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quy định, phân công nhiệm vụ trong công tác đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan hợp lý và khoa học đáp ứng yêu cầu công tác đảm bảo chất lượng. Công tác triển khai thực hiện việc khảo sát sự hài lòng các bên liên quan được tổ chức thực hiện có hệ thống, rộng khắp trên nhiều lĩnh vực hoạt động.

3. Điểm tồn tại

Công tác đối sánh mức độ hài lòng các bên liên quan với các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện tốt công tác đối sánh mức độ hài lòng các bên liên quan để có đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ việc xây dựng, ban hành, cải tiến chính sách hướng đến đáp ứng xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng trong lĩnh vực đào tạo đại học	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về công tác khảo sát mức độ hài lòng các bên liên quan trong và ngoài trường trên nhiều lĩnh vực và nâng cao chất lượng công tác khảo sát	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Đánh giá đầu ra của SV có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá kết quả của quá trình đào tạo. Tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học được thiết lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. Phòng Quản lý Đào tạo, Khoa KT&QLXD giám sát tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học hàng năm để đánh giá và xem xét lại hoạt động đào tạo thông qua báo cáo tổng kết các năm học, báo cáo tổng kết khóa học. Thời gian thiết kế cho ngành kế toán

từ 4 năm là hợp lý. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm hoặc học tiếp cao học là khá cao. Triển vọng việc làm của SV tốt nghiệp ở mức tốt. Nhiều hoạt động khuyến khích NCKH của SV. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của SV sau 1 năm ra trường khá cao. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được thiết lập, giám sát.

Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí, trong đó cả 05 tiêu chí đạt mức 5/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai công tác tự đánh giá CTĐT ngành Kế Toán có ý nghĩa rất quan trọng. Đây là dịp để Trường Đại học Xây dựng Miền Trung nói chung và Khoa Kinh tế & Quản lý xây dựng nói riêng tự đánh giá chất lượng các hoạt động của đơn vị. Qua đó thấy được những ưu nhược điểm trong công tác quản lý, đào tạo, trong các hoạt động chuyên môn của Khoa và của các phòng ban liên quan. Từ việc đánh giá đối chiếu với các tiêu chuẩn, Trường và Khoa đã tổng hợp những ưu nhược điểm và đề xuất phương hướng hành động như sau:

3.1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Kế toán

3.1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHXDMT, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. Bên cạnh mục tiêu chung là đào tạo cử nhân Kế toán có đạo đức, chuyên môn, có năng lực thực hành nghề nghiệp kế toán, mục tiêu của CTĐT đáp ứng được các yêu cầu năng lực về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

CĐR chương trình đào tạo ngành Kế toán Trường ĐHXDMT hiện tại đảm bảo bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt. Đặc biệt, Khoa KT&QLXD chú trọng xây dựng CĐR bám sát các kiến thức và kỹ năng về hoạt động nghề nghiệp để người học sau tốt nghiệp có thể hành nghề với những vị trí cụ thể và rõ ràng như kế toán viên, kế toán tổng hợp, kế toán trưởng... mà nhu cầu xã hội đang cần.

CĐR của CTĐT ngành Kế toán được kịp thời bổ sung, điều chỉnh theo quy định của Bộ GD&ĐT, có sự tham khảo ý kiến phản hồi từ phía nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, giảng viên và các cơ sở giáo dục trong nước nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành kế toán. Ngoài ra, CĐR của CTĐT ngành kế toán được công bố công khai rộng rãi trên các kênh thông tin như website của Trường, Khoa và trong các buổi sinh hoạt lớp đầu năm học cho SV.

3.1.2. Về bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được xây dựng bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, thể hiện được sự liên hệ giữa các thông tin quan trọng về ngành Kế toán và được tích hợp những nội dung mới. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của CTĐT.

Đề cương chi tiết các học phần của ngành Kế toán được thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với CĐR, từng thời điểm cụ thể. Đã có góp ý của các nhà sử dụng lao động, các doanh nghiệp để cập nhật nhằm cải tiến.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần luôn được công khai kịp thời cho người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau như thông qua sổ tay SV, công khai trên website của Trường, của Khoa hoặc do GV cung cấp trực tiếp đến SV.

3.1.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CĐR trong CTĐT ngành Kế toán. Mọi quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ nét trong từng học phần của CTDH. Tất cả các học phần đều được thiết kế giúp đạt được CĐR của CTĐT.

Các học phần trong CTDH ngành Kế toán có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR, đồng thời cũng xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT. Ngoài ra, nội dung của các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan.

Chương trình dạy học thường xuyên được rà soát, bổ sung và đánh giá. Quá trình xây dựng, bổ sung có tham khảo chương trình từ một số trường có uy tín cùng lĩnh vực trong nước.

3.1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục của Nhà trường là: “Kiến thức – Kỹ năng – Trách nhiệm” được quán triệt đến tất cả CB, GV, SV để hiểu rõ và thực hiện.

Nhà trường đã công khai Triết lý giáo dục trên cổng thông tin điện tử, trên các vị trí trang trọng trong khuôn viên Nhà trường; Mục tiêu giáo dục của Trường và Mục tiêu đào tạo của ngành Kế toán được tuyên bố rõ ràng, phổ biến rộng rãi đến người học, giảng viên và cộng đồng, xã hội.

Bản mô tả CTĐT đã xây dựng hệ thống chiến lược dạy học đa dạng các nhóm phương pháp. Mỗi học phần sẽ linh hoạt áp dụng các phương pháp cho từng chương/mục, từng bài học.

GV giới thiệu nội dung, chương trình học phần, các phương pháp học tập, tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, nhiệm vụ của SV khi bắt đầu môn học; sử dụng các công cụ hỗ trợ khác nhau để truyền tải kiến thức, hướng dẫn kỹ năng, hướng dẫn tự học.

CTĐT của Ngành được thiết kế với cấu trúc các học phần và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần được đánh giá phù hợp, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, xử lý và truyền đạt thông tin.

Phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích sinh viên ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3.1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với người học của khoa Kinh tế & QLXD được thực hiện theo đúng quy trình, quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác. Các hình thức đánh giá đa dạng, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và chuẩn đầu ra từng học phần.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo chương trình đào tạo ngành Kế toán là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả người học của ngành Kế toán được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các môn học, giữa các chuyên ngành trong chương trình đào tạo của khoa Kinh tế & QLXD.

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn, tạo điều kiện tốt nhất cho việc học tập của người học.

Nhà trường thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của người học về chất lượng phục vụ, hỗ trợ trong quá trình học tập. Các Phòng, Khoa, Bộ môn giải quyết nhanh chóng các khiếu nại đúng theo quy định của Nhà trường để đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Ngành Kế toán thuộc Bộ môn Kế toán – Tài chính quản lý luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV để đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Kế toán cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Quy trình thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu đều rõ ràng, công khai, minh bạch, dân chủ, thống nhất với quy định của Nhà nước.

Tỷ lệ GV/người học và định mức các công việc của từng GV ngành Kế toán được đo lường, xác định rõ ràng và được giám sát bởi Bộ môn, Khoa, các đơn vị chức năng trong nhà trường làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Có các quy định về số lượng, khối lượng công việc tiêu chuẩn đối với giảng viên.

Thực hiện thi tuyển viên chức được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của luật viên chức và quy định của nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức cũng như quy định của nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và cụ thể, được phổ biến công khai, minh bạch và rộng rãi đến các đối tượng có liên quan.

Việc bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của nhà trường và quy định chung của việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Nhà nước, đảm bảo công khai và minh bạch, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực của Trường.

Năng lực của GV, NCV ngành được xây dựng rõ ràng, đầy đủ. Việc đánh giá năng lực của GV, NCV được tiến hành đa dạng, thông qua nhiều hình thức và đối tượng đánh giá từ chính bản thân GV, NCV đến Khoa, bộ môn và người học. Qua các kết quả đánh giá cho thấy, GV ngành Kế toán về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu, phục vụ tốt các hoạt động giảng dạy và NCKH của ngành.

Bộ môn Kế toán - Tài chính luôn quan tâm nhiều đến vấn đề đào tạo và bồi dưỡng giảng viên. Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên được xác định dựa trên cơ sở đánh giá năng lực giảng viên với các tiêu chí rõ ràng, công khai, thống nhất trong toàn trường. Số lượng giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đạt tỷ lệ cao. Việc đào tạo, bồi dưỡng cũng đảm bảo đúng theo định hướng phát triển chung của Khoa, Trường, các quy định liên quan đến tiêu chuẩn chức danh giảng viên đồng thời phục vụ trực tiếp cho hoạt động đào tạo ngành Kế toán.

Nhà trường đã áp dụng phương pháp quản trị theo kết quả công tác đến từng GV, qua đó có thể đánh giá và quản lý tốt đội ngũ, tạo ra động lực phấn đấu cho mỗi cán bộ, GV. Nhà trường đã áp dụng các phương pháp đánh giá linh hoạt, thành phần đánh giá đa dạng giúp cho việc đánh giá được khách quan, công bằng, tạo được động lực phấn đấu tốt cho GV và NCV trong Khoa và Nhà trường.

Việc triển khai kế hoạch KH&CN hàng năm cũng đều có hướng dẫn rõ ràng và thực hiện có nề nếp, đúng kế hoạch, đồng thời thường xuyên được kiểm tra, giám sát của Bộ môn, Khoa và Nhà trường. GV ngành Kế toán đã rất nỗ lực tham gia các hoạt động NCKH từ việc tham gia các đề tài các cấp, viết bài đăng tạp chí, biên soạn bài giảng, giáo trình xuất bản, ngân hàng câu hỏi thi, tài liệu tham khảo... đến hướng dẫn NCKH sinh viên. Các kết quả nghiệm thu đều được đánh giá tốt.

3.1.7. Về đội ngũ nhân viên

Trường đã có Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030; Văn bản Quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ về đào tạo, NCKH, và phục vụ cộng đồng. Trường đã tổ chức hội nghị CBVC lấy ý kiến về Chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2021, tầm nhìn đến năm 2030, và có Đề án vị trí việc làm cụ thể cho

đội ngũ nhân viên với hồ sơ, lý lịch, và danh sách kèm vị trí công việc phù hợp với trình độ của nhân viên rất cụ thể rõ ràng.

Nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, cũng như đội ngũ chuyên viên làm việc tại Phòng QLĐT, Phòng Quản lý chất lượng, Phòng KH&HTQT là nhân lực chung, đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để đáp ứng tốt các nhu cầu về Đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Công tác tuyển dụng của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định trong các văn bản của Nhà nước có liên quan. Các tiêu chuẩn, số lượng, vị trí tuyển dụng được quy định và công bố rõ ràng trong từng lần tổ chức tuyển dụng. Đồng thời, sau khi thi tuyển, các kết quả cũng được công bố công khai cho các ứng cử viên. Việc điều chuyển nhân viên giữa các phòng ban diễn ra nhẹ nhàng không gây xáo trộn

Trường đang có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ số lượng với cơ cấu hợp lý, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: hành chính và phục vụ đào tạo. Phần lớn nhân viên hỗ trợ đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Năng lực của đội ngũ nhân viên của Trường ĐHXDMT được xác định và được đánh giá hàng năm dựa trên Quy định chức năng, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của từng nhóm đối tượng cụ thể theo các khối hành chính, Thư viện, khoa, viện, phòng, ban và trung tâm.

Hệ thống các văn bản về quy trình, nội dung, phương pháp, công cụ với các tiêu chí rõ ràng được lượng hóa bằng điểm số, trọng số và các phát minh, sáng kiến tích cực được ban hành theo Quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Hàng năm Nhà trường có các quyết định đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ (xuất sắc, tốt, hành thành và không hoàn thành) đối với viên chức và người lao động trong toàn trường

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này. Nâng cao chất lượng đội ngũ luôn được Nhà trường quan tâm thông qua việc xác định và tổ chức các chương trình đào tạo ngắn và dài hạn. Đồng thời, nhà trường cũng dành một khoản kinh phí đáng kể cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBVC.

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, trong đó bao gồm cả khen thưởng và công nhận các sáng kiến, cải tiến và giải pháp hữu ích đã được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD thông qua hệ thống văn bản, chiến lược, quy định, quy trình cụ thể theo từng cấp từ dưới lên trên.

Các văn bản hướng dẫn triển khai cụ thể, chi tiết là công cụ, phương pháp tích cực để các phòng, ban chức năng hay trung tâm theo dõi, giám sát và đánh giá sát với thực

tiền, tạo động lực thúc đẩy đội ngũ nhân viên làm việc hiệu quả hơn trên cương vị và vị trí công tác của mình.

Đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng được thực hiện cho tất cả các cá nhân, tức là 100% nhân viên đều được đánh giá, phân loại hàng năm, có khen thưởng và nhắc nhở những trường hợp chưa đạt yêu cầu qua các văn bản, thông báo công khai và thường xuyên, đó là động lực quan trọng nâng cao chất lượng đội ngũ

3.1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, cụ thể, chi tiết phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng chi tiết, có phân công cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan;

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú,...

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được tổng kết đánh giá và cập nhật thông qua ý kiến phản hồi đầy đủ của các bên liên quan.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học tại Trường ĐHXDĐT nói chung và của Khoa KT&QLXD nói riêng được xác định rõ ràng và được thực hiện đúng với các quy định của Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT và của Trường ĐHXDĐT ban hành. Hệ thống phương pháp tuyển chọn người học khá đa dạng và linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng tuyển sinh khác nhau, giúp người học có nhiều cơ hội trúng tuyển vào các ngành đào tạo của Nhà trường nói chung và ngành Kế toán nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật trên cơ sở các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài trường và kết quả tuyển sinh hàng năm.

Nhà trường có quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên, cảnh báo học vụ. Có phân công giảng viên cố vấn để thực hiện việc theo dõi, tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện tốt khối lượng học tập và cải thiện thành tích học tập.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quản lý sinh viên, quản lý công tác cố vấn, ...tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh phục vụ việc đào tạo, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên.

Nhà trường có đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, ... Các dữ liệu này được quản lý bởi phần mềm quản lý đào tạo BSC, được chia sẻ đến các bên liên quan thông qua tài khoản cá nhân và được tích hợp lên website của Nhà trường.

Có quy định, phân công rõ ràng trách nhiệm các đơn vị trong nhà trường chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tư vấn việc làm, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của sinh viên;

Các hoạt động tư vấn học tập, tư vấn việc làm, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác được tổ chức thường xuyên, liên tục để giúp cải thiện kết quả học tập và nâng cao khả năng có việc làm của sinh viên;

Có tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm, ... để kịp thời nắm bắt thông tin từ đó ban hành các chính sách phù hợp để nâng cao hiệu quả đào tạo và hỗ trợ người học Cơ sở vật chất, cảnh quan khuôn viên và môi trường tâm lý xã hội của Trường ĐHXDMT khá đồng bộ, an toàn, thoải mái, đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo, rèn luyện kỹ năng cho sinh viên;

Công tác y tế học đường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện rất nghiêm túc.

3.1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng diện tích sử dụng 229.033 m², diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học 15.565 m². Với số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, bàn ghế, thiết bị chiếu sáng, hệ thống quạt và điều hòa đáp ứng tốt cho công tác đào tạo, NCKH,... của Trường nói chung và của khoa Kinh tế & Quản lý xây dựng nói riêng.

- Thư viện có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, có thư viện điện tử giúp giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến mọi lúc, mọi nơi. Đặc biệt là dự án thư viện mới được xây dựng và trang thiết bị phục vụ hiện đại.

- Nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn hàng năm, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Trường.

- Thái độ phục vụ của nhân viên thư viện rất nhiệt tình, trách nhiệm tạo cho bạn đọc nhất là người học cảm giác thoải mái khi đến với thư viện.

Ngành Kế toán có thời gian đào tạo gần 20 năm, là một trong những ngành có bề dày của Trường. Mục tiêu đào tạo ngành theo định hướng ứng dụng nên nhà trường luôn quan tâm, ưu tiên đến công tác đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng, thực hành. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó có phân công giao nhiệm vụ bộ phận QTTB phối hợp với Phòng Kế Hoạch – Tài Chính thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị).

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy

cập, các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đào tạo, NCKH của Trường.

- Nhà trường xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập ở cấp trường và cấp khoa.

- Nhà trường quan tâm, chú trọng đến nhu cầu của người học và người có nhu cầu đặc biệt.

Nhà trường xác định rõ ràng các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe. Toàn thể VC-NLĐ, người học, trạm y tế, Ban quản lý KTX, giảng đường,.. đều được tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ trong công tác, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe.

Hàng năm, các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Nhà trường được truyền đạt đến người học thông qua các buổi đối thoại giữa lãnh đạo các phòng.

3.1.10. Về nâng cao chất lượng

Hàng năm, Khoa Kinh tế & QLXD đều lấy ý kiến phản hồi của người học, đặc biệt là sinh viên năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp về CTDH. Sự phản hồi tích cực từ các sinh viên đã góp phần giúp Khoa Kinh tế & QLXD thường xuyên rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTDH ngành Kế toán theo chu kỳ không quá 2 năm/lần. Đặc biệt, Khoa Kinh tế & QLXD thường xuyên đưa sinh viên đi tham quan thực tế, tiếp cận với doanh nghiệp để trao đổi trực tiếp về nội dung cần đào tạo và yêu cầu thực tế hành nghề của ứng viên để thường xuyên cập nhật CTDH.

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được khoa Kinh tế & QLXD thiết lập, đánh giá và cải tiến định kỳ tối đa 2 năm/lần theo một quy trình đã được ban hành trước. Các ý kiến hoạt động đánh giá có sự tham gia của các chuyên gia uy tín ngành Kế toán doanh nghiệp, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng. Từ đó CTDH thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

Các hình thức đánh giá về thi cử được thực hiện đúng theo quy định về thi và kiểm tra kết thúc học phần và điều chỉnh theo từng năm cho phù hợp với yêu cầu mà thực tế đặt ra. Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình chặt chẽ được quy định trong quy trình thi và kiểm tra của trường. Về quy trình hướng dẫn và chấm Khoá luận tốt nghiệp cho SV năm cuối cũng được phòng Quản lý Đào tạo và khoa Kinh tế & QLXD thống nhất theo quy trình được công bố trước.

Giảng viên và sinh viên của khoa Kinh tế & QLXD đã tích cực tham gia NCKH, có ý thức vận dụng để cải tiến việc dạy và học, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên theo học kỳ thông qua phiếu khảo sát và hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị. Thông qua kết quả khảo sát, Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu học tập,... nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho SV. Phòng thí nghiệm, phòng máy tính phục vụ học tập các môn tin học, thực hành đầy đủ, luôn bổ sung máy để đáp ứng nhu cầu của SV.

3.1.11. Về kết quả đầu ra.

Nhà trường có hệ thống dữ liệu đầy đủ để xác lập và giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

Nhà trường có sử dụng phần mềm để quản lý thông tin tốt nghiệp của người học (phần mềm BSC);

Nhà trường có tổ chức đối sánh, phân tích kết quả tốt nghiệp của người học để phục vụ việc cải tiến chất lượng;

Nhà trường quy định và phân công rõ ràng các đơn vị theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của sinh viên. Ban Lãnh đạo Khoa KT&QLXD, các đơn vị quản lý, giảng viên cố vấn học tập đã thực hiện tốt việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện học tập đảm bảo đúng tiến độ CTĐT, kịp thời nhắc nhở, định hướng cho các sinh viên có kết quả học tập không tốt cải thiện và nâng cao kết quả học tập.

Nhà trường có phân công rõ ràng chức năng theo dõi tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, có điều tra khảo sát việc làm với các số liệu đáng tin cậy, để làm căn cứ cho việc xây dựng các chính sách về đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

Công tác tư vấn việc làm và quan hệ doanh nghiệp được tổ chức thường xuyên, mang lại hiệu quả trong việc hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.

Nhà trường đã xác lập được các loại hình nghiên cứu khoa học, có chiến lược, chính sách về nghiên cứu khoa học khá hoàn chỉnh và đồng bộ, tạo cơ sở cho sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên.

Nhà trường có quy định, quy trình và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học, có phân công đơn vị phụ trách tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học.

Nhà trường có hệ thống quy định, phân công nhiệm vụ trong công tác đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan hợp lý và khoa học đáp ứng yêu cầu công tác đảm bảo chất lượng. Công tác triển khai thực hiện việc khảo sát sự hài lòng các bên liên quan được tổ chức thực hiện có hệ thống, rộng khắp trên nhiều lĩnh vực hoạt động.

3.2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

3.2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Điều kiện tiếp cận thực tế, thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp còn hạn chế do đặc thù ngành nghề. Điều này có ảnh hưởng đến chất lượng thực hành, thực tập, thực tế của sinh viên. Ngoài ra, phần lớn sinh viên vào học tại trường có xuất phát điểm về năng lực ngoại ngữ và tin học thấp nên ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng và chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học.

Việc thu thập thông tin, khảo sát ý kiến các bên liên quan chưa được bao quát và đầy đủ. Lý do là vì người học sau khi tốt nghiệp có khuynh hướng hành nghề kế toán ở khắp các nơi. Ngoài ra, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học trong công việc chưa thật sự tốt như người học tốt nghiệp tại các thành phố lớn.

Việc tiếp nhận thông tin phản hồi từ phía đơn vị sử dụng lao động về CĐR của CTĐT vẫn còn khiêm tốn, chưa bao quát rộng rãi và đa dạng. Khoa KT&QLXD chưa triển khai được việc lấy ý kiến về CĐR của CTĐT ngành Kế toán dành cho SV sau mỗi năm học hoặc khoá học. Đồng thời, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Kế toán còn chưa rộng rãi đến các đơn vị sử dụng lao động trong cả nước.

3.2.2. Về bản mô tả CTĐT

Bên cạnh việc cập nhật những nội dung mới và có kế hoạch rà soát điều chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, bản mô tả CTĐT vẫn cần được triển khai và cụ thể hóa trong tất cả các đề cương học phần.

Việc tiếp nhận ý kiến từ phía nhà tuyển dụng lao động còn chậm, chưa thật sự phong phú và khách quan.

Nội dung bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần chưa thực sự nhận được nhiều ý kiến phản hồi từ cựu SV và các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động.

3.2.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và cựu SV khi xây dựng CTDH chưa được thực hiện thường xuyên.

Ý kiến góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, người học đối với các học phần nhằm đảm bảo đạt được CĐR của ngành là chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc nội dung đề cương chi tiết các học phần.

Chất lượng SV đầu vào khá thấp so với mặt bằng chung cả nước nên việc khả năng đạt được CĐR từ các khối kiến thức trong CTDH còn khá khiêm tốn so với áp lực thời gian không chế của chương trình.

3.2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc khảo sát lấy ý kiến của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên về mục tiêu giáo dục của ngành Kế toán chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp.

Sinh viên tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những sinh viên năm đầu. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

Các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học vẫn còn hạn chế.

Một số giảng viên còn ít quan tâm đến khâu tổ chức cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, ra bài tập về nhà và kiểm tra bài tập về nhà của sinh viên.

Khoa chưa khảo sát GV trong Khoa về sự hài lòng đối với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành Kế toán.

3.2.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa Kinh tế & QLXD chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của từng chuyên ngành. Chưa áp dụng mạnh mẽ những hình thức kiểm tra, thi thể hiện tư duy độc lập, phát triển tính sáng tạo tích cực của người học.

Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ chưa thể thống nhất tập trung về thời gian, nội dung giữa các lớp.

Thực hiện, tổ chức kiểm tra, đánh giá giữa kỳ chưa đồng đều giữa các học phần.

Công tác rà soát, nội dung thực hành/ bài tập lớn các môn học, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn.

Một số học thực hành tay nghề chưa phân loại mức độ dễ khó của các câu hỏi vấn đáp, chưa xây dựng được thang điểm cho từng câu hỏi.

Chưa có phần mềm quản lý học phần, đăng ký học phần nên việc giải quyết các vấn đề học vụ như rút học phần, đăng ký học phần cho sinh viên học cải thiện còn chậm.

Nhiều Cố vấn học tập chưa thật sự nắm rõ các quy định về đánh giá, phản hồi kết quả học tập cho người học.

Một số người học còn cho rằng kết quả phúc khảo chưa thực sự thỏa đáng, chưa được xem điểm chấm của bài thi.

3.2.6. *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Công tác quy hoạch đội ngũ mặc dù đã được Khoa và Nhà trường chú trọng thực hiện, tuy công tác quy hoạch chưa được thực hiện một cách hệ thống từ quy hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Nhà trường cũng chưa có những đánh giá kết quả thực hiện công tác quy hoạch cán bộ trong các giai đoạn trước để rút kinh nghiệm trong các lần xây dựng quy hoạch.

Số lượng GV có học hàm học vị TS có tăng trong 2 năm gần đây nhưng vẫn chưa đạt được mục tiêu chiến lược mà nhà trường đặt ra khi mở rộng ngành đào tạo mới.

Mặc dù Nhà trường đã có những kế hoạch, chiến lược phát triển đội ngũ, tuy nhiên Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng chưa thực sự có các chiến lược phát triển đội ngũ cho Khoa nói chung và ngành Kế toán nói riêng. Bên cạnh đó, cán bộ GV, NCV của ngành còn ít do đó còn nhiều khó khăn trong công tác nâng cao chất lượng đội ngũ.

Việc đánh giá năng lực của GV được thực hiện theo nhiều quy định khác nhau và tại các thời điểm khác nhau trong năm: giữa năm học, cuối năm học, cuối năm tài chính. Trong khi đó nhiệm vụ chính của giảng viên là giảng dạy và nghiên cứu khoa học, việc thống kê kết quả các công tác này liên quan trực tiếp đến các phòng: Quản lý Đào tạo, Quản lý chất lượng, Tổ chức – Nhân sự, Khoa học và HTQT. Tuy nhiên không có cơ sở dữ liệu chung có tính liên kết giữa các phòng ban này dẫn đến việc giảng viên mất nhiều thời gian để kê khai các thông tin cần thiết cho việc đánh giá năng lực như: số giờ giảng dạy, số giờ nghiên cứu khoa học, minh chứng các công trình nghiên cứu khoa học...

Việc xác định nhu cầu đào tạo còn mang tính thụ động nhiều, chưa có các kế hoạch phát triển đội ngũ dài hạn. Nguyên nhân chính của vấn đề này là Khoa, ngành chưa xây dựng chiến lược phát triển chi tiết, từ đó chưa xác định được nhu cầu nhân sự cho tương lai trong dài hạn. Đồng thời, do những hạn chế về ngân sách mà những hỗ trợ của Nhà trường cho các hoạt động phát triển chuyên môn chưa nhiều, Nhà trường chưa đa dạng được các hoạt động phát triển chuyên môn cho nguồn nhân lực.

Nhà trường đã áp dụng phương pháp quản trị theo kết quả công tác đến từng GV, NCV, qua đó có thể đánh giá và quản lý tốt đội ngũ, tạo ra động lực phấn đấu cho mỗi cán bộ, GV. Nhà trường đã áp dụng các phương pháp đánh giá linh hoạt, thành phần đánh giá đa dạng giúp cho việc đánh giá được khách quan, công bằng, tạo được động lực phấn đấu tốt cho GV và NCV trong Khoa và Nhà trường.

Mặc dù số lượng các hoạt động NCKH của Ngành là khá lớn, song các hoạt động NCKH của GV chưa thực sự đa dạng, chưa có nhiều đề tài nghiên cứu ở các cấp cao. Việc giám sát chất lượng để đối sánh, cải tiến chất lượng các công trình khoa học hầu như chưa được thực hiện để có đối sánh, cải tiến.

3.2.7. Về đội ngũ nhân viên

Hiện nay, về cơ bản NVHT của Nhà trường có trình độ năng lực phù hợp với vị trí việc làm. Tuy nhiên, Vẫn còn nhân viên chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là các hoạt động phục vụ cộng đồng, kết quả thu thập được phản hồi của SV cũng xuất hiện những ý kiến đánh giá về chất lượng phục vụ chưa thực sự tốt, như thái độ phục vụ của một số bộ phận, CSVC phục vụ giảng dạy, học tập còn hạn chế.

Hiện nay nhà trường vẫn còn một số bộ phận nhân sự được bổ nhiệm chưa đáp ứng được yêu cầu (chưa đạt trình độ yêu cầu) do nguồn nhân lực tại chỗ đang được bồi dưỡng, đồng thời trong một số trường hợp không có nguồn tuyển dụng.

Với nhiều vị trí công việc, việc áp dụng các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá còn chưa thực sự cụ thể, khó đo lường. Do vậy mà kết quả đánh giá ở một số bộ phận có thể còn chưa thực sự công bằng, chưa tạo được động lực phấn đấu cho người lao động và làm căn cứ cho công tác sắp xếp, điều động, luân chuyển, tuyển dụng nhân viên vào các vị trí việc làm phù hợp và hiệu quả hơn.

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đôi khi còn dàn trải, kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng còn khá khiêm tốn; Nhà trường chưa có tiêu chí ưu tiên, lựa chọn đào tạo để xây dựng đội ngũ các nhà khoa học mạnh.

Mặc dù đội ngũ nhân viên đã hoàn thành tốt công tác việc hỗ trợ về ĐT, NCKH, và PVCĐ, song nhìn chung đội ngũ nhân viên tại các phòng ban về cơ bản vẫn chưa có kế hoạch chi tiết, công việc chưa lượng hóa rõ ràng như khối giảng viên (số giờ giảng dạy, số giờ NCKH), tiến độ và thời gian thực hiện còn chưa rõ và thiếu dứt khoát, chẳng hạn chậm thống kê giờ giảng như là một vấn nạn gần đây và hiện vẫn chưa có lời giải.

3.2.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Các chính sách, quy định về tuyển sinh vẫn còn thực hiện chung trong toàn trường mà chưa hình thành hệ thống các chính sách, quy định tuyển sinh riêng đối với Khoa KT&QLXD và ngành Kế toán.

Chưa có nhiều điều tra, khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của xã hội, người học về chính sách và các quy định tuyển sinh để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cập nhật.

Chưa có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học áp dụng riêng cho ngành kế toán.

Phạm vi khảo sát và đối tượng khảo sát còn hạn chế, nội dung khảo sát còn chưa làm rõ nhu cầu của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh, tuyển chọn người học.

Việc thực hiện nhiệm vụ cố vấn học tập của một số giảng viên chưa tốt, chưa hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định công tác cố vấn;

Việc khai thác phần mềm BSC còn chưa đồng bộ, một số tính năng quản lý trong phần mềm chưa được sử dụng.

Công tác khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm, hoạt động phong trào, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác chỉ thực hiện chung mà chưa có chuyên đề riêng;

Chưa ban hành riêng quy định về hoạt động tư vấn hỗ trợ người học để quy định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động để tránh trùng lặp gây lãng phí và làm giảm hiệu quả.

Hệ thống máy móc thiết bị, một số đã cũ và hư hỏng cần được đầu tư mua sắm mới phù hợp với nhu cầu đào tạo theo định hướng ứng dụng;

Kinh phí hoạt động của các câu lạc bộ, đội nhóm về kỹ năng mềm còn hạn chế nên hoạt động cũng chưa thường xuyên.

3.2.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mặc dù cơ sở vật chất đã được nhà trường đầu tư, trang bị đầy đủ cho việc phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Tuy nhiên, việc quy hoạch khai thác, sử dụng giảng đường, phòng học còn chưa hiệu quả. Một số phòng học còn nóng vào mùa nắng và WiFi chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người học.

Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức, các NXB chưa được phát triển mạnh.

Một số phòng thí nghiệm vẫn còn thiết bị cũ, chưa được thay thế kịp thời phục vụ công tác đào tạo. Một số thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học còn chưa đầy đủ.

Kinh phí dành cho việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin còn hạn chế.

Chưa khai thác được nguồn tài liệu điện tử nội sinh phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.

Khuôn viên của trường khá rộng, mới nên hệ thống cây xanh, đường nội bộ chưa được đầu tư đồng bộ.

Chưa có quy định riêng về công tác phục vụ người khuyết tật.

3.2.10. Về nâng cao chất lượng

Số lượng khảo sát còn ít, một số ý kiến phản hồi còn mang tính hình thức, ngoài ra nhiều nhà tuyển dụng, nhất là các công ty lớn chưa thực sự quan tâm, chưa cử các bộ phận tâm huyết khi phản hồi các ý kiến đóng góp, nhằm xây dựng chương trình của Khoa Kinh tế & QLXD thuộc Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

Ý kiến của cựu người học trong thiết kế chương trình dạy học chưa được rõ nét. Sự đối sánh với các chương trình tiên tiến chưa rõ nét.

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa được đồng bộ mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV đang học là chủ yếu, chưa dựa trên các hình thức khác như lấy ý kiến đánh giá từ cựu SV, đồng nghiệp, từ Trưởng bộ môn.

Chưa sử dụng phần mềm thi và kiểm tra trong việc chọn các câu hỏi kiểm tra và thi cho khách quan, chưa được sử dụng rộng rãi, chủ yếu tập trung vào các học phần thi trắc nghiệm.

Việc tổ chức các buổi hội thảo về phương pháp giảng dạy chưa được tổ chức thường xuyên.

Giảng viên khoa chưa có điều kiện thực hiện những đề tài lớn (đề tài cấp Tỉnh, Bộ), mang tính xây dựng hoặc tư vấn chính sách cho Nhà nước về lĩnh vực kế toán, để có thể huy động sự tham gia của hầu hết giảng viên và SV trong khoa. Các giảng viên khoa Kinh tế & QLXD chưa có nhiều các bài tham luận ở các hội thảo quốc tế (do thiếu kinh phí). Hoạt động NCKH trong SV chưa thật sự nổi bật, chưa có đề tài thật sự tốt để có thể tham gia các cuộc thi NCKH cho SV cấp quốc gia.

Đối với giảng đường, việc lắp đặt chưa đầy đủ máy chiếu có định đã gây không ít khó khăn cho GV và SV. Máy chiếu mặc dù thường xuyên sửa chữa, bổ sung mới nhưng vẫn thường xuyên thiếu hụt. Tốc độ mạng Wifi còn chậm chạp, chưa đủ mạnh để SV có thể tra cứu tài liệu ngoài giờ học. Công tác cố vấn học tập trong hỗ trợ SV học tập, hướng nghiệp mặc dù đã có nhiều cuộc họp, tập huấn nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Việc đăng ký trực tuyến về số tín chỉ học tập còn thực hiện thủ công, chưa cho SV trực tiếp đăng ký trên máy tính.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác phục vụ, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng CĐR của CTDH.

3.2.11. Về kết quả đầu ra.

Nhà trường chưa có một hệ thống thông tin đầy đủ và tin cậy về lý do SV thôi học, chậm tốt nghiệp để trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh cũng như định hướng công tác cố vấn học tập, định hướng quá trình học tập cho sinh viên ngay từ những học kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo.

Việc nghiên cứu, đối sánh thời gian đào tạo, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học chưa được thực hiện bài bản, chưa tạo được hệ thống thông tin để các bên liên quan được theo dõi và chủ động trong việc tiếp cận.

Chất lượng đầu vào của sinh viên Nhà trường trong những năm gần đây chỉ ở mức trung bình, tính chủ động của sinh viên chưa cao trong khi đặc thù kiến thức ngành nghề tương đối khó nên cũng đã gây khá nhiều khó khăn, áp lực đối với sinh viên để có thể hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn.

Nhà trường chưa ban hành quy trình khảo sát, thông kê danh sách sinh viên tốt nghiệp và có việc làm.

Việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm chưa được thực hiện bài bản và có hệ thống, để hỗ trợ thêm cho việc xác định nhu cầu đào tạo các ngành nghề trong từng thời điểm.

Nguồn lực tài chính dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học sinh viên nói riêng còn hạn chế.

Công tác đối sánh kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế chưa được tổ chức bài bản và có hệ thống.

Việc phân tích, đánh giá và sử dụng kết quả khảo sát trong việc đổi mới, cải tiến các chính sách còn một số hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan do nguồn lực có hạn.

Công tác đối sánh mức độ hài lòng các bên liên quan với các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Tăng cường ký kết hợp tác với các doanh nghiệp trong việc gửi sinh viên đi tham quan, thực tập và tham gia đào tạo một số nội dung trong chương trình đào tạo. Định kỳ hàng năm, nhà trường tiếp tục thu thập ý kiến đánh giá nội dung chương trình đào tạo từ phía người học, giảng viên và nhà tuyển dụng. Đối với các công ty, tổ chức tuyển dụng sinh viên ngành Kế toán từ Trường ĐHXDĐT, Nhà trường thường xuyên giữ mối liên hệ và lắng nghe ý kiến phản hồi. Bên cạnh đó, Khoa KT&QLXD thường xuyên đăng ký kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức mới ngành kế toán để đáp ứng các yêu cầu mới về nghề nghiệp kế toán trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Qua nhận định những điểm mạnh và tồn tại, Khoa KT&QLXD xác định cần tập trung phát huy những mặt tích cực và không ngừng điều chỉnh và tăng cường cải tiến những tồn tại để việc xây dựng CDR của CTĐT ngày càng hoàn thiện và đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế - xã hội của đất nước.

Khoa KT&QLXD cần tăng cường khảo sát online, lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu SV, GV và đơn vị sử dụng lao động về CDR của CTĐT ngành Kế toán trên

hệ thống website, trang facebook của Khoa một cách đều đặn, thường xuyên và rộng rãi hơn. Trong năm học 2023 – 2024, Khoa KT&QLXD cần tăng cường hơn nữa trong việc công khai rộng rãi CDR của CTĐT ngành Kế toán bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn để SV nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức học tập và rèn luyện đúng đắn và chủ động. Đồng thời, tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung để CDR của CTĐT ngành Kế toán được cập nhật và hoàn thiện hơn.

3.3.2. Về bản mô tả CTĐT

Chỉnh sửa và cập nhật bản mô tả một số học phần còn tồn tại; Điều chỉnh, rà soát bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Triển khai lấy ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng kịp thời, nội dung góp ý phong phú, khách quan; điều chỉnh, rà soát bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong thời gian tới, Khoa KT&QLXD sẽ chú ý hơn các kênh cần công khai các nội dung về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần.

3.3.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Việc lấy ý kiến góp ý của nhà sử dụng lao động và cựu SV đối với CTDH sẽ được Khoa thực hiện định kỳ một cách đầy đủ và sâu rộng hơn từ năm học 2023-2024. Dựa trên những ý kiến đóng góp nhận được, CTDH sẽ được điều chỉnh, bổ sung,...một cách cụ thể, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo SV ngành Kế toán.

Từ năm học 2023-2024, Khoa KT&QLXD sẽ định kỳ tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần trong CTĐT, giúp cho việc đóng góp của các học phần đối với việc đạt được CDR của CTĐT tốt hơn. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục rà soát, đánh giá, cập nhật và bổ sung đề cương chi tiết cho tất cả các học phần dựa trên hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường và các ý kiến góp ý của các bên liên quan để phù hợp với xu hướng hội nhập của thị trường lao động.

Khoa KT&QLXD sẽ nghiên cứu đề xuất cấu trúc CTDH, phương pháp dạy học cùng công cụ đánh giá một cách phù hợp để khả năng đạt CDR hiệu quả nhất.

3.3.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tổ chức thường xuyên việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng cho mục tiêu giáo dục của Nhà trường cũng như của Khoa.

Đẩy mạnh việc quảng bá thông tin.

Thường xuyên nâng cấp trang web Khoa.

Cải tiến nội dung, nâng cao lượng chương trình “Open day”.

Tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho sinh viên đặc biệt là sinh viên năm đầu để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường Đại học.

Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các lớp nghiệp vụ sư phạm, tham dự các hội nghị, hội thảo về các tiếp cận trong dạy và học theo tiêu chuẩn mới, thực hành nghề nghiệp với xã hội nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tạo mối liên hệ tốt với thế giới việc làm

Tổ chức các hội nghị thảo luận về cải tiến phương pháp dạy và học từ cấp bộ môn cũng như cấp khoa chất lượng hơn.

Chú trọng tới các giảng viên về phương pháp dạy học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học: xây dựng động cơ học tập, xây dựng kế hoạch học tập, nắm vững nội dung tri thức, kiểm tra đánh giá kết quả học tập, cách nghiên cứu,...

Tổ chức khảo sát sự hài lòng đối với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành Kế toán.

Tăng cường quảng bá hình ảnh Khoa, ngành Kế toán

Tăng cao tính thực hành, theo xu hướng trường đại học ứng dụng.

Nâng cao hơn nữa việc hợp tác với các doanh nghiệp.

3.3.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Khảo sát kết quả học tập của các học phần trong từng học kỳ và so sánh các học phần với nhau để điều chỉnh đưa ra những hình thức đánh giá phù hợp nhất cho từng học phần.

Tổ chức nhiều hội thảo về các hình thức đánh giá phát triển tính sáng tạo của người học.

Các đề cương chi tiết phải đưa vào nhiều hình thức đánh giá thể hiện tư duy độc lập, sáng tạo của người học.

Lên kế hoạch thực hiện kiểm tra, đánh giá giữa kỳ thống nhất trong cùng một học phần giữa các lớp.

Xây dựng ngân hàng các đề thi giữa kỳ, phân công cán bộ hỗ trợ xem thi cùng cán bộ giảng dạy trong kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

Đánh giá chất lượng và độ khó của đề thi thông qua việc thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi của người học để kịp thời chỉnh sửa và bổ sung.

Xây dựng hệ thống câu hỏi và câu trả lời cho tất cả học phần thực hành.

Cần có phần mềm quản lý đăng ký, rút học phần, quản lý học vụ cho sinh viên

Xây dựng đội ngũ cố vấn học tập đủ năng lực, đủ số lượng để tư vấn, định hướng, hỗ trợ cho sinh viên trong khoa.

Tiếp tục cập nhật, lưu trữ và thông báo kịp thời kết quả học tập của SV, tạo điều kiện tốt nhất cho việc học tập của người học.

Công tác ra đề, coi thi, chấm thi,... cần thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc nhằm đảm bảo tính công bằng, khách quan.

Thường xuyên thực hiện công tác thanh tra giảng dạy, ra đề, chấm thi để hạn chế sai sót.

Tiếp tục công bố rõ ràng và thường xuyên về Quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên trang cá nhân của SV.

3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tổ chức thực hiện quy hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên;

Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch đội ngũ giảng viên.

Xây dựng tốt kết hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho bộ môn Kế Toán – Tài chính;

Tăng cường giám sát để đảm bảo khối lượng giảng dạy, NCKH theo quy định của giảng viên và NCV;

Xây dựng tốt kết hoạch phát triển nguồn nhân lực cho ngành;

Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chuẩn, tiêu chí lựa chọn GV, NCV ngành Kế toán;

Xây dựng tốt các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác của GV, NCV

Xây dựng các kế hoạch, phương thức đánh giá năng lực GV, NCV phù hợp

Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chuẩn, tiêu chí lựa chọn GV, NCV ngành Kế toán.

Xây dựng và hoàn thiện chiến lược/kế hoạch đào tạo dài hạn cho GV, NCV ngành Kế toán; Đa dạng hoá các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tổng thể các kết quả công tác của GV, NCV trong trường ĐHXDMT.

Xây dựng các kế hoạch, định hướng NCKH cho GV, NCV;

Thực hiện các đối sánh để đánh giá mức độ cải tiến chất lượng các hoạt động NCKH.

3.3.7. Về đội ngũ nhân viên

Nghiên cứu việc cải tiến, đánh giá chất lượng NVHT theo hình thức trực tuyến/ hòm thư góp ý; cuối mỗi học kỳ/ năm học, thông báo công khai kết quả đánh giá, xếp loại CBVC (trong đó có NVHT) cho GV, SV biết trên website của nhà trường.

Rà soát, cập nhật quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng theo yêu cầu vị trí được bổ nhiệm; Làm rõ vị trí còn thiếu, chưa phù hợp với năng lực của nhân viên trước khi điều chuyển.

Hoàn thiện các tiêu chí và hướng dẫn đánh giá chi tiết cho từng bộ phận.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trung và dài hạn; lập kế hoạch kinh phí khả thi cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường có kế hoạch bổ sung và điều chỉnh quyết định về thi đua khen thưởng phù hợp hơn, nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để các cán bộ hỗ trợ phát huy khả năng tự phấn đấu và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3.3.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Cần xây dựng hệ thống các chính sách, quy định tuyển sinh riêng đối với Khoa KT&QLXD và ngành Kế toán; Thực hiện việc điều tra, khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của xã hội, người học về chính sách và các quy định tuyển sinh đối với ngành Kế toán; - Tiếp tục rà soát, cập nhật các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, và cụ thể, chi tiết phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Rà soát xây dựng Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường để thực hiện đạt hiệu quả cao hơn; - Tiếp tục công bố công khai các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được thêm nhiều hình thức đa dạng, phong phú khác....;

Tổ chức kết nối trong công tác tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp cho học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên

Lấy ý kiến phản hồi của đối tượng người học về các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường; xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học áp dụng riêng cho ngành kế toán; xây dựng được hệ thống các tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học để hướng đến nâng cao chất lượng đầu vào; cần có kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau có nhu cầu học ngành kế toán.

Chuyên nghiệp hóa công tác cố vấn học tập để nâng cao hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn nữa cho sinh viên; tiếp tục hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu quản lý cho phần mềm BSC và khai thác phần mềm hiệu quả; tiếp tục hoàn thiện quy định về chức năng nhiệm vụ

các đơn vị trong Nhà trường; tiếp tục khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo BSC.

Cần tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động tư vấn việc làm riêng theo từng chuyên đề; cần ban hành quy định riêng về công tác tư vấn hỗ trợ người học;

Tiếp tục tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm, các hoạt động thi đua, các hoạt động phong trào để hỗ trợ sinh viên nâng cao kết quả học tập cũng như hoàn thiện các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động; tăng cường công tác khảo sát, sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát, ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để thực hiện việc cải tiến các hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm,... đáp ứng yêu cầu của người học và xã hội nghề nghiệp.

Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo theo định hướng ứng dụng ; Cần dành nguồn lực tài chính để hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ, đội nhóm kỹ năng; Tiếp tục khai thác một cách có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có trong Nhà trường để phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và rèn luyện kỹ năng ; Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác y tế học đường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.3.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Xây dựng kế hoạch sử dụng và bố trí phòng học Khu A; Sắp xếp phòng học hợp lý để giảm nóng; Liên hệ Công ty dịch vụ Viễn thông VNPT và lắp đặt hệ thống wifi.

Liên kết, hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức và các NXB.

Mua sắm, bổ sung thêm các trang thiết bị thí nghiệm cho các phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH.

Lập dự toán kinh phí nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin; Đưa nguồn tài liệu điện tử nội sinh vào trang web của thư viện phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.

Đầu tư xây dựng khuôn viên, hệ thống đường nội bộ tạo môi trường xanh - sạch - đẹp; ban hành quy định chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.3.10. Về nâng cao chất lượng

- Tiếp tục và tăng cường thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các người học, cựu sinh viên, đơn vị tuyển dụng

- Thường xuyên cập nhật, điều chỉnh và phát triển chương trình dạy học nhằm đáp ứng tốt hơn về nhu cầu xã hội; tăng cường mối liên hệ với các cựu sinh viên, nhà tuyển dụng.

- Định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan, để làm căn cứ thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến

- Đối sánh với các CTDH ngành Kế toán của trường với CTDH của các trường lớn, uy tín trong nước, kể cả trong khu vực và Quốc tế; tiếp tục cải tiến Phiếu khảo sát về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH ngành Kế toán.

- Thực hiện hiệu chỉnh bảng Khảo sát lấy ý kiến SV đánh giá giảng viên trong quá trình giảng dạy hiệu quả hơn,

- Thực hiện việc chọn đề thi ngẫu nhiên trên phần mềm chuyên dụng tổ chức thi của Nhà trường.

Tiếp tục thực hiện và điều chỉnh đề có hình thức thi và kiểm tra phù hợp với tất cả các học phần, định kỳ theo kế hoạch thực hiện thanh tra, kiểm tra bài thi kết thúc học phần, nhất là về nội dung bài thi.

- Đẩy mạnh NCKH trong SV

- Nghiên cứu thực hiện những đề tài lớn (đề tài cấp Tỉnh, Bộ), mang tính xây dựng hoặc tư vấn chính sách cho Nhà nước về lĩnh vực kế toán; tích cực tham gia viết báo và tham dự các hội thảo trong nước và Quốc tế về lĩnh vực kế toán.

- Tham mưu cho Nhà trường tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất như máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo chuyên môn, nhất là tài liệu tham khảo nước ngoài của các trường nổi tiếng trong khu vực và thế giới

- Thực hiện việc chọn đăng ký học phần trực tuyến để thuận lợi trong việc đăng ký học tập của sinh viên.

Tiếp tục phát huy công tác định kỳ khảo sát ý kiến người học trong công tác hỗ trợ sinh viên học tập;

Chưa có sự đánh giá đầy đủ, tâm huyết của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu SV về cơ sở vật chất phục vụ cho việc đào tạo. Các hoạt động cải tiến phục vụ trong đào tạo là có nhưng hiệu quả trong hoạt động đánh giá cải tiến chưa cao.

- Tiếp tục lấy phiếu khảo sát của các bên liên quan, nhất là đối với cựu SV, doanh nghiệp về hoạt động dạy và học của Trường.

- Tham mưu Nhà trường thành lập bộ phận chuyên trách trực thuộc khoa Kinh tế & QLXD thực hiện việc lấy phiếu khảo sát và xử lý, báo cáo kết quả của các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến CTDH được tốt hơn; tiếp tục cải tiến các phiếu khảo sát để đầy đủ hơn, thiết thực hơn.

3.3.11. Về kết quả đầu ra

Cần có khảo sát sinh viên và các bên liên quan về lý do thôi học và tốt nghiệp chậm; tiếp tục duy trì các cuộc họp đối thoại và giao ban hàng tháng; tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập.

Cần có quy định về đối sánh trong hoạt động đào tạo nói chung và đào tạo ngành kế toán nói riêng; Cần xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, nguyên nhân bỏ học, thời gian tốt nghiệp trung bình,... để từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Tiếp tục phát huy vai trò công tác cố vấn học tập; Xây dựng và ban hành sổ tay công tác cố vấn học tập cho từng ngành học trong Nhà trường.

Cần ban hành quy trình khảo sát, thống kê danh sách sinh viên tốt nghiệp và có việc làm; cần có quy định về việc đối sánh về tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm của sinh viên sau khi ra trường; Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường; Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tư vấn việc làm, quan hệ doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên trong tương lai.

Đầu tư nguồn lực tài chính để phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển cả về chất lượng và số lượng nghiên cứu; Thực hiện đối sánh kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học một cách có hệ thống để làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách về hoạt động khoa học trong thời gian tới đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học; Tiếp tục hoàn thiện chính sách và các quy định về nghiên cứu khoa học theo hướng cập nhật xu hướng phát triển trong nước và quốc tế; Tiếp tục nâng cấp và cải tiến quy trình tổ chức thực hiện và quản lý chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học.

Tăng cường nguồn lực để thực hiện việc cải tiến chính sách trong các hoạt động của Nhà trường đáp ứng theo yêu cầu của các bên liên quan; Thực hiện tốt công tác đối sánh mức độ hài lòng các bên liên quan để có đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ việc xây dựng, ban hành, cải tiến chính sách hướng đến đáp ứng xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng trong lĩnh vực đào tạo đại học; Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về công tác khảo sát mức độ hài lòng các bên liên quan trong và ngoài trường trên nhiều lĩnh vực và nâng cao chất lượng công tác khảo sát.

3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Mã: XDT

Tên CTĐT: Kế Toán

Mã CTĐT: 7340301

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4,0	5	100
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,6	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6					5					

Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>										
Tiêu chí 7.1					5			4,8	5	100
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								5,20	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3						6				
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								5,20	5	100
Tiêu chí 9.1						6				
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4,0	6	100
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,48	50	100,00

Phú Yên, ngày 23 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Giai đoạn: 31/3/2019 đến 31/3/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung
 - Tiếng Anh: Mientrung University of Civil Engineering
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHXDMT
 - Tiếng Anh: MUCE
3. Tên trước đây:
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Xây dựng
5. Địa chỉ
 - Khu A: 24 Nguyễn Du, Phường 7, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
 - Khu B: 195 đường Hà Huy Tập, Bình Kiến, Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.
 - Phân hiệu Đà Nẵng: 544b Nguyễn Lương Bằng, Q.Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (0257)3823371 Số fax: (0257)3822628
7. E-mail: truongdaihocxaydungmientrung@muce.edu.vn
Website: <http://www.muce.edu.vn>
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2011
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I của CTĐT: 2018
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2022
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập Bán công Dân lập Tư thục
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ) Không có

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng
 - Tiếng Anh: Faculty of Economics and Construction Management
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: KKT&QLXD
 - Tiếng Anh: FECM
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Kinh tế
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Kế toán
 - Tiếng Anh: Accounting
16. Mã CTĐT: 7040301

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 5 nhà Hiệu bộ, số 195 Hà Huy Tập, Bình Kiến, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

19. Số điện thoại liên hệ:

20. E-mail: khoakinhtevaquanlyxaydung@muce.edu.vn

Website: <http://khoakinhte.muce.edu.vn>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): Năm 2001: Bộ môn Kinh tế; Năm 2003: Khoa Kinh tế; Năm 2018: Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng.

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): Năm 2018

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): Năm 2022

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng được hình thành và phát triển trên cơ sở Tổ môn Kinh tế thuộc Trường Trung học Xây dựng số 6 với số lượng giáo viên ban đầu là 3 người. Năm 2001 Trường Cao đẳng Xây dựng số 3 được thành lập theo quyết định số 3069/QĐ – BGD&ĐT – TCCĐ ngày 23/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổ môn Kinh tế được đổi tên thành Bộ môn Kinh tế. Năm 2003 Khoa Kinh tế được thành lập trên cơ sở Bộ môn Kinh tế. Năm 2018, Khoa Kinh tế được đổi tên thành Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng theo Quyết định số: 294/QĐ-ĐHXDĐT, Ngày 15/6/2018, của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng - Trường Đại học Xây dựng Miền Trung không ngừng lớn mạnh và trưởng thành. Nhân sự hiện nay của Khoa có tổng cộng 22 người, trong đó có 21 giảng viên cơ hữu và 01 cán bộ hành chính (Thư ký khoa). Bộ máy tổ chức Khoa gồm Ban lãnh đạo Khoa và 03 Bộ môn trực thuộc. Bên cạnh cơ cấu tổ chức về mặt chính quyền, Khoa có 01 Chi bộ Đảng, 01 tổ Công đoàn bộ phận.

Trong giai đoạn đầu đào tạo trình độ đại học, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa chưa thể đảm nhận công tác giảng dạy tất cả các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành do Khoa quản lý. Tuy nhiên, đến nay đội ngũ giảng viên của Khoa hoàn toàn có thể nghiên cứu và giảng dạy hầu hết các học phần thuộc khối kiến thức ngành Kế toán. Trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên, viên chức trong Khoa không ngừng được nâng cao, tổng số viên chức của Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng là 22 người, trong đó có 01 Phó giáo sư, 06 tiến sĩ, 02 nghiên cứu sinh tiến sĩ, 12 thạc sĩ và 01 cử nhân. Ngoài ra, tuổi đời trung bình hiện nay của đội ngũ giảng

viên Khoa là 41,9 tuổi, đây là độ tuổi đảm bảo về kinh nghiệm nghề nghiệp và sức khỏe để công tác.

Với mục tiêu đào tạo cán bộ quản lý thuộc lĩnh vực quản lý, kinh tế có trình độ cao cho khu vực cũng như cả nước, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng không ngừng nỗ lực và phát triển. Trong quá trình hoạt động, Khoa luôn luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Nhà trường. Bên cạnh đó, tập thể giảng viên của Khoa đều yêu nghề, nhiệt tình công tác, có tinh thần tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Phần lớn giảng viên của Khoa có trình độ chuyên môn sâu, khả năng nghiên cứu khoa học tốt. Một số kết quả nổi bật các hoạt động của Khoa trong thời gian bắt đầu đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán đến nay như sau:

- Về quy mô tuyển sinh hằng năm:

Năm	2018- 2019	2019- 2020	2020-2021		2021- 2022	2022- 2023	2023-2024	
	CQ	CQ	CQ	VHVL	CQ	CQ	CQ	VHVL
Sinh viên	47	65	81	52	55	70	48	22

- Số lượng đã tốt nghiệp cử nhân ngành Kế toán: 120 sinh viên (Hệ chính quy: 72 sinh viên; Hệ không chính quy: 48 sinh viên).

- Về nghiên cứu khoa học: Hàng năm giảng viên Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Kết quả nghiên cứu mang lại hiệu quả tốt trong công tác giảng dạy và học tập, công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Đặc biệt, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng đã triển khai biên soạn hầu hết tài liệu giảng dạy các học phần do Khoa quản lý. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã từng bước xây dựng các ngân hàng câu hỏi thi cho các học phần nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

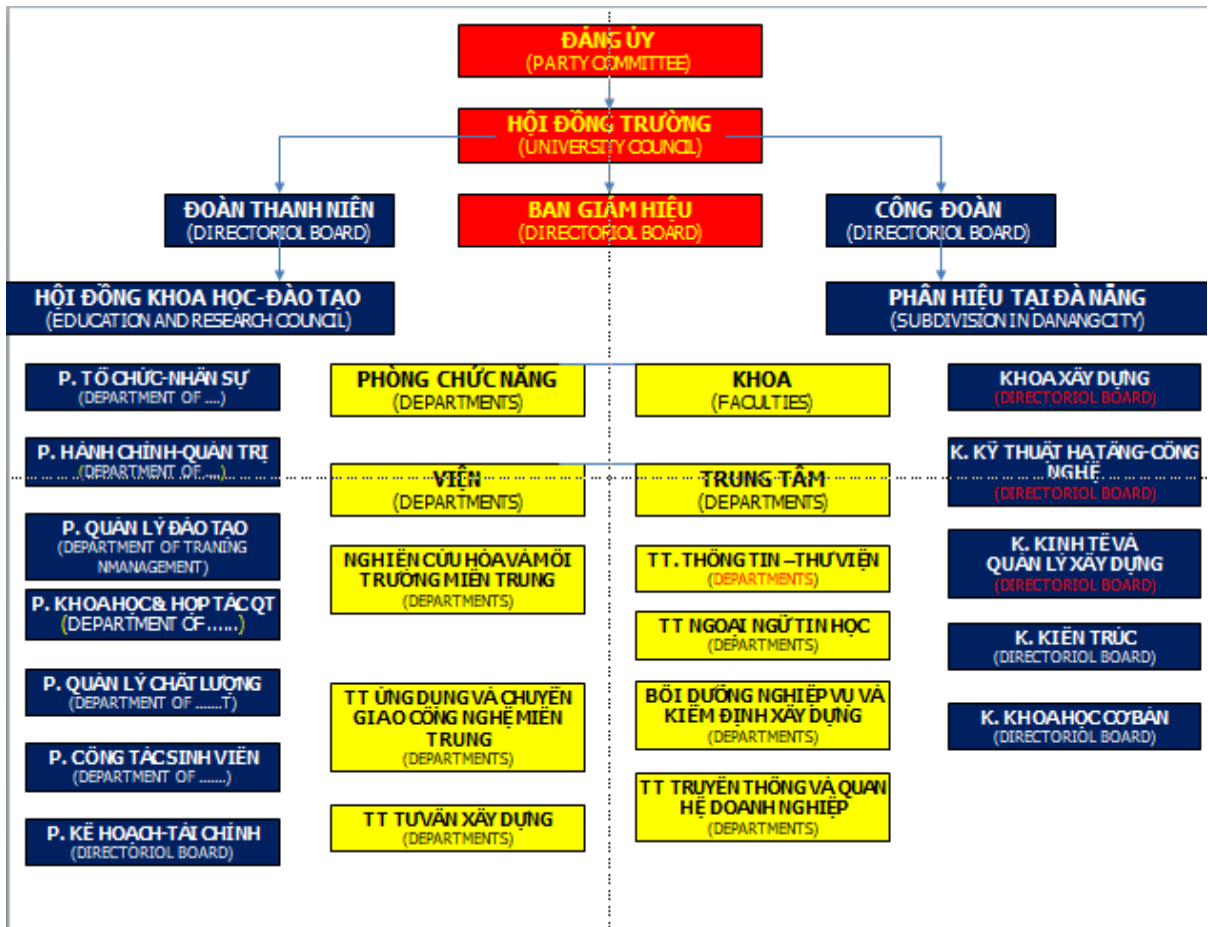
- Song song với công tác nghiên cứu, giảng dạy, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng còn chủ động kết nối với các doanh nghiệp trên địa bàn và các tỉnh lân cận nhằm tranh thủ sự hợp tác và hỗ trợ sinh viên trong công tác tiếp cận kiến thức ngành nghề, thực tập.

- Hàng năm, Khoa tổ chức một số hoạt động chuyên môn và hoạt động ngoại khoá để phục vụ người học. Một số chương trình thường niên như: Chương trình Teambuilding “Sắc màu kinh tế”; Giải bóng đá truyền thống Nam - Nữ Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng; Chương trình Rung chuông vàng; Chương trình thi cắm hoa chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày 20/11; Chương trình Giao lưu kết nối doanh nghiệp...

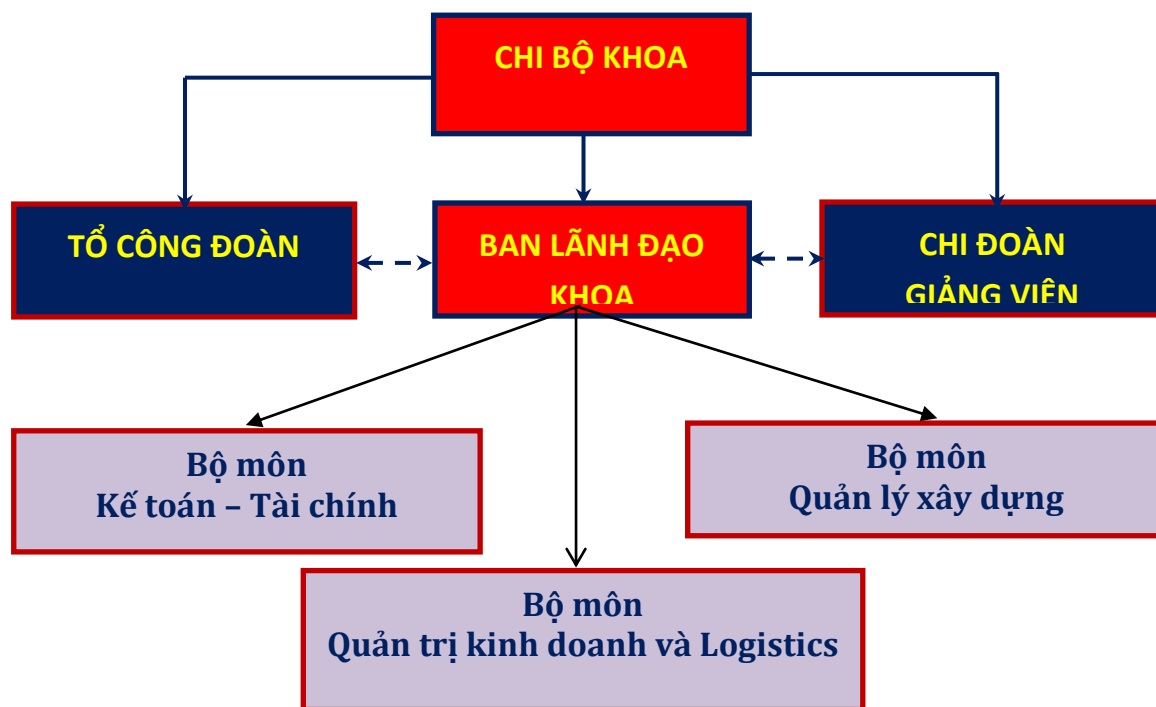
- Với sự nỗ lực và quyết tâm cao, tập thể Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng và một số cá nhân tiêu biểu được Bộ Xây dựng tặng bằng khen và công nhận tập thể lao động xuất sắc. Cụ thể: Bộ trưởng Bộ Xây dựng tặng Bằng khen Tập thể Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng: năm 2016, 2018, 2021; Bộ trưởng Bộ Xây dựng tặng Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc: năm 2019, 2021, 2022; 01 giảng viên được Bộ Xây dựng tặng bằng khen năm 2021 và 01 giảng viên năm 2023.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.

Về cơ cấu tổ chức: Hiện nay, Nhà trường có 07 phòng, 05 khoa, 01 viện, 06 trung tâm trực thuộc và 01 phân hiệu tại thành phố Đà Nẵng.



Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT. (Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo Nhà trường						
1	Hiệu trưởng	Phan Văn Huệ	1976	Tiến sĩ	0914058937	phanvanhue@muce.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Lê Đức Thương	1980	Tiến sĩ	0776550079	leducthuong@muce.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1	Trưởng khoa	Nguyễn Thị Kim Trọng	1971	Tiến sĩ	0931961966	nguyenthikimtrong@muce.edu.vn
2	Phó trưởng khoa	Vương Thị Thuỳ Dương	1989	Tiến sĩ	0796788268	vuongthithuyduong@muce.edu.vn
3	Phó trưởng khoa	Trần Thị Nguyên Thảo	1985	Thạc sĩ	0988532132	tranthinguyenthao@muce.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Bí thư Chi bộ	Vương Thị Thuỳ Dương	1989	Tiến sĩ	0796788268	vuongthithuyduong@muce.edu.vn

2	Phó Bí thư Chi bộ	Trần Thị Nguyên Thảo	1985	Thạc sỹ	0988532132	tranthinguyenthao@muce.edu.vn
3	Tổ trưởng công đoàn	Trịnh Văn Cần	1985	Thạc sỹ	0915260040	trinhvancan@muce.edu.vn
III. Các thư ký và trợ lý giáo vụ						
1	Thư ký khoa	Lê Thị Ngọc Thảo	1984	Cử nhân	0935693787	lethingoethao@muce.edu.vn
3	Trợ lý khoa	Trịnh Văn Cần	1985	Thạc sỹ	0915260040	trinhvancan@muce.edu.vn
4	Trợ lý khoa	Nguyễn Thị Cúc	1988	Thạc sỹ	0984938384	nguyenthicuc@muce.edu.vn
IV. Các bộ môn						
1	Quản lý xây dựng	Vương Thị Thuỳ Dương	1989	Tiến sĩ	0796788268	vuongthithuyduong@muce.edu.vn
2	Kế toán – Tài chính	Nguyễn Thị Kim Trọng	1971	Tiến sĩ	0931961966	nguyenthikimtrong@muce.edu.vn
3	Quản trị kinh doanh và Logistics	Đoàn Thị Nhiệm	1978	Tiến sĩ	0931151009	Doanthinhien@muce.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sỹ: Không

Số lượng ngành đào tạo đại học: 7 ngành

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): không

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 07

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	07	15	22
I.1	Cán bộ trong biên chế	06	14	20
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	01	01	02
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			
	Tổng số	07	15	22

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	01		01			

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	06	06				
5	Thạc sĩ	14	11		03		
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	21	17	01	03		

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 21 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 95,45% (21/22 người)

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đổi với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0	01		01				0,3

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	06	06					12,0
5	Thạc sĩ	1	14	11		03			11,9
6	Đại học	0,5							
	Tổng		21	17	01	03			24,2

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	01			01					01
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	06			05		02	03	01	
5	Thạc sĩ	14		06	08		10	04		
6	Đại học									
	Tổng	21		06	14		12	07	01	01

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41,9 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 33,34% (07/21 người)

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 66,66% (14/21 người)

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	9,5%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	9,5%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	33,3%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	47,7%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	139	100	1.4	47	13/18	15.1/22.23	0
2019-2020	189	144	1.3	65	13/18	16.22/22.54	0
2020-2021	200	165	1.2	81	15/18	18.9/22.68	0
2021-2022	228	179	1.27	55	15/18	19.05/23.52	1
2022-2023	231	136	1.70	70	15/18	20.03/23.31	0
2023-2024	138	77	1.8	48	15/18	18.5/23.75	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh					

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học	47	112	245	241	275
Trong đó:					
Hệ chính quy	47	112	193	228	246
Hệ không chính quy			52	13	29
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	02			01	01
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	1248	1248	1248	1248	1248
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký	13	11	7	15	21

túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	13	11	7	15	21
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4	4	4	5.4	5.4

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	00	00	05	08	03
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên			2,26%	3,04%	2,99%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	0	0	0	59	59
Trong đó:					
Hệ chính quy				20	52
Hệ không chính quy				39	07
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).				20/47	52/65
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).				42,55%	80%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).				100%	95,59%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).				0%	1,47%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
nghệ nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				0%	2,94%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.				70,59% 5,56%	90% 0%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).				23,53%	10%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.				Từ 5-7 triệu	Từ 5-7 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).				80%	75%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).				17%	20%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).				3%	5%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5			1		3	6.0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	2	1	5	4	4	16
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	8	10	6	4	8	18
	Tổng		8	11	12	8	15	40

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						

2	Đề tài cấp Bộ*	1,0						
3	Đề tài cấp trường	0,5	7	9	6	5	6	16,5
4	Tổng		7	9	6	5	6	16,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: **16,5**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: Tổng số đề tài quy đổi /số cán bộ cơ hữu của Khoa = $16,5 / 21 = 0,78$

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019			
2	2020			
3	2021			
4	2022			
5	2023			

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			33	
Từ 4 đến 6 đề tài			2	
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia			33	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0					1	2,0
2	Sách giáo trình	1,5		1		2	2	7,5
3	Sách tham khảo	1,0						0
4	Sách hướng dẫn	0,5						0
	Tổng		0	1	0	2	3	7,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 7,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Tổng số sách (quy đổi)/ số cán bộ cơ hữu của Khoa: $7,5/21 = 0,36$

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	3	7	3	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	3	7	3	

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5			1		3	6.0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	2	1	5	4	4	16
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	8	10	6	4	8	18
	Tổng		8	11	12	8	15	40

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 40

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi)/ số cán bộ cơ hữu của Khoa = $40/21 = 1.9$

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	4	11
Từ 6 đến 10 bài báo		1	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	4	5	11

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0					1	1
2	Hội thảo trong nước	0,5					1	0.5
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
	Tổng						2	1.5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 1.5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Tổng số bài báo cáo (quy đổi)/ số cán bộ cơ hữu của Khoa = $1.5/21 = 0.07$

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	1	1	
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	1	1	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			16	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			16	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thông kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu	Số lượng
----	-----------------------	----------

	khoa học	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: 180.060 m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 363 m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc : 10.515 m²

- Nơi học : 20.230 m²

- Nơi vui chơi giải trí : 36.878 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 9.611 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7,25 m²/ 1 SV

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 445 đầu sách; 13.366 bản.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT:

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 8

- Dùng cho người học học tập: 230

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,17 máy/người học

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên: Khoa Kinh tế & QLXD

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 21 người

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 95,45% (21/22 người).

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 33,34% (7/21 người)

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 66,66% (14/21 người)

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy (người): 246 SV

- Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 246 /21 = 11,7%

- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 72/112 = 64,3%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 95,59%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 1,47%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Theo báo cáo khảo sát việc làm SVTN. Năm 2023, SVTN của Nhà trường ở đại học chuyên ngành Kế toán có việc làm sau 01 năm đạt 95,38%

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Theo báo cáo khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp. Năm 2023, sinh viên tốt nghiệp bậc đại học, chuyên ngành Kế toán có việc làm đúng ngành đào tạo đạt 90%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,78 (Mục 42)

Tỷ số doanh thu từ NCKH, chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: Không có (Mục 43)

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,36 (Mục 45)

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,9 (Mục 47)

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,07 (Mục 49)

7. Cơ sở vật chất: Phòng Hành chính – Quản trị viết.

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,17 (Mục 58)

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7,25 (Mục 56)

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 5,4

